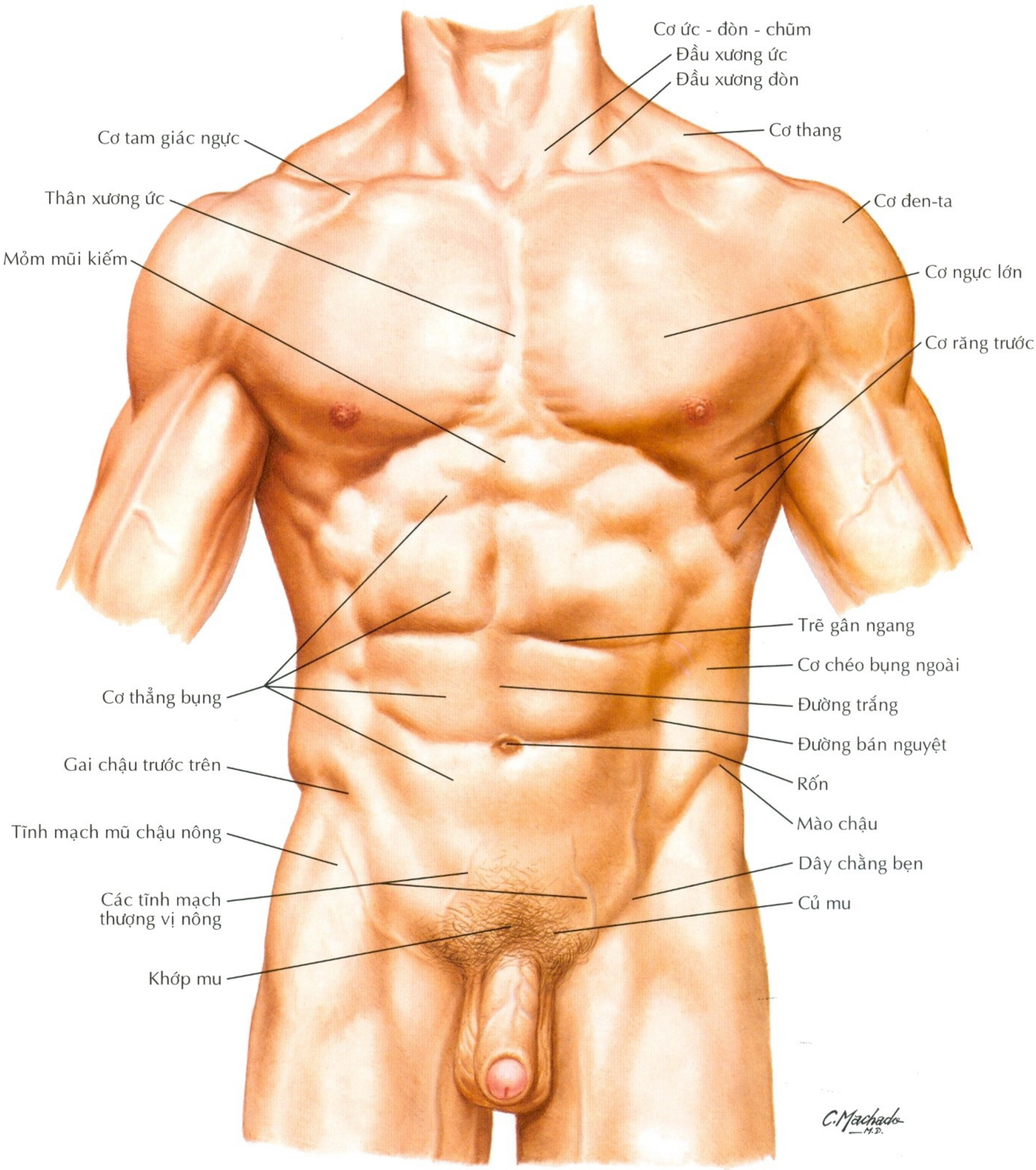
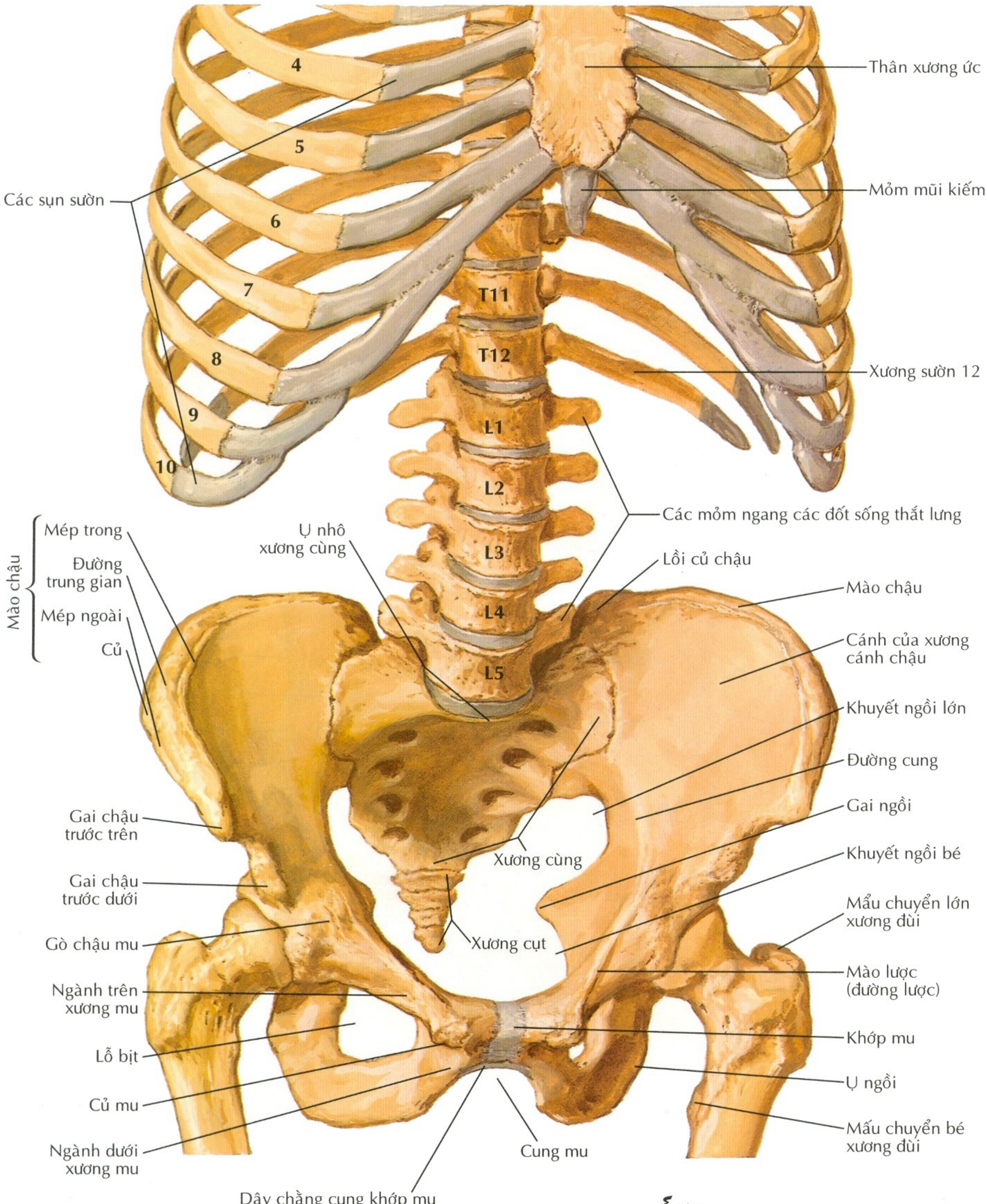
Xem thêm hình: 268

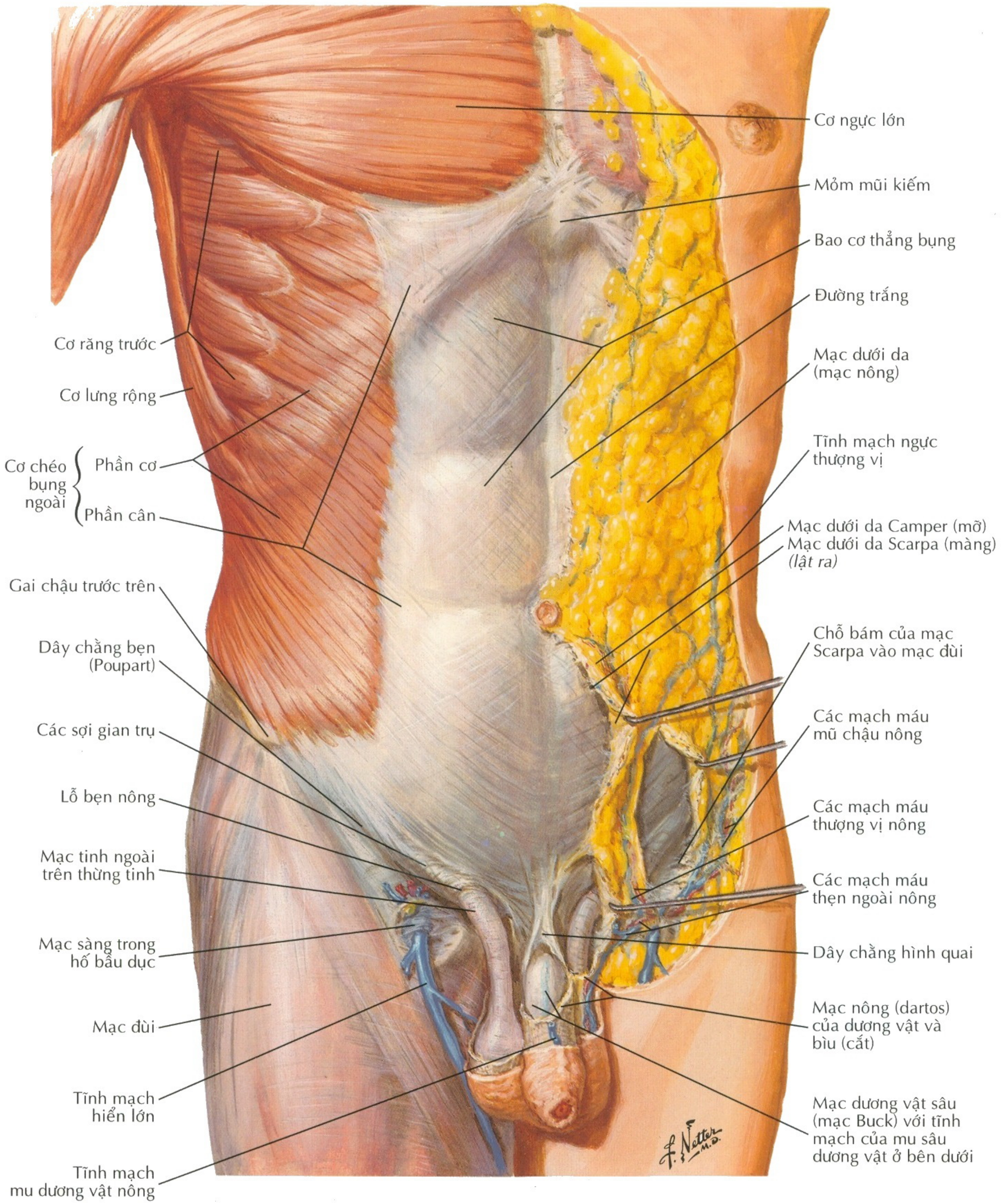


Khung Xương của Bụng



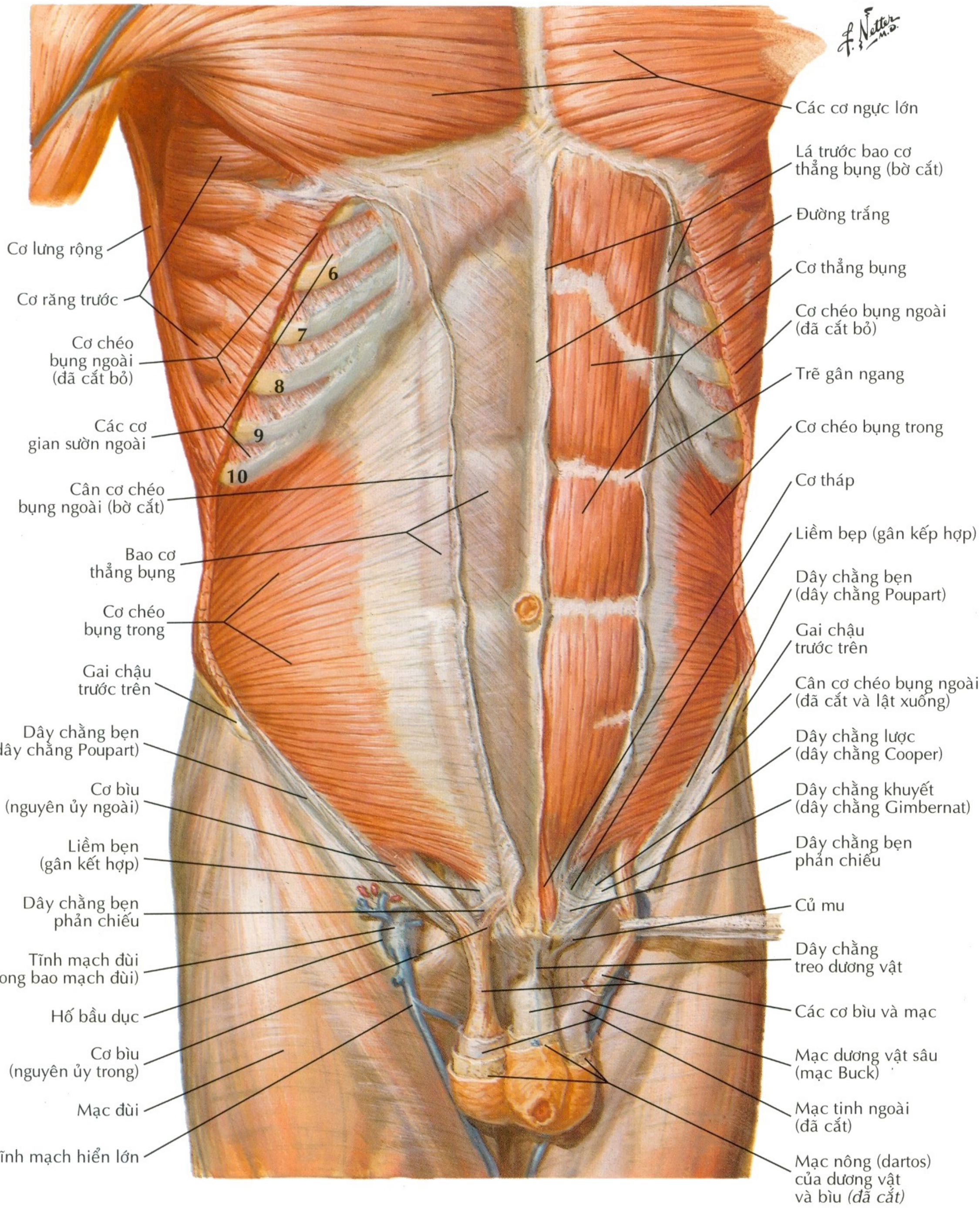
Hình 248 **THÀNH BỤNG**

Thành Bụng Trước: Phẫu Tích Nông



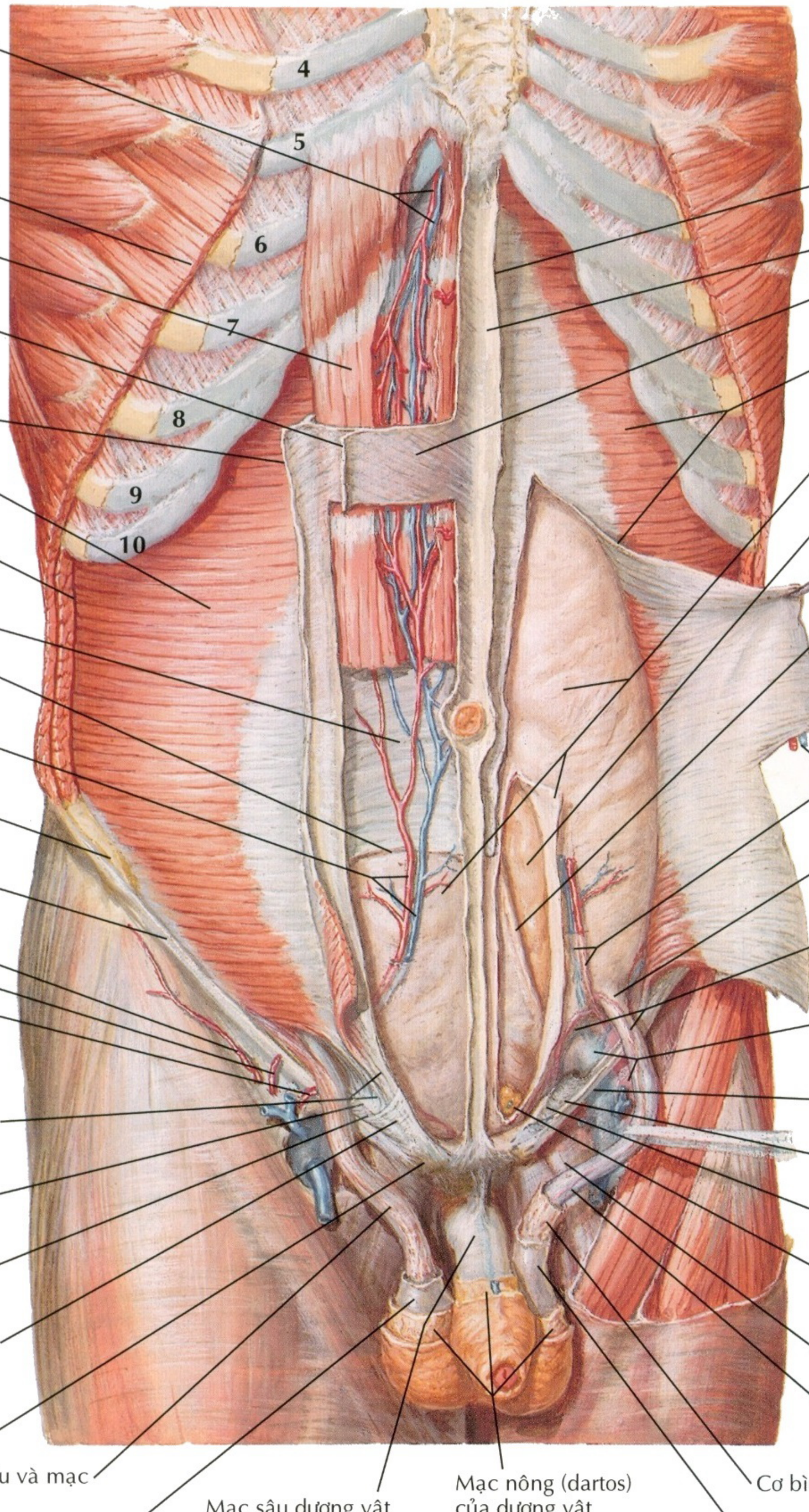
THÀNH BỤNG **Hình 249**

Thành Bụng trước: Phẫu tích vừa



Hình 250 **THÀNH BỤNG**

Thành Bụng Trước: Phẫu Tích Sâu

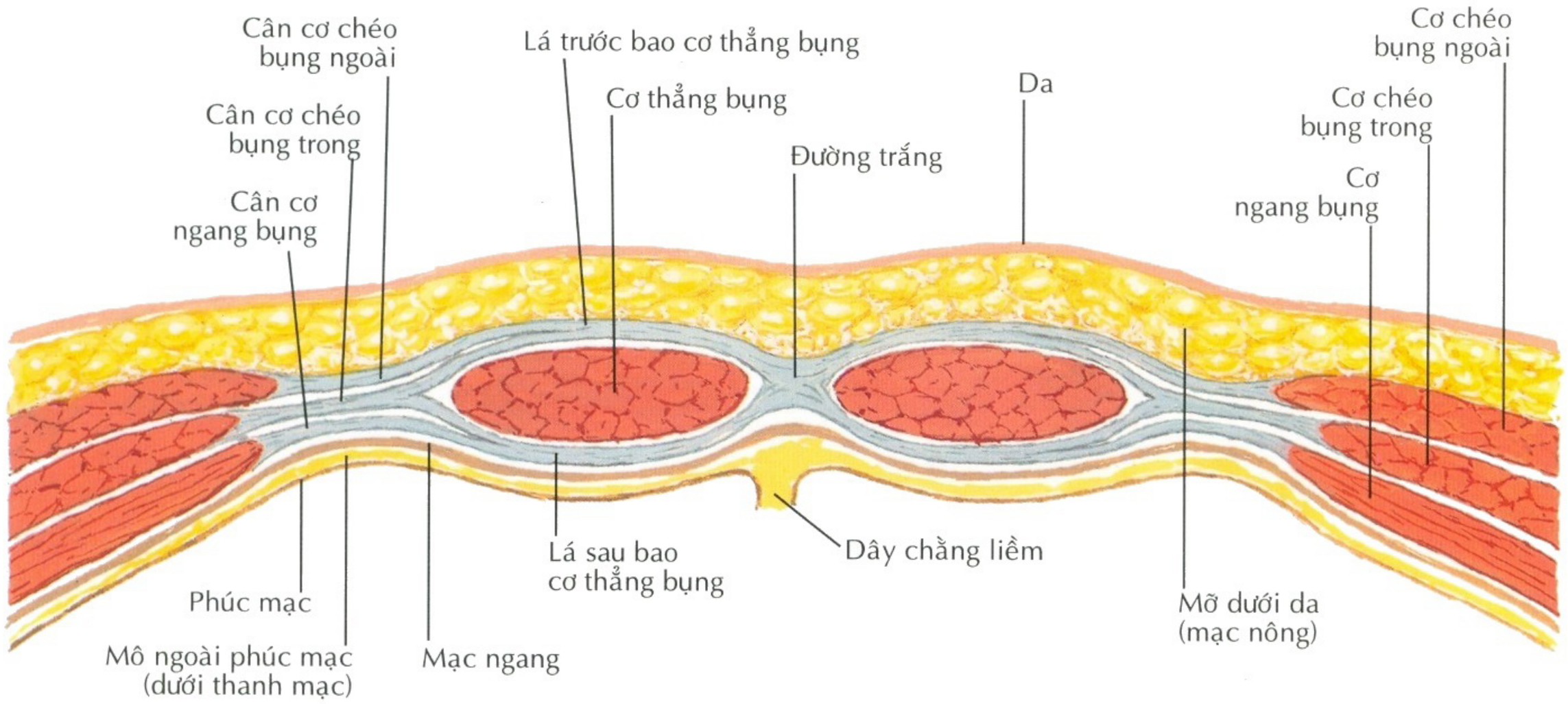


THÀNH BỤNG **Hình 251**

hinhanhykhoa.com

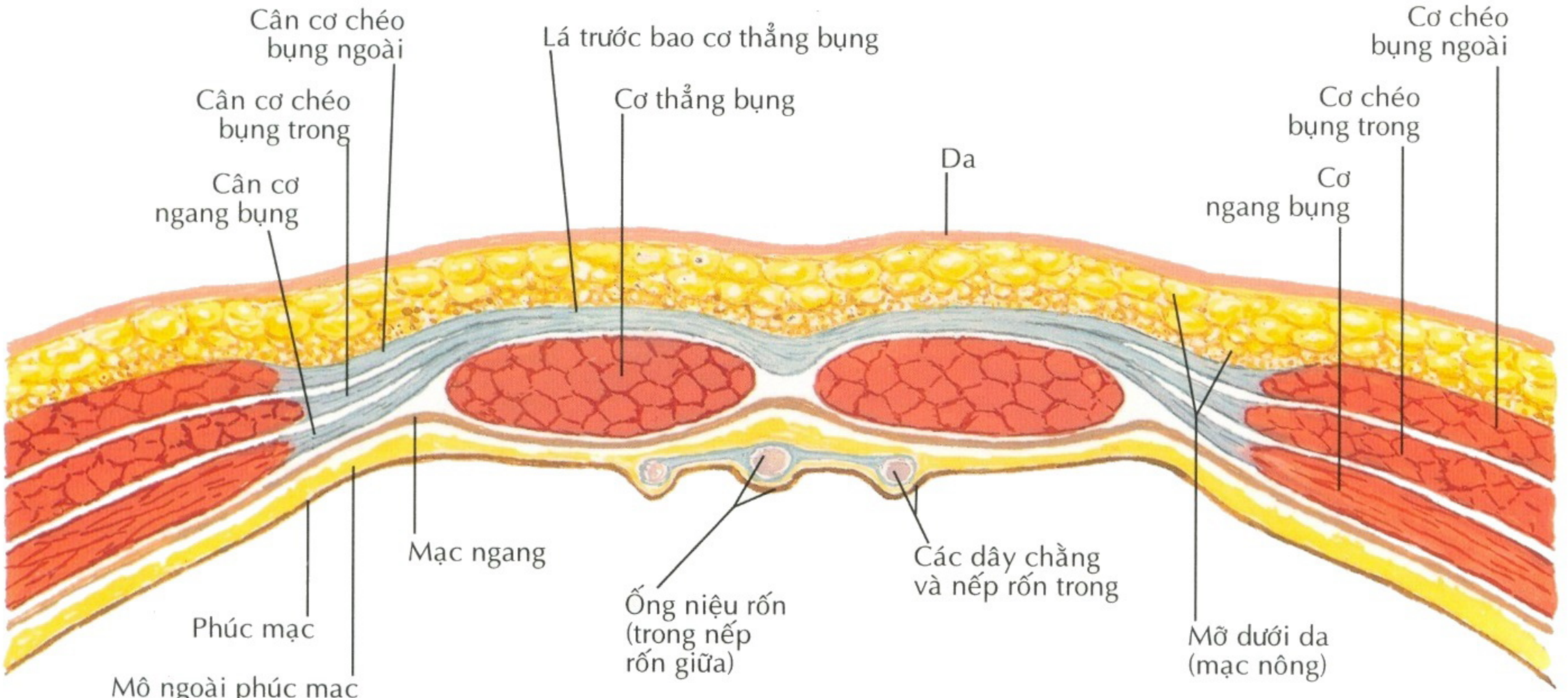
Bao Cơ Thẳng Bụng: Các Thiết Đồ Ngang

Thiết đồ ở trên đường cung



Cân cơ chéo bụng trong tách ra để tạo thành lá trước và lá sau, bao cơ thẳng bụng. Cân cơ chéo bụng ngoài dính vào lá trước của bao. Cân cơ ngang bụng dính vào lá sau. Các lá trước và sau bao cơ thẳng bụng hợp nhất phía trong để tạo thành đường trắng.

Thiết đồ ở dưới đường cung

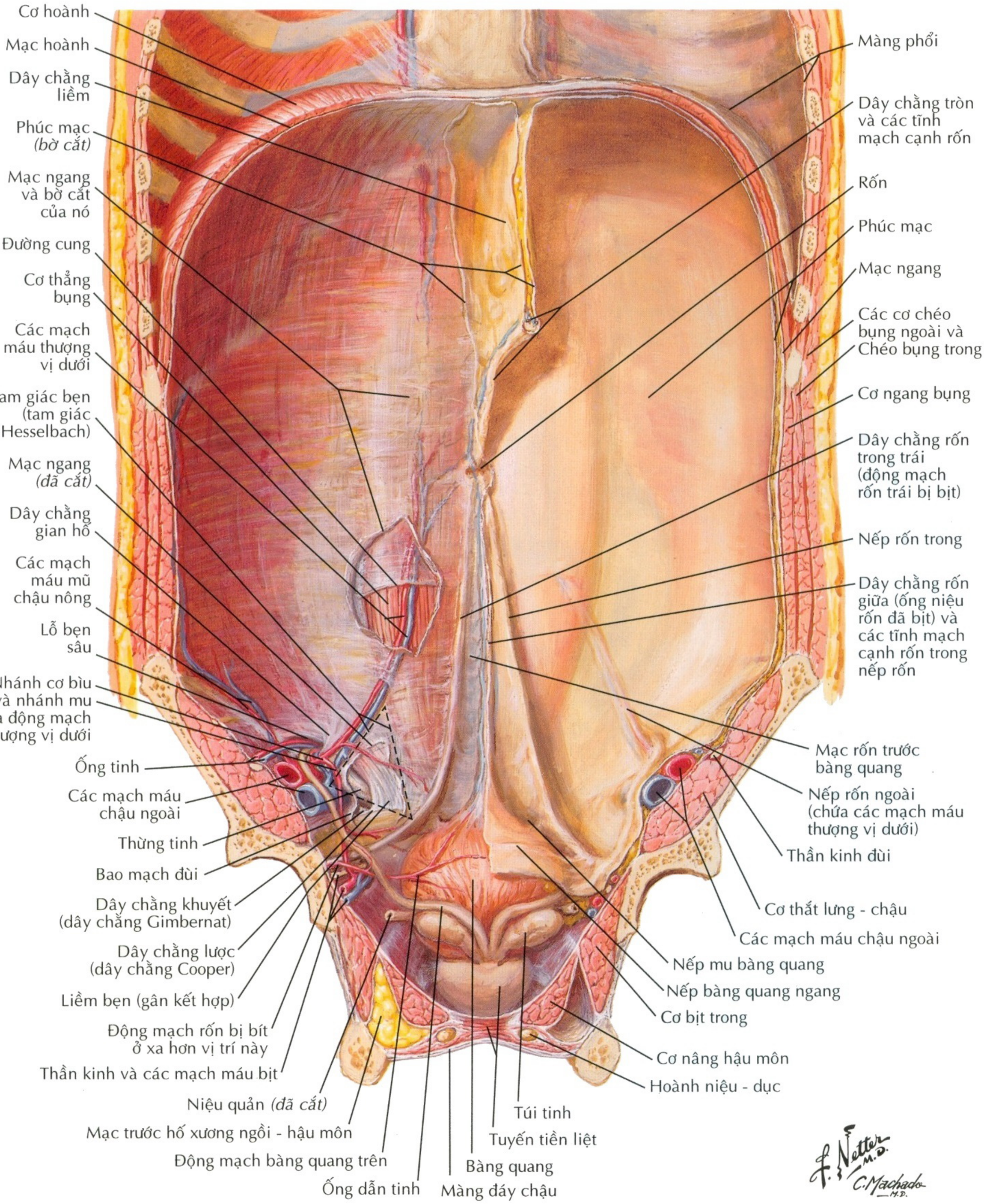


Cân cơ chéo bụng trong không tách đôi ở mức này mà chạy hoàn toàn trước cơ thẳng bụng và bị hòa lẫn vào cân cơ chéo bụng ngoài và cơ ngang bụng. Bởi vậy, không có lá sau bao cơ thẳng bụng ở dưới đường cung và cơ thẳng bụng nằm ngay trên mạc ngang.

F. Netter M.D.

Thành Bụng Trước: Nhìn Trong

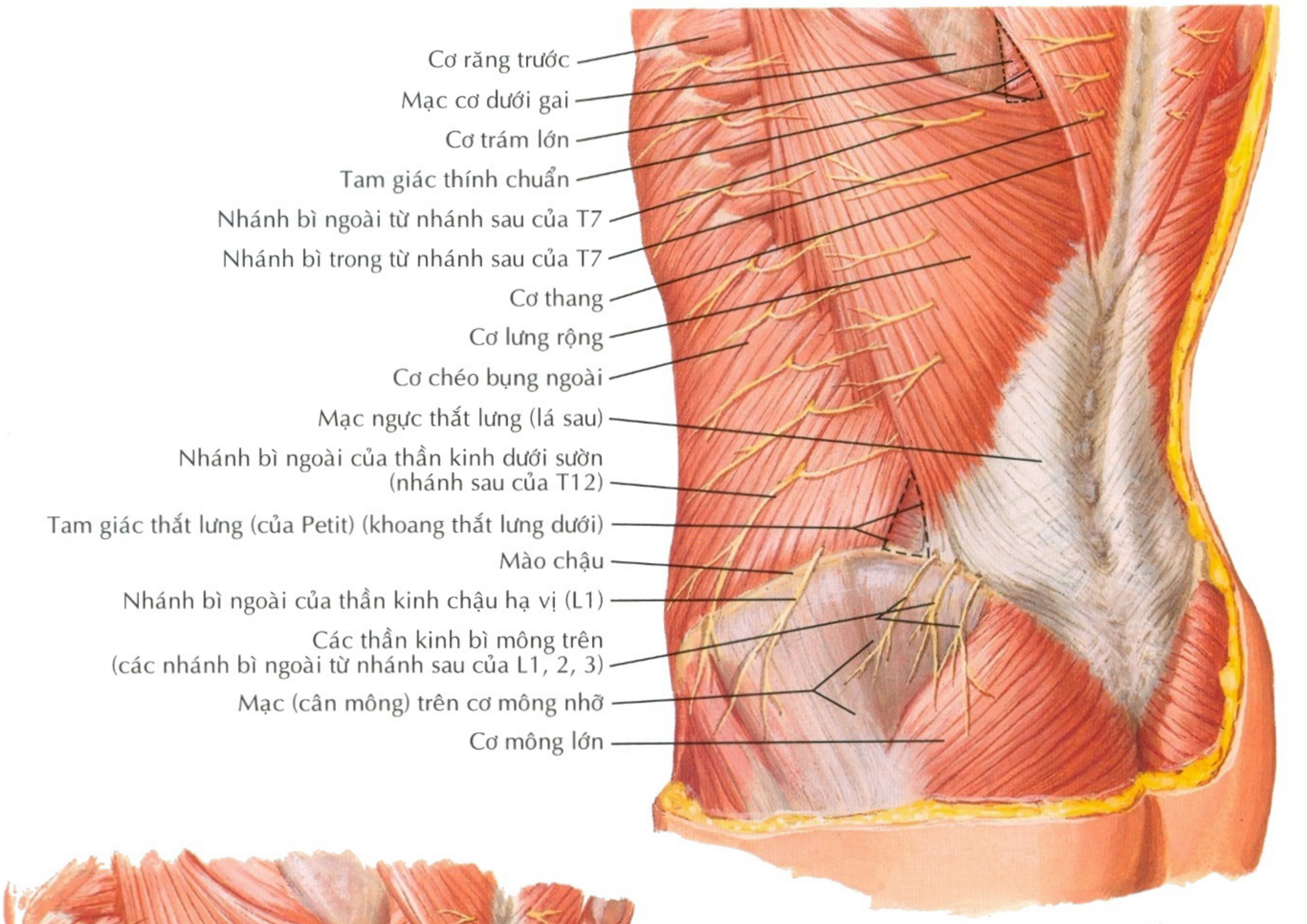
Xem thêm hình: 229

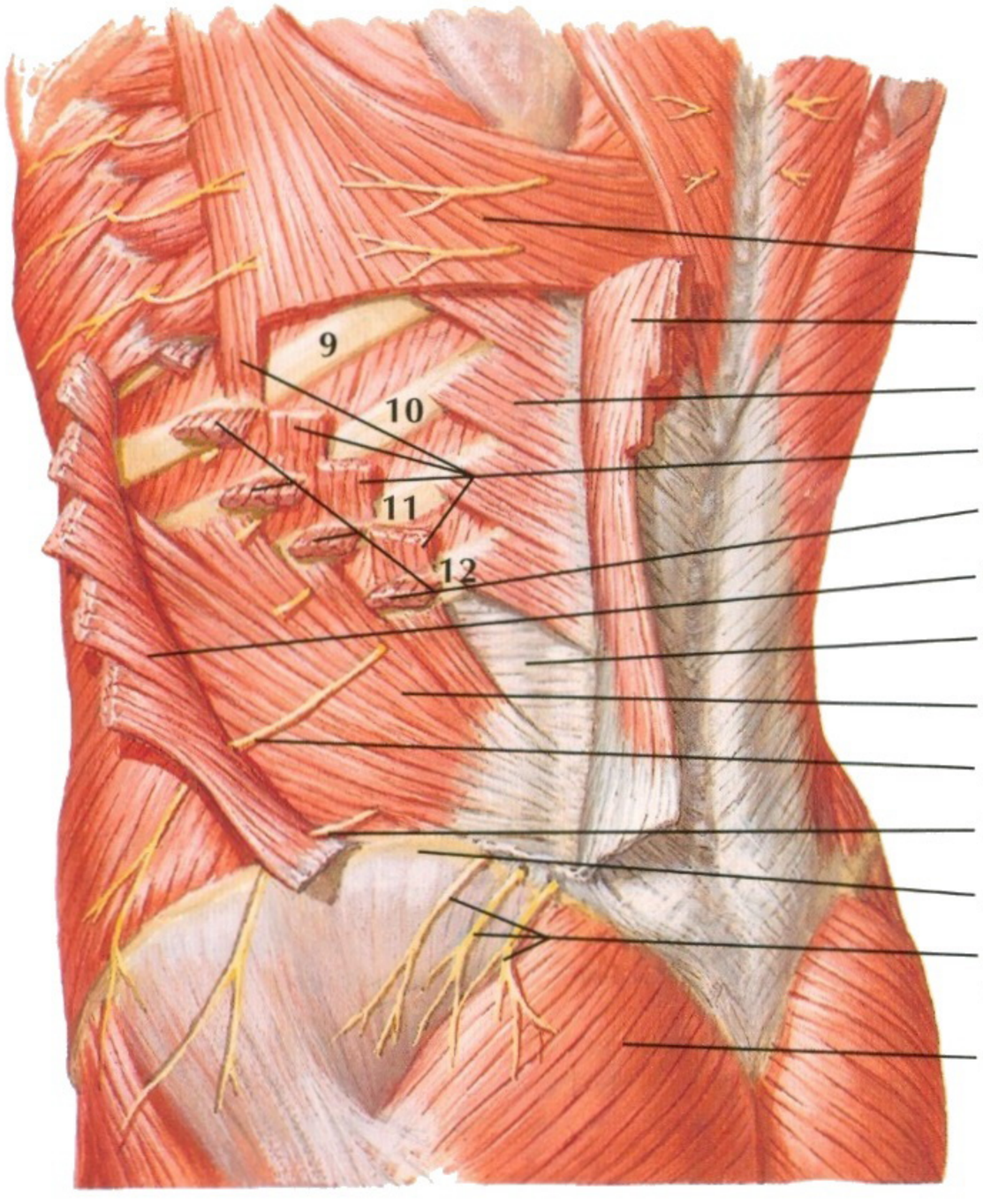


F. Netter M.D.
C. Machado M.D.

4 Thành Bụng Sau Bên

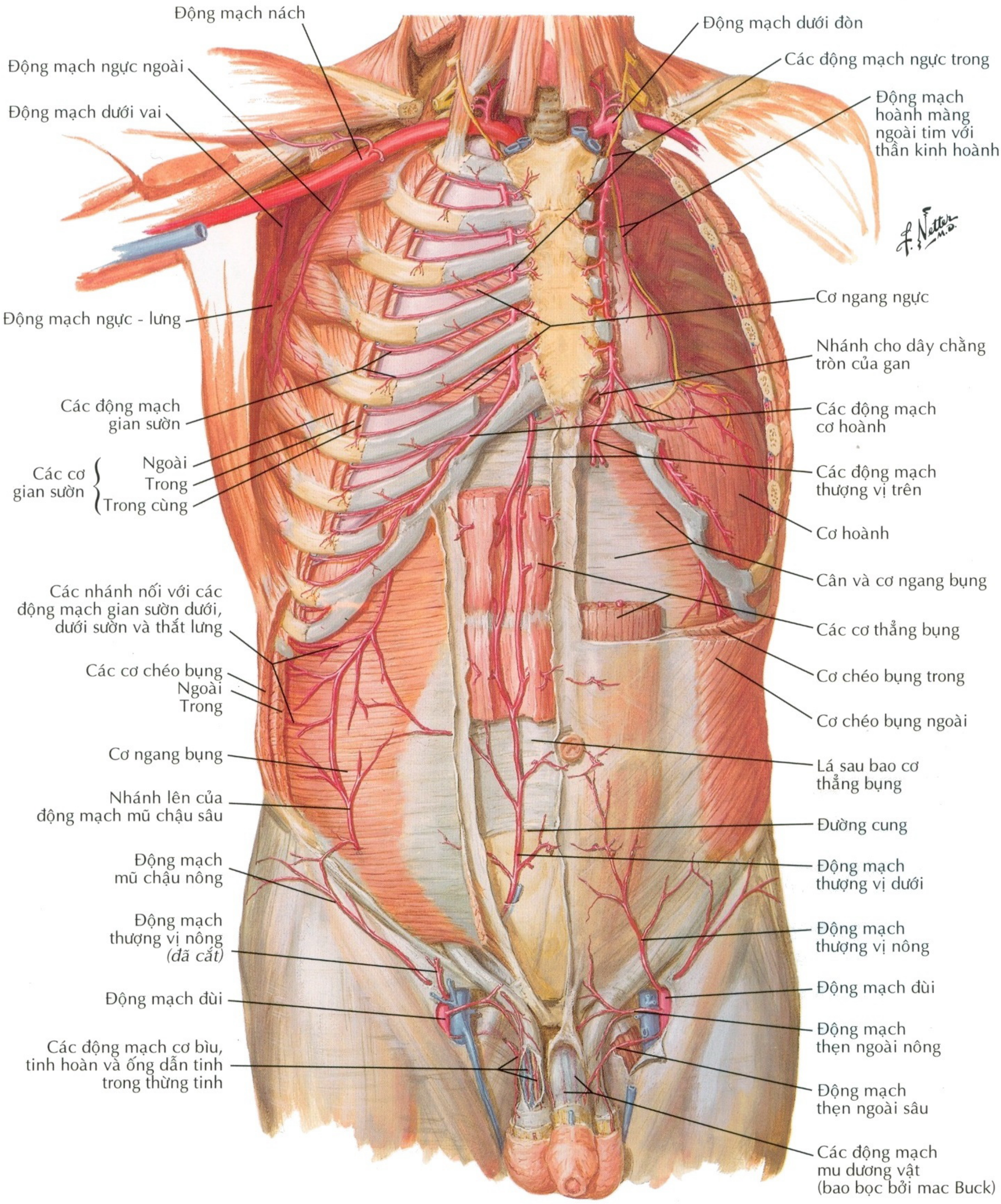
Xem thêm hình: 174, 177, 179, 180, 258



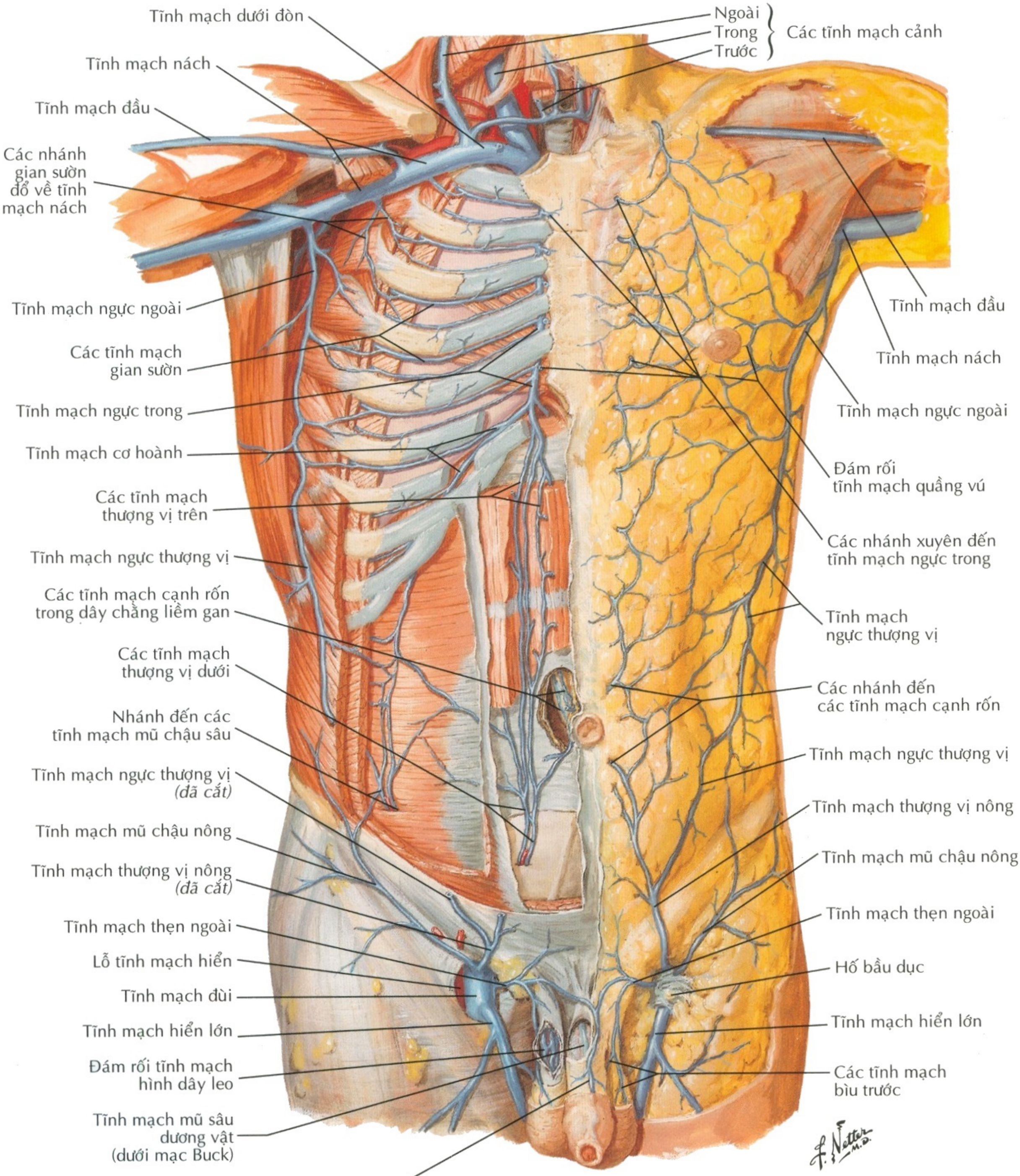


F. Netter M.D.

Các Động Mạch của Thành Bụng Trước



4 Các Tĩnh Mạch của Thành Bụng Trước

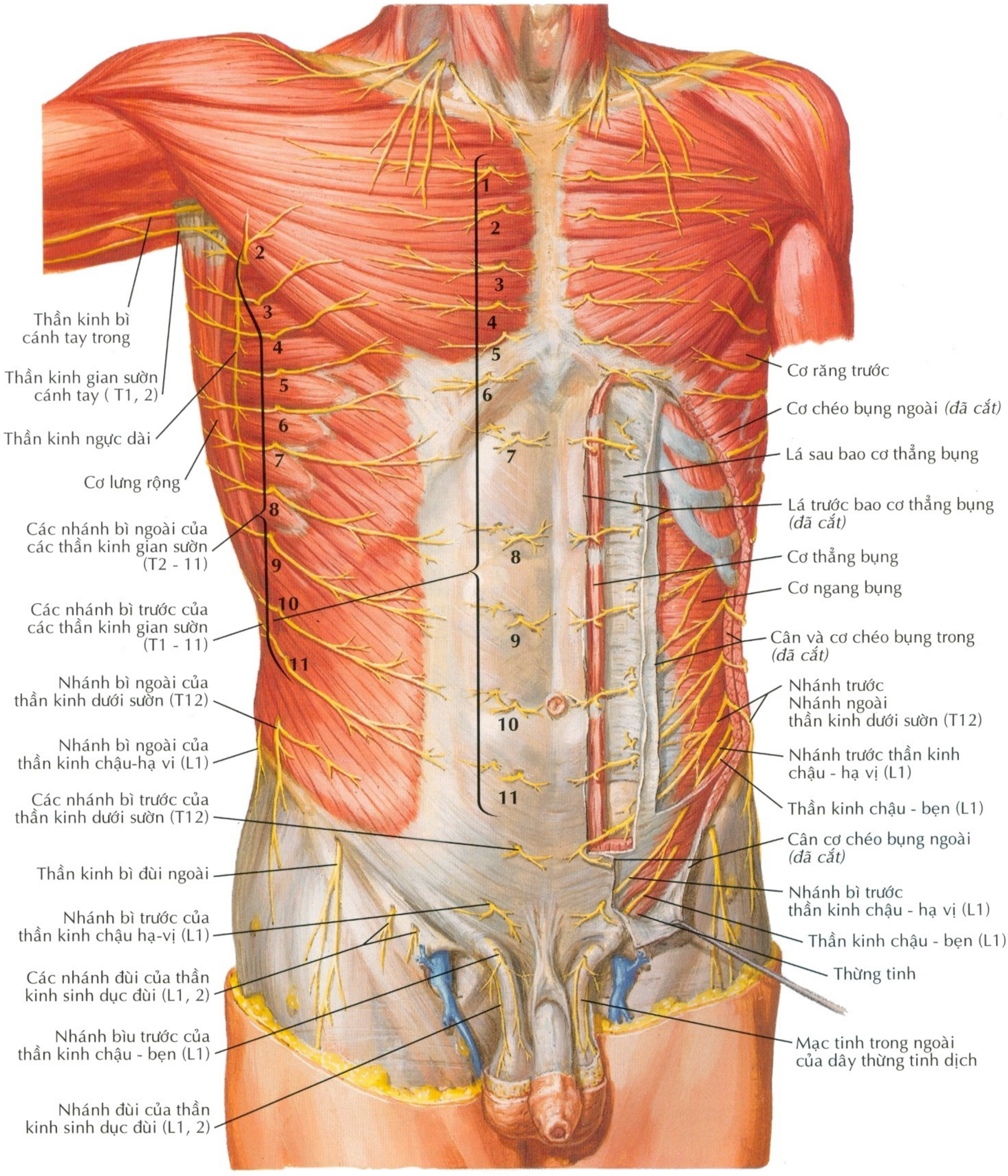


Hình 256 **THÀNH BỤNG**

hinhanhykhoa.com

Các Thần Kinh của Thành Bụng Trước

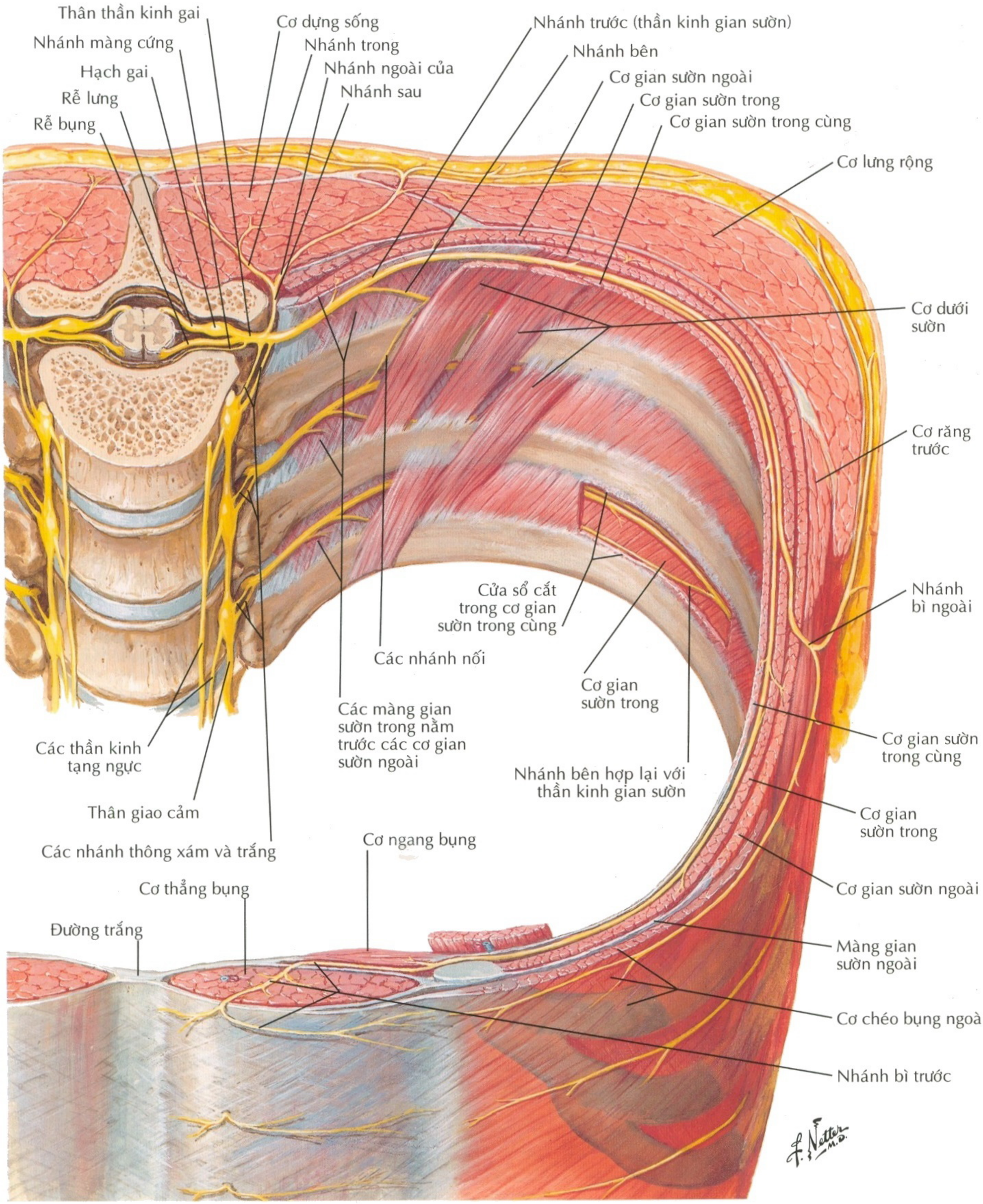
Xem thêm hình: 177, 254, 267, 498



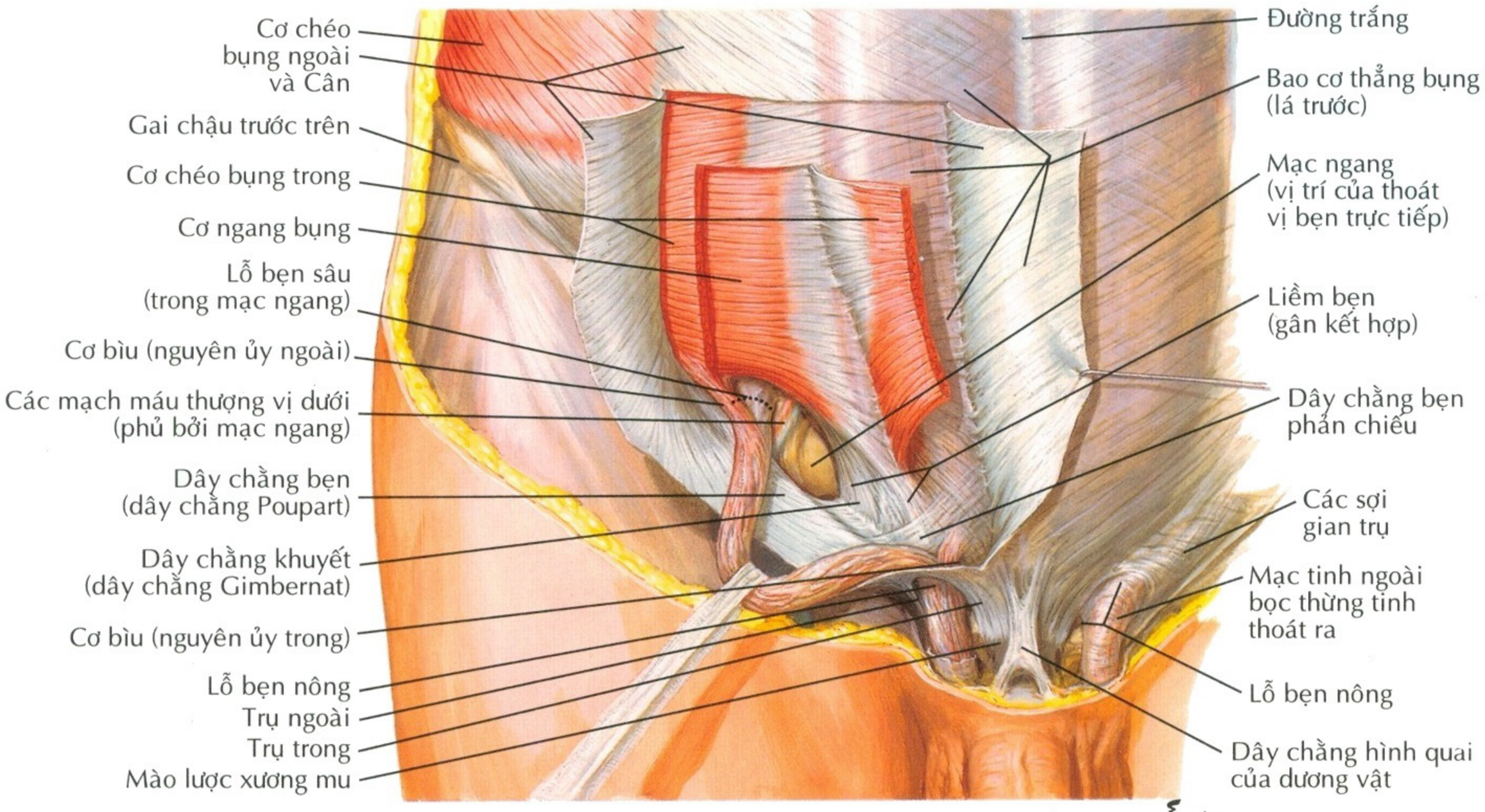
F. Netter M.D.

4 Các Thần Kinh Ngực Bụng

Xem thêm hình: 180, 192

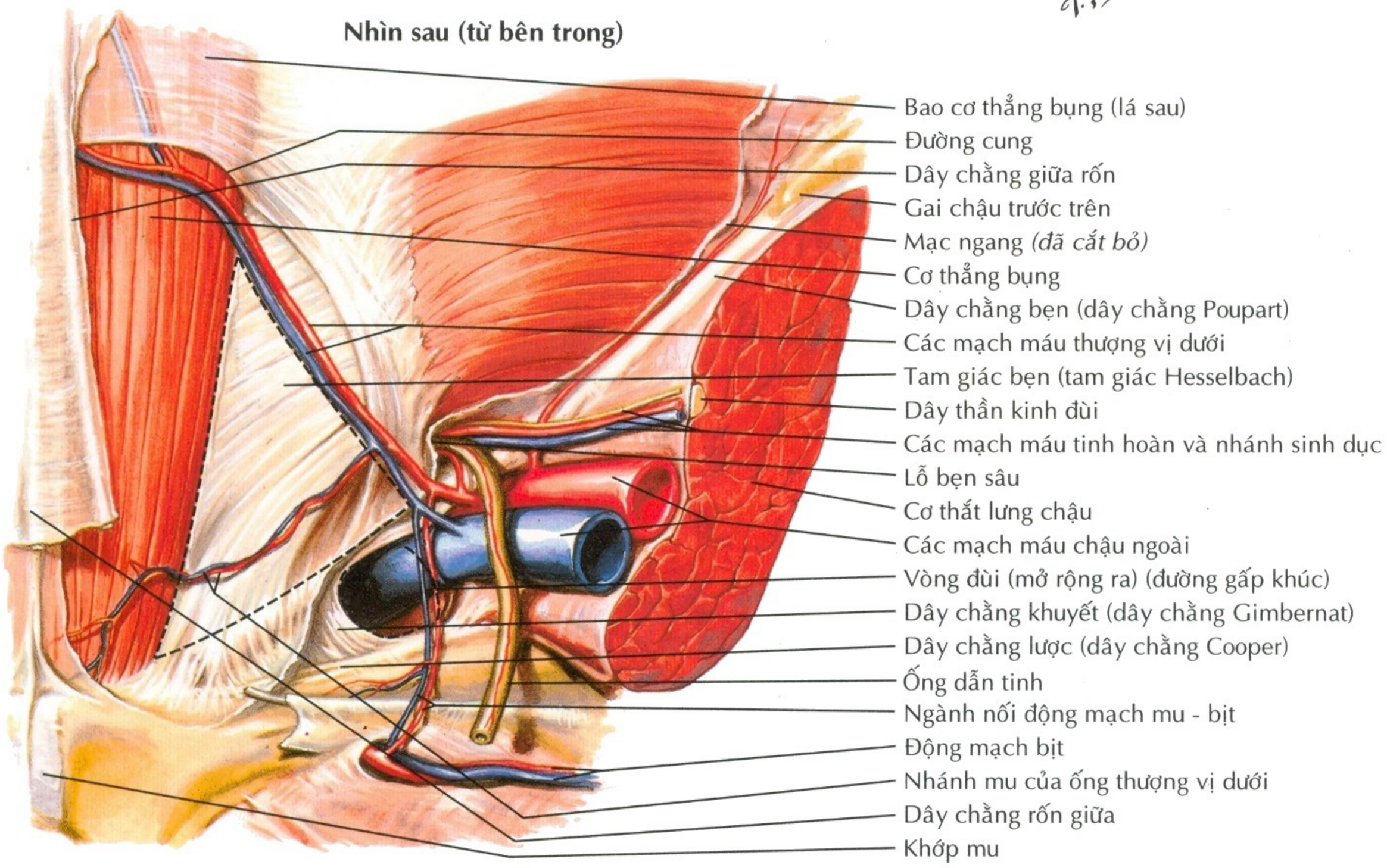


Hình 258 **THÀNH BỤNG**



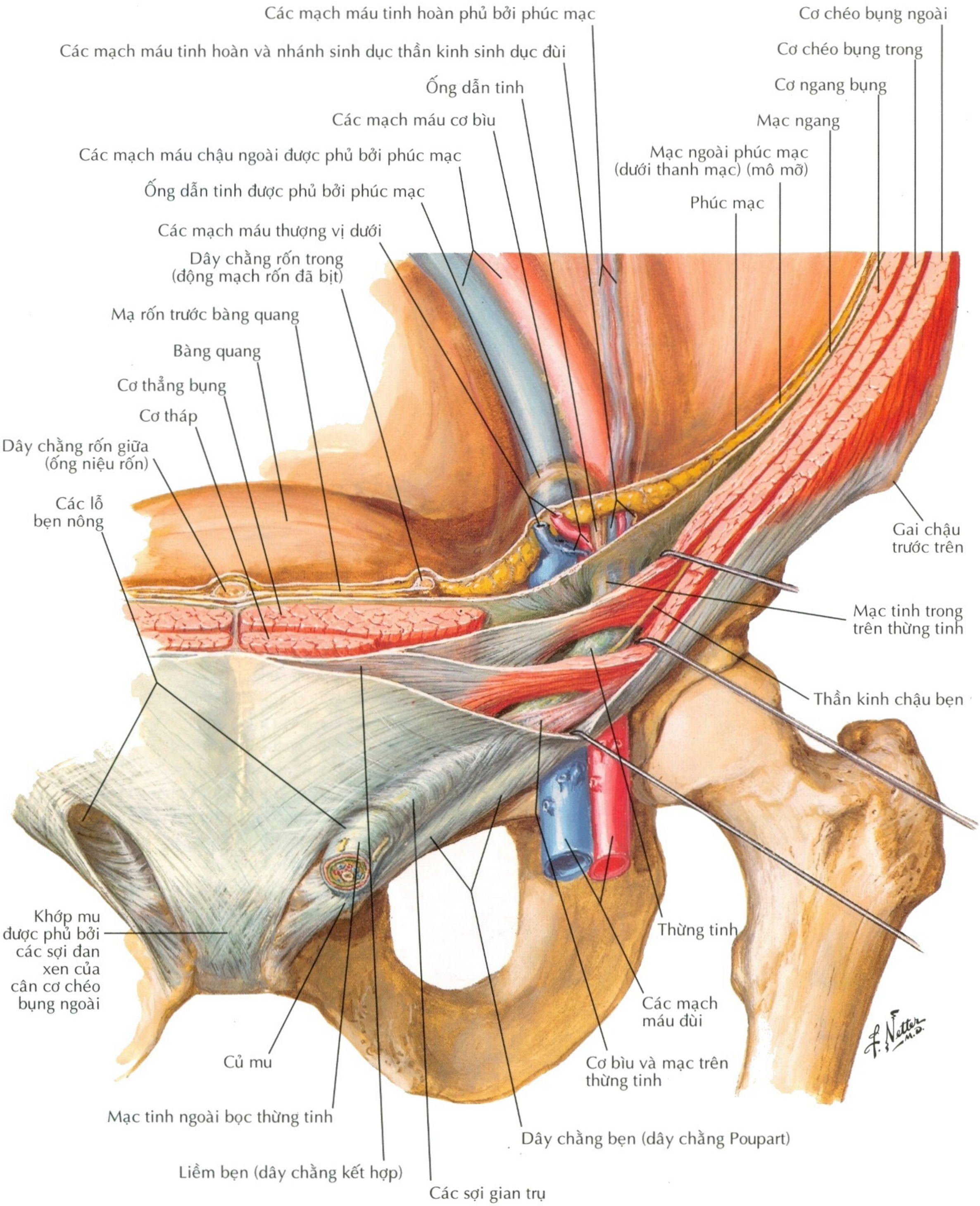
Nhìn trước

F. Netter M.D.



C. Machado M.D.

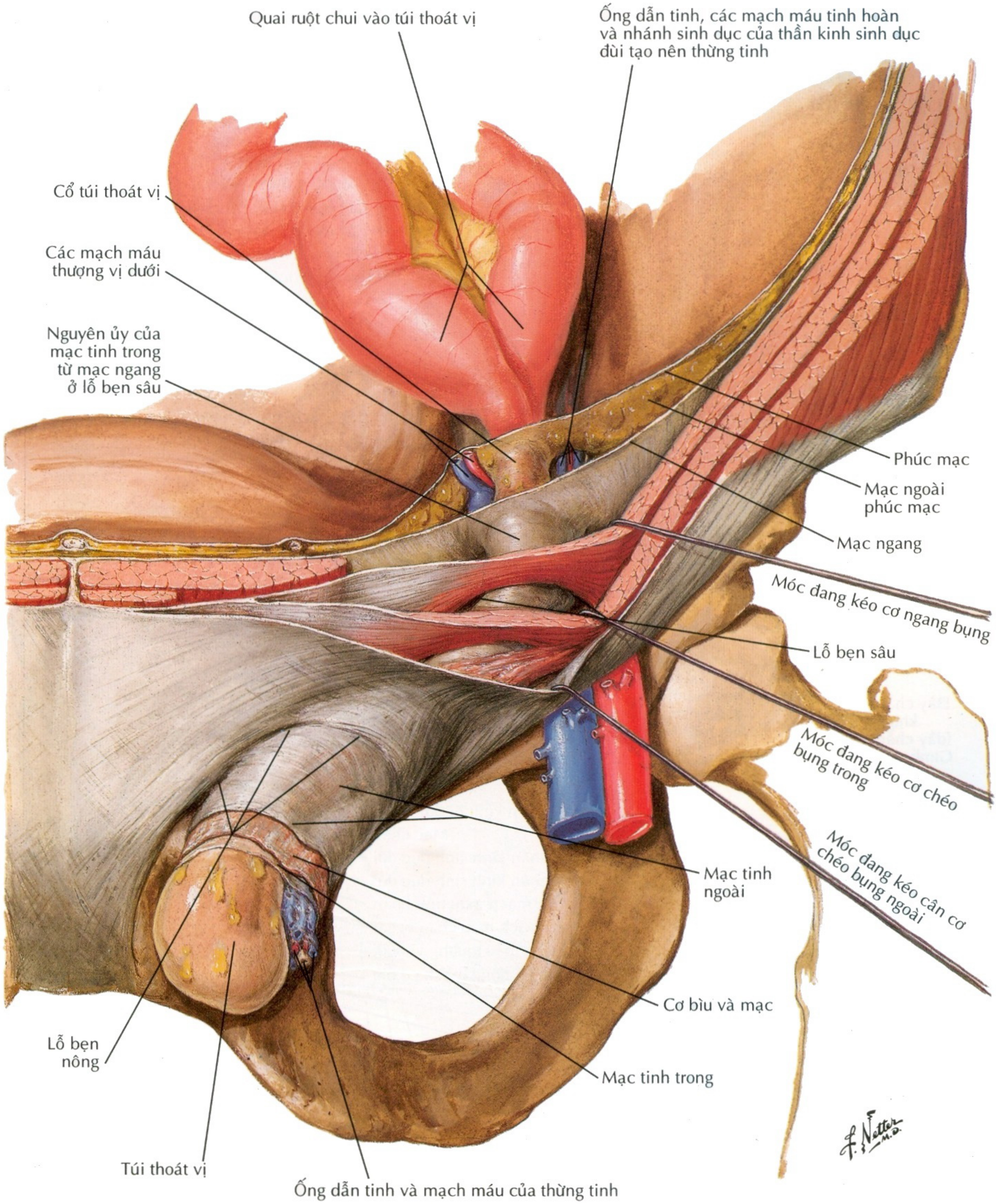
4 Ống Bẹn và Thừng Tinh



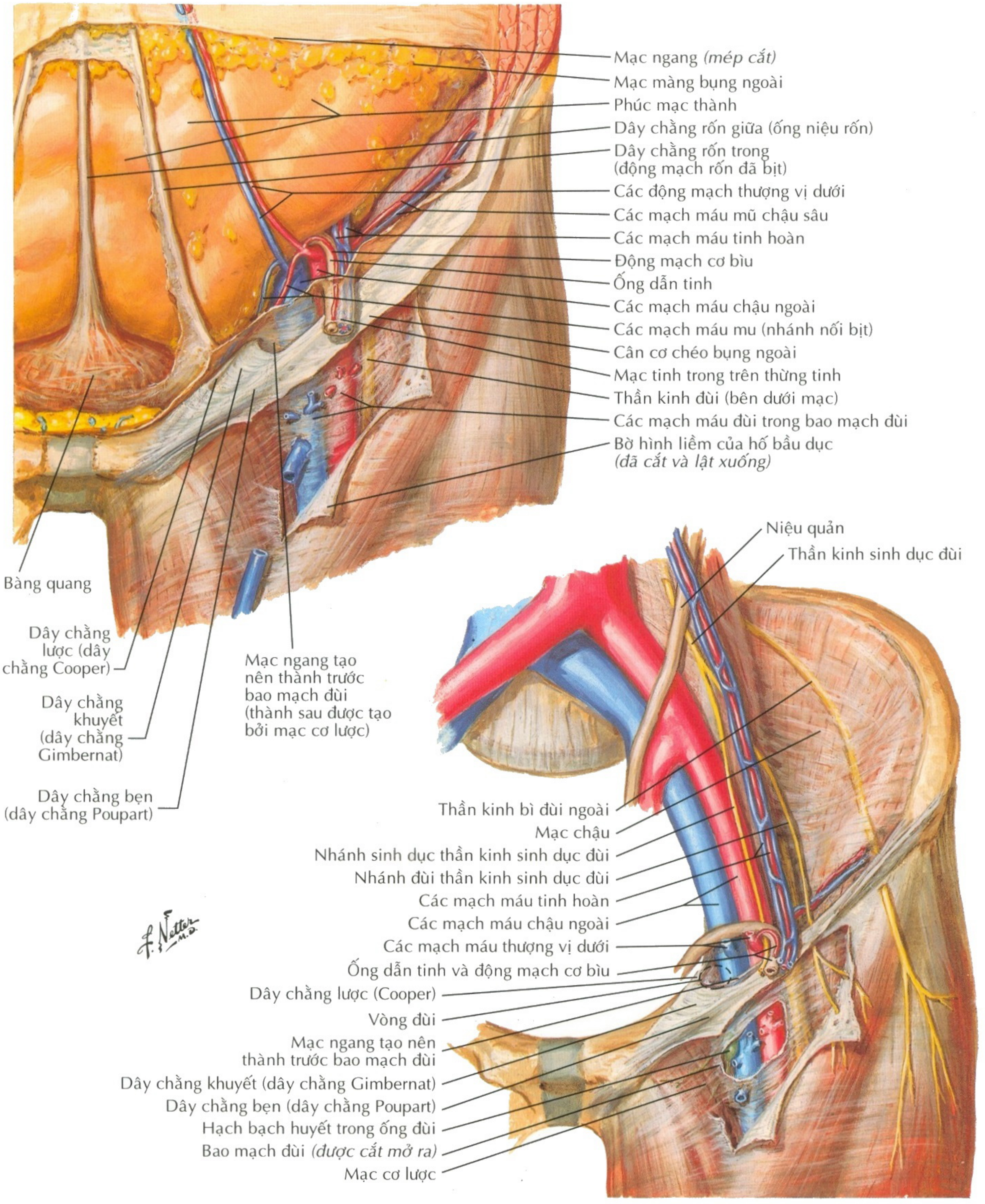
Hình 260 **THÀNH BỤNG**

Thoát Vị Bẹn Gián Tiếp

Xem thêm hình 260



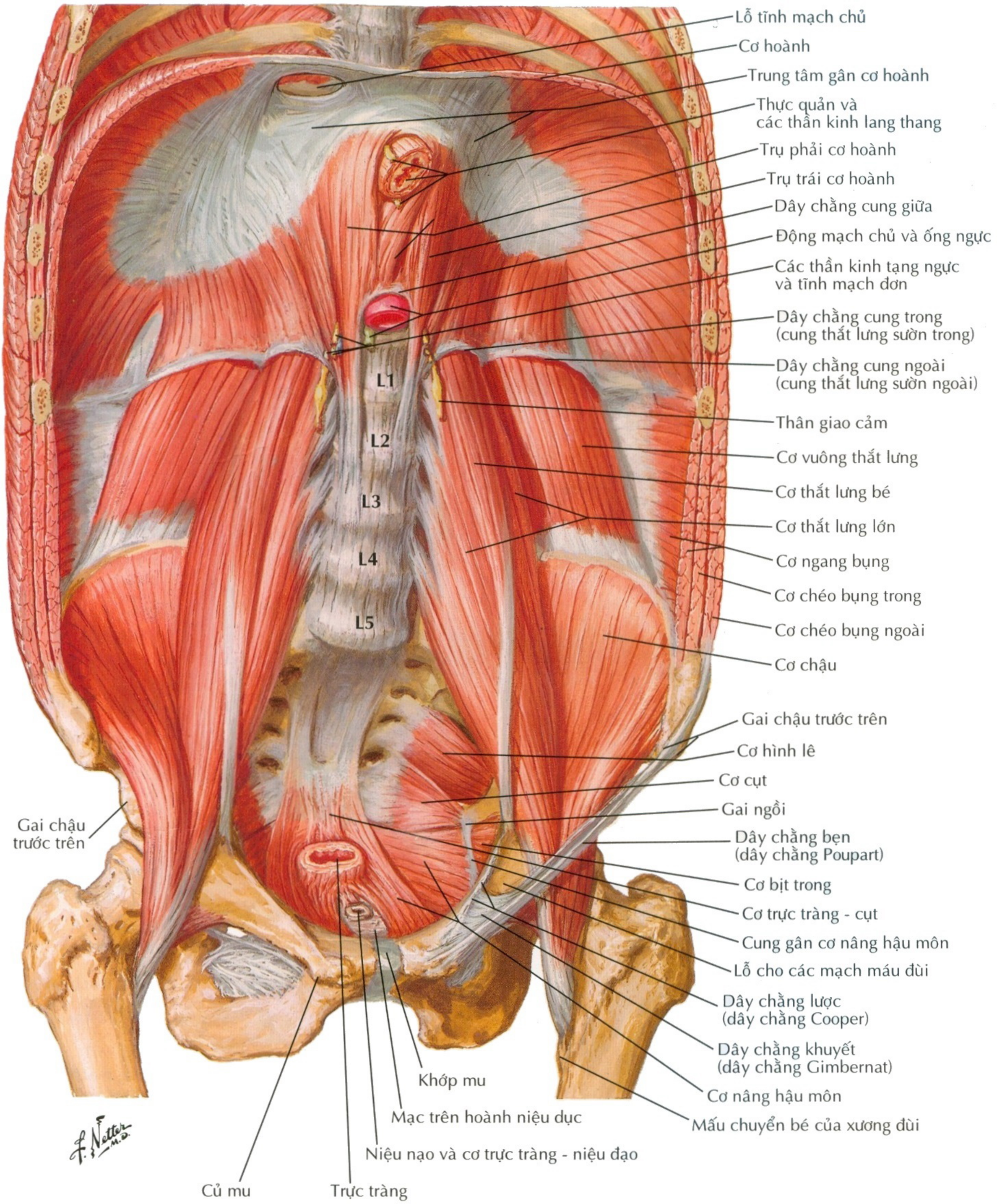
Bao Mạch Đùi và Ống Bẹn



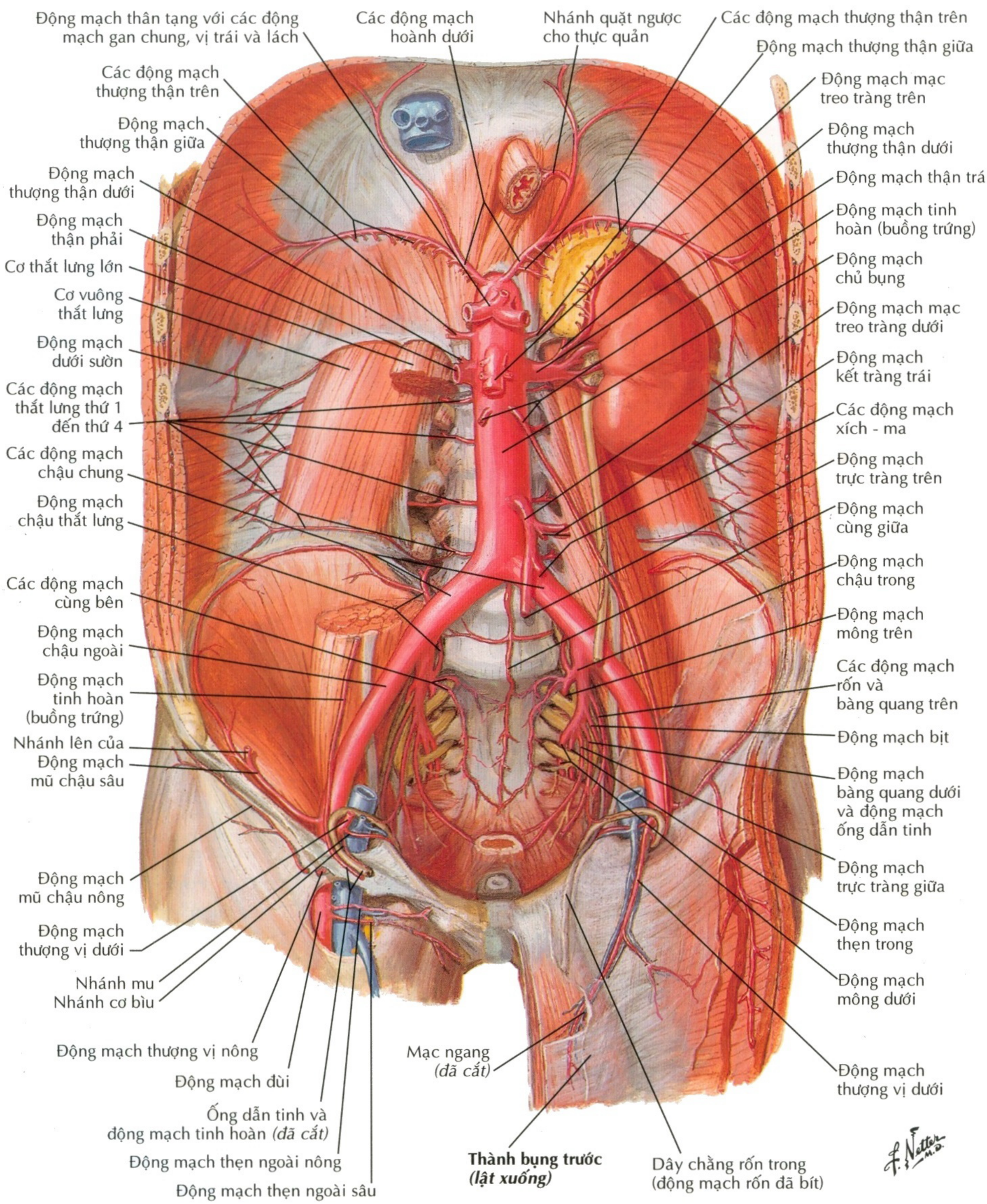
Hình 262 **THÀNH BỤNG**

Thành Bụng Sau: Nhìn Trong

Xem thêm hình 195

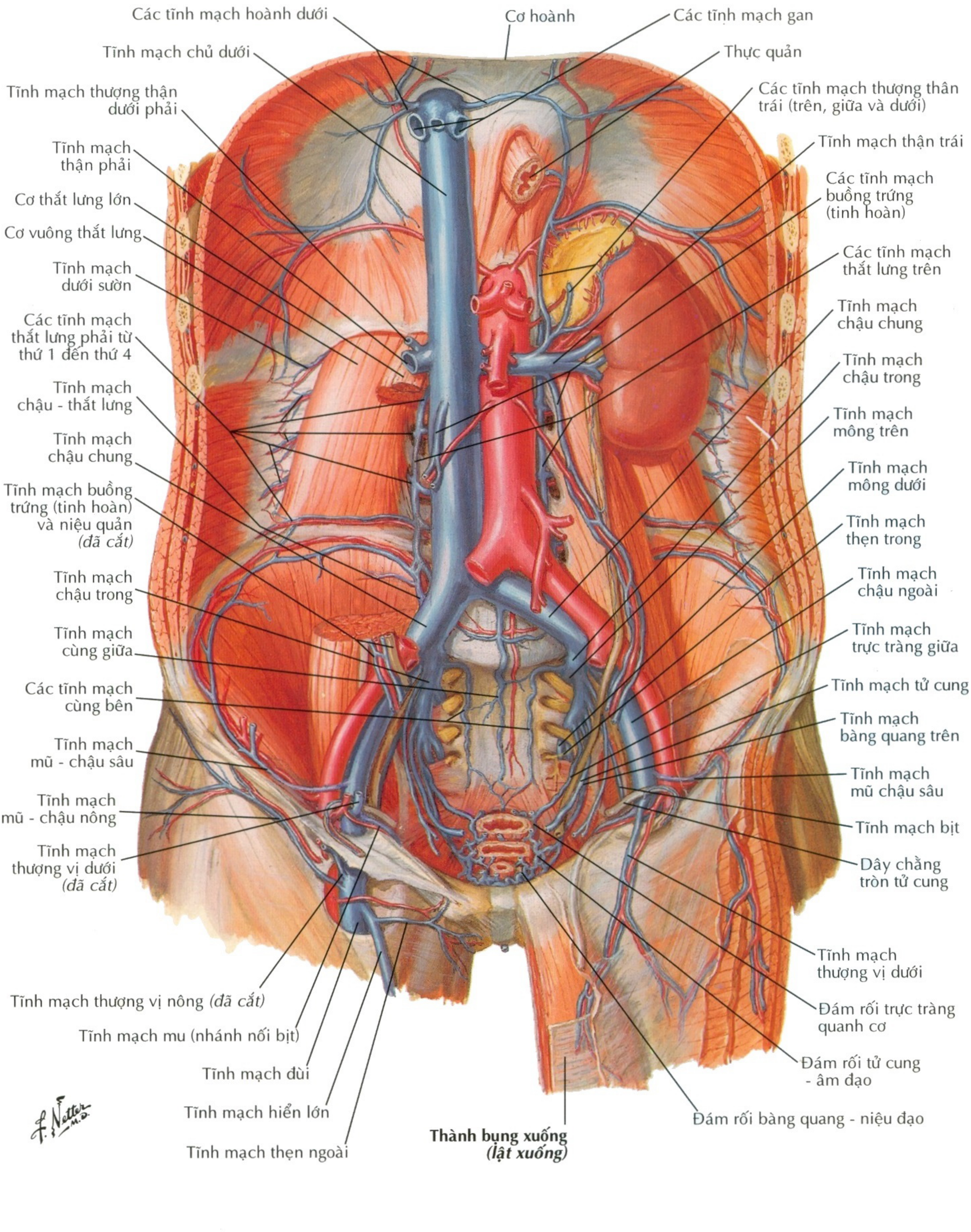


4 Các Động Mạch của Thành Bụng Sau

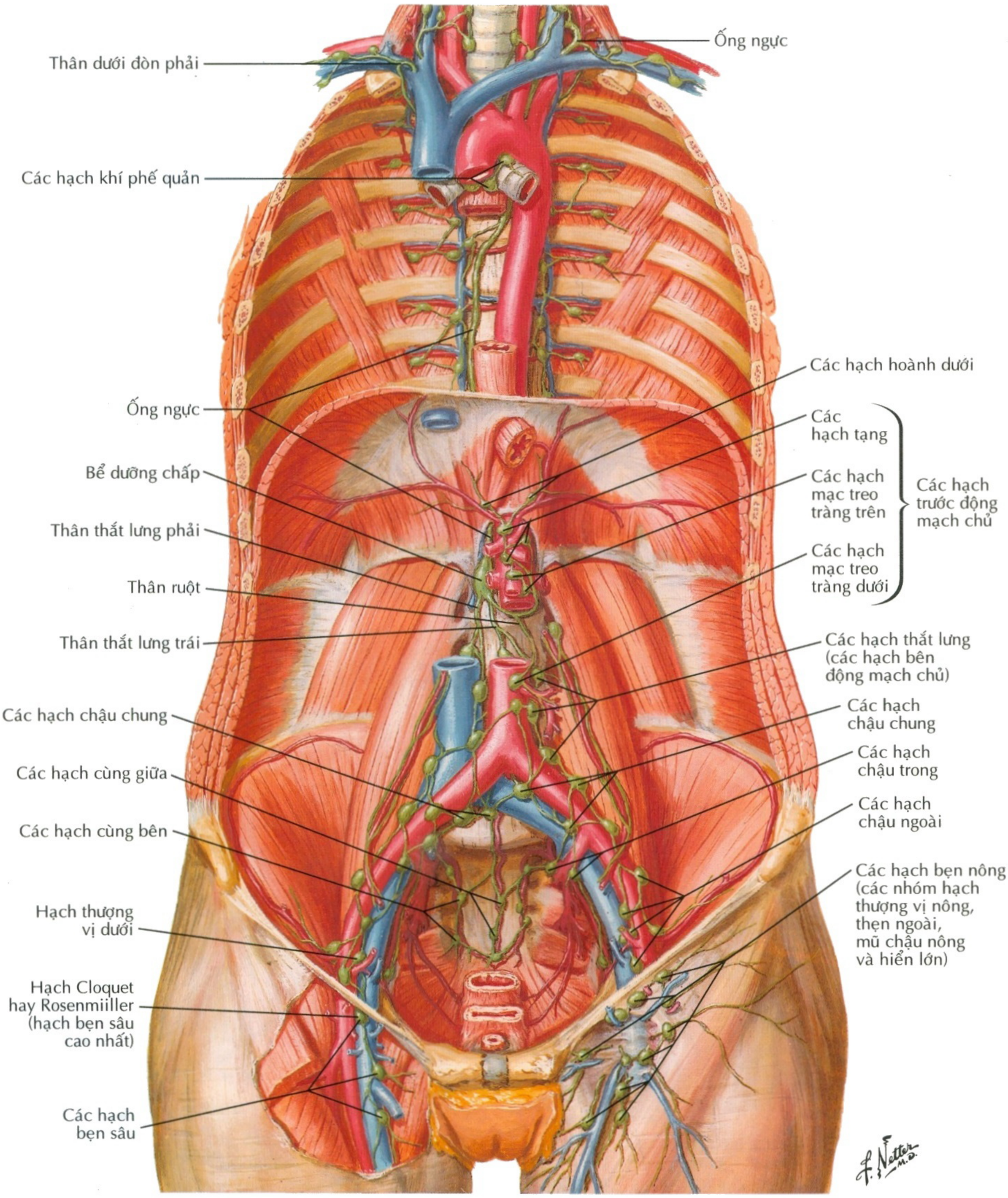


Hình 264 **THÀNH BỤNG**

Các Tĩnh Mạch của Thành Bụng Sau



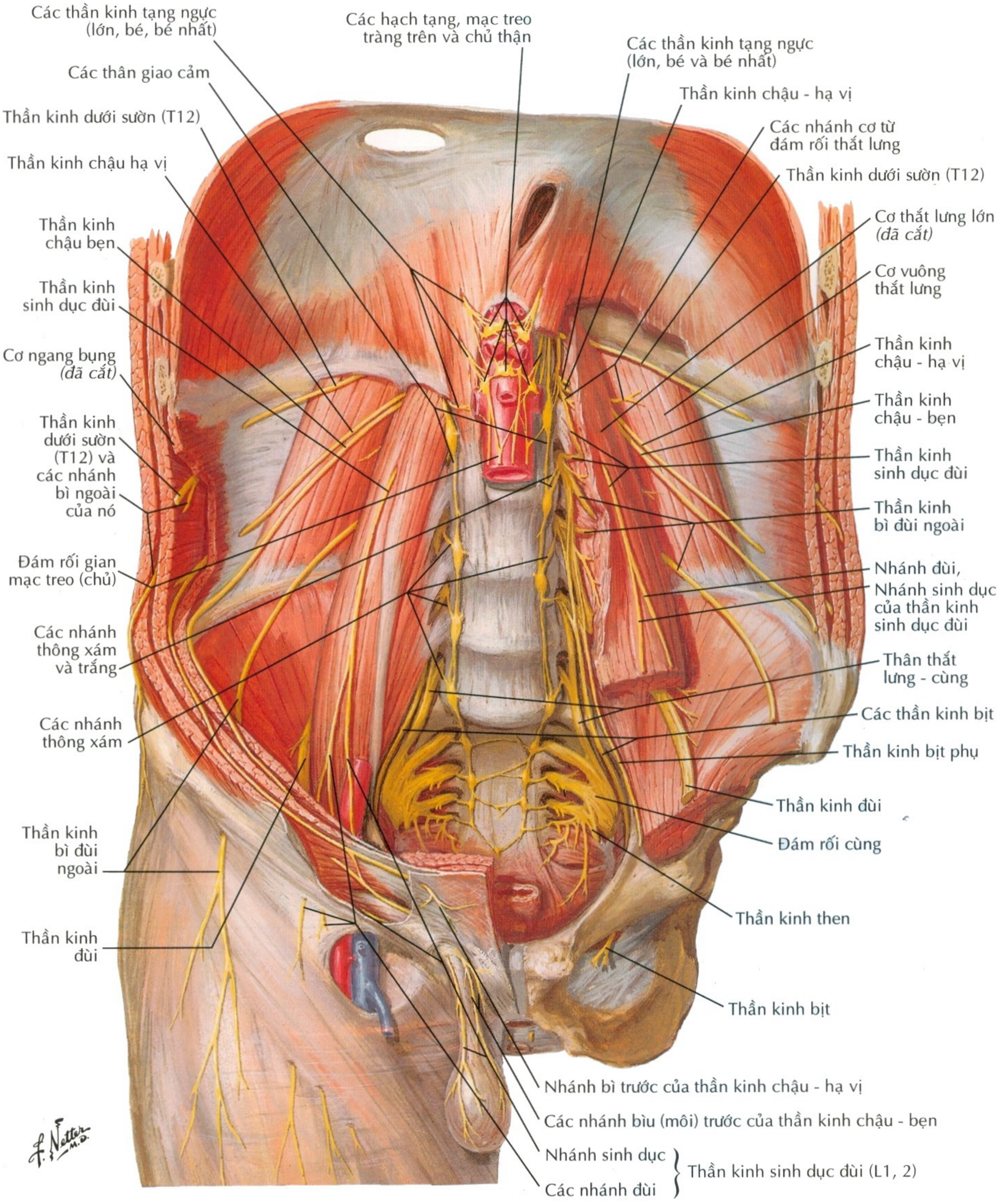
4 Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Thành Bụng Sau



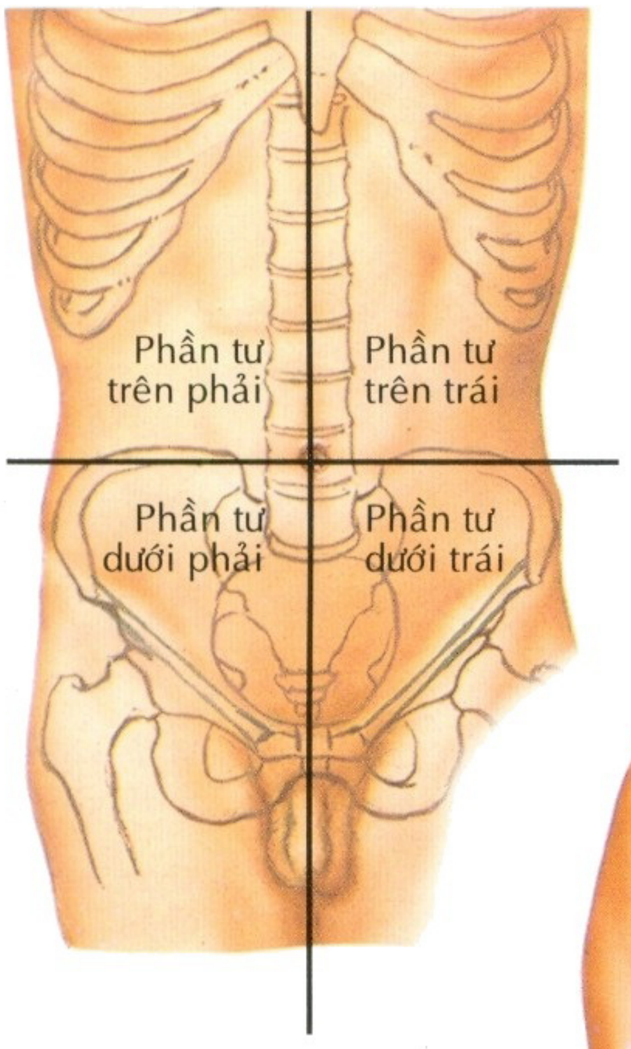
Hình 266 **THÀNH BỤNG**

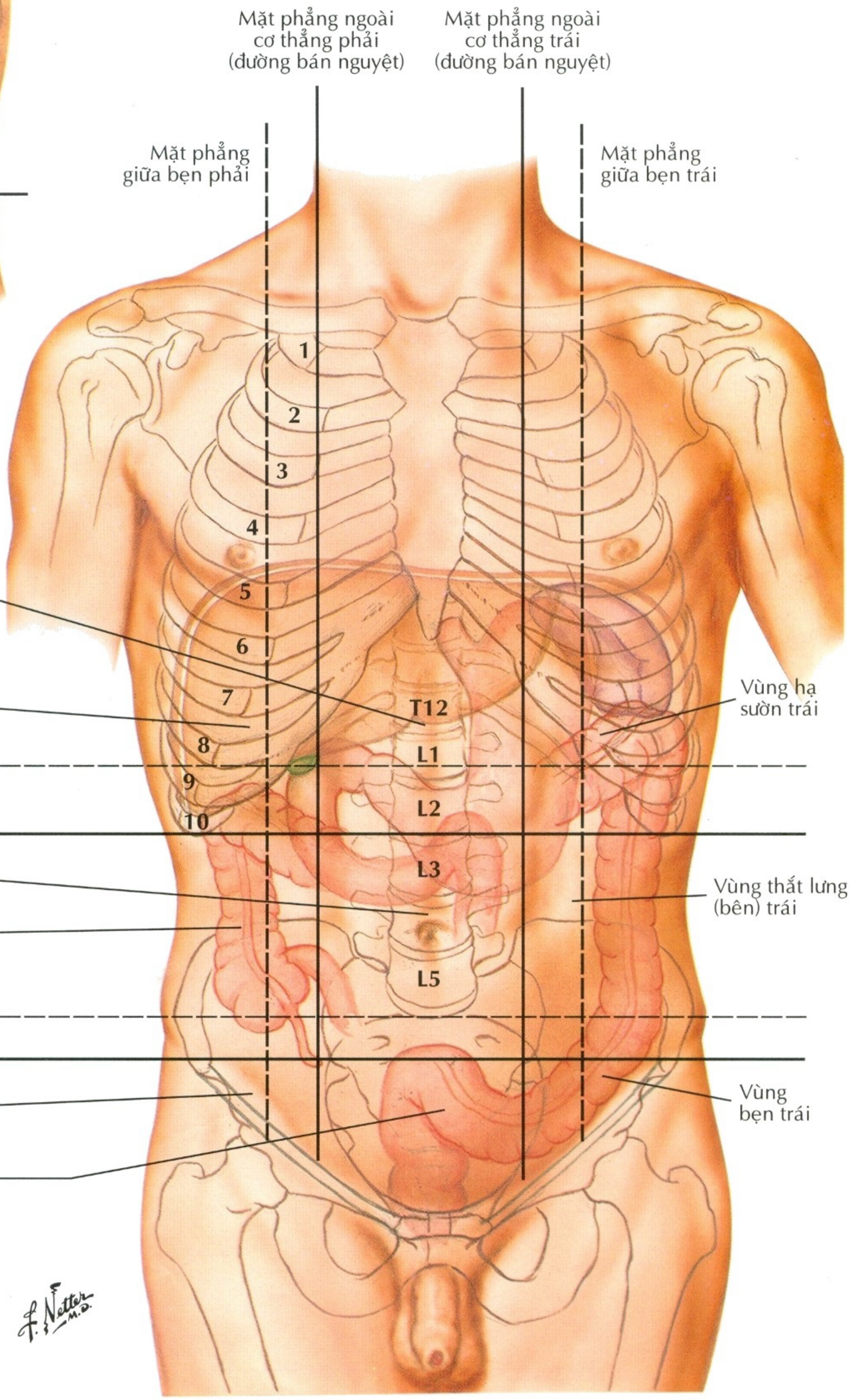
hinhanhykhoa.com

Các Thần Kinh của Thành Bụng Sau



4 Các Vùng và Các Mặt Phẳng của Bụng





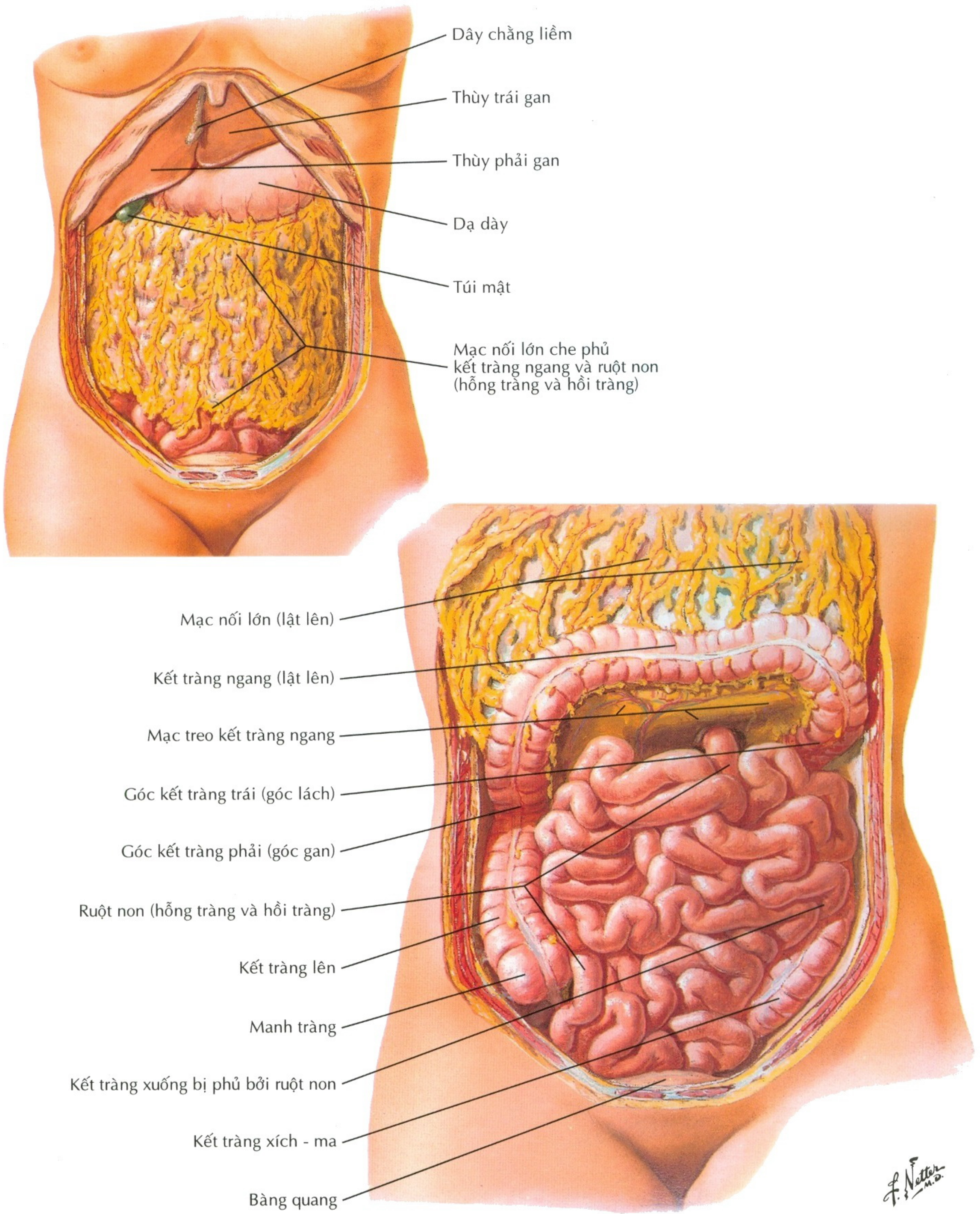
F. Netter M.D.

Hình 268

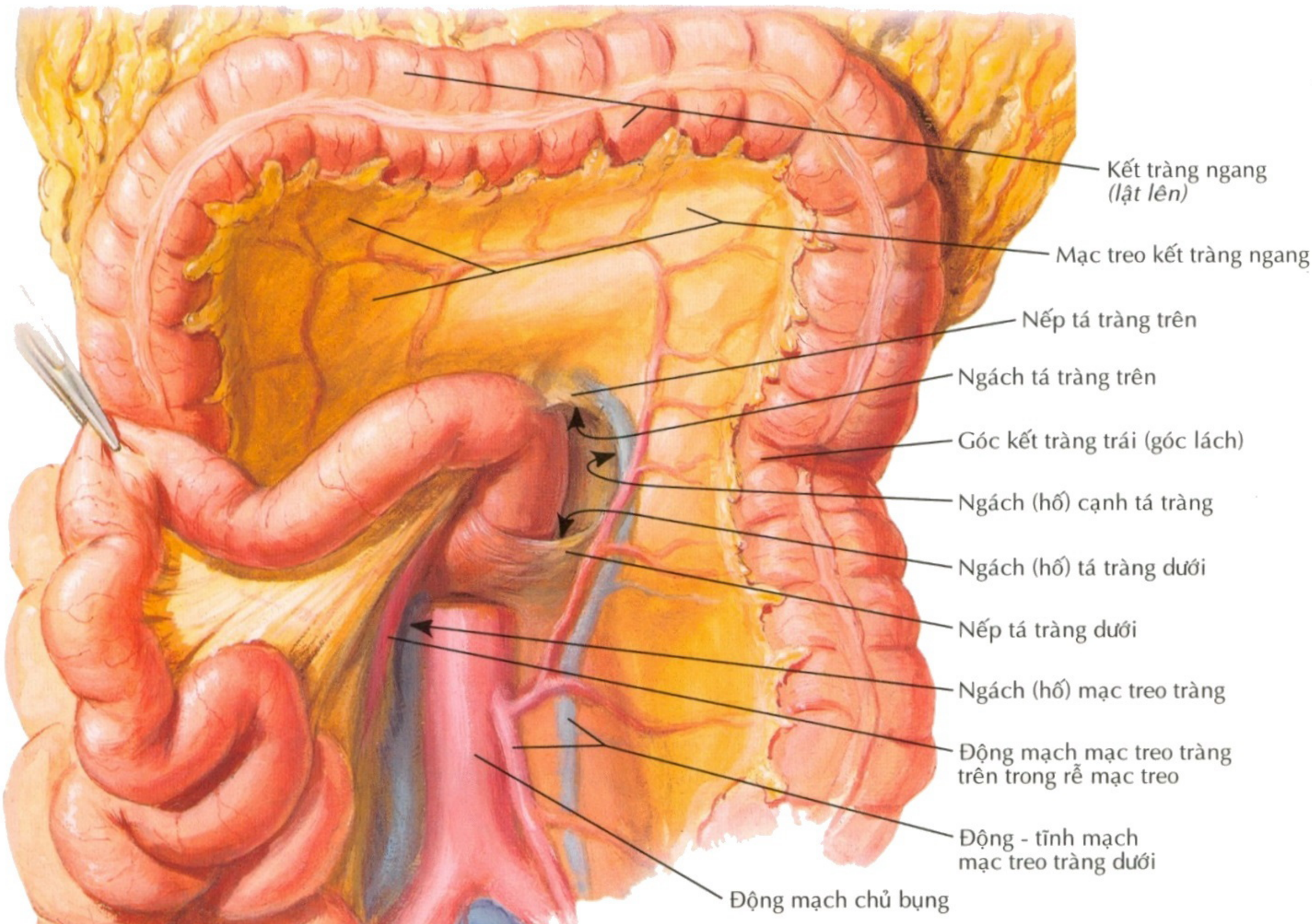
Ổ BỤNG

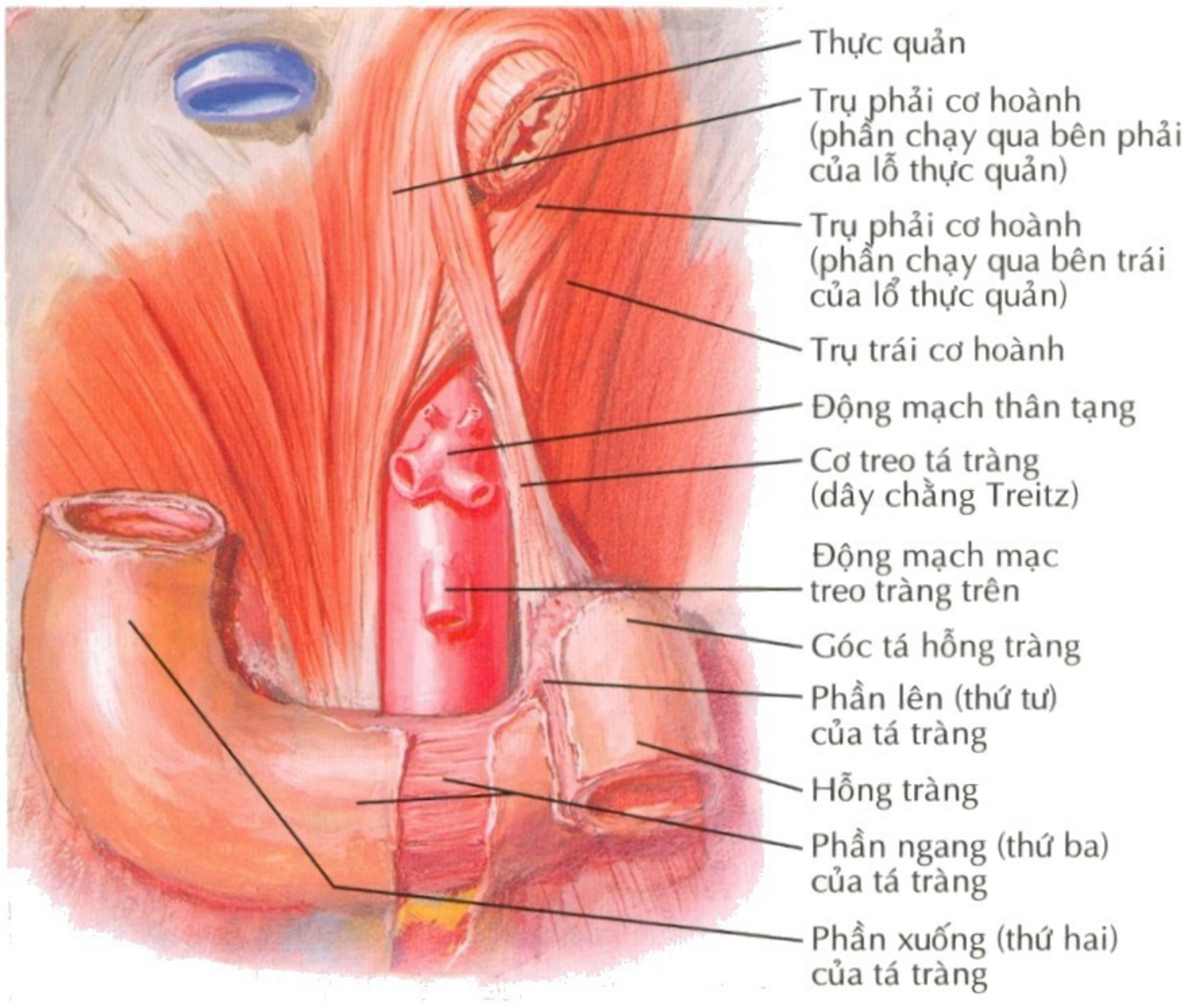
Các Mạc Nối Lớn và Tạng Bụng

Xem thêm hình 275, 348, 349



4 Các Liên Quan Mạc Treo Ruột

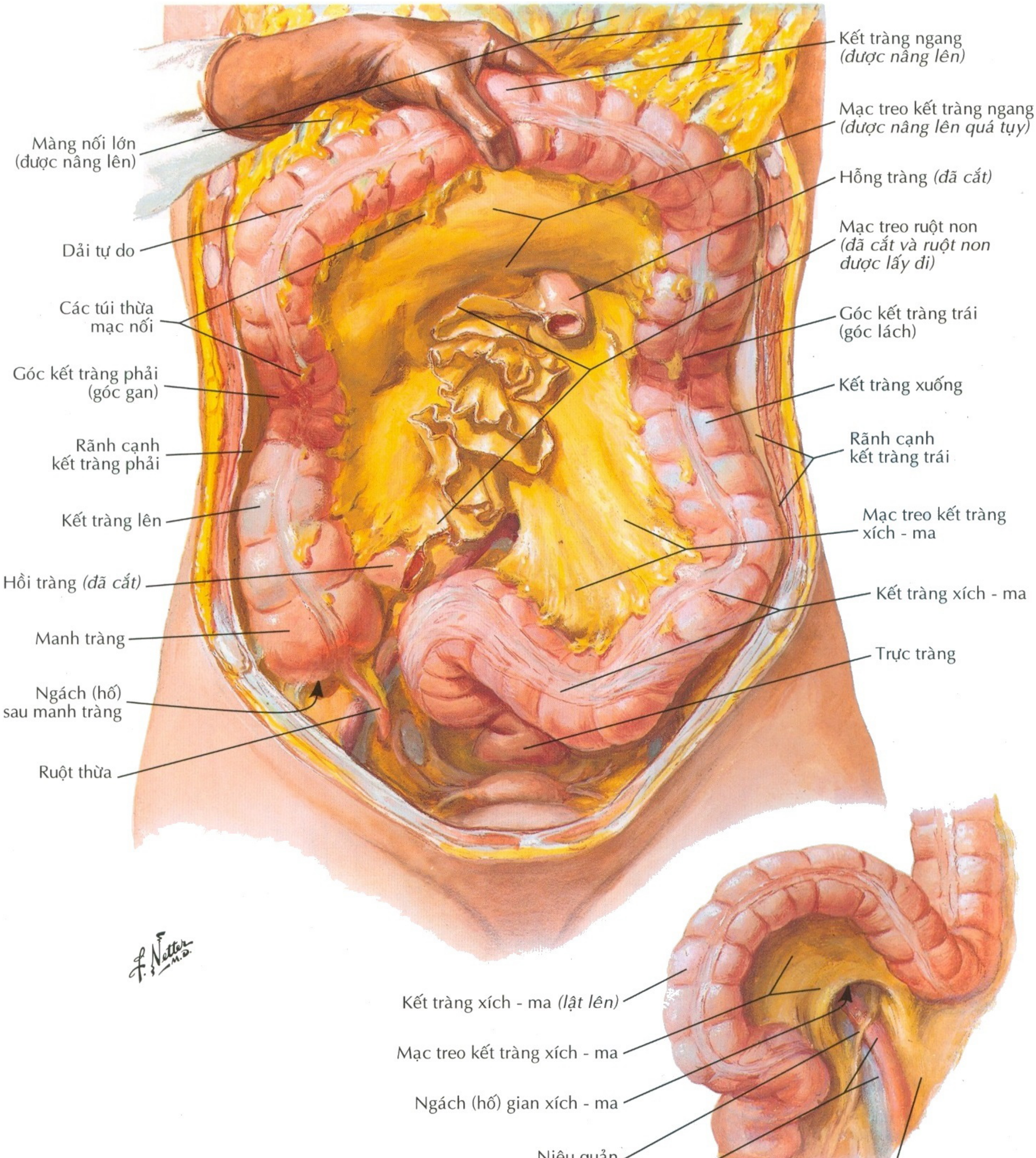




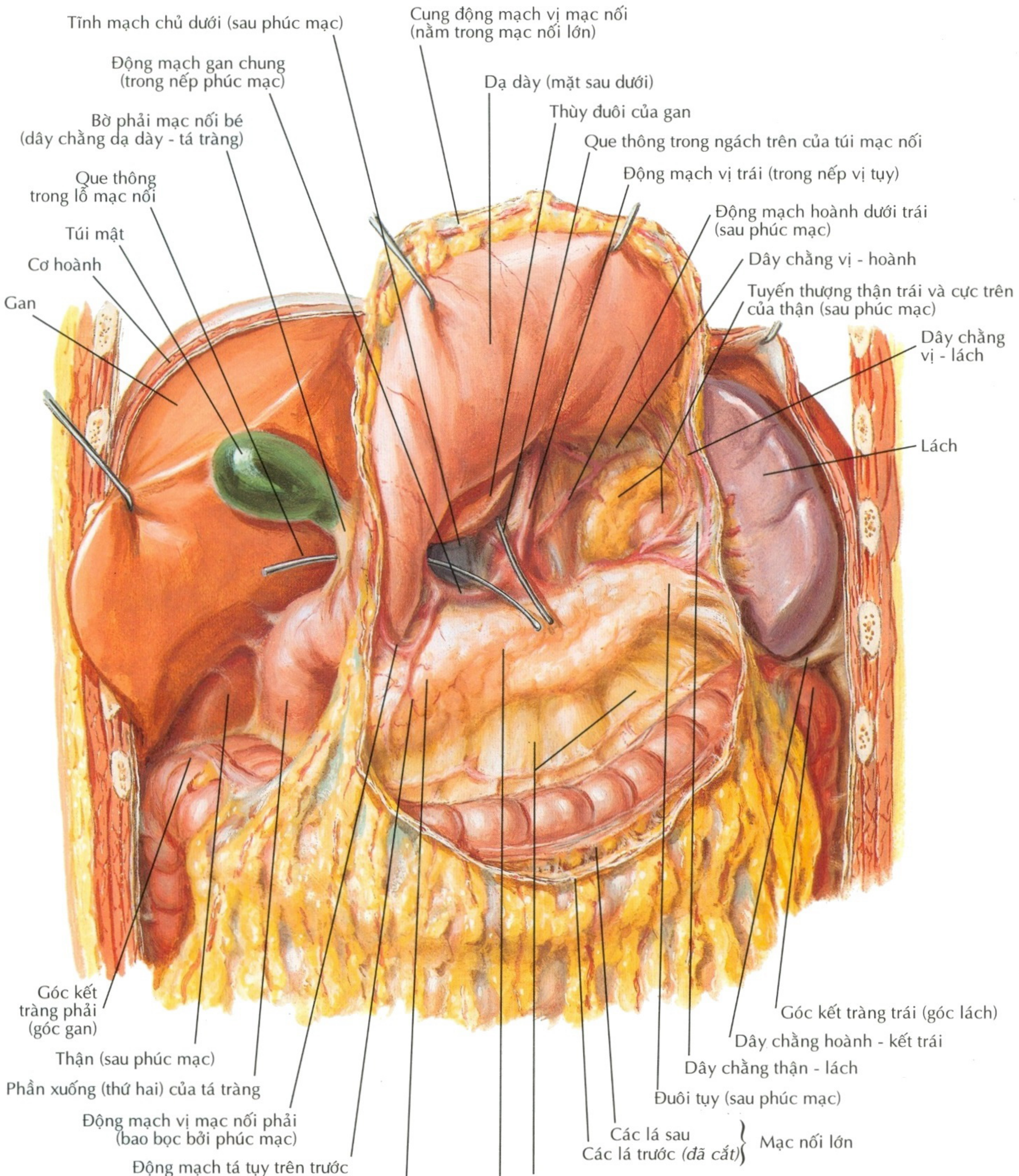
Bộc lộ cơ treo tá tràng (dây chằng Treitz)

F. Netter M.D.

Các Liên Quan Mạc Treo Ruột (tiếp theo)



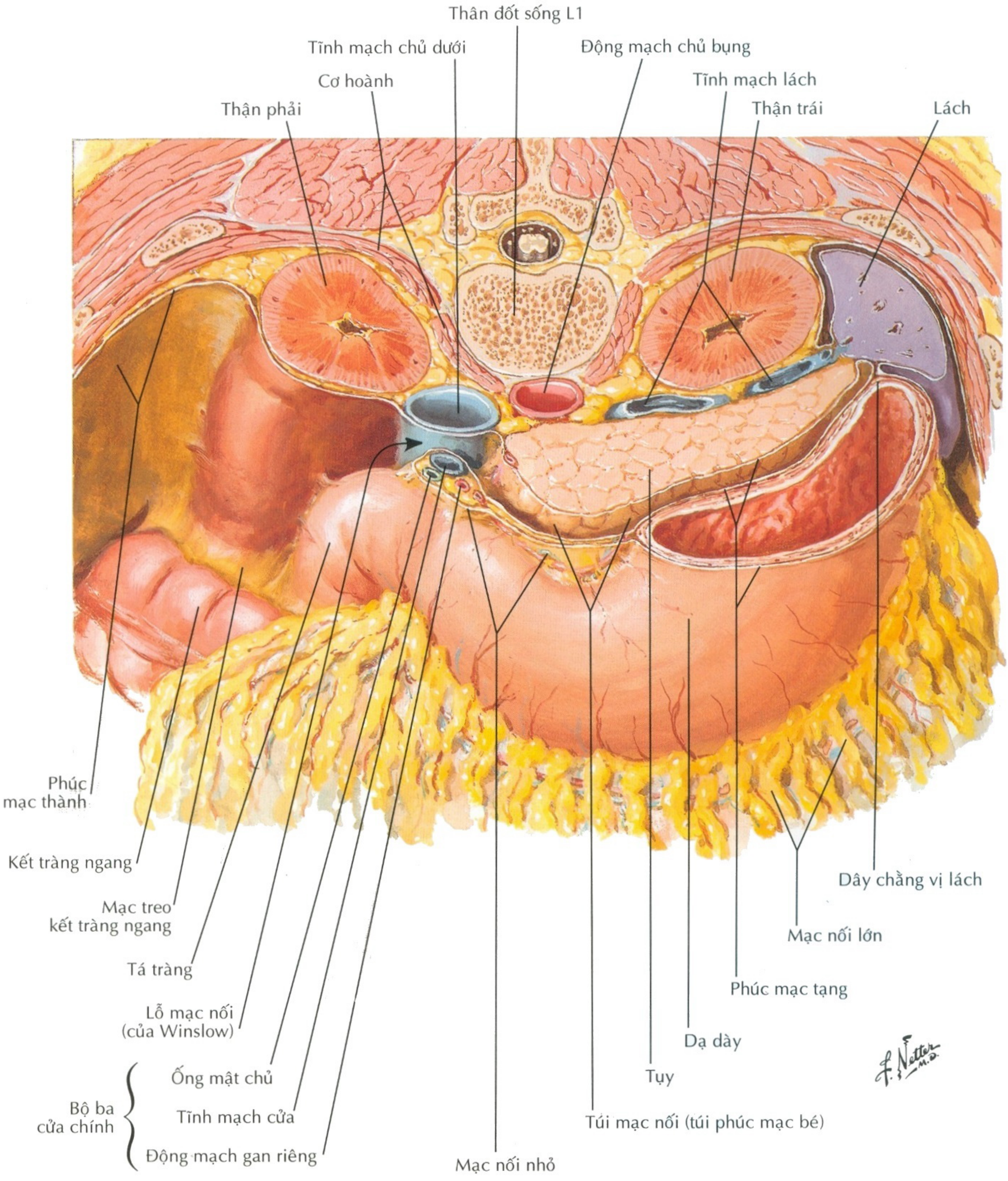
4 Túi Mạc Nối: Dạ Dày Được Lật Lên



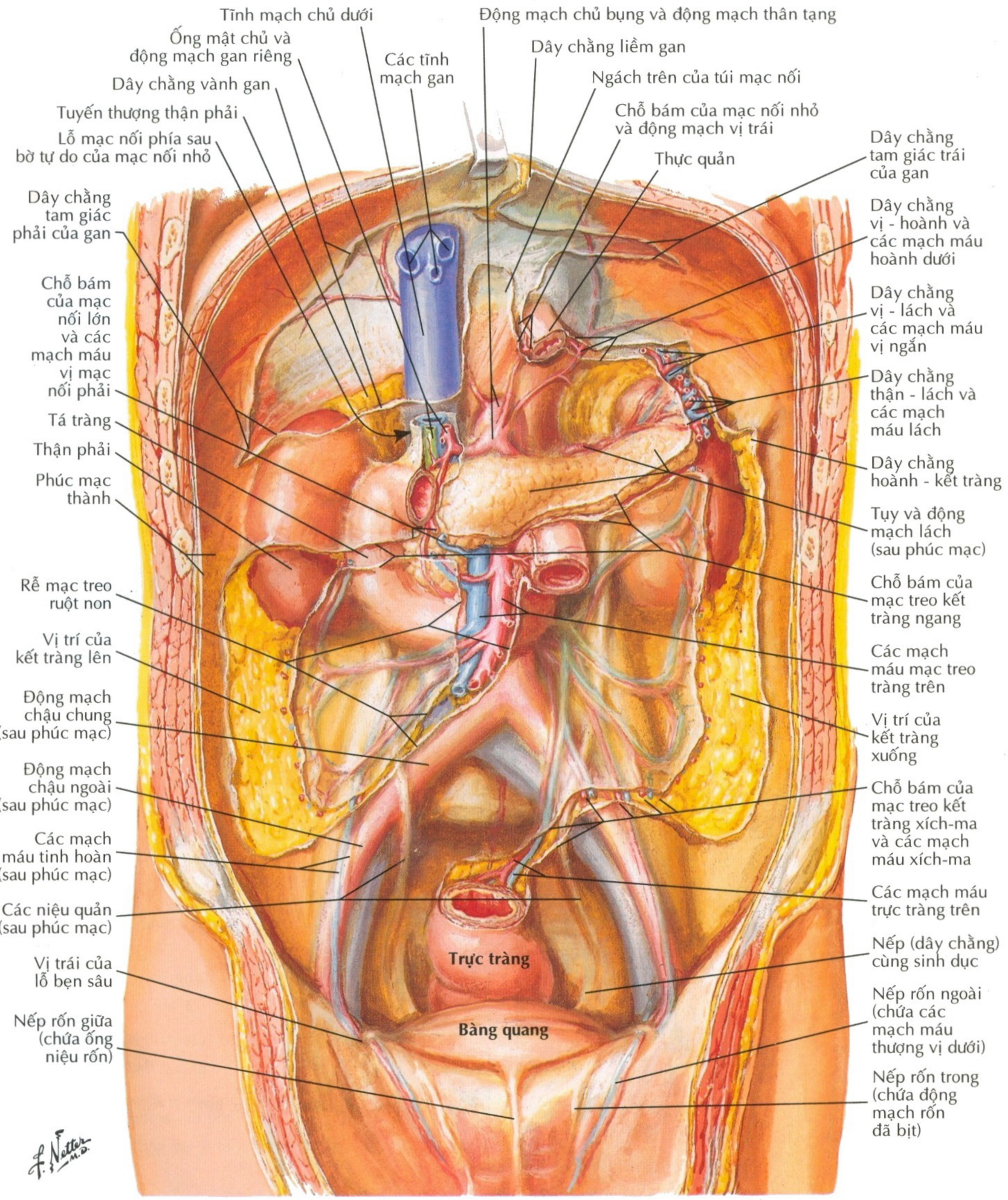
Hình 272

Túi Mạc Nối: Thiết Đồ Ngang

Xem thêm hình 331



4 Phúc Mạc của Thành Bụng Sau

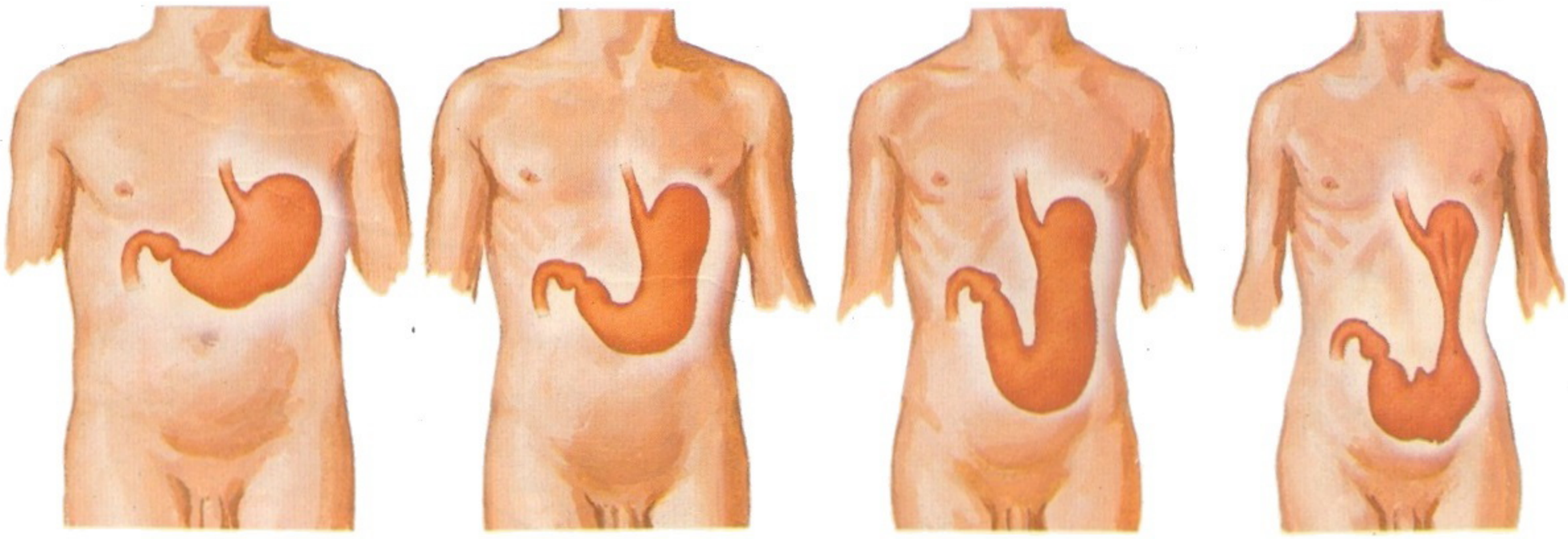


Hình 274

Dạ Dày ở Tại Chỗ

Thùy trái gan
Dây chằng gan - tá tràng
Dây chằng gan - vị
Mạc nối nhỏ
Thực quản đoạn bụng
Khuyết tâm vị
Đáy vị
Cơ hoành
Lách
Dây chằng liềm
Dây chằng tròn gan (tĩnh mạch rốn đã bịt)
Viền dưới của gan
Thùy vuông của gan
Thùy phải gan
Túi mật
Lỗ mạc nối (Winslow)
Môn vị
Tá tràng
Thận phải (sau phúc mạc)
Kết tràng phải (góc gan)
Phần tâm - dạ dày
Thân vị
Khuyết góc
Bờ cong nhỏ
Ống môn vị
Phần môn vị - dạ dày
Hang môn vị
Bờ cong lớn
Mạc nối lớn
Góc kết tràng trái (góc lách)

F. Netter M.D.

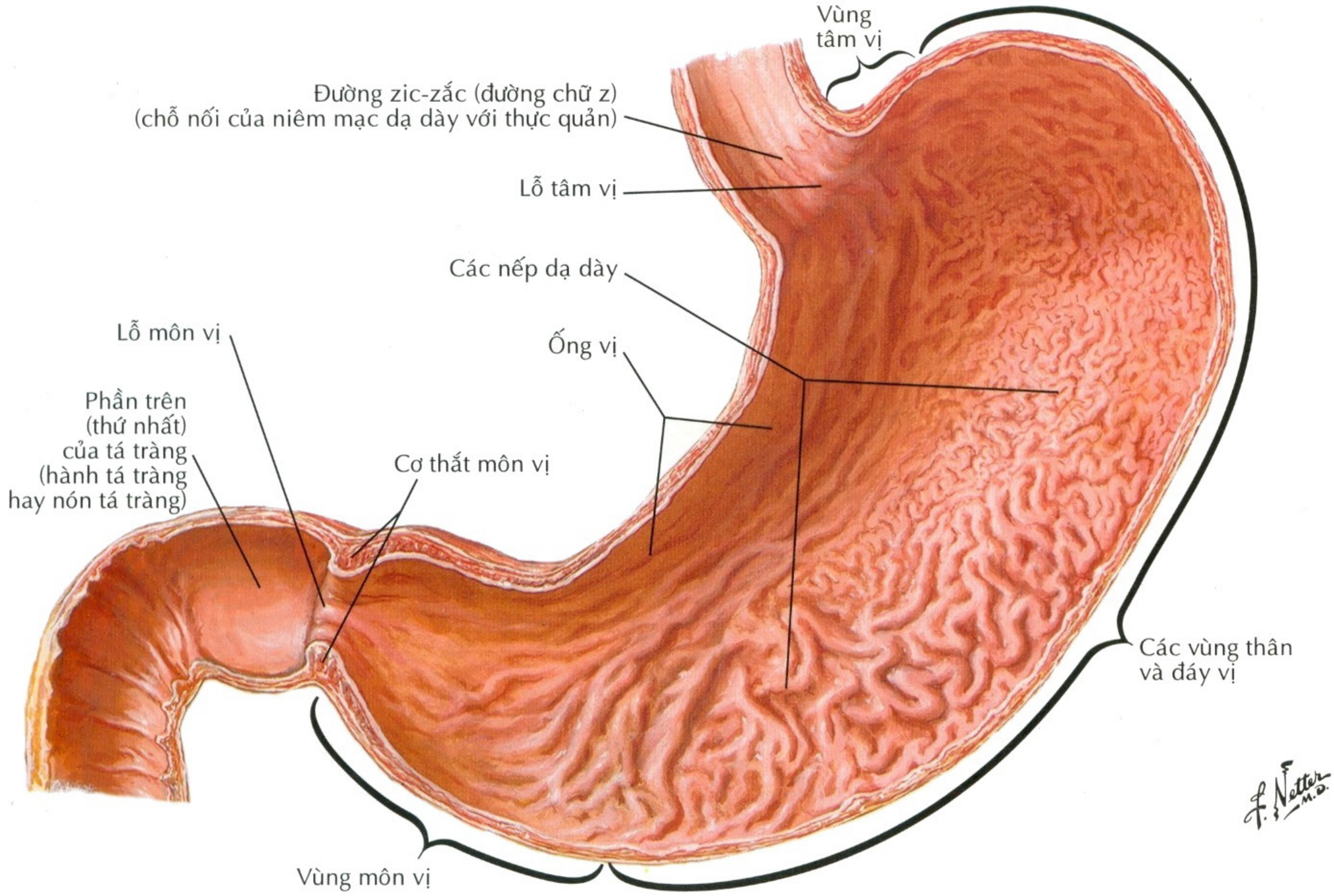


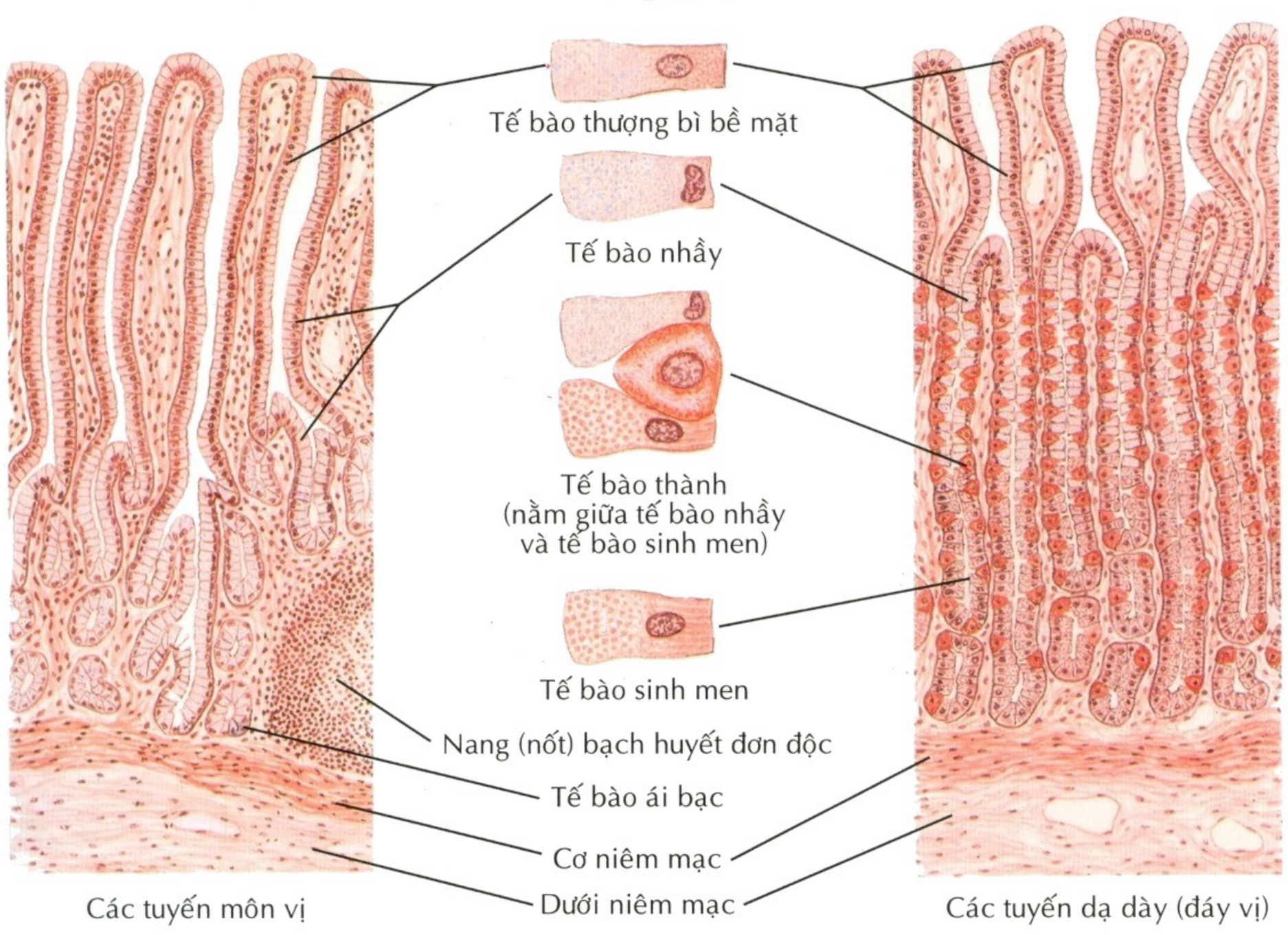
Dạ dày trương lực cao | Dạ dày trương lực vừa | Dạ dày trương lực thấp | Dạ dày mất trương lực

Những dạng thay đổi về vị trí và hình dáng của dạ dày liên quan đến thể chất cơ thể

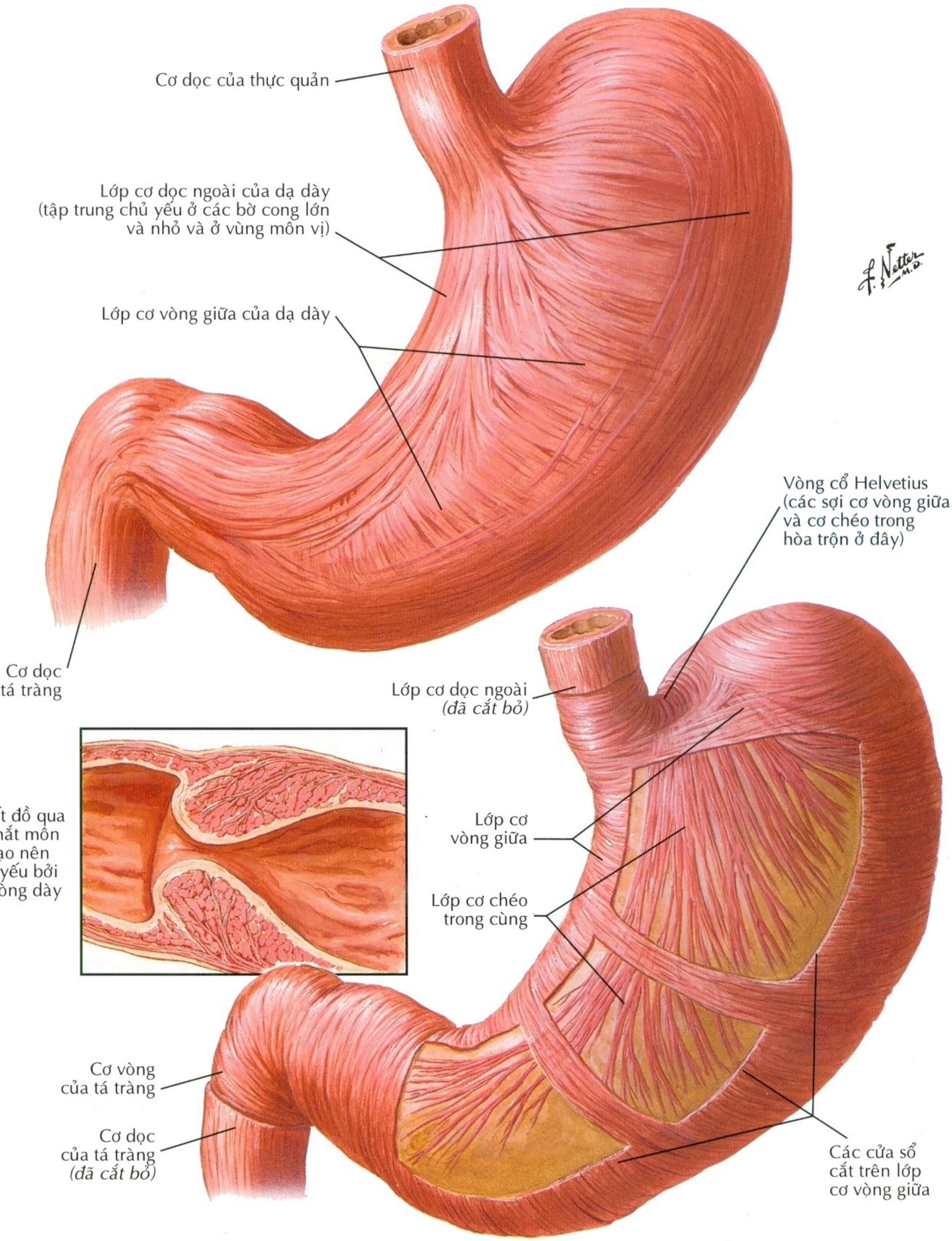
4 Niêm Mạc Dạ Dày

Xem thêm hình: 236

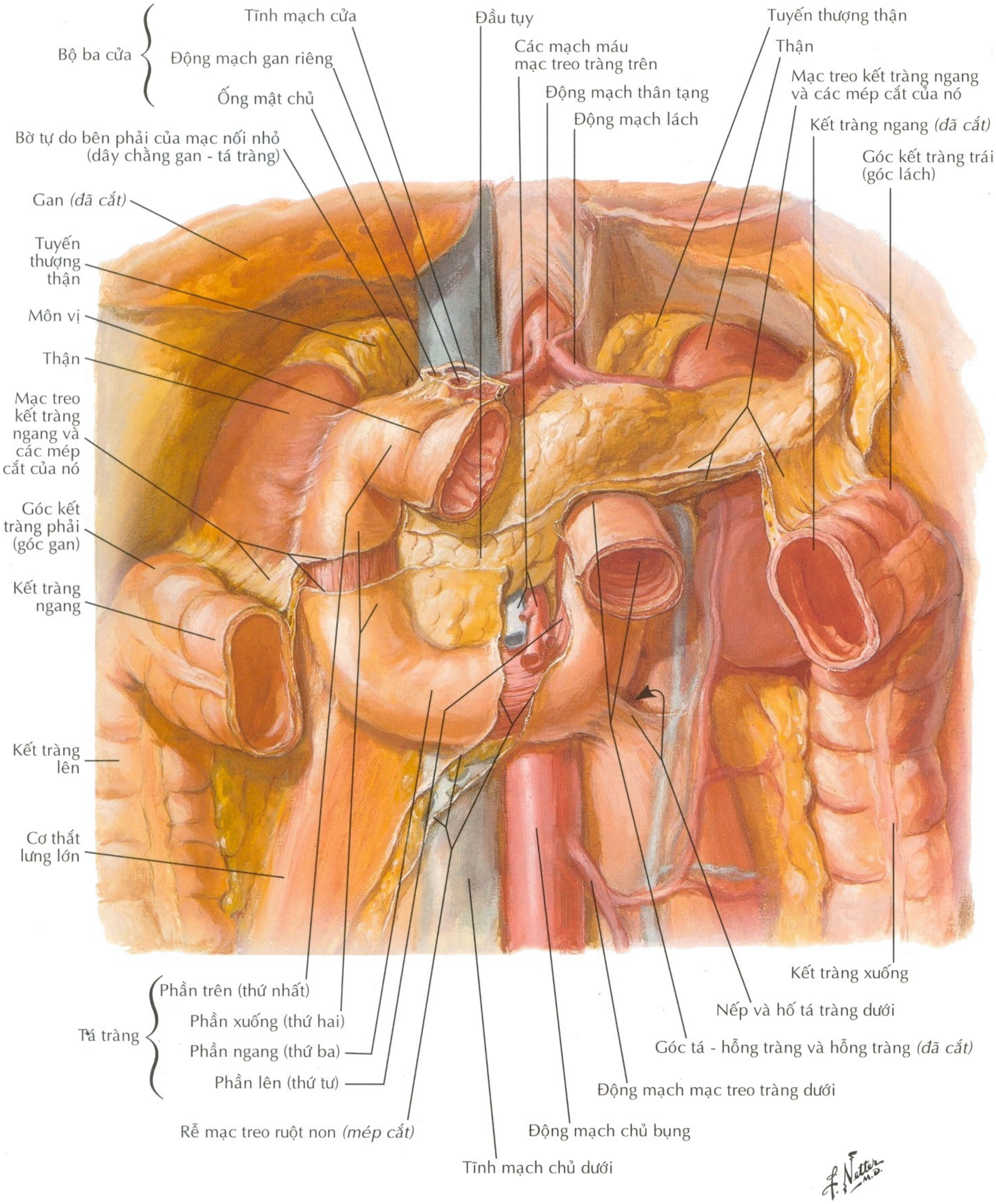




Hình 276 **NỘI TẠNG (RUỘT)**

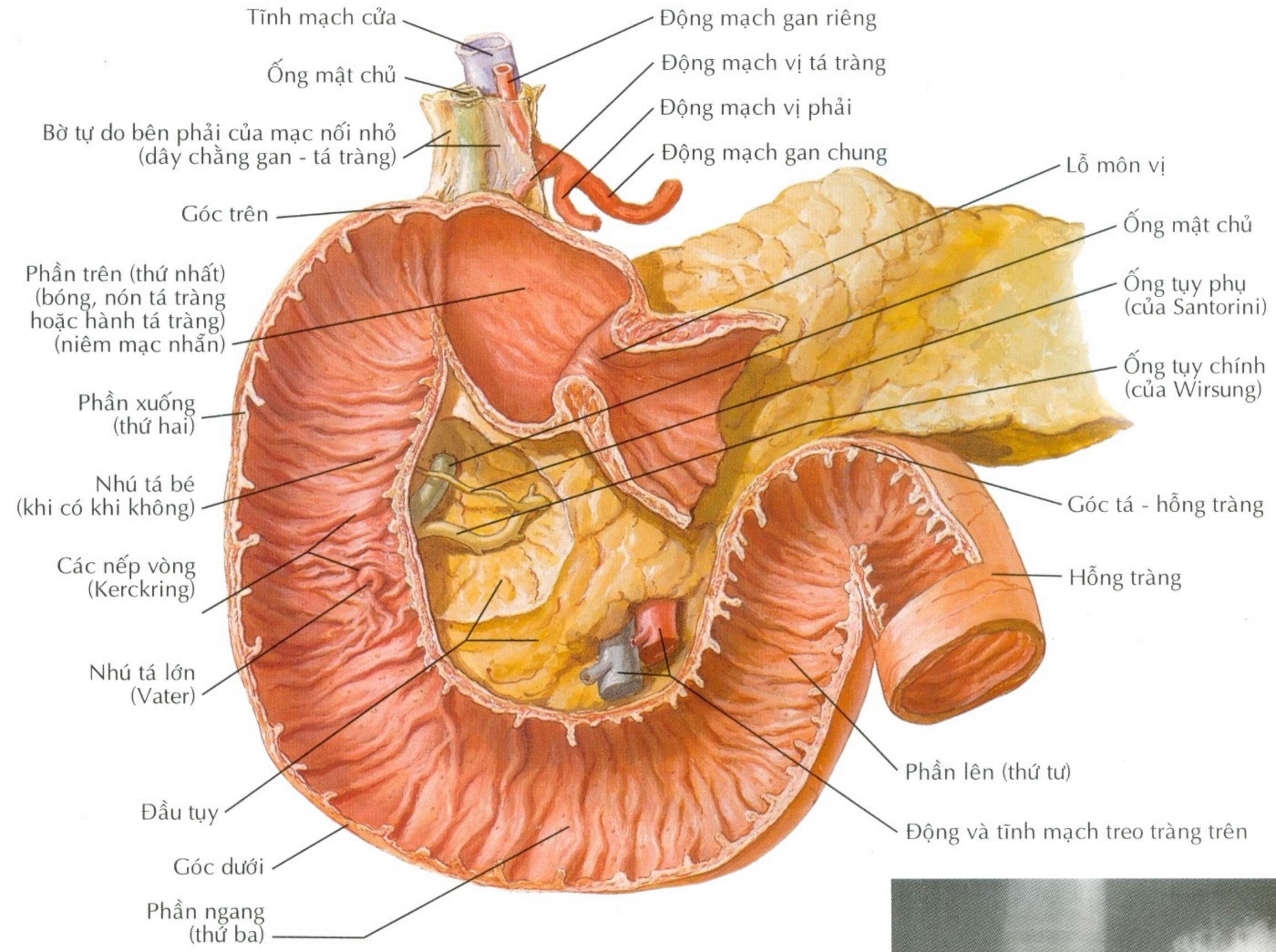

Cơ dọc của thực quản
Lớp cơ dọc ngoài của dạ dày (tập trung chủ yếu ở các bờ cong lớn và nhỏ và ở vùng môn vị)
Lớp cơ vòng giữa của dạ dày
Cơ dọc của tá tràng
Vòng cổ Helvetius (các sợi cơ vòng giữa và cơ chéo trong hòa trộn ở đây)
Lớp cơ dọc ngoài (đã cắt bỏ)
Thiết đồ qua cơ thắt môn vị (tạo nên chủ yếu bởi cơ vòng dày lên)
Lớp cơ vòng giữa
Lớp cơ chéo trong cùng
Cơ vòng của tá tràng
Cơ dọc của tá tràng (đã cắt bỏ)
Các cửa sổ cắt trên lớp cơ vòng giữa

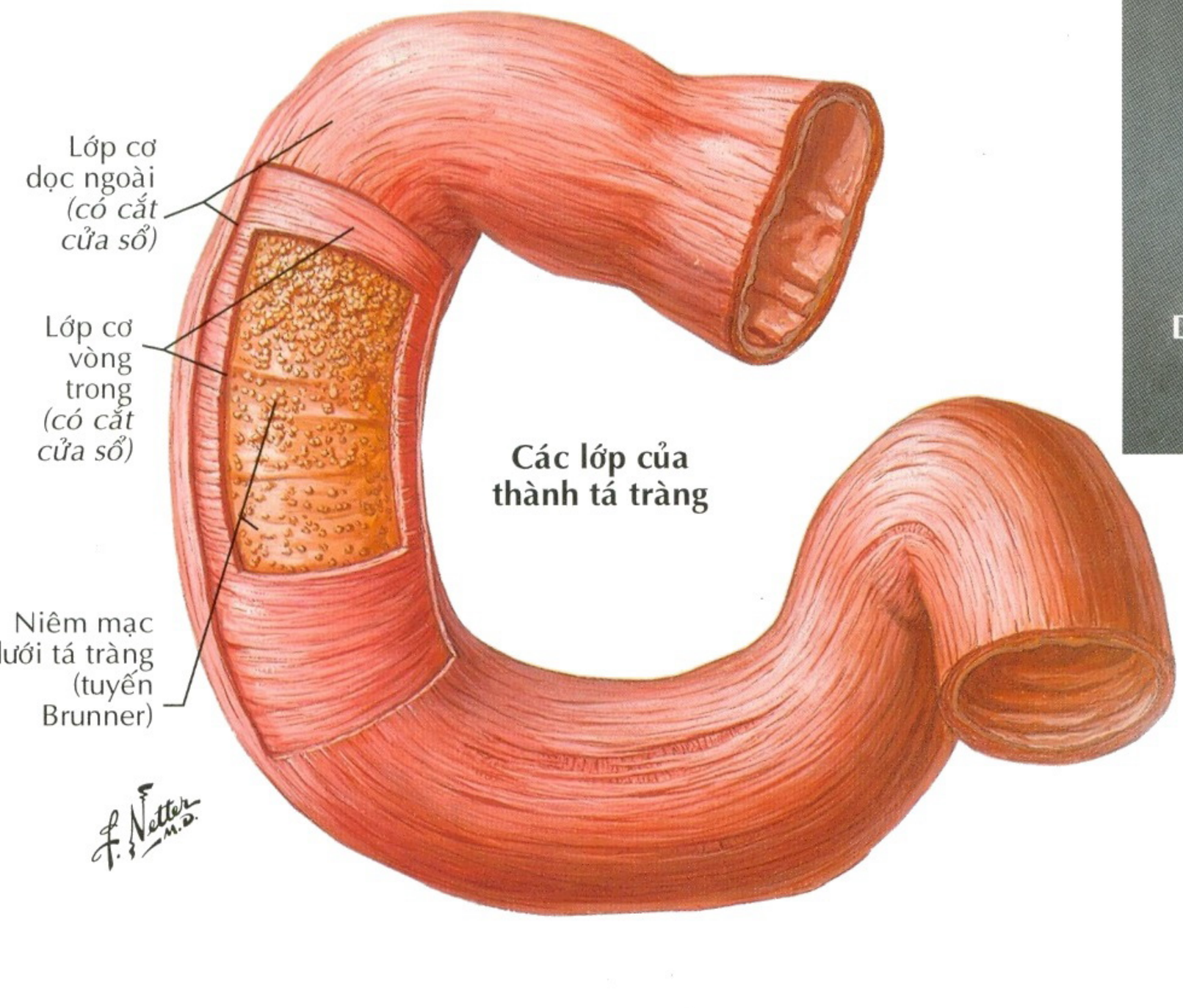
4 Tá Tràng ở Tại Chỗ



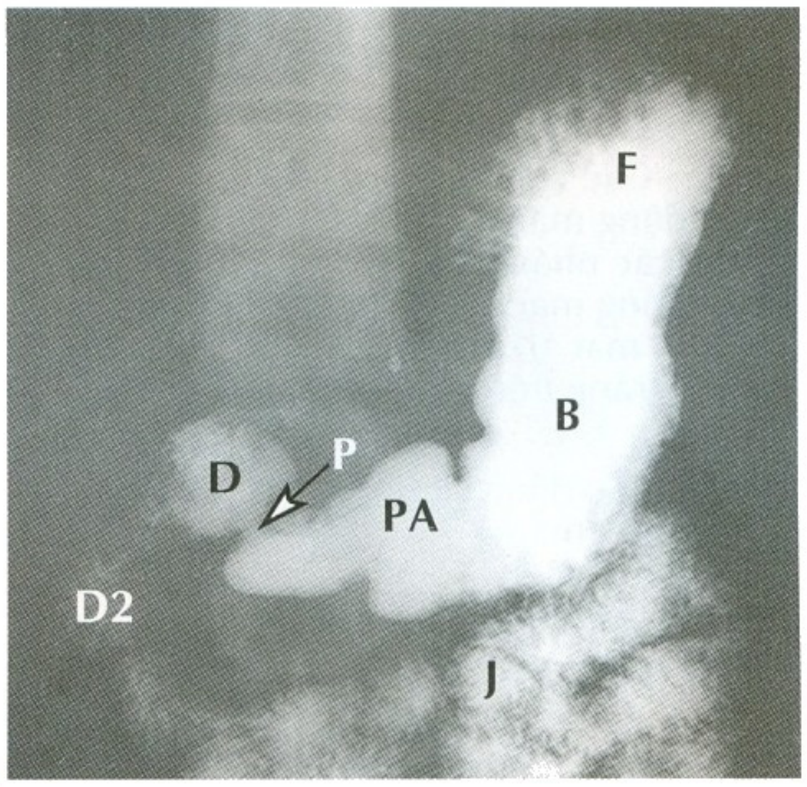
Hình 278 **NỘI TẠNG (RUỘT)**

Niêm Mạc và Cơ Tá Tràng





Các lớp của thành tá tràng

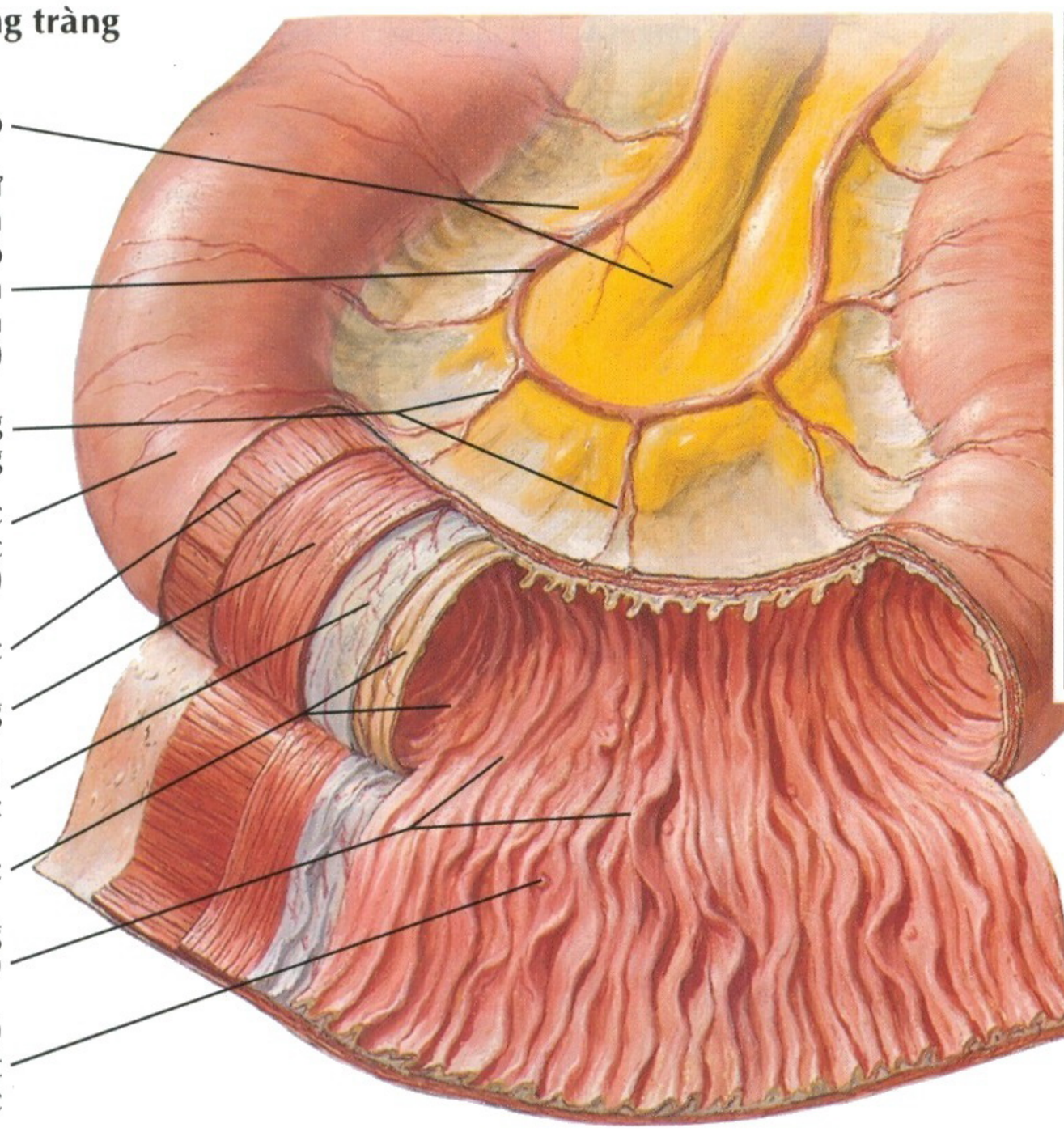


Hình chụp có cản quang của dạ dày, tá tràng và ruột già

- B Thân của dạ dày
- D Đỉnh tá tràng
- D2 Vùng xuống của tá tràng
- F Đáy của dạ dày
- J Ruột chay đầu gần
- P Môn vị
- PA Hang môn vị

Niêm Mạc và Cơ Ruột Non

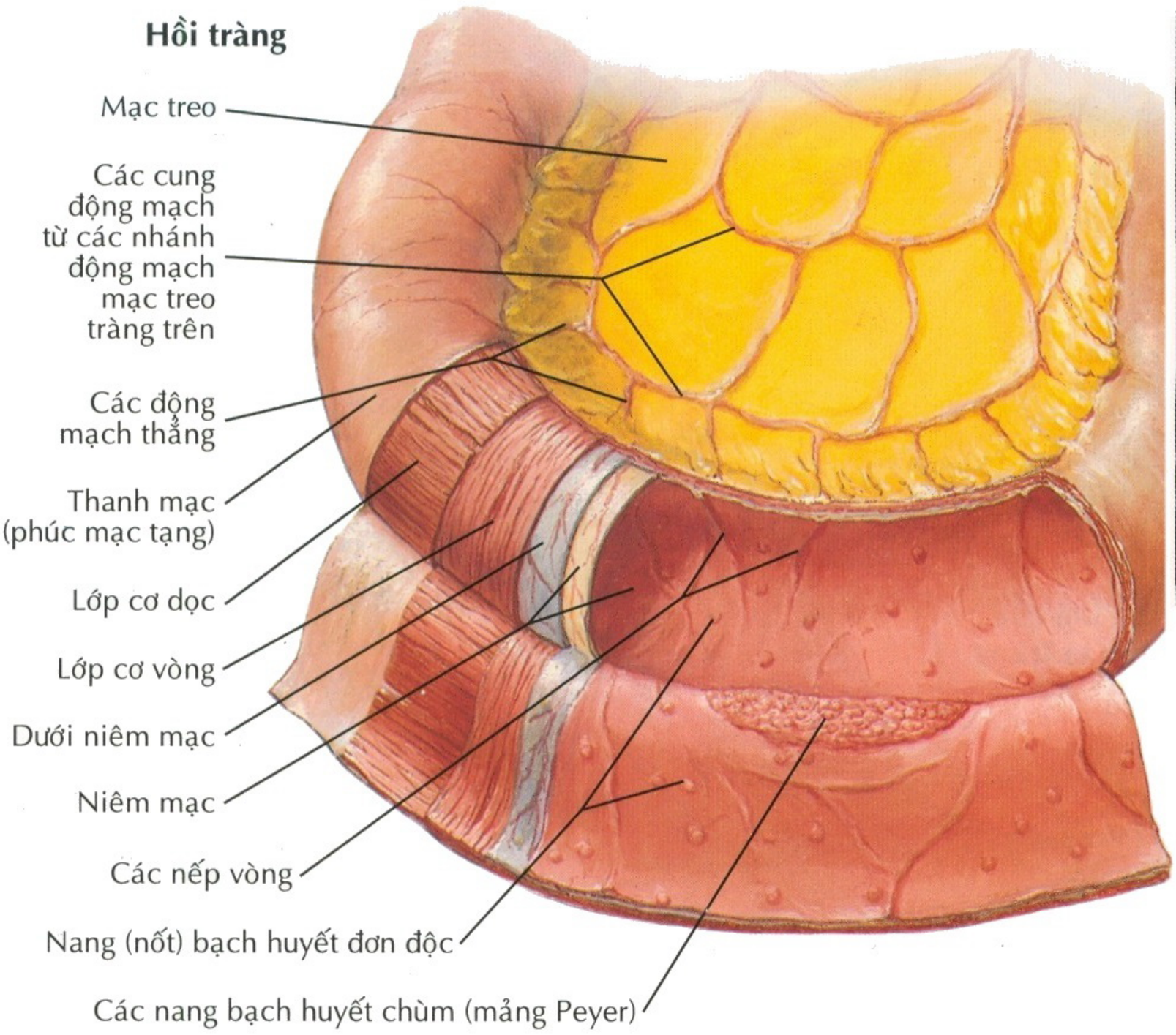
Hỗng tràng





Hình chụp có cản quang Barium của hỗng tràng

Hồi tràng

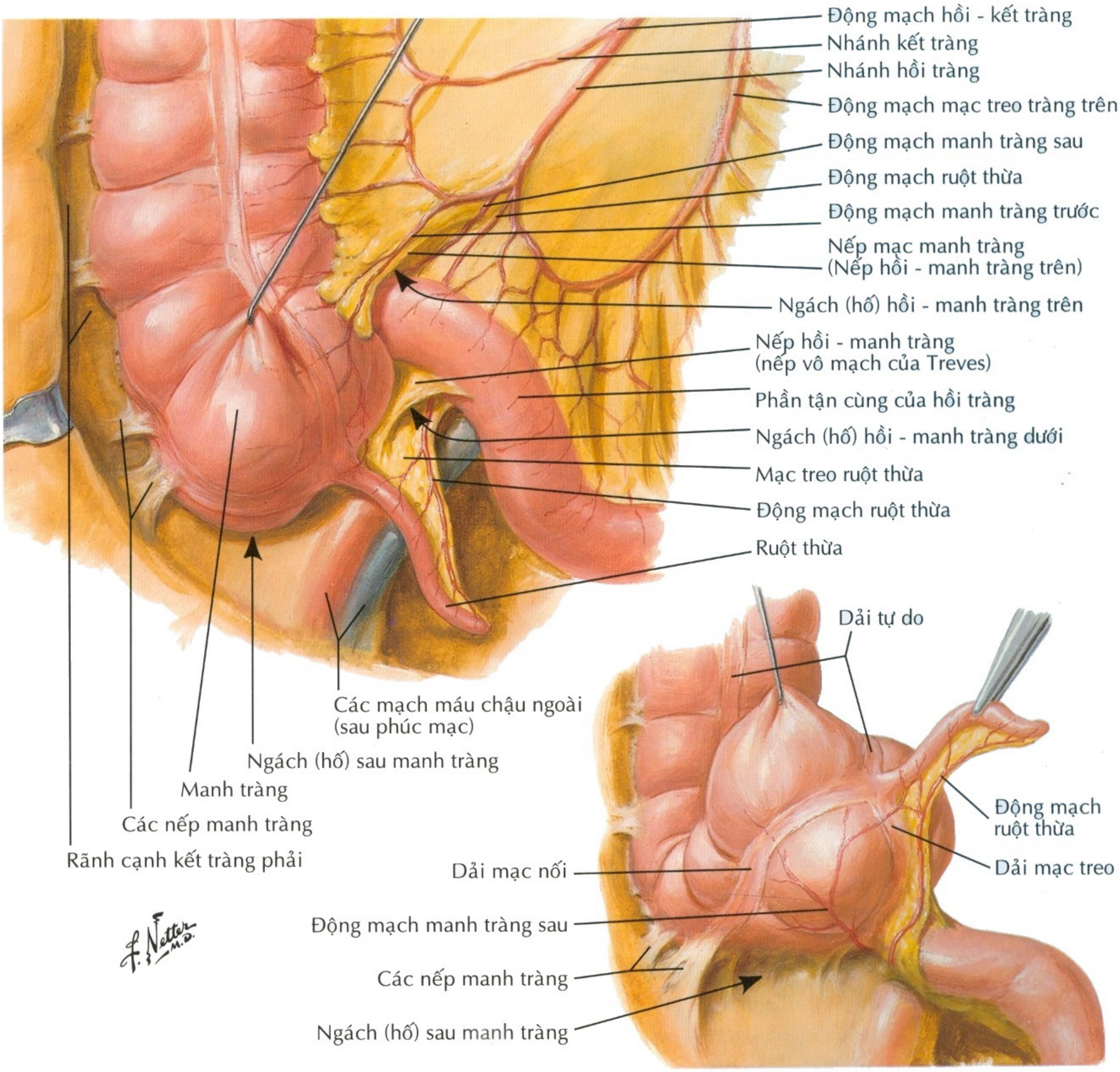




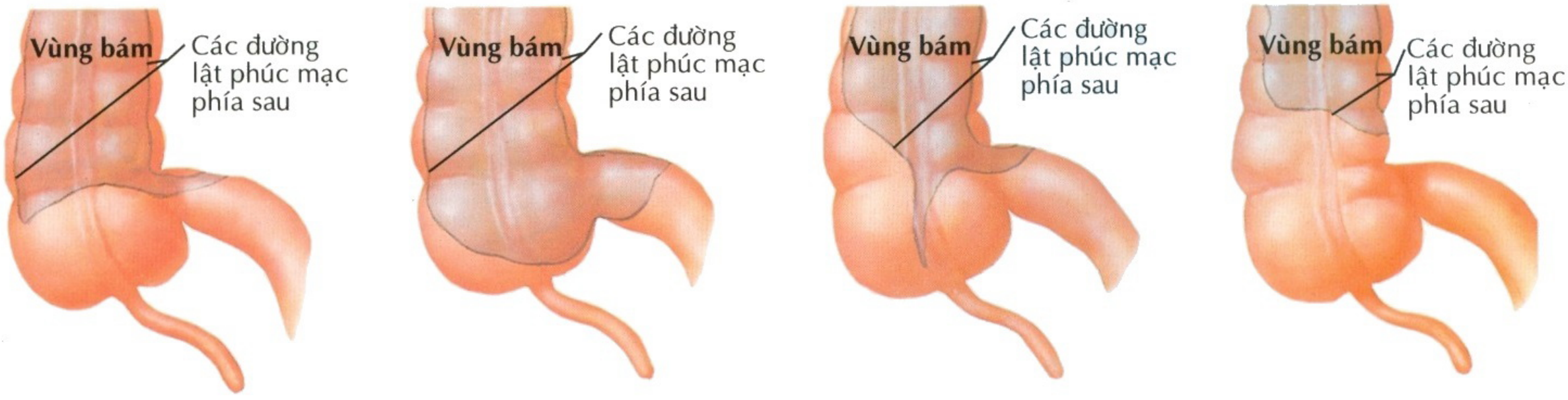
Hình chụp có cản quang Barium của hồi tràng

F. Netter M.D.

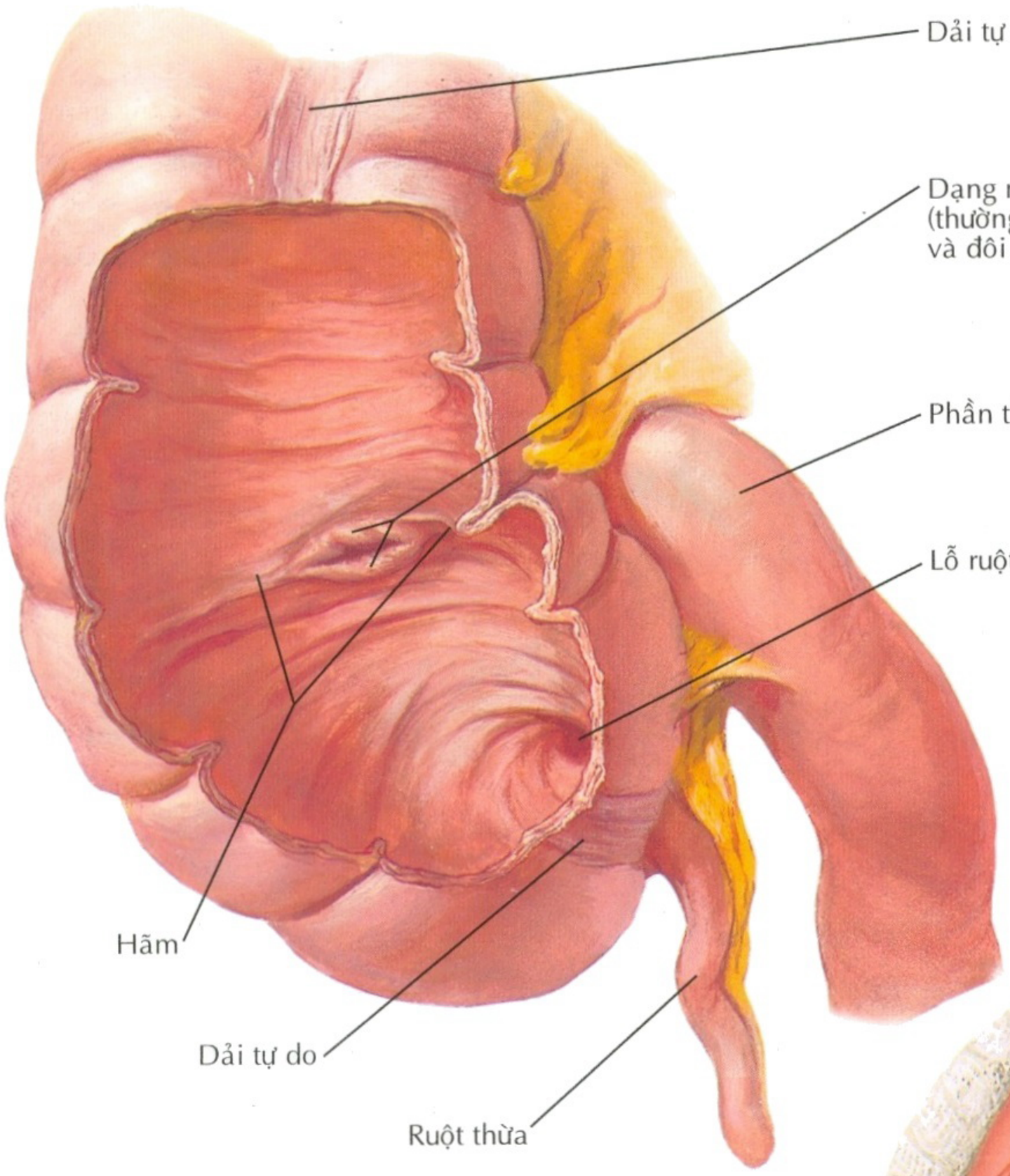
Hình 280 **NỘI TẠNG (RUỘT)**

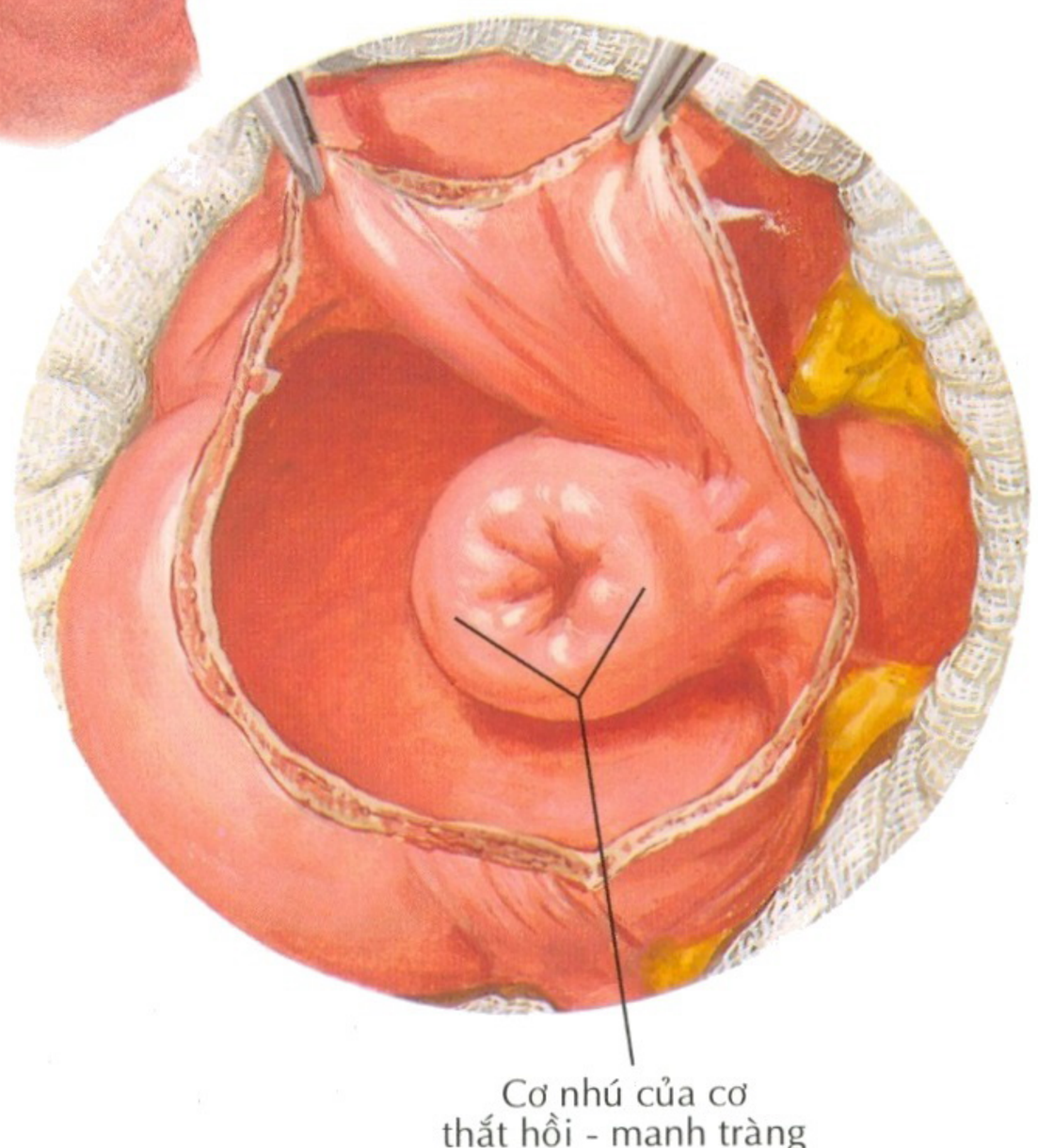


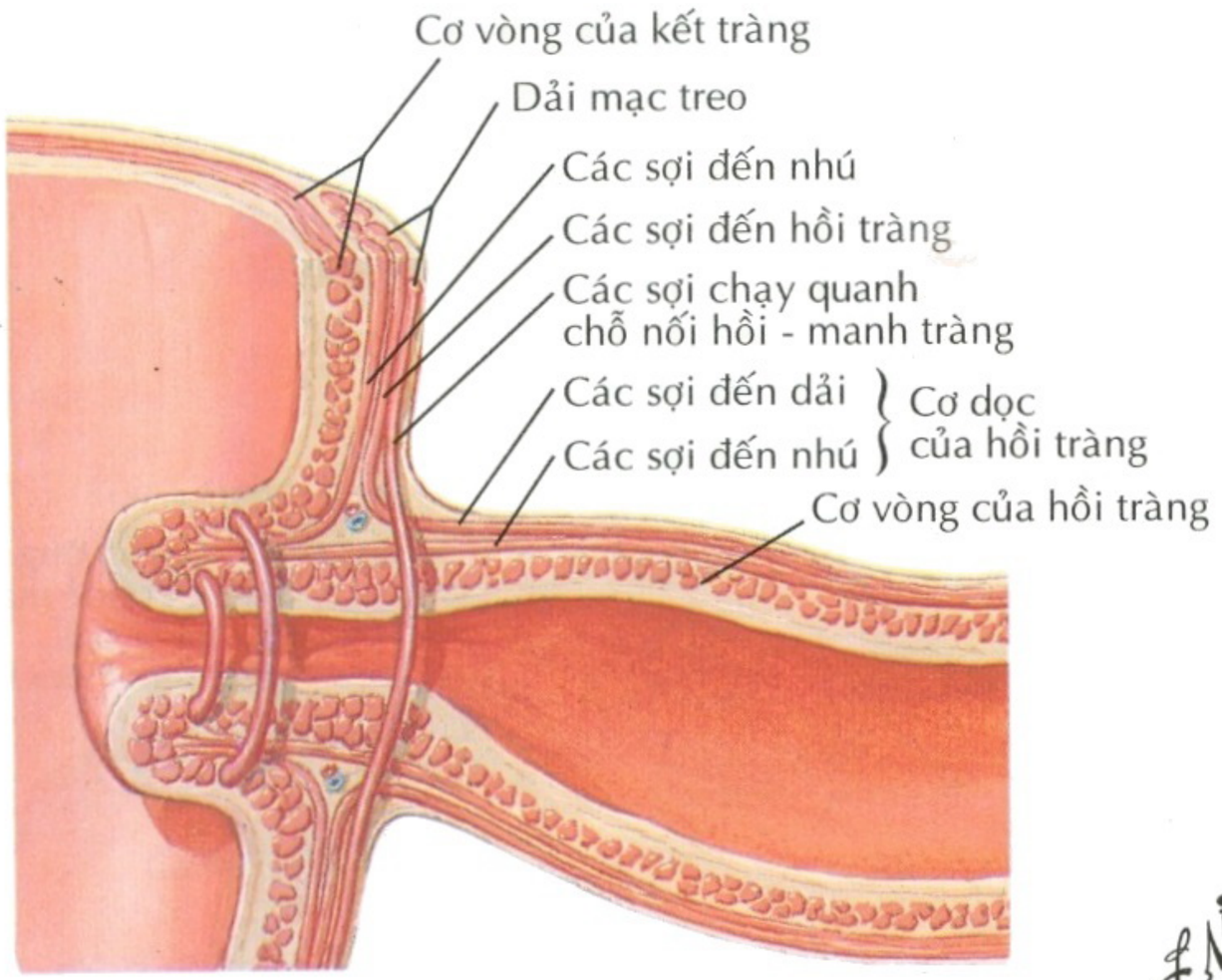
Vài dạng thay đổi về chỗ bám phúc mạc phía sau manh tràng



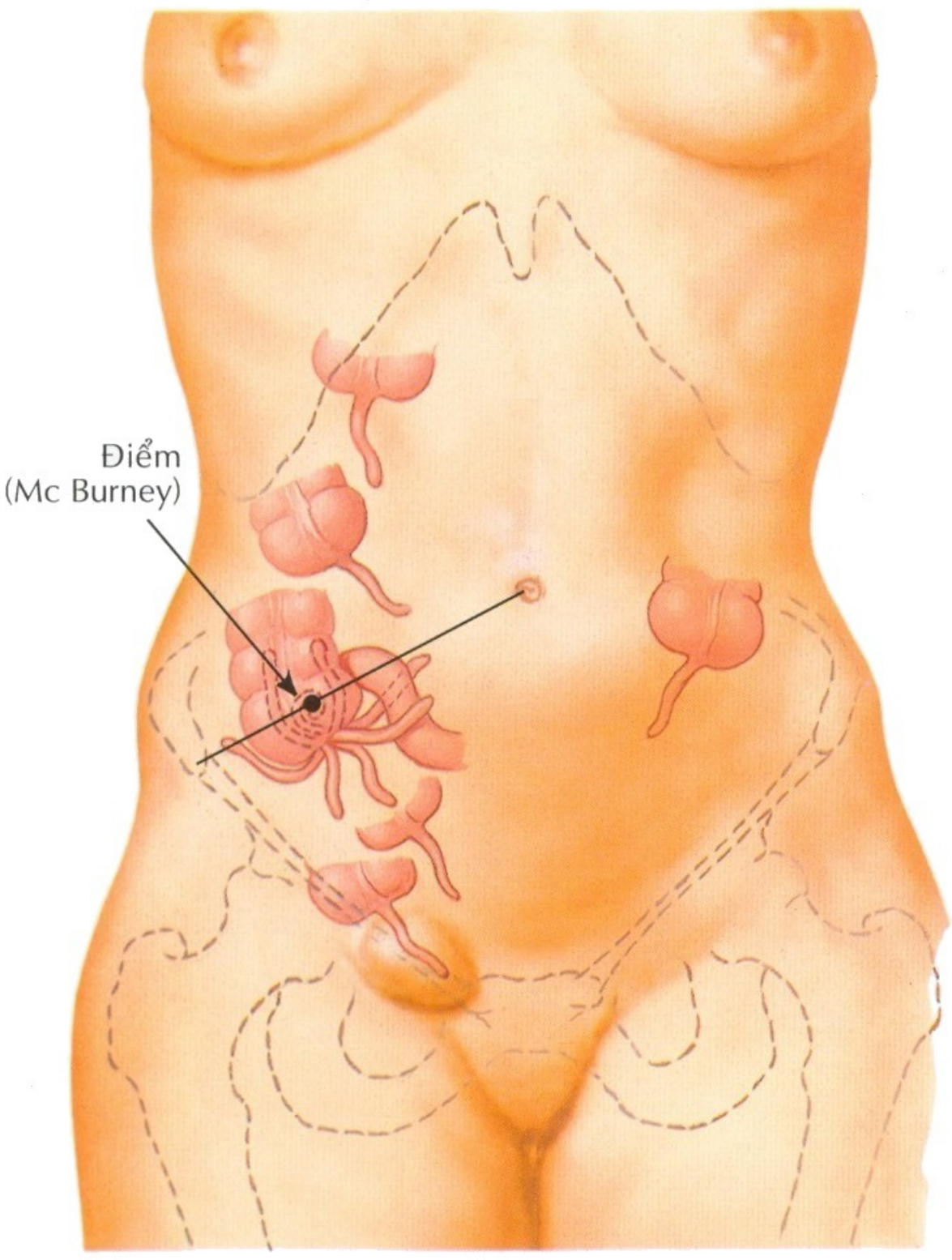
Vùng Hồi - Mành Tràng (tiếp theo)



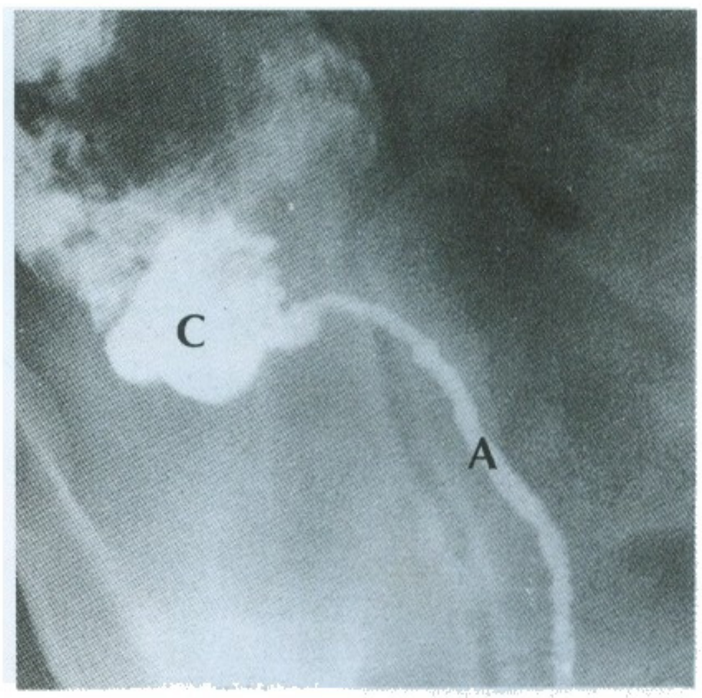




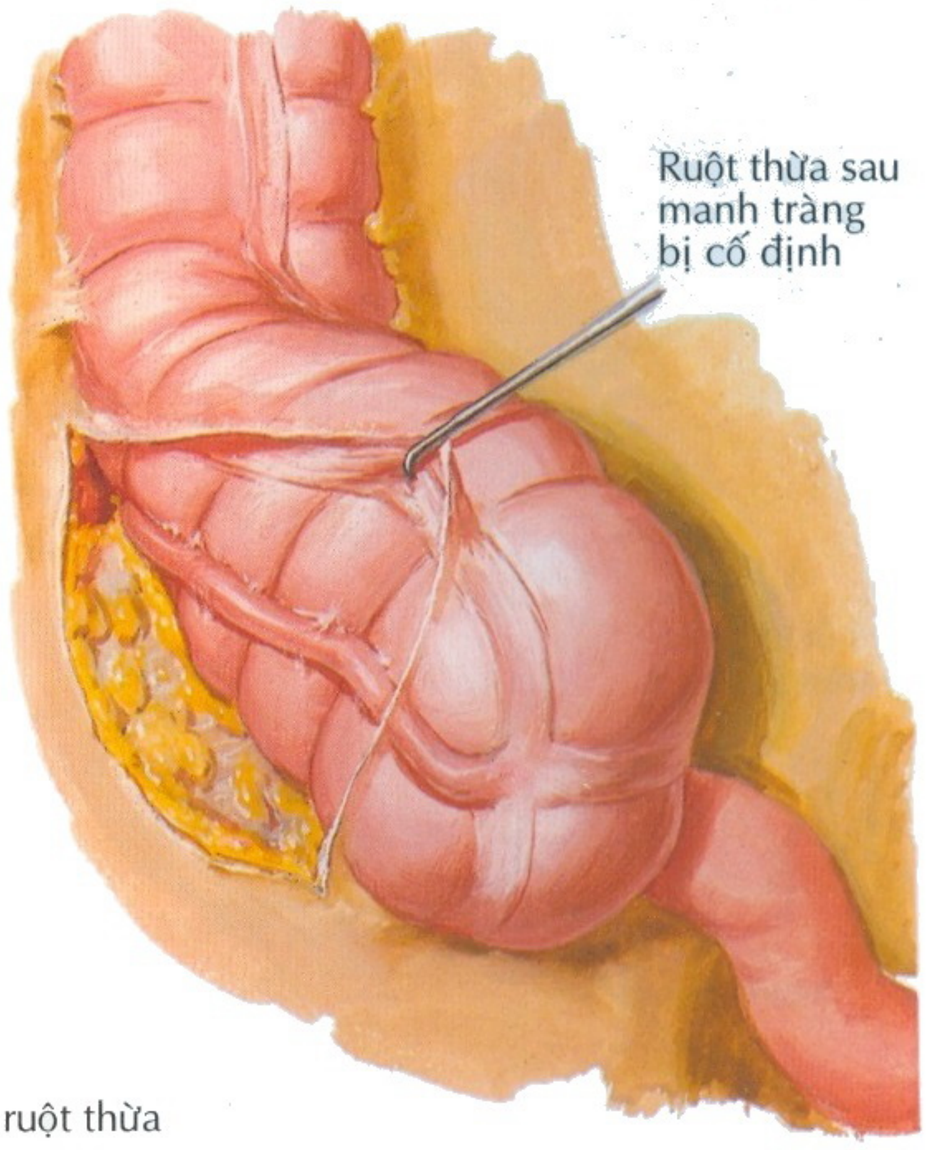
Sơ đồ các sợi cơ ở cơ thắt hồi - manh tràng



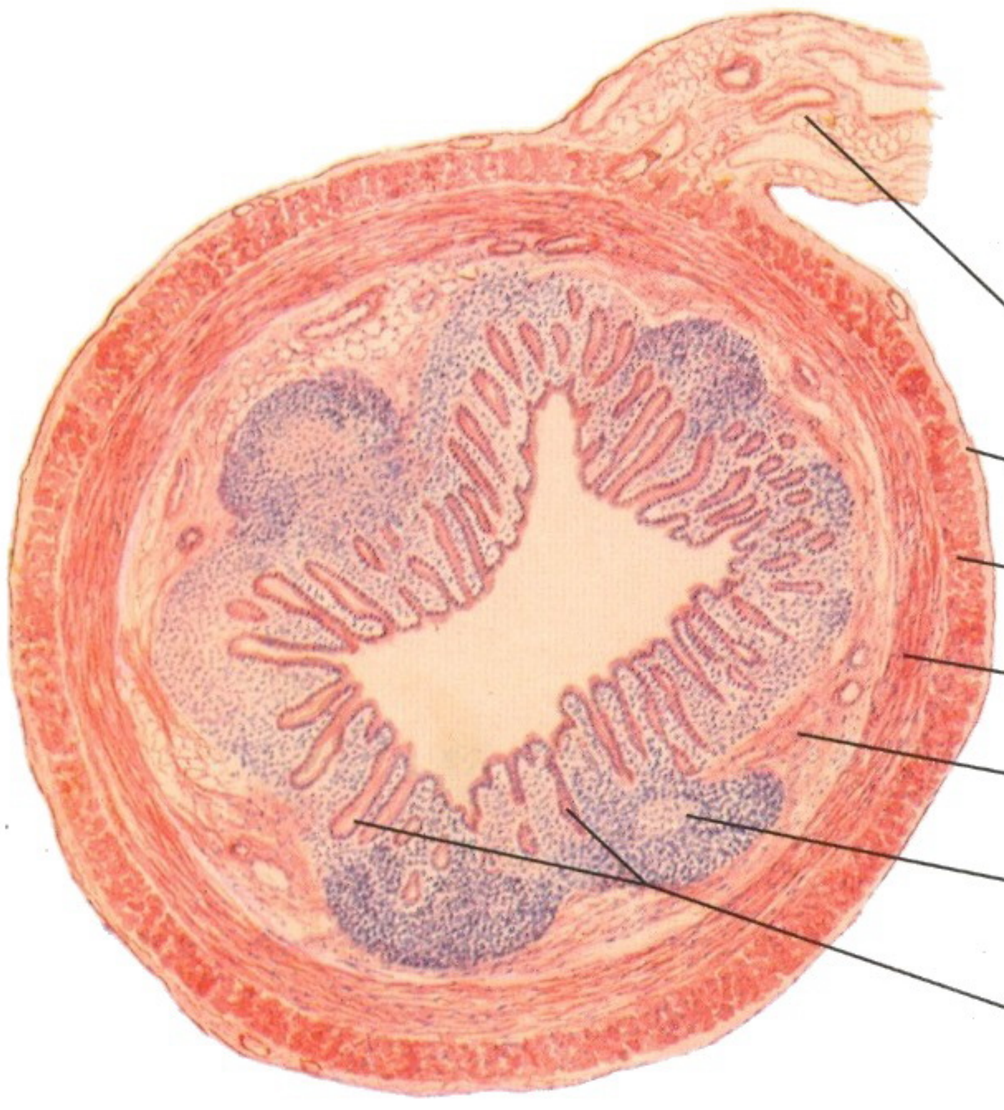
Các thay đổi về vị trí của ruột thừa



Ruột thừa dài bất thường
xuống đến tận chậu hông
(hình chụp có cản quang Barium)



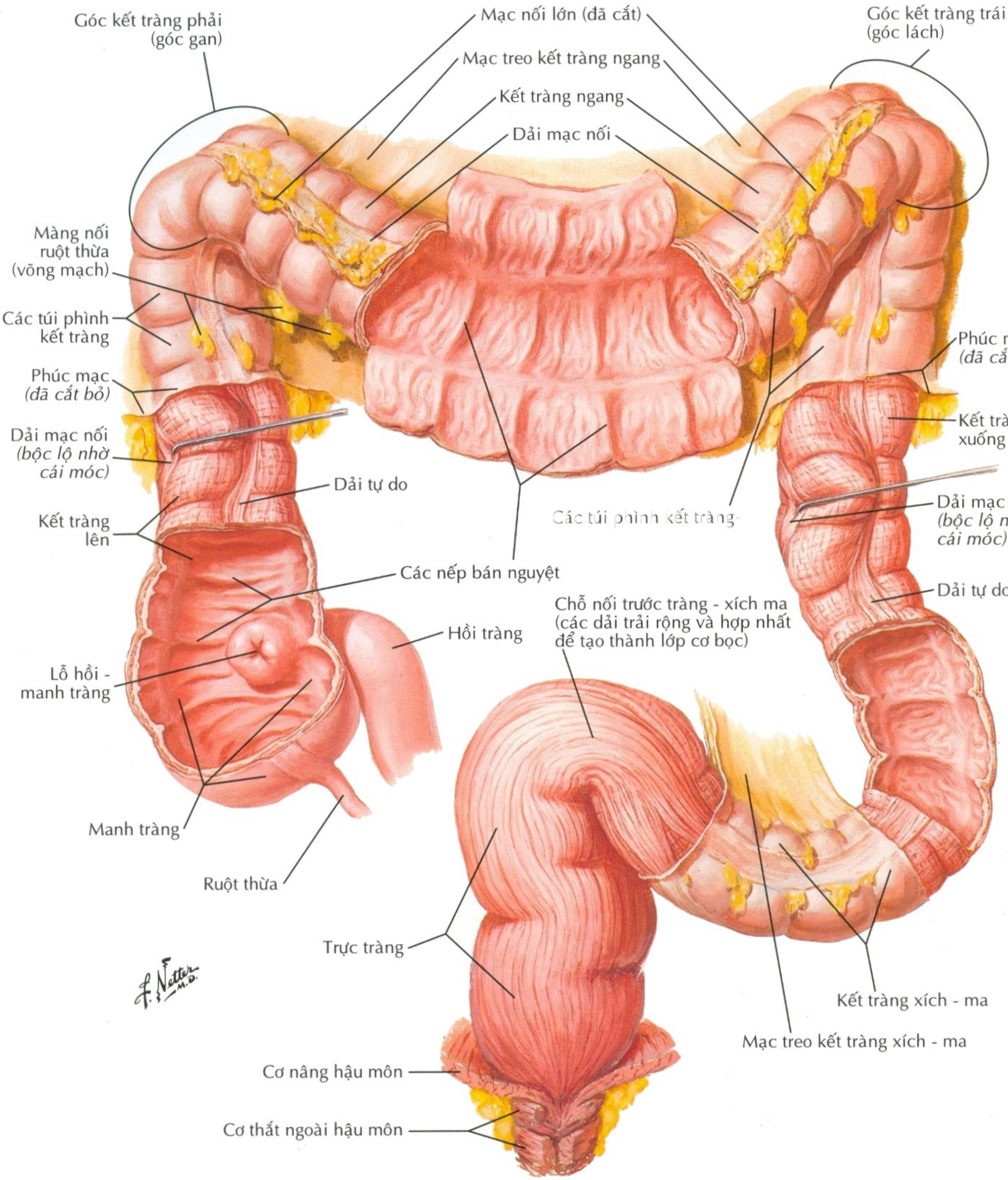
Ruột thừa sau
manh tràng
bị cố định



F. Netter M.D.

Niêm Mạc và Cơ Ruột Già

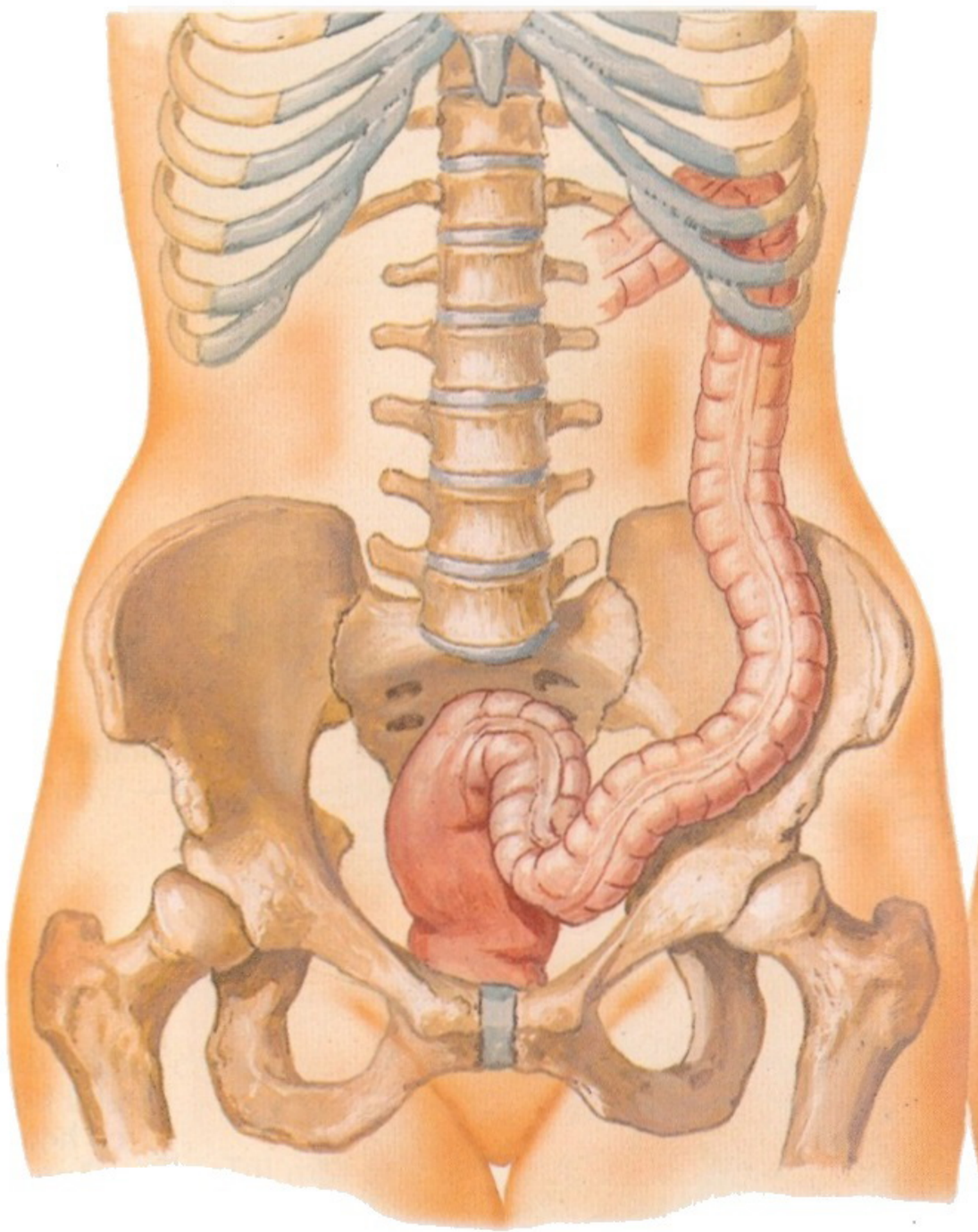
Xem thêm hình 391 - 396



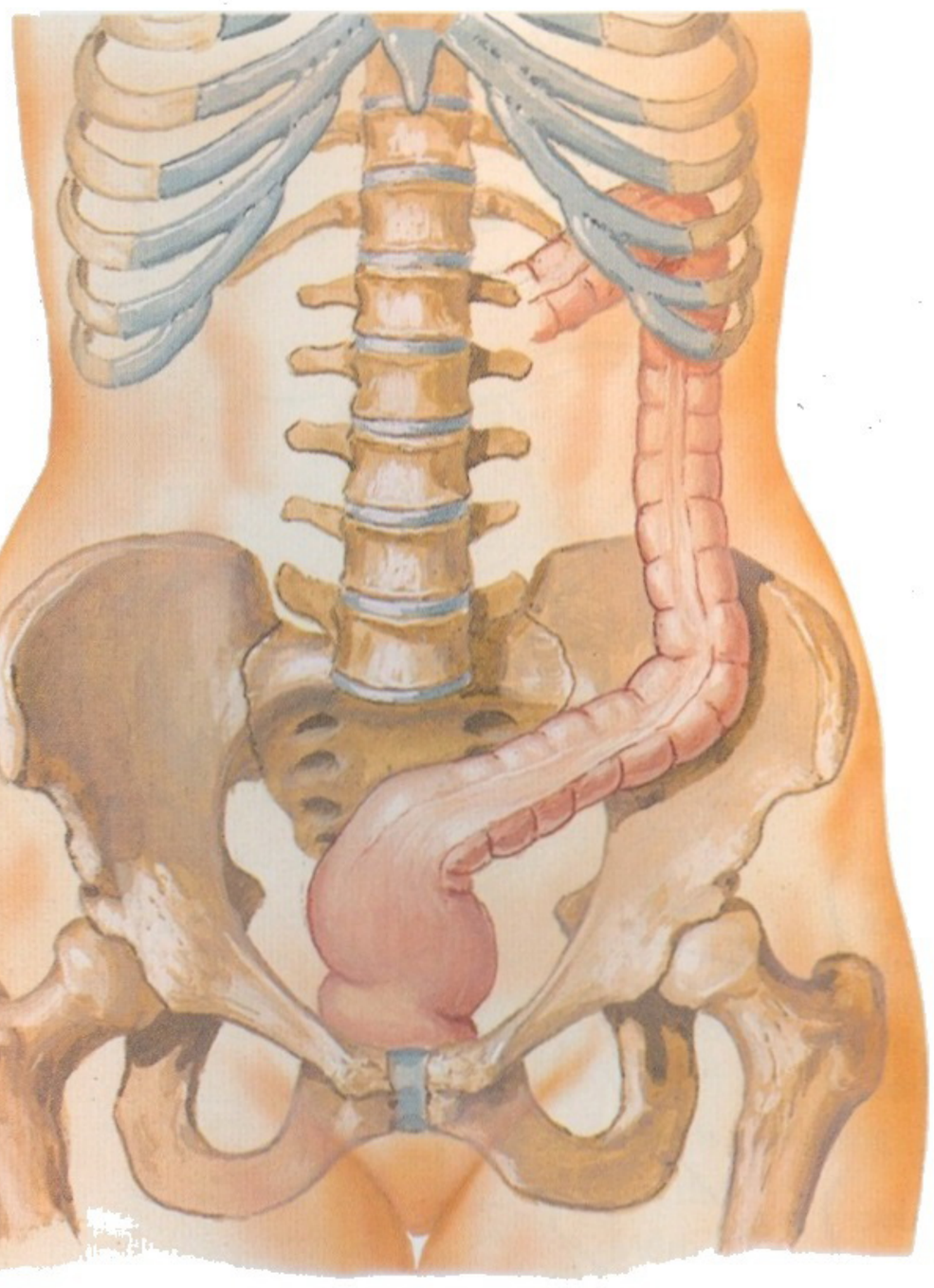
Hình 284 **NỘI TẠNG (RUỘT)**

Kết Tràng Xích-ma: Những Dạng Thay Đổi Về Vị Trí

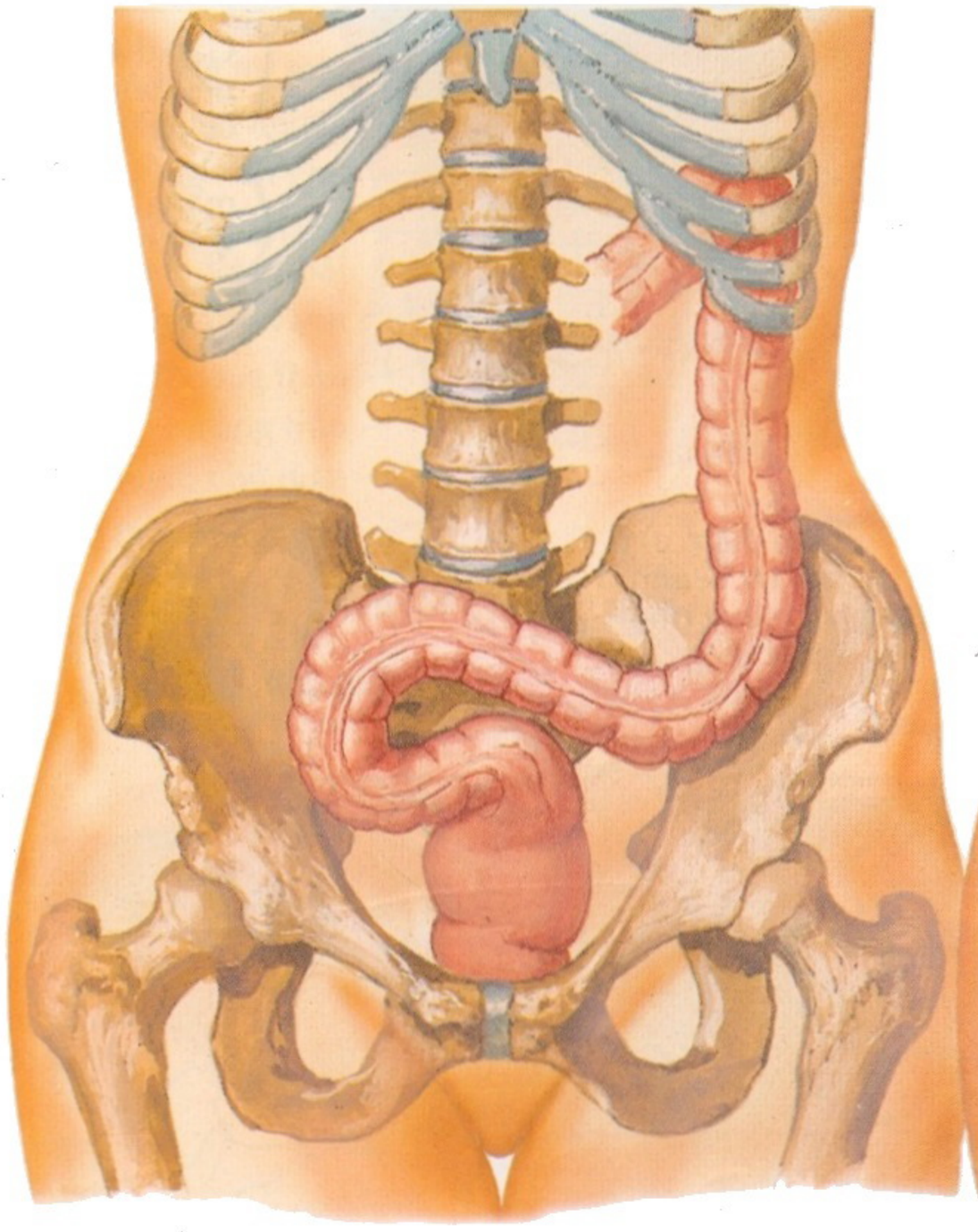
Xem thêm hình 360, 361, 391 - 394



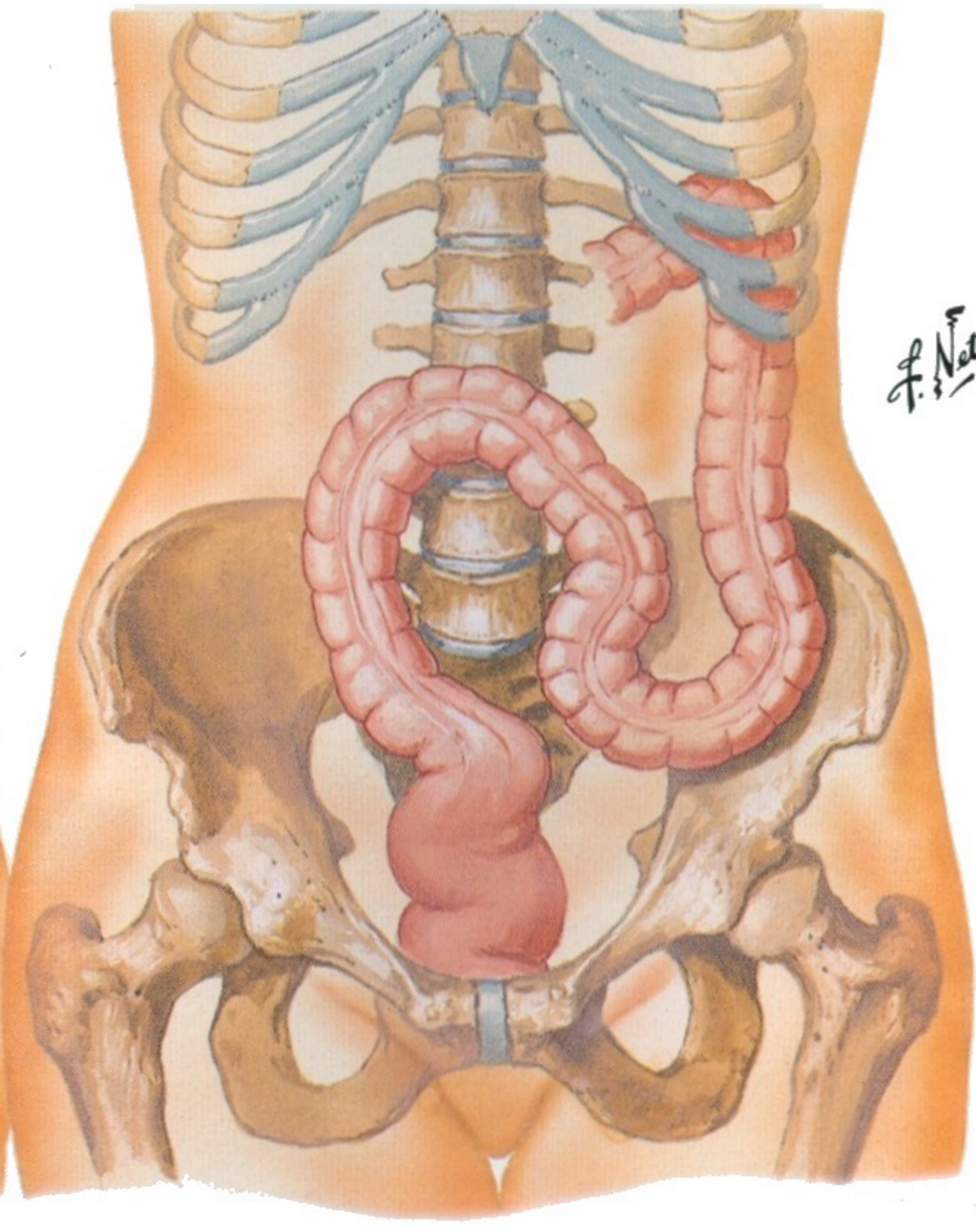
Điển hình



Ngắn, thẳng, đi chếch vào chậu nông



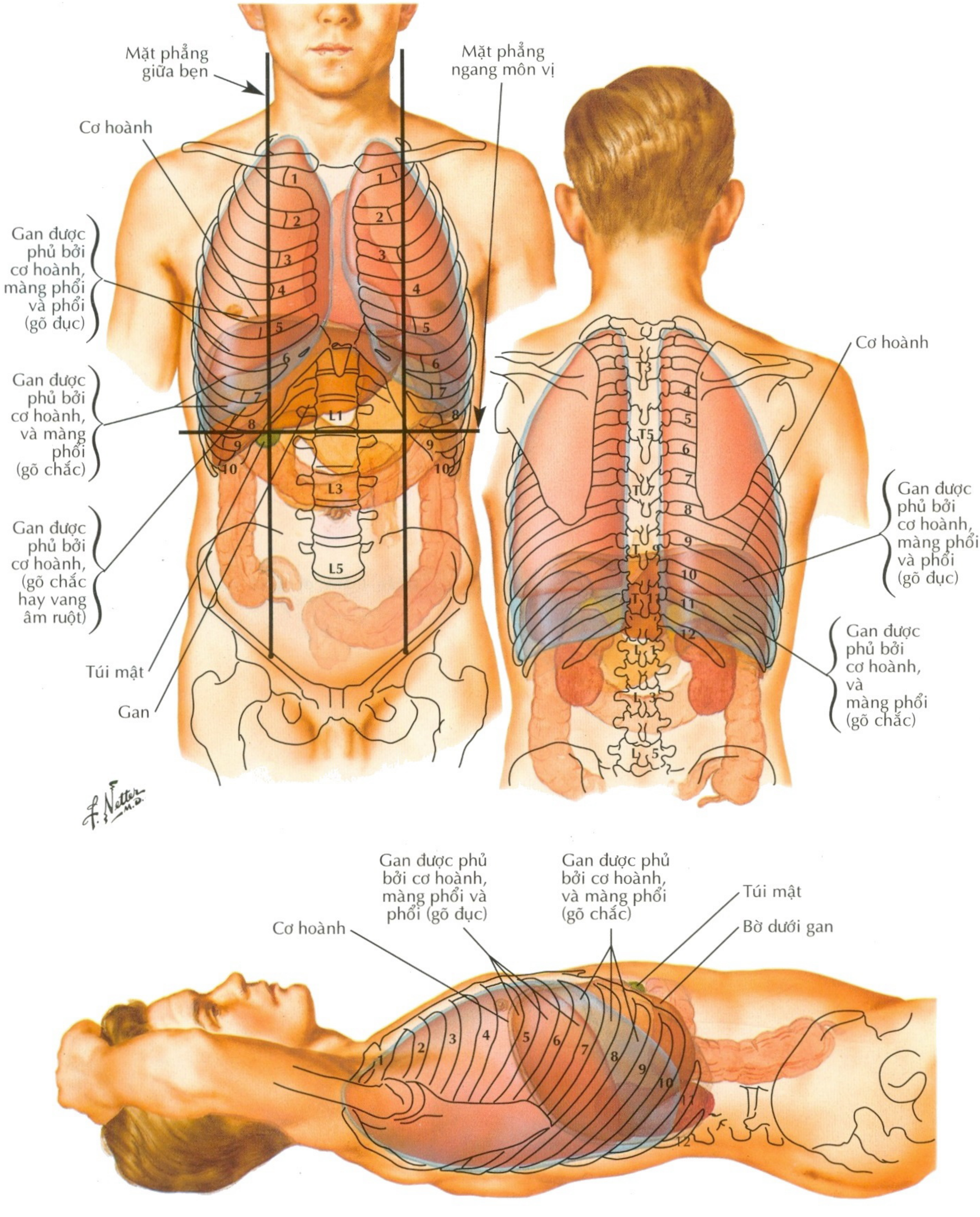
Tạo quai về phía bên phải



Chạy lên cao vào ổ bụng

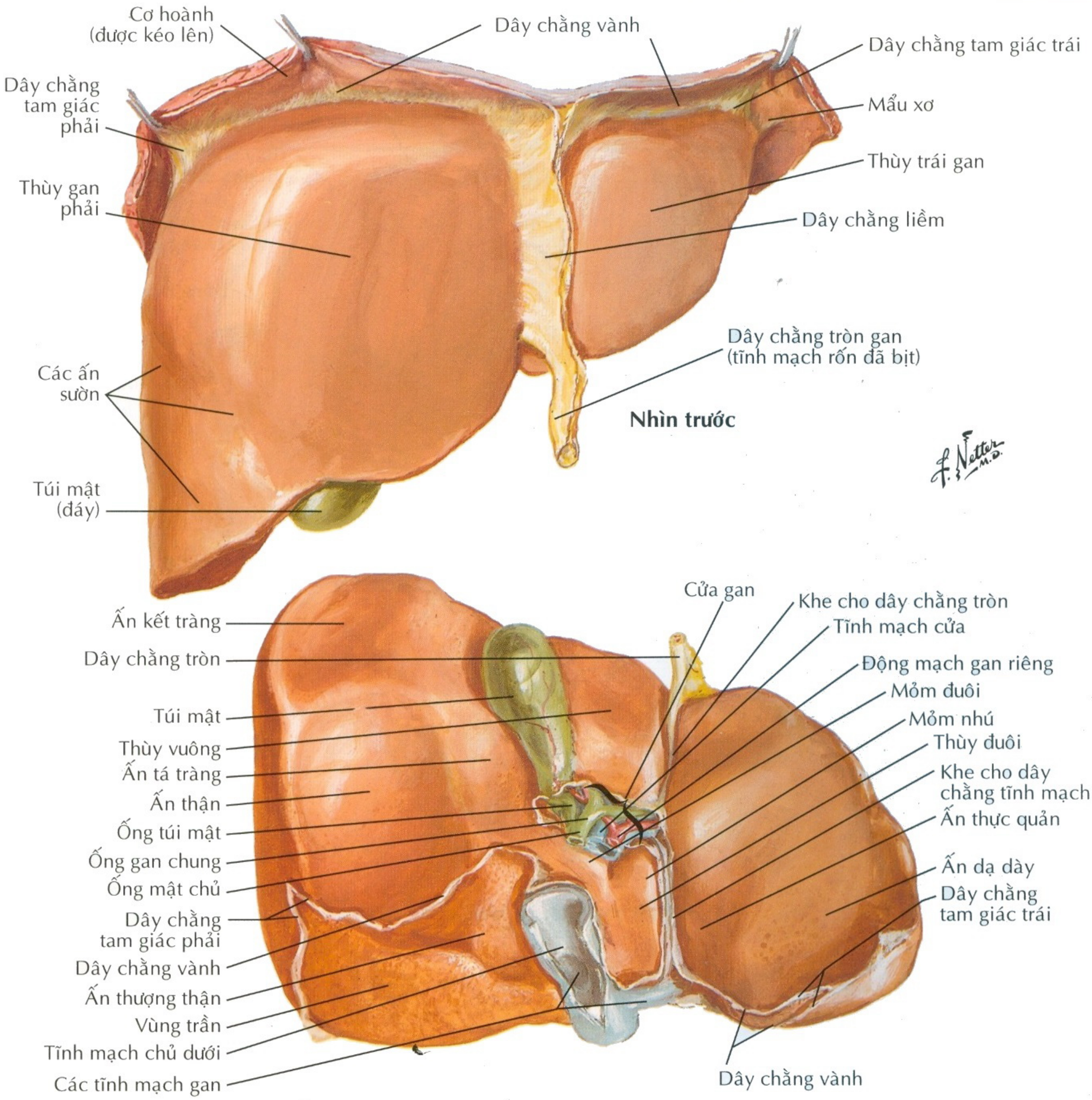
F. Netter M.D.

Định Khu Gan

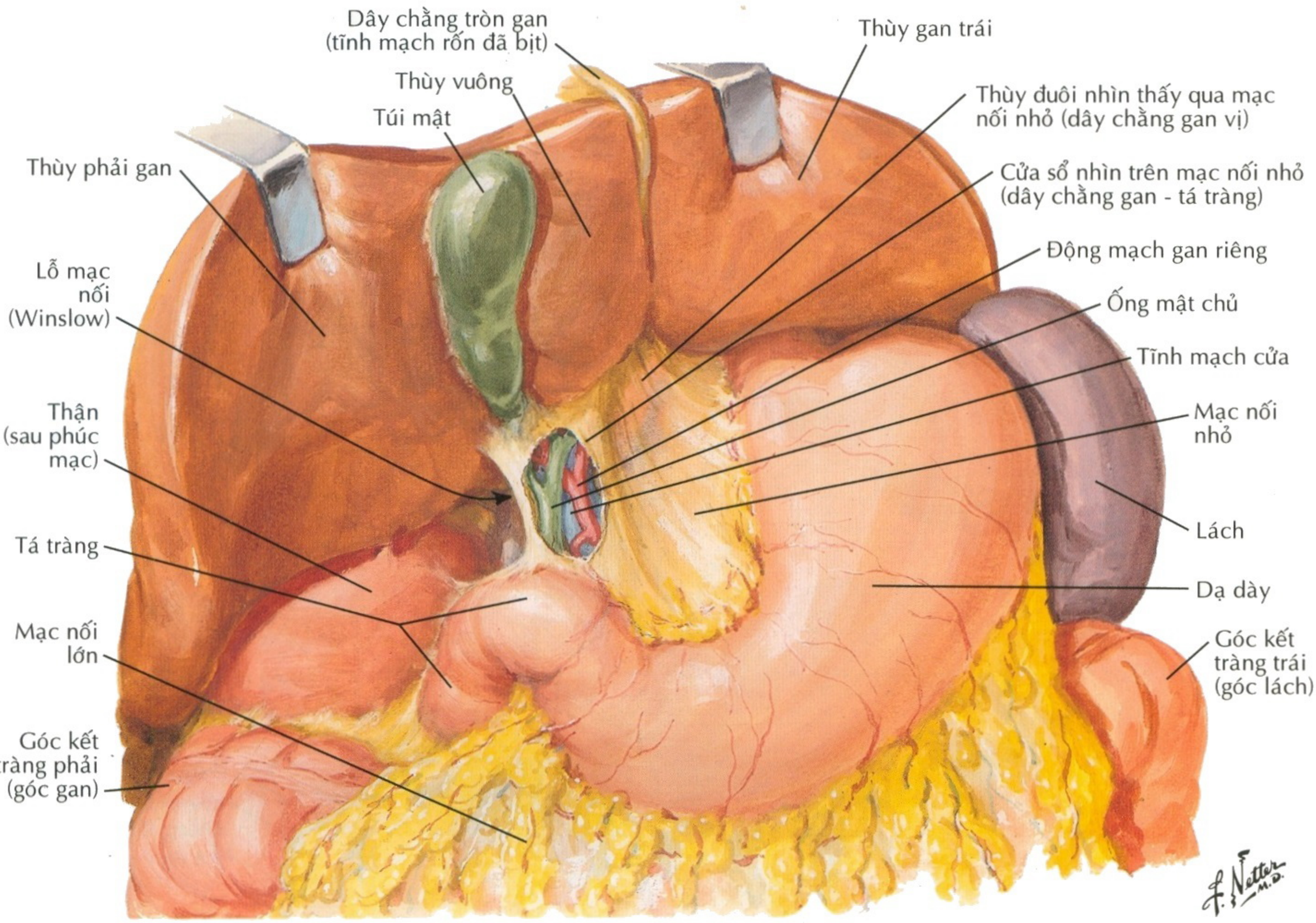


Hình 286 **NỘI TẠNG (CÁC CƠ QUAN PHỤ)**

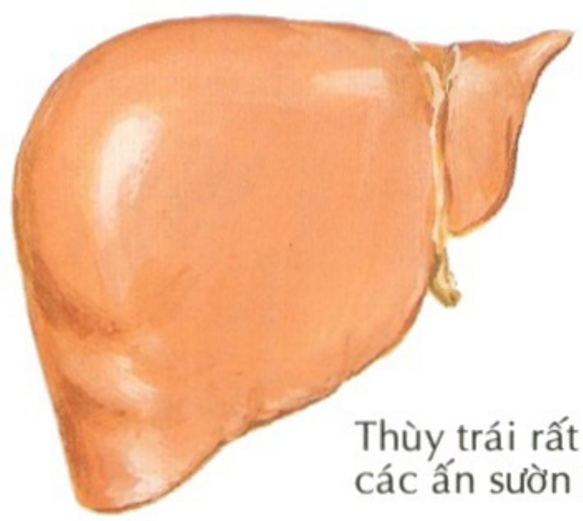
Các Mặt và Giường của Gan



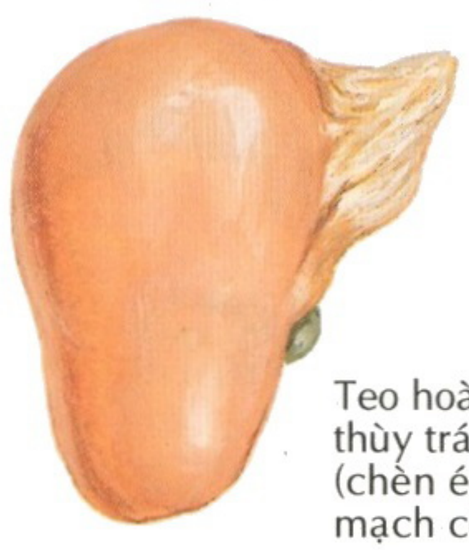
4 Gan ở Tại Chỗ và Những Dạng Hình Thái



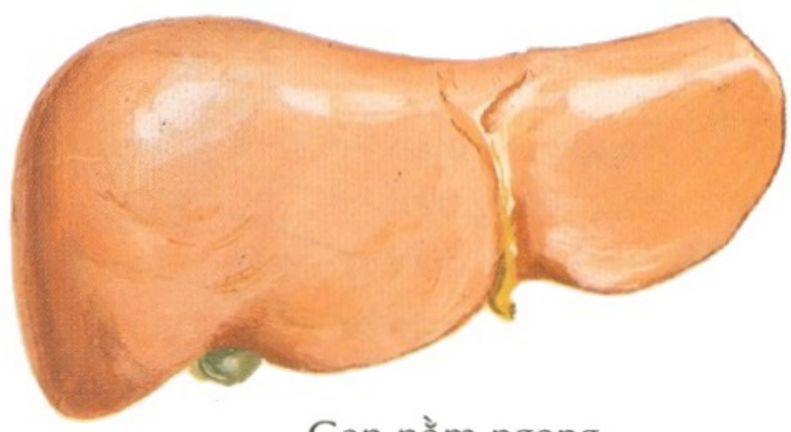
Những thay đổi về hình dạng của gan



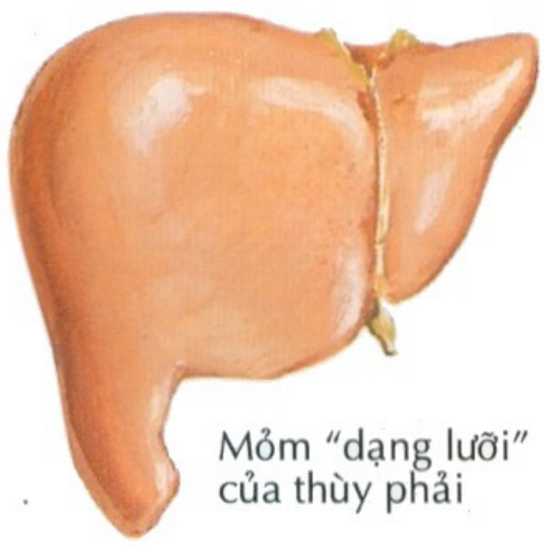
Thùy trái rất nhỏ, các ấn sườn sâu



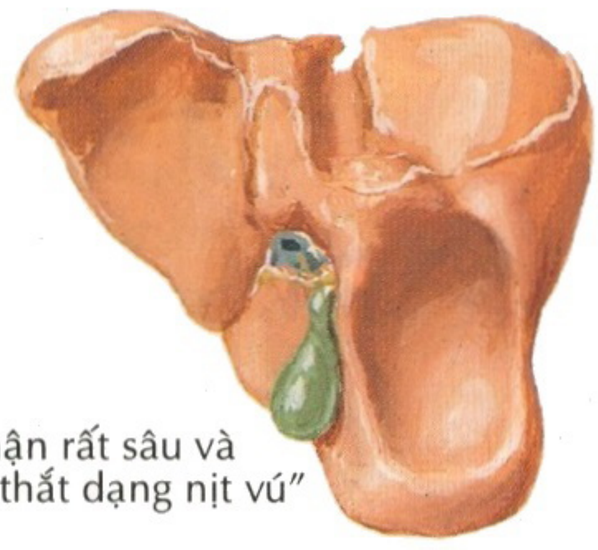
Teo hoàn toàn thùy trái (chèn ép tĩnh mạch cửa trái)



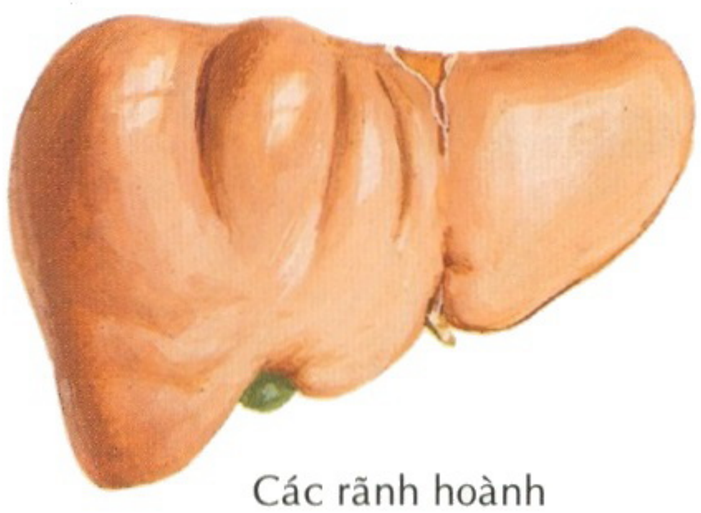
Gan nằm ngang, "dạng yên ngựa", thùy trái tương đối lớn



Mỏm "dạng lưỡi" của thùy phải



Ấn thận rất sâu và "chỗ thắt dạng nịt vú"



Các rãnh hoành

Hình 288 **NỘI TẠNG (CÁC CƠ QUAN PHỤ)**

Các Phân Thùy và Hạ Phân Thùy Gan: Sự Phân Bố của Mạch và Đường Mật

4

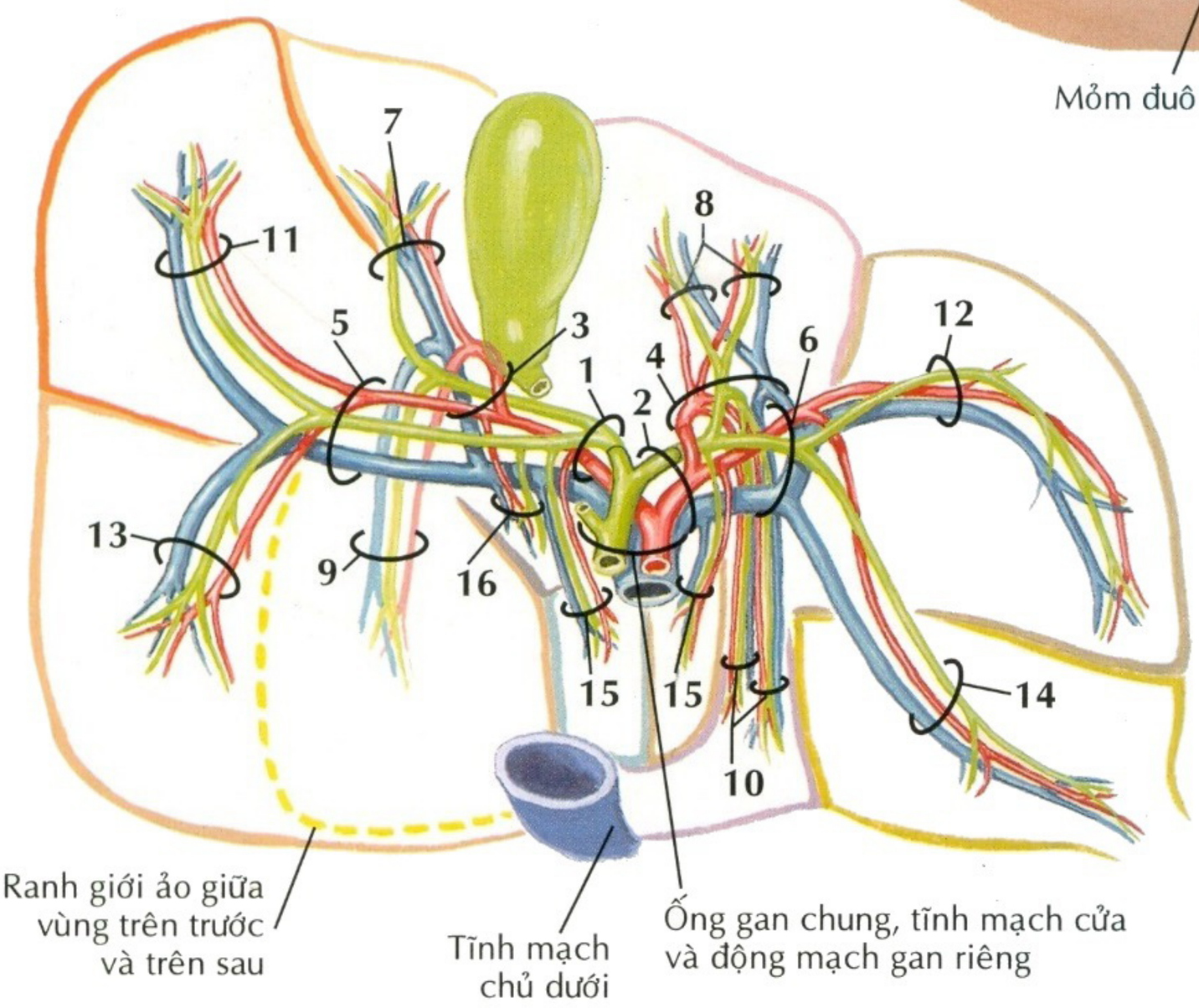
Các thùy giải phẫu
Thùy phải
Thùy trái
Các phân thùy phẩu thuật chức năng
(Phần của) gan phải
(Phần của) gan trái
Phân thùy sau
Phân thùy trước
Phân thùy giữa
Phân thùy bên
Vùng trước trên
Vùng giữa trên
Vùng bên trên
Vùng bên dưới
Hạ phân thùy giữa (IV)
Vùng giữa dưới
Vùng trước dưới
Vùng sau trên
Vùng sau dưới

Mặt thành

Thùy phải
Thùy trái
Hạ phân thùy trước (V)
Hạ phân thùy giữa (IV)
Vùng trước dưới
Vùng giữa dưới
Vùng sau dưới
Vùng bên dưới
Vùng sau trên
Hạ phân thùy sau (đuôi) (I)
Vùng bên trên
Vùng giữa bên
Mỏm đuôi
Phải
Trái
Thùy đuôi

Mặt tạng

F. Netter M.D.

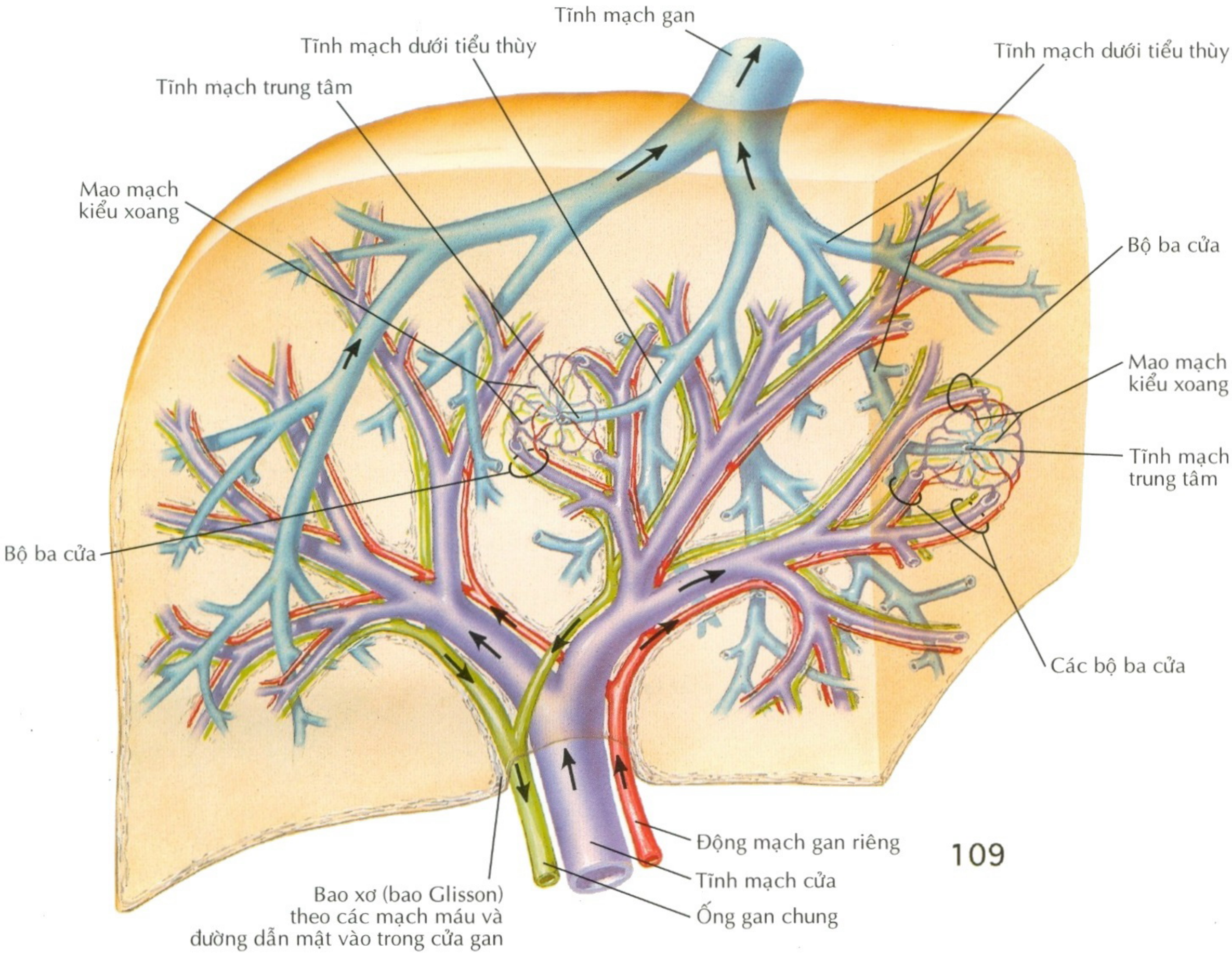


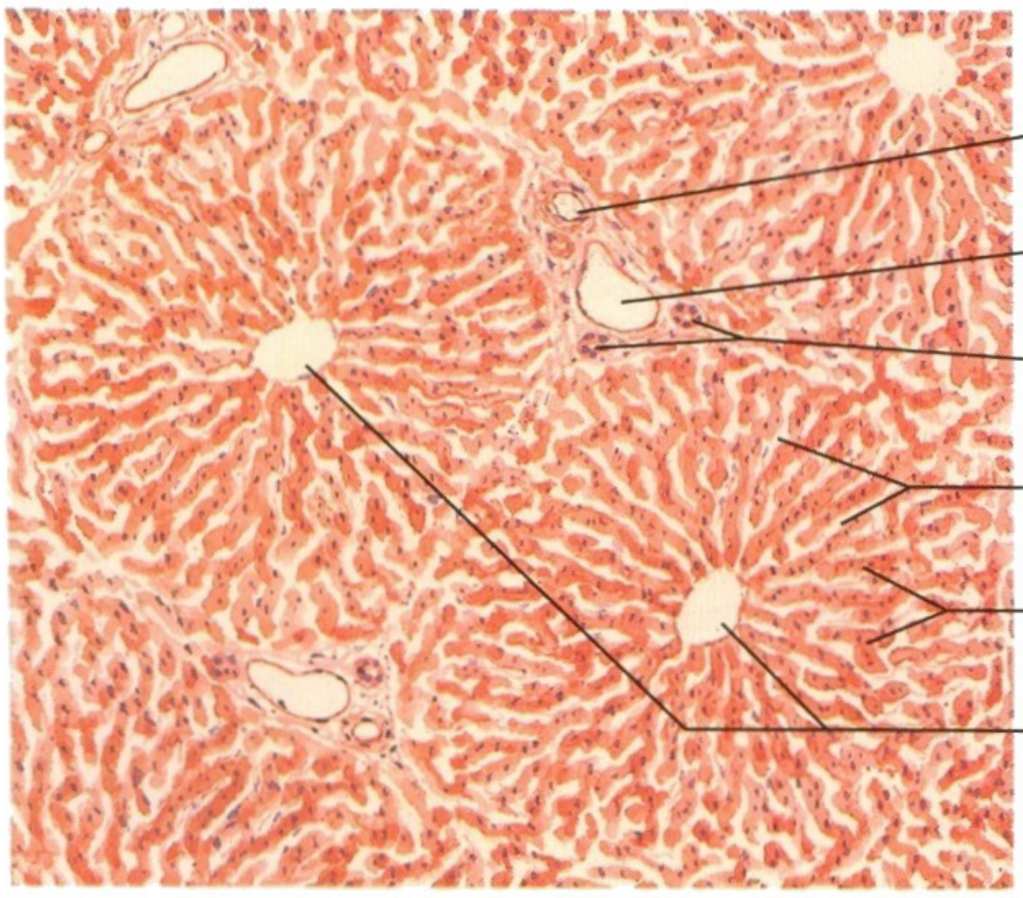
Sự phân chia phân thùy dựa trên sự phân nhánh của đường mật và mạch máu gan. Sự phân chia này không hoàn toàn tương ứng với sự phân chia thành thùy

Sự phân bố của mạch máu và đường mật

1 Thùy phải
2 Thùy trái
3 Phân thùy trước
4 Phân thùy giữa
5 Phân thùy sau
6 Phân thùy bên
7 Vùng dưới trước
8 Vùng dưới trong
9 Vùng trước trên
10 Vùng giữa trên
11 Vùng sau dưới
12 Vùng bên dưới
13 Vùng sau trên
14 Vùng bên trên
15 Thùy đuôi (phải và trái)
16 Mỏm đuôi

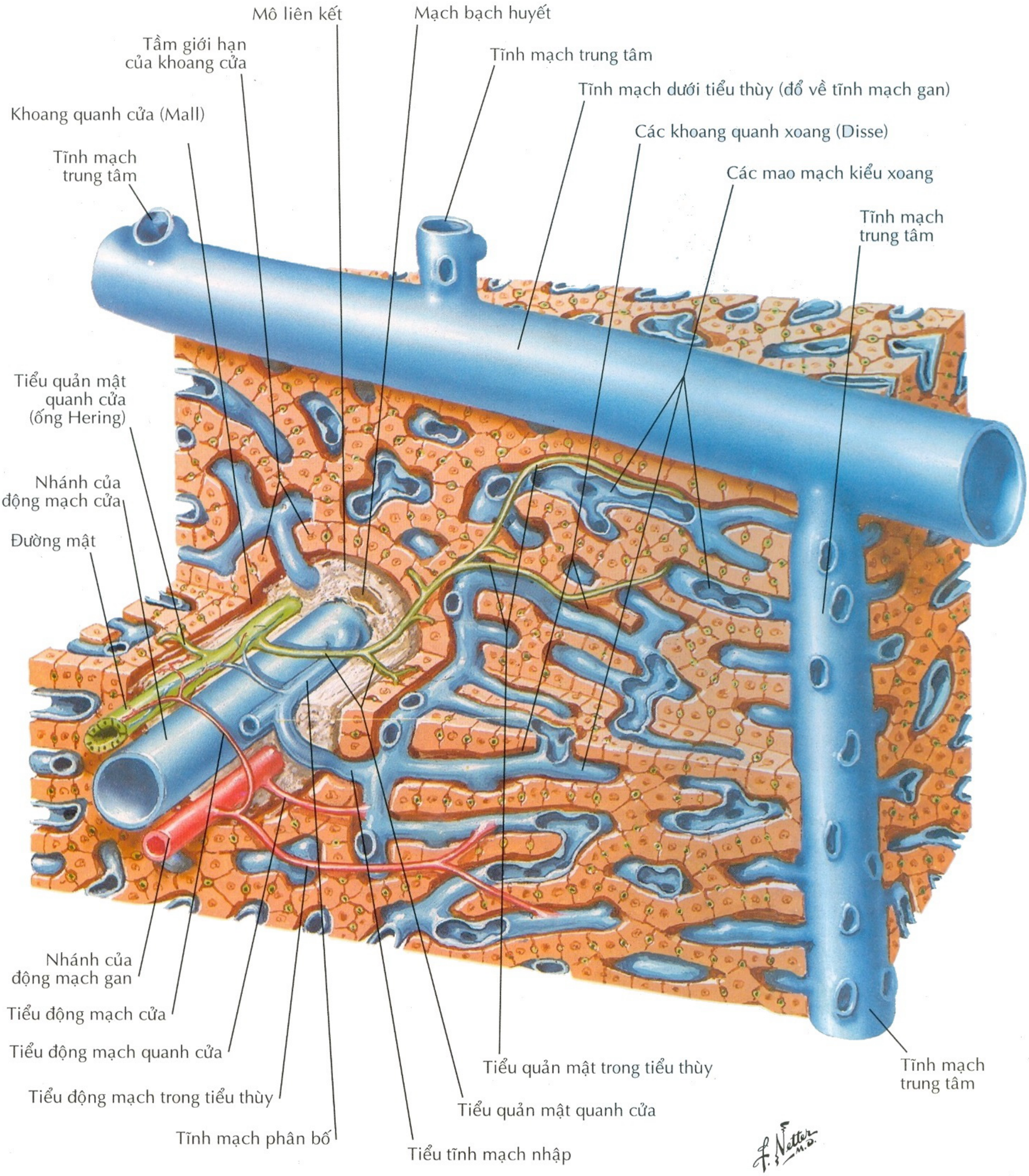
Hệ Thống Mạch và Mật Trong Gan





Mẫu tiểu thùy bình thường của gan

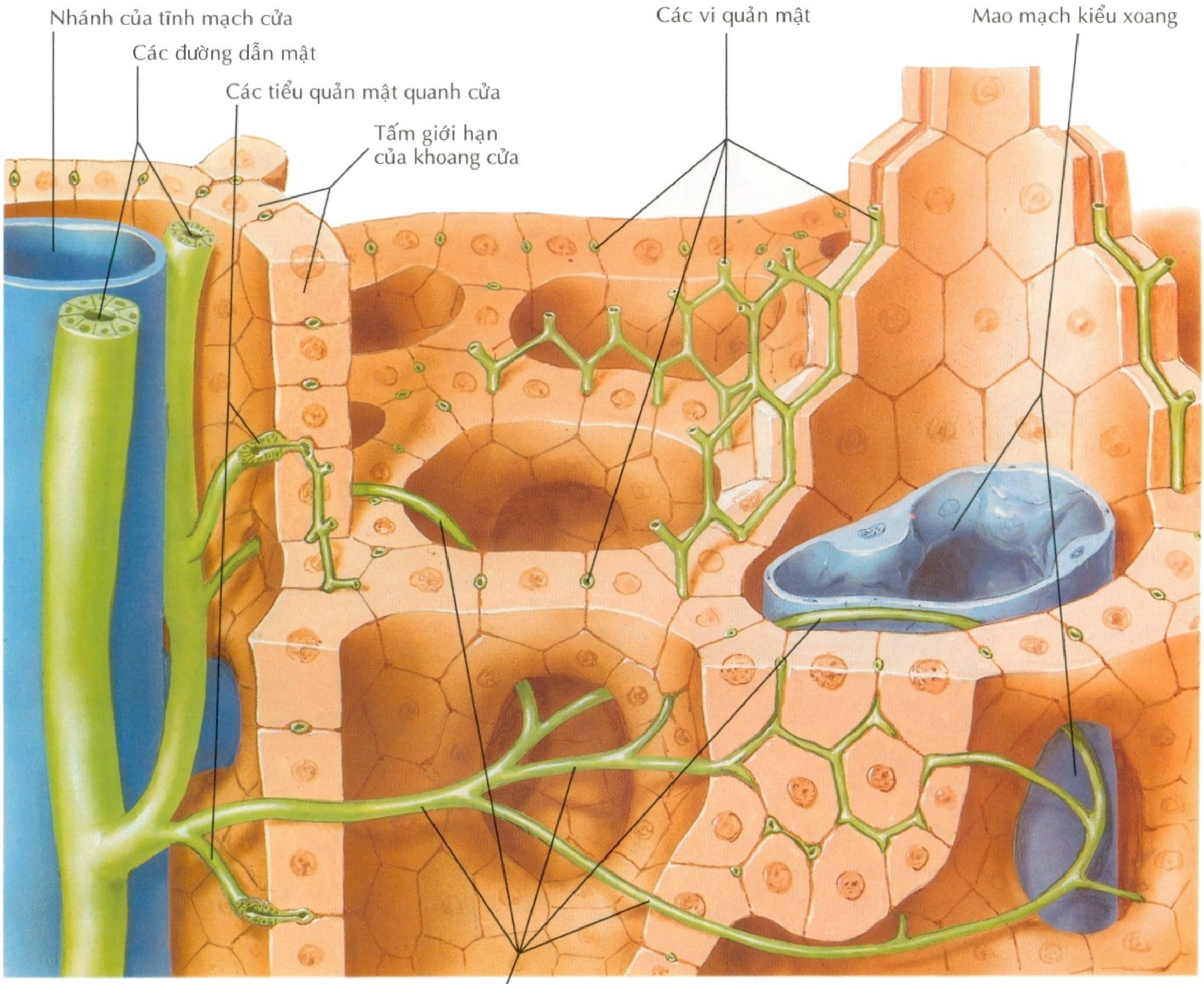
Cấu Trúc của Gan: Sơ Đồ



NỘI TẠNG (CÁC CƠ QUAN PHỤ) **Hình 291**

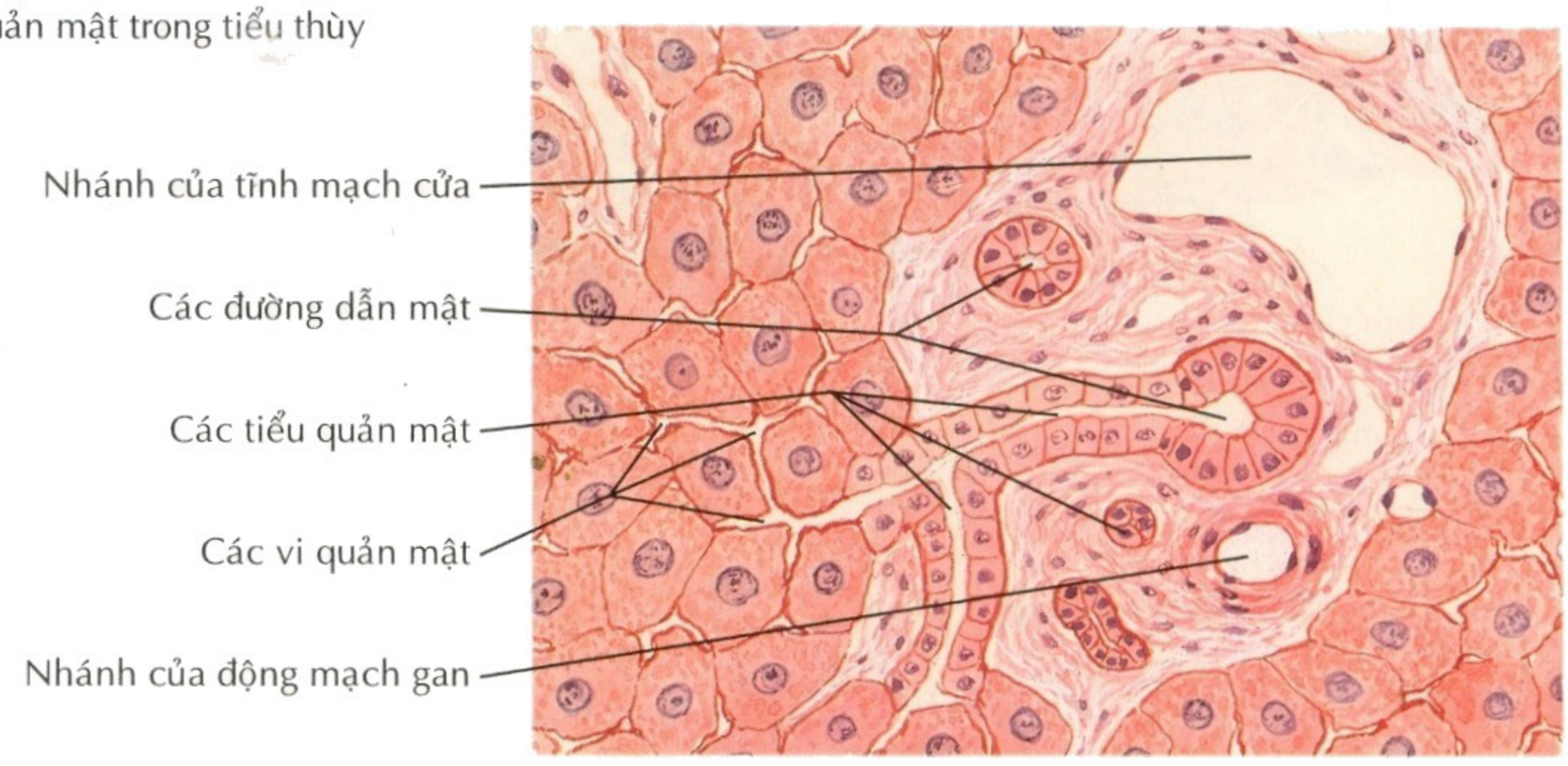
4

Hệ Thống Đường Mật Trong Gan: Sơ Đồ

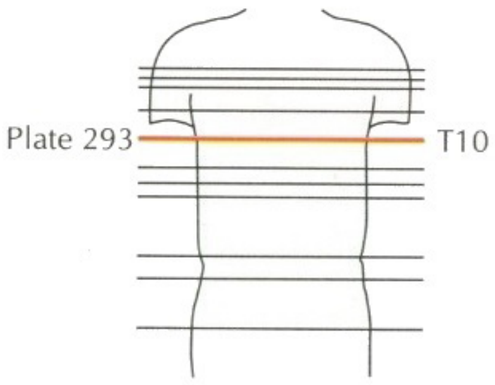


Ghi chú: Trong hình minh họa trên. Các vi quản mật được thể hiện như là những cấu trúc có thành riêng của chúng. Tuy vậy, nhưng trong hình cắt mô học ở bên phải cho thấy, thì ranh giới của các vi quản mật thực ra là sự biệt hóa của các màng tế bào nhu mô gan

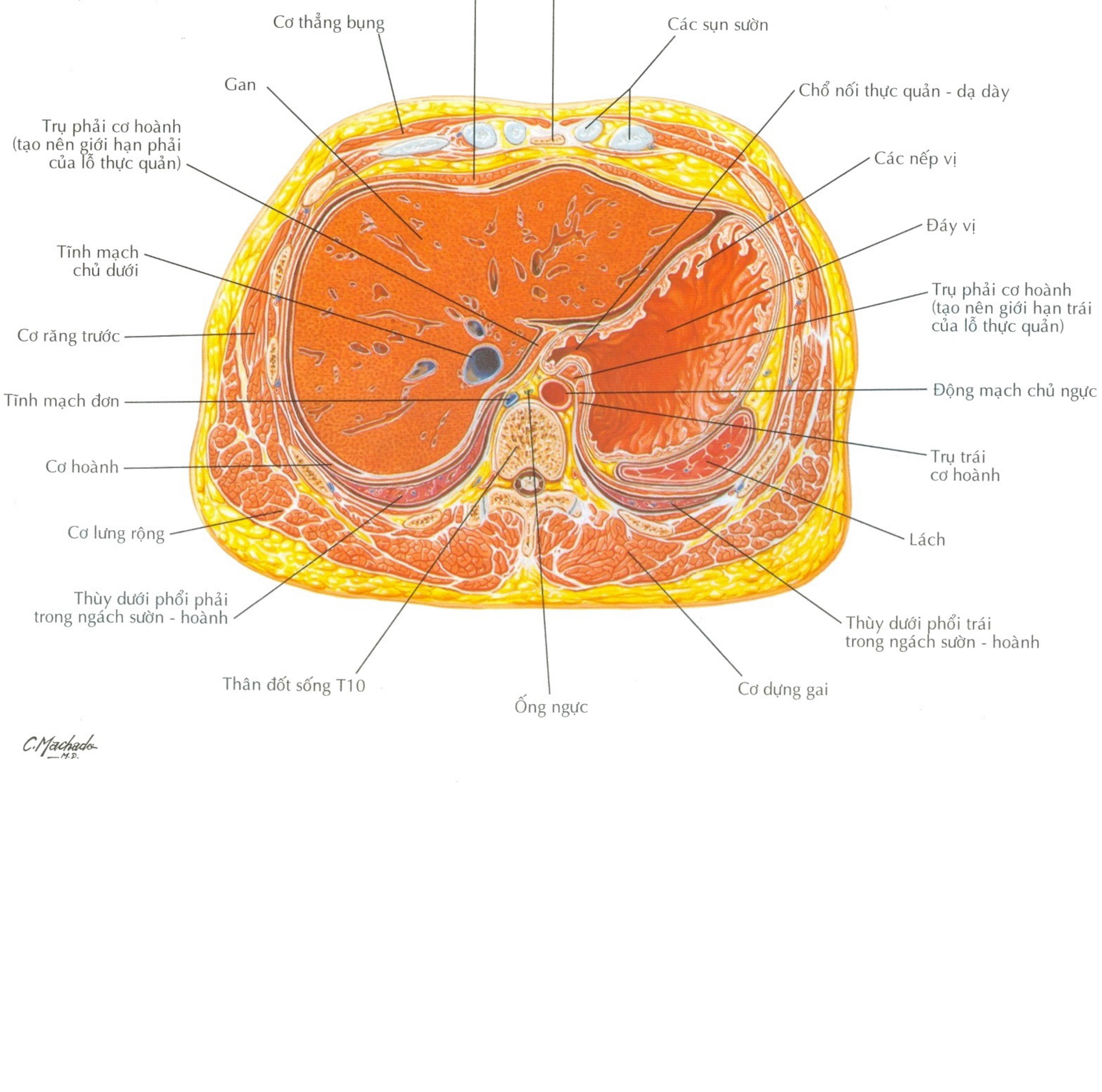
F. Netter M.D.



Lát cắt gan dưới kính hiển vi độ phóng đại thấp

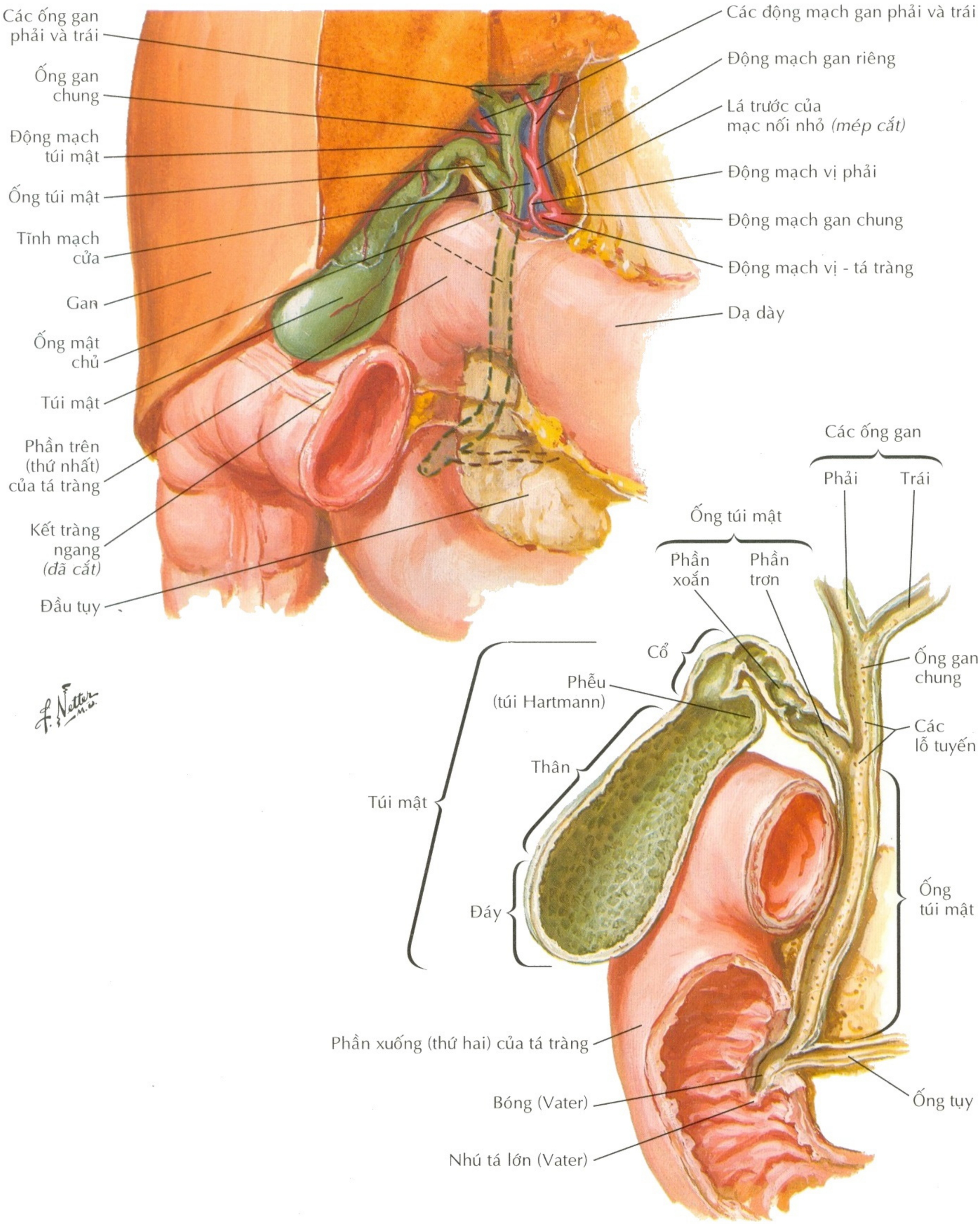


Thiết đồ ngang: Mức T10, chỗ nối thực quản - dạ dày



C. Machado M.D.

Túi Mật và Ống Dẫn Mật Ngoài Gan

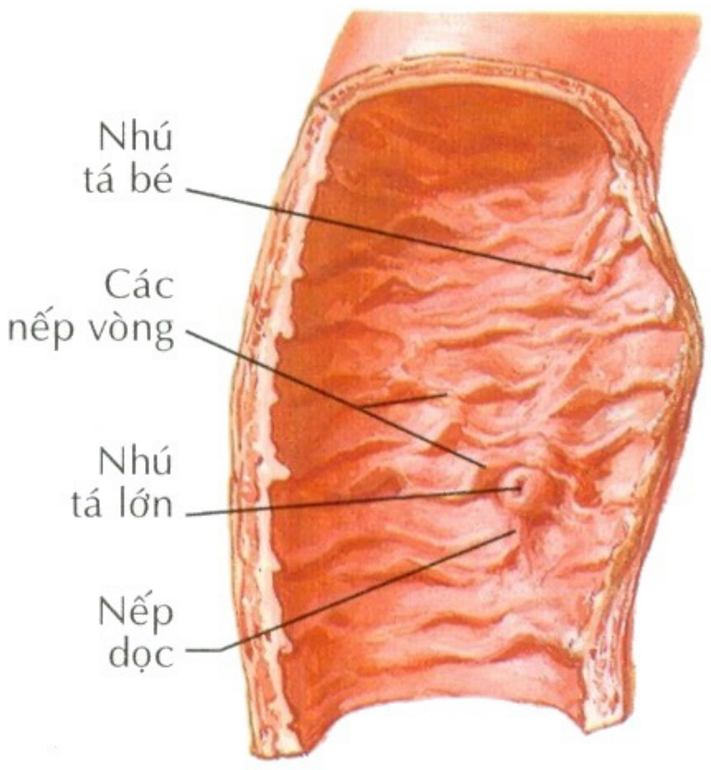


F. Netter M.D.

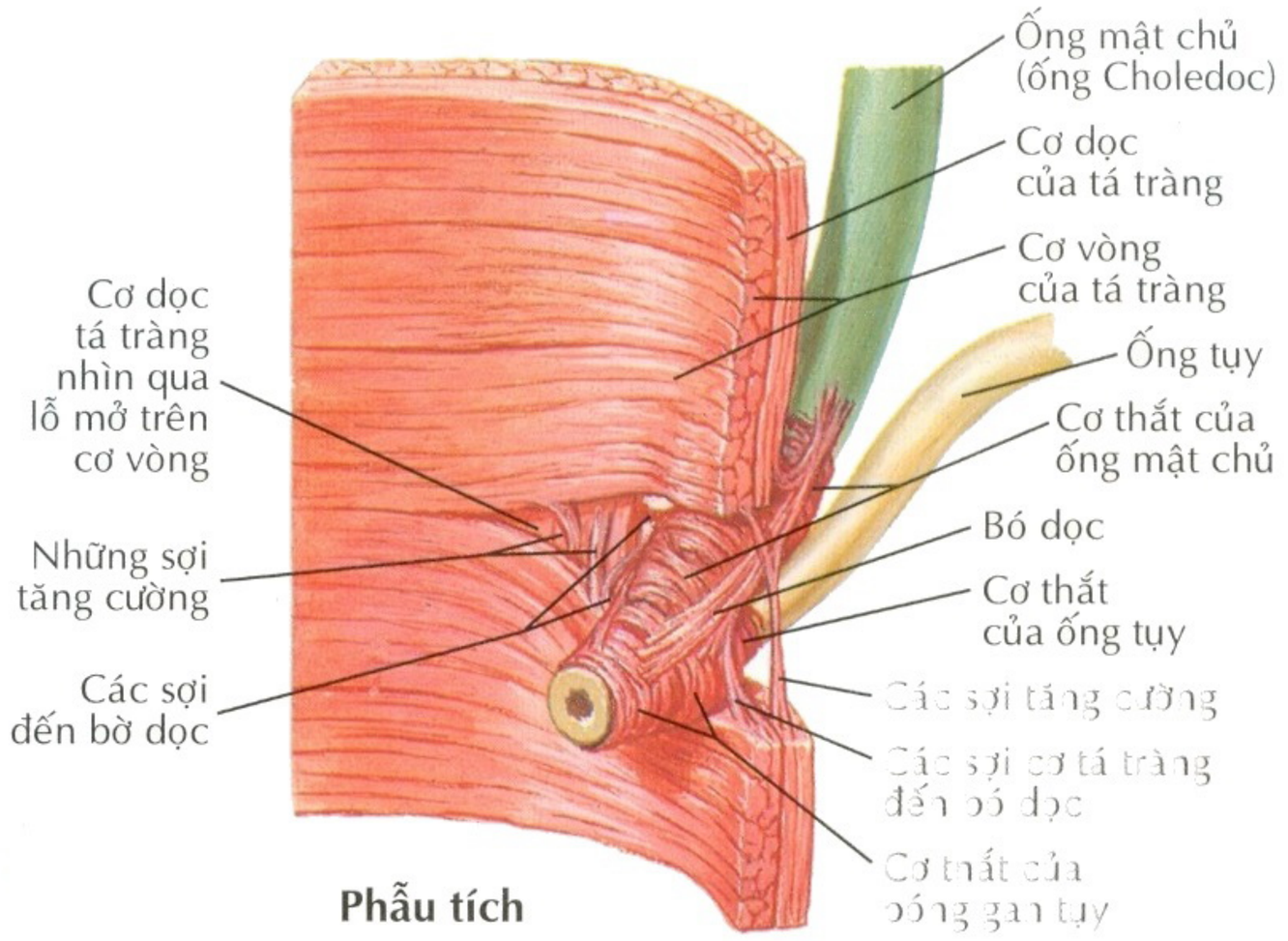
Hình 294

NỘI TẠNG (CÁC CƠ QUAN PHỤ)

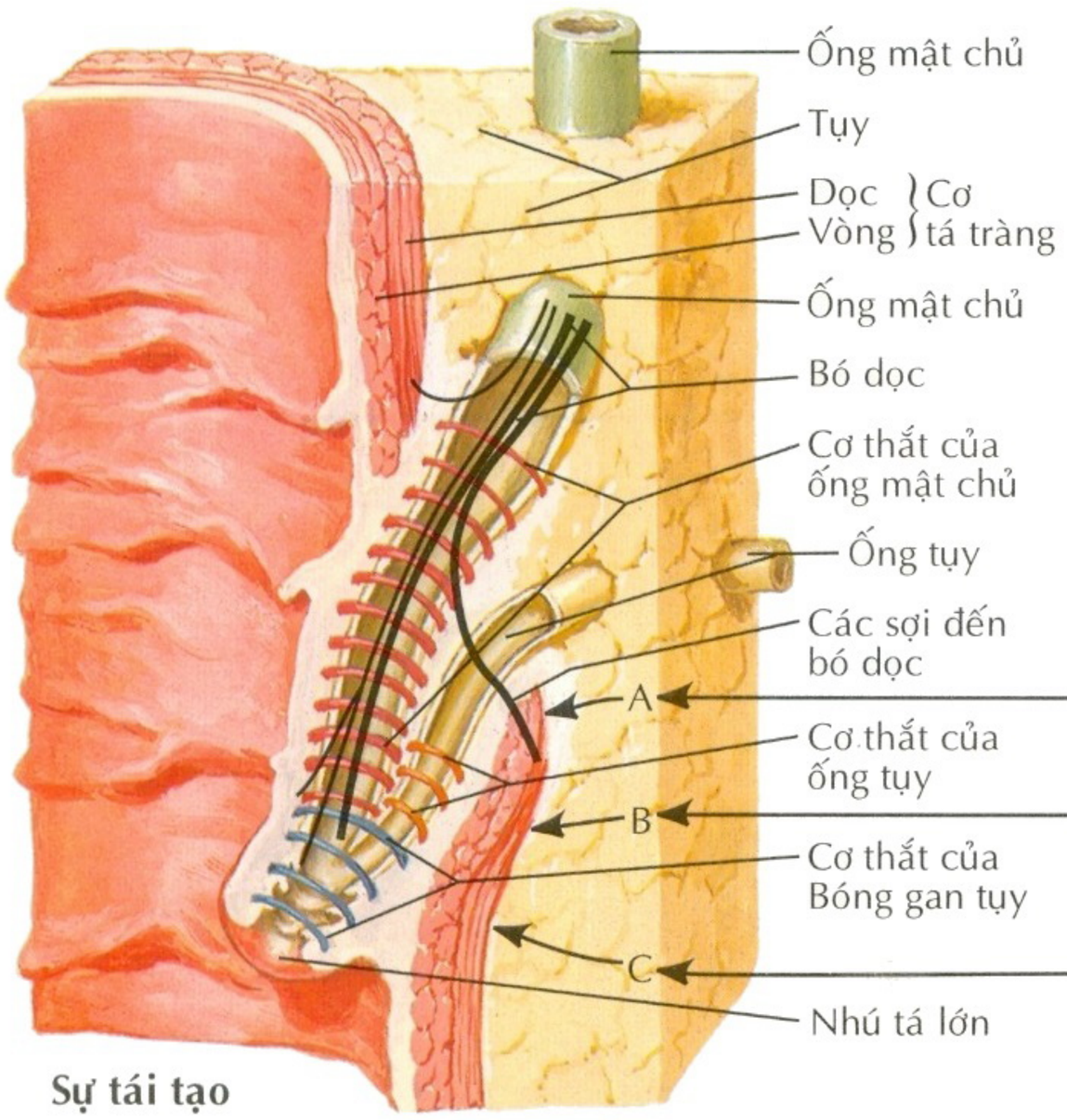
Chỗ Nối Ống Mật Chủ - Tá Tràng



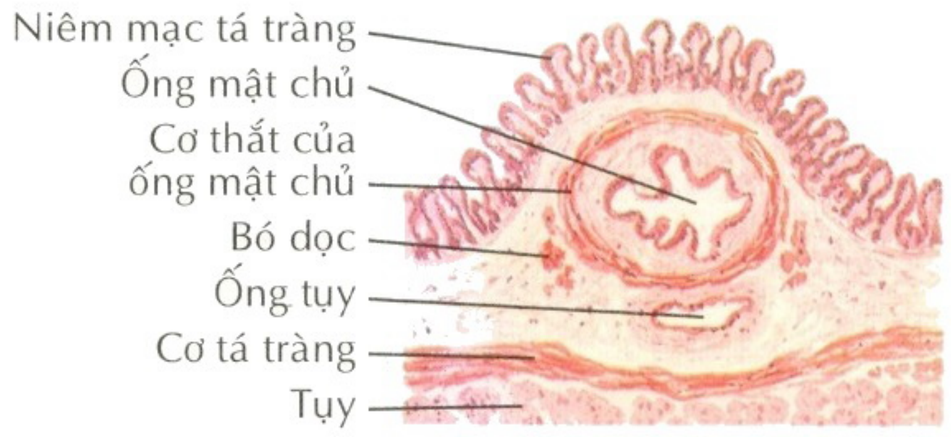
Hình thể trong của phần xuống (thứ 2 của tá tràng)

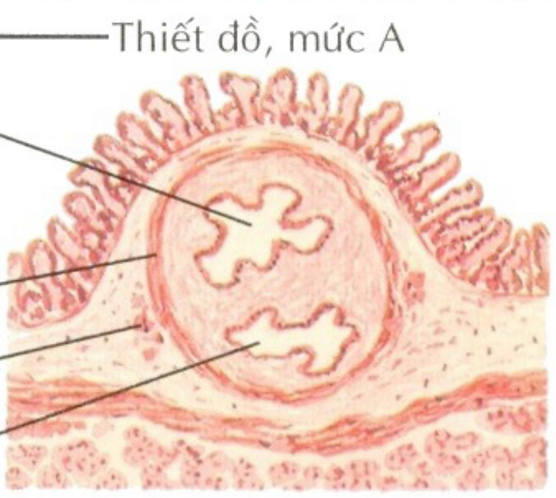


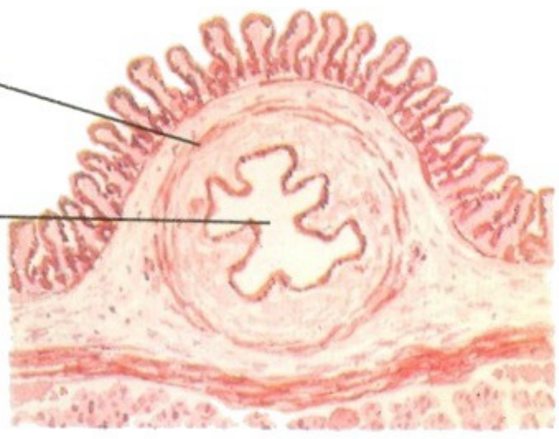
Phẫu tích



Sự tái tạo

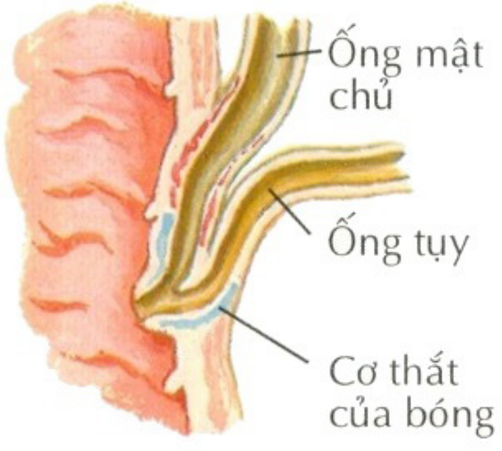




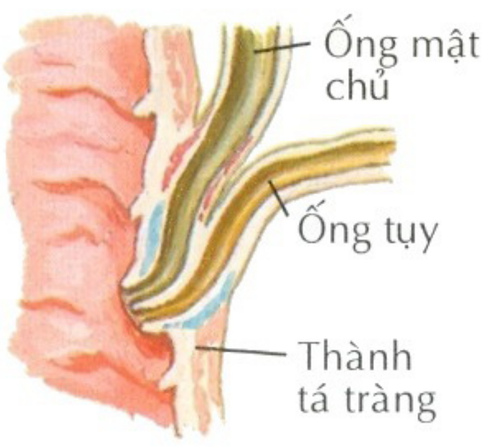




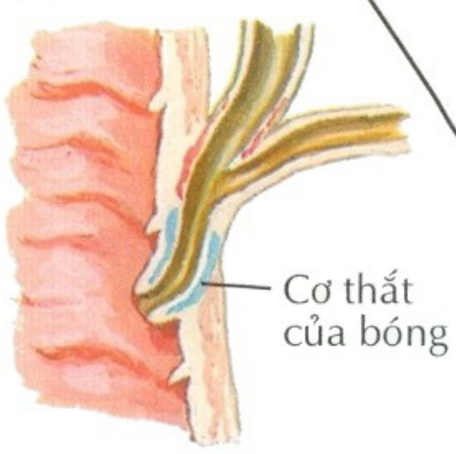
Những dạng hợp nhất của các ống mật và tụy



Kênh chung ngắn



Không có kênh chung

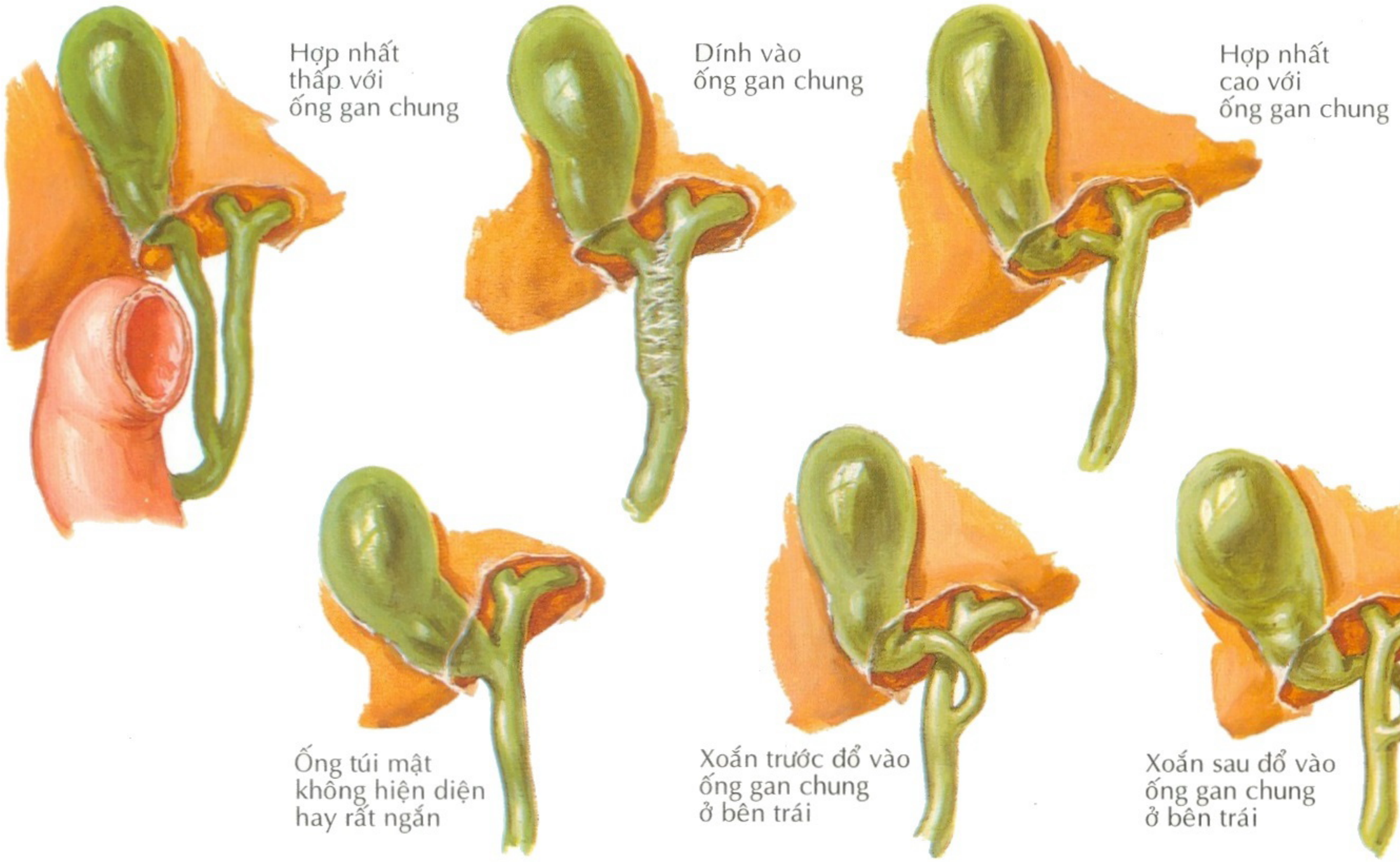


Kênh chung dài

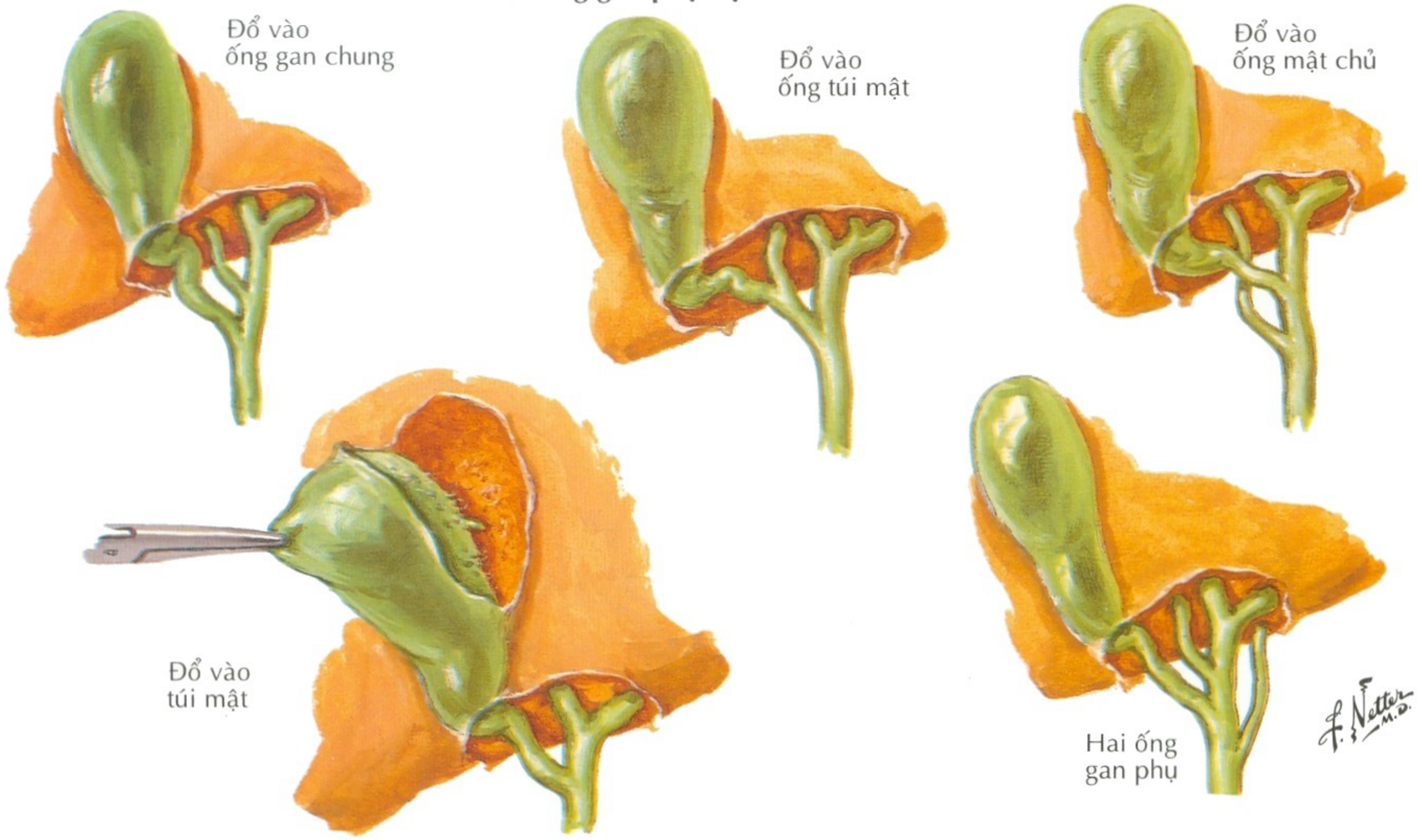
F. Netter M.D.

4 Các Dạng của Ống Túi Mật và Ống Gan

Những dạng của ống túi mật

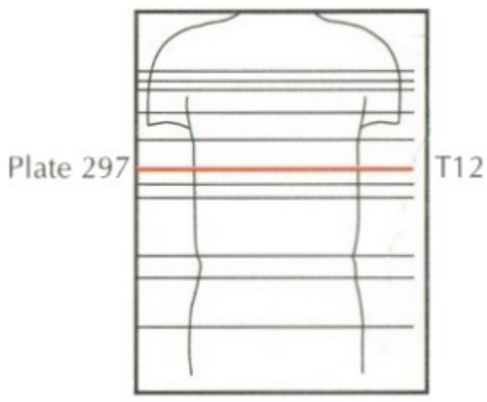


Các ống gan phụ (lạc)

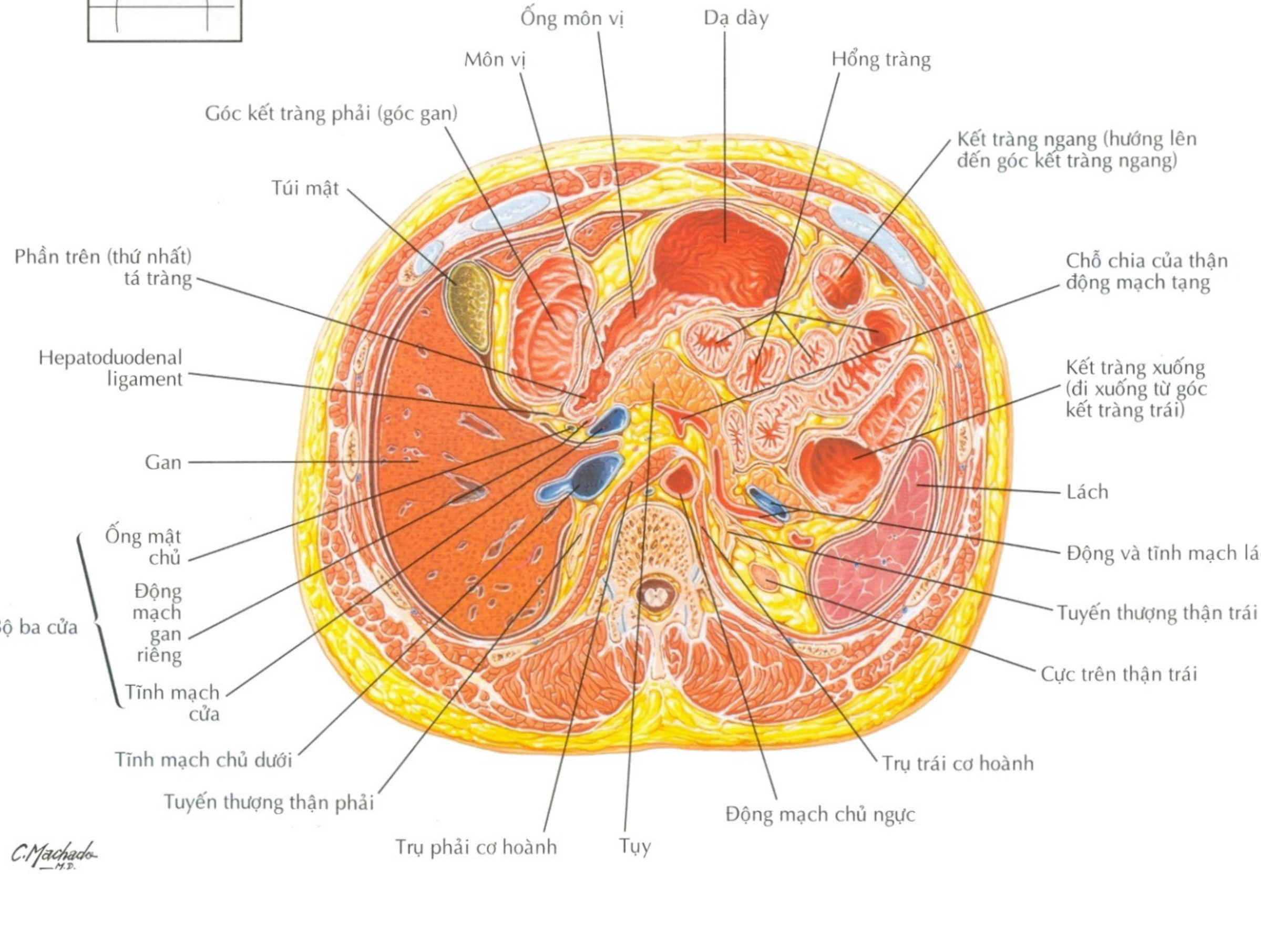


Hình 296 **NỘI TẠNG (CÁC CƠ QUAN PHỤ)**

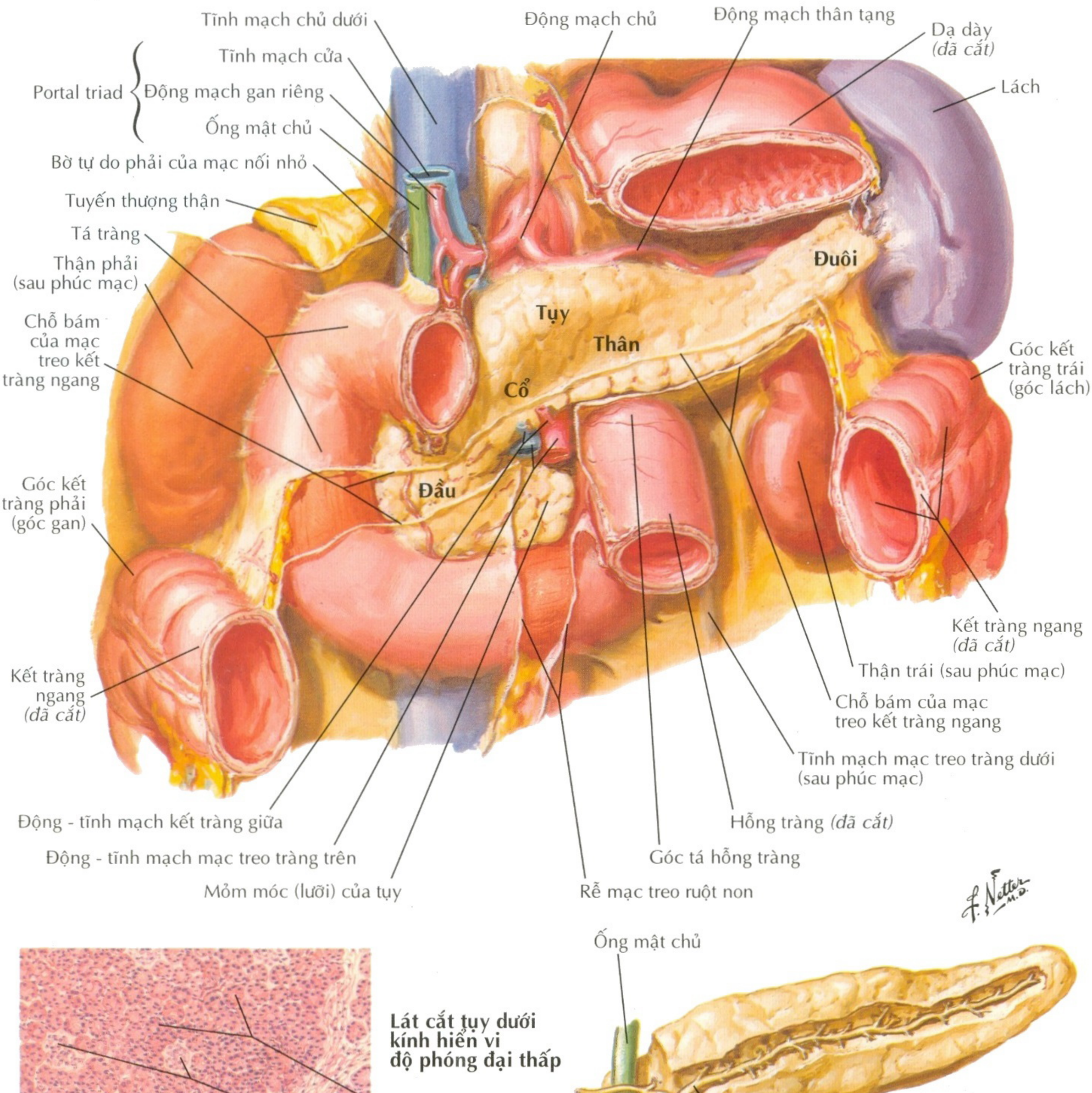
Thiết Đồ Ngang Bụng ở T12

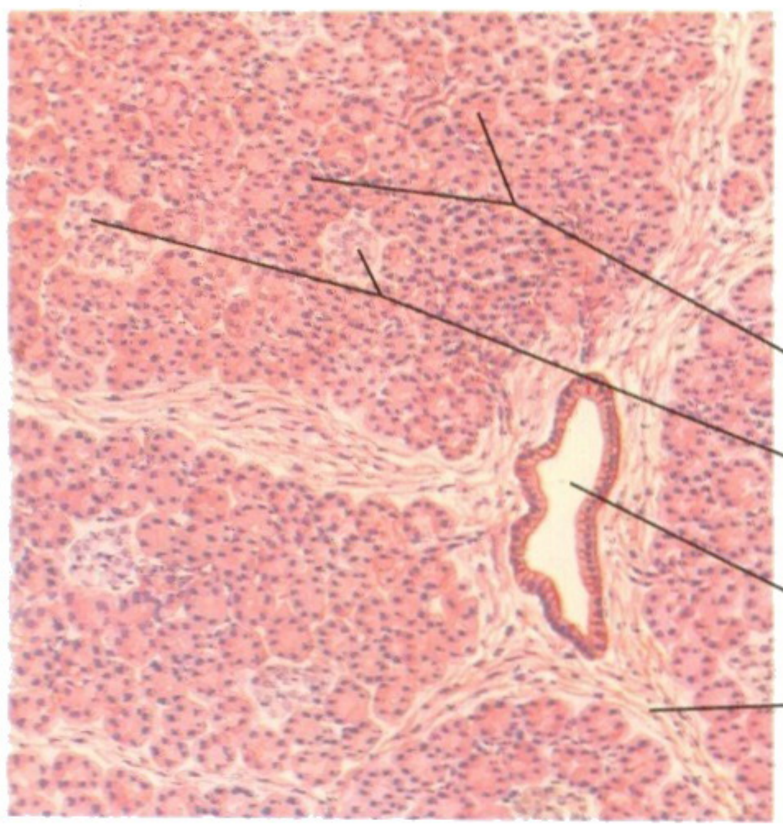


Thiết đồ ngang: Mức 12, dưới mỏm mũi kiếm

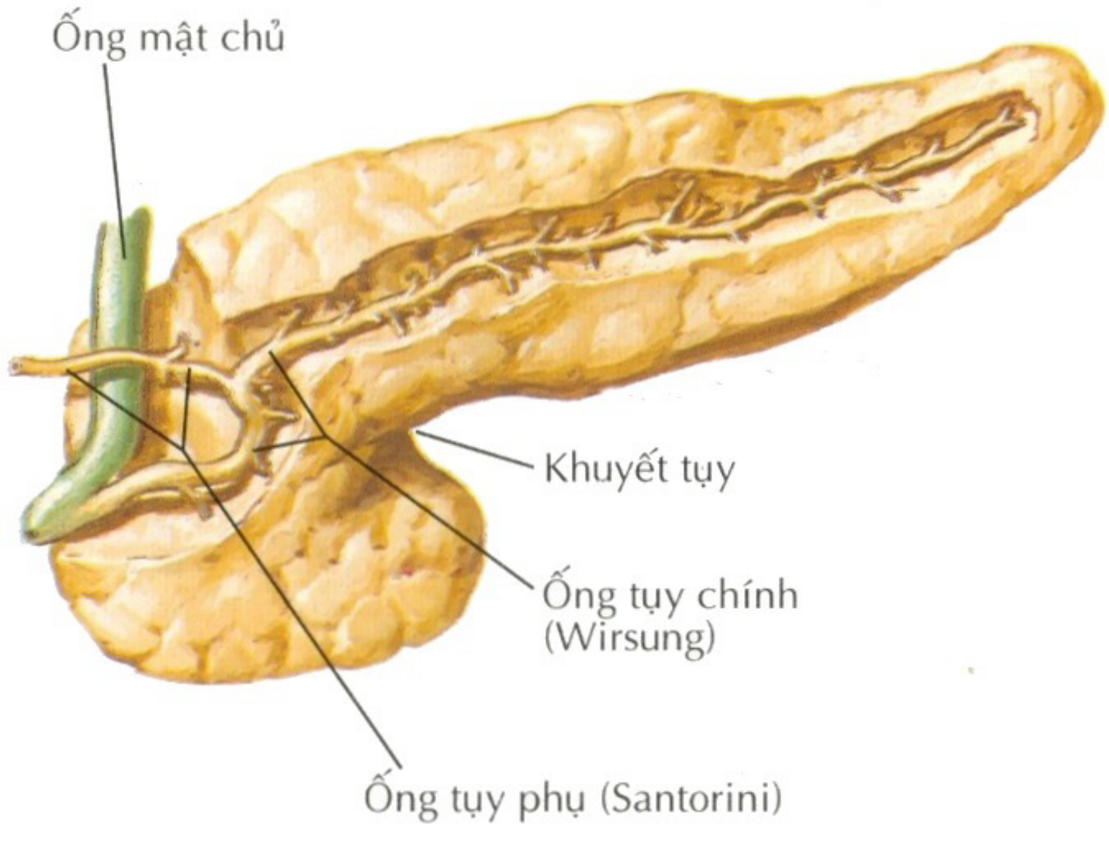


4 Tủy ở Tại Chỗ

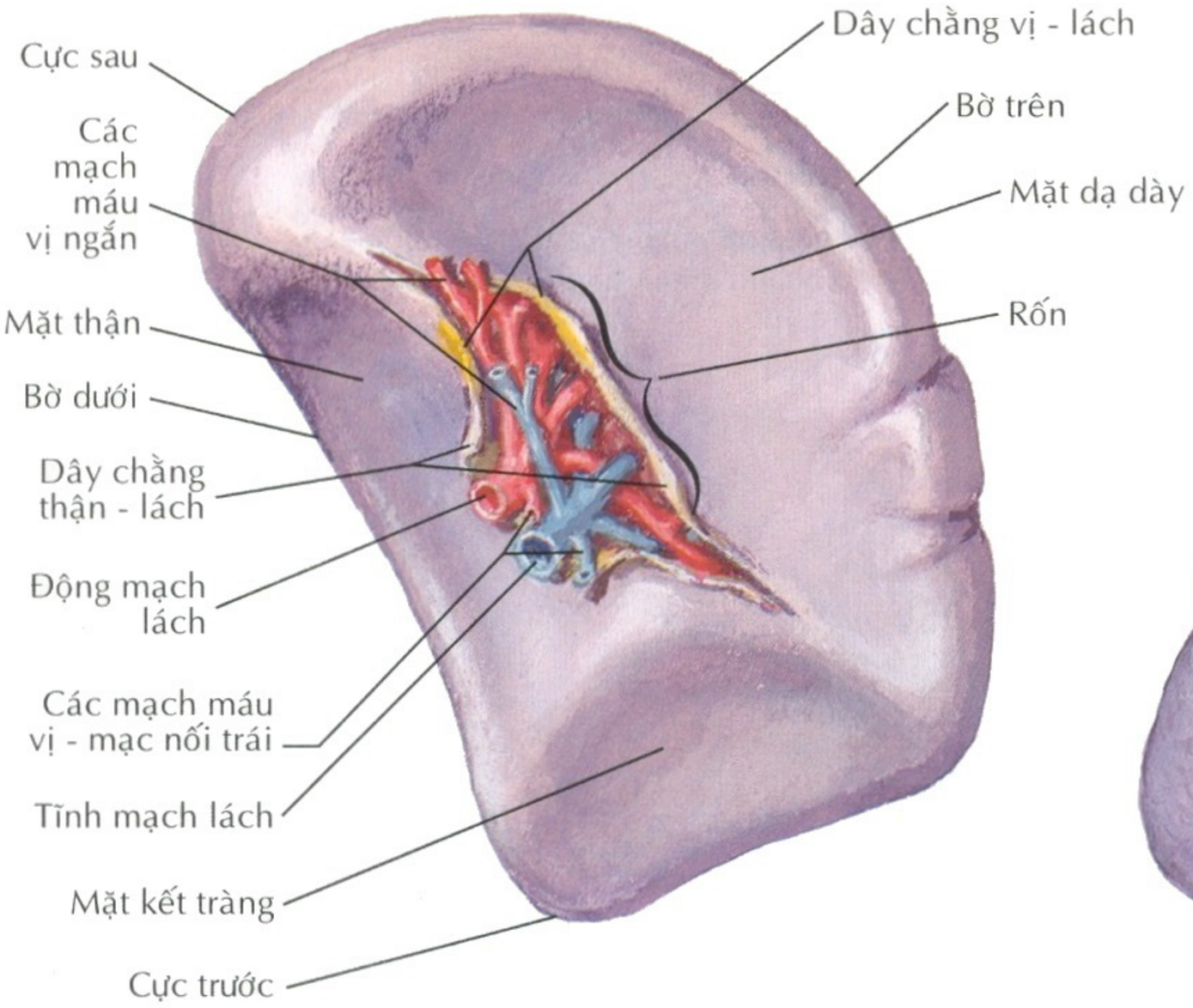




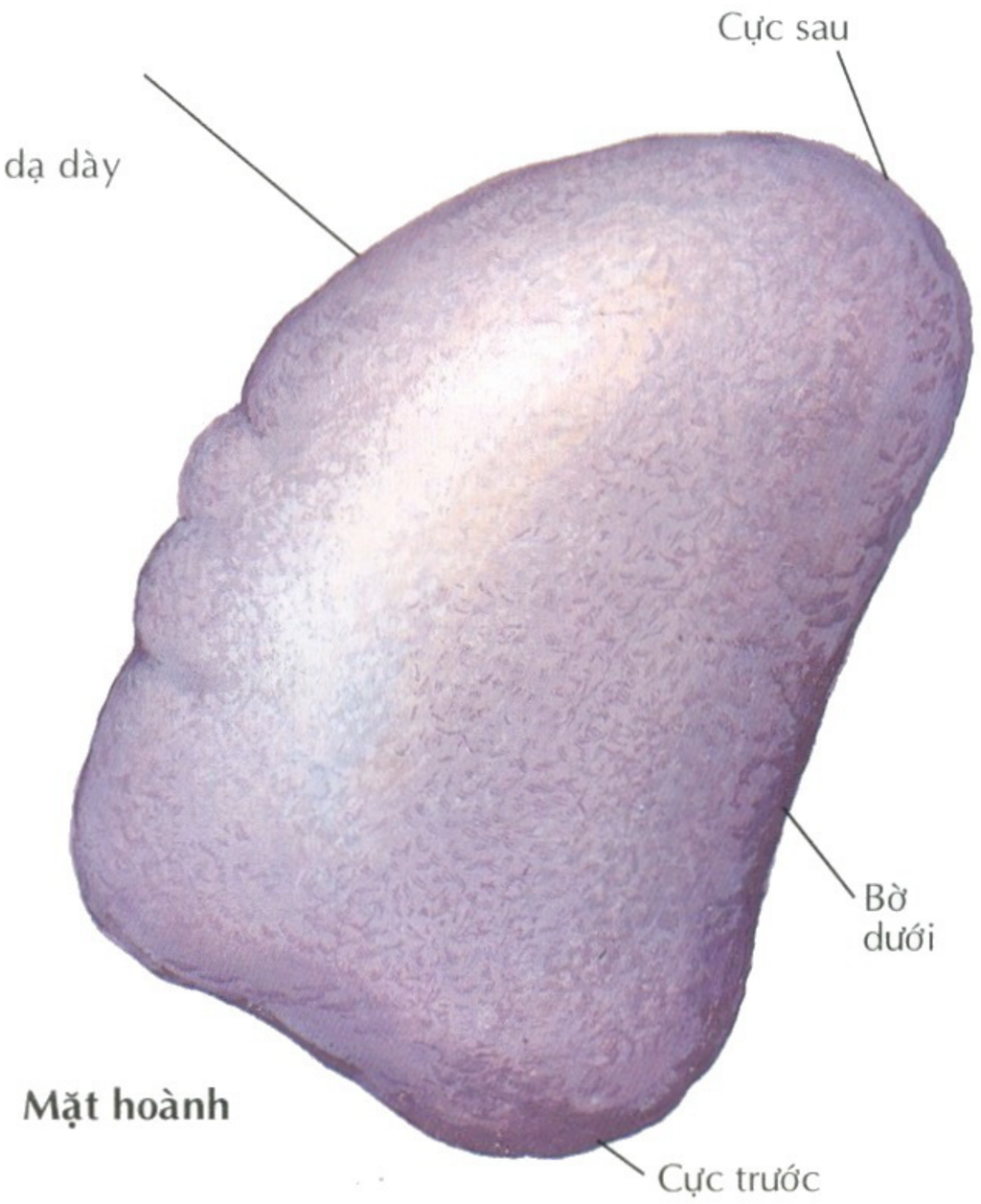
Lát cắt tụy dưới kính hiển vi độ phóng đại thấp



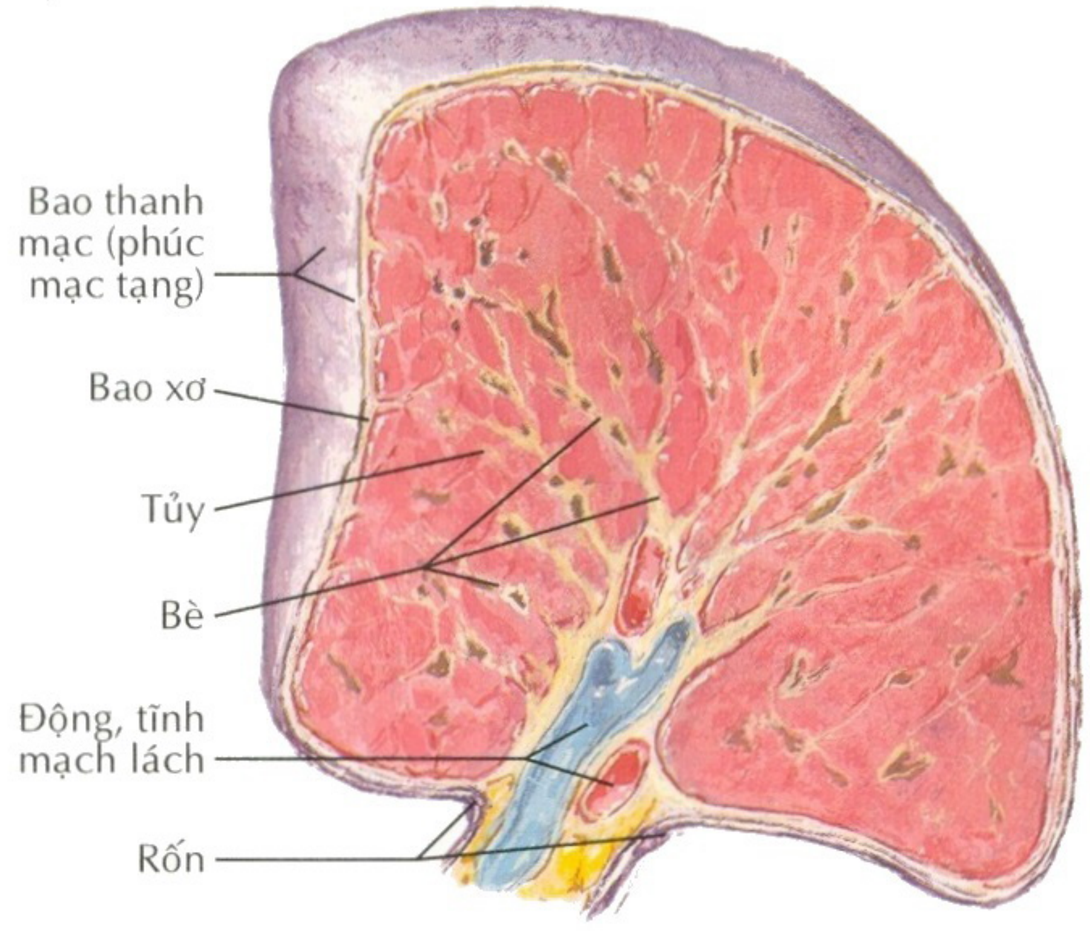
Lách



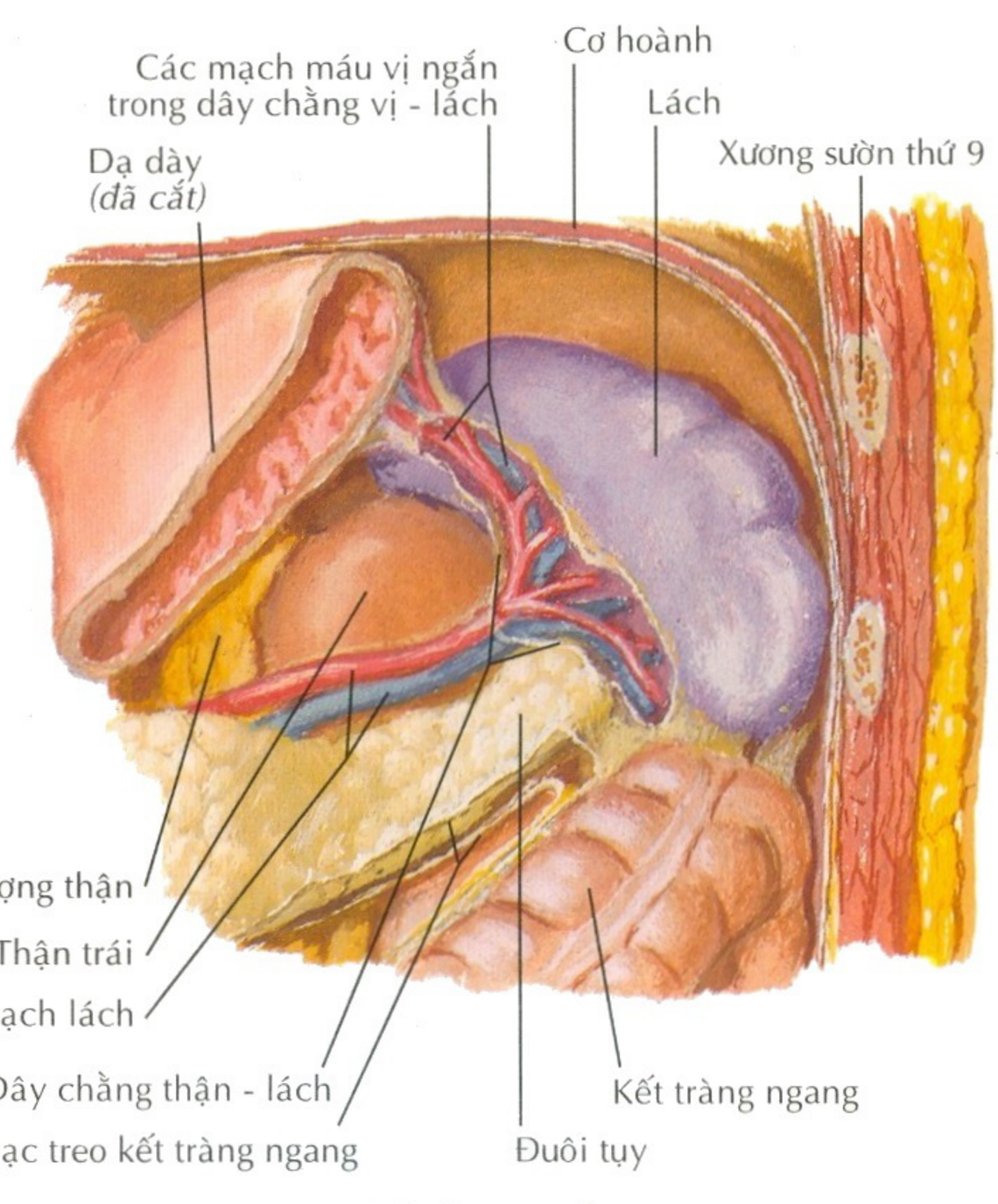
Mặt tạng



Mặt hoành

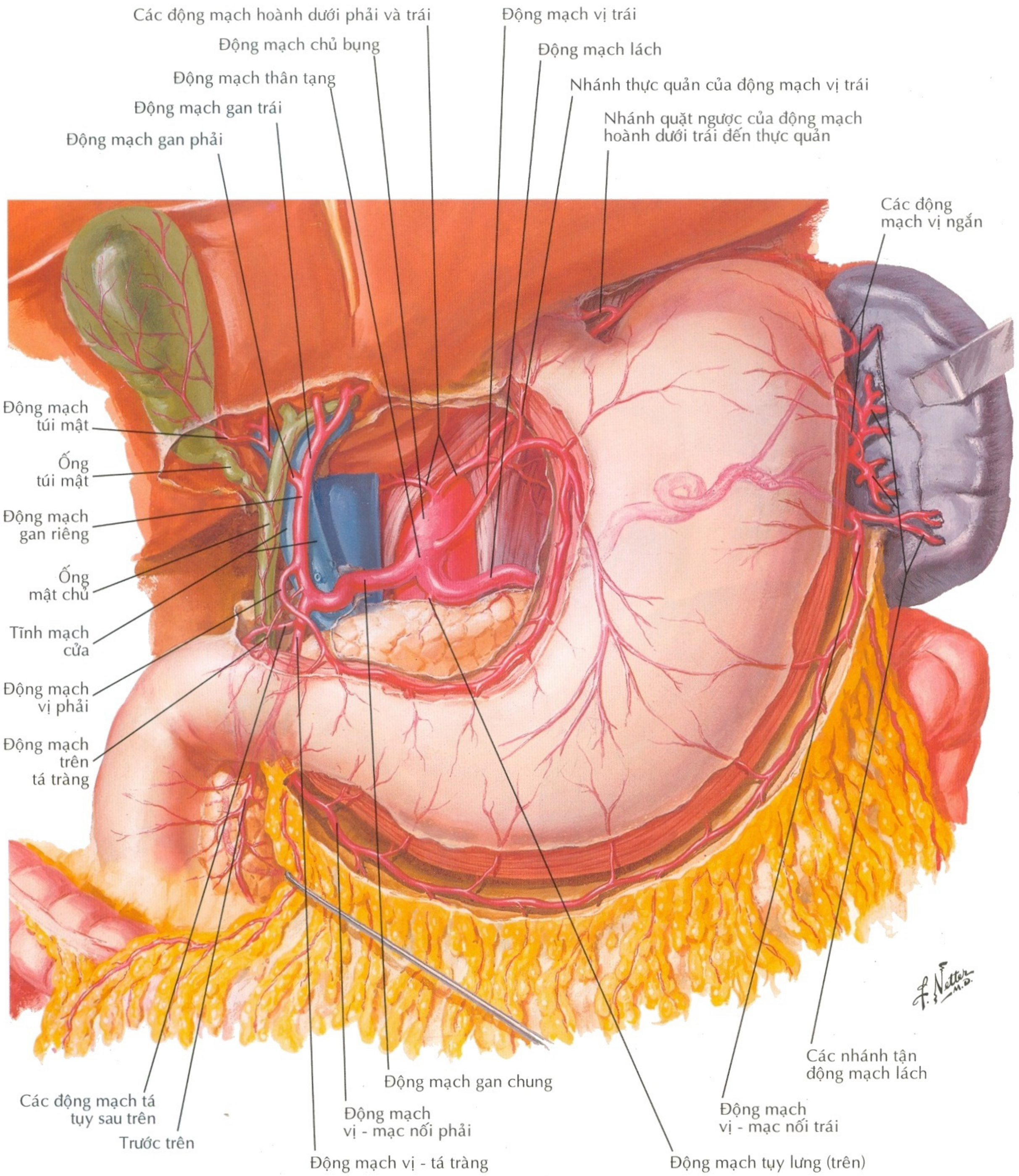


Thiết đồ ngang



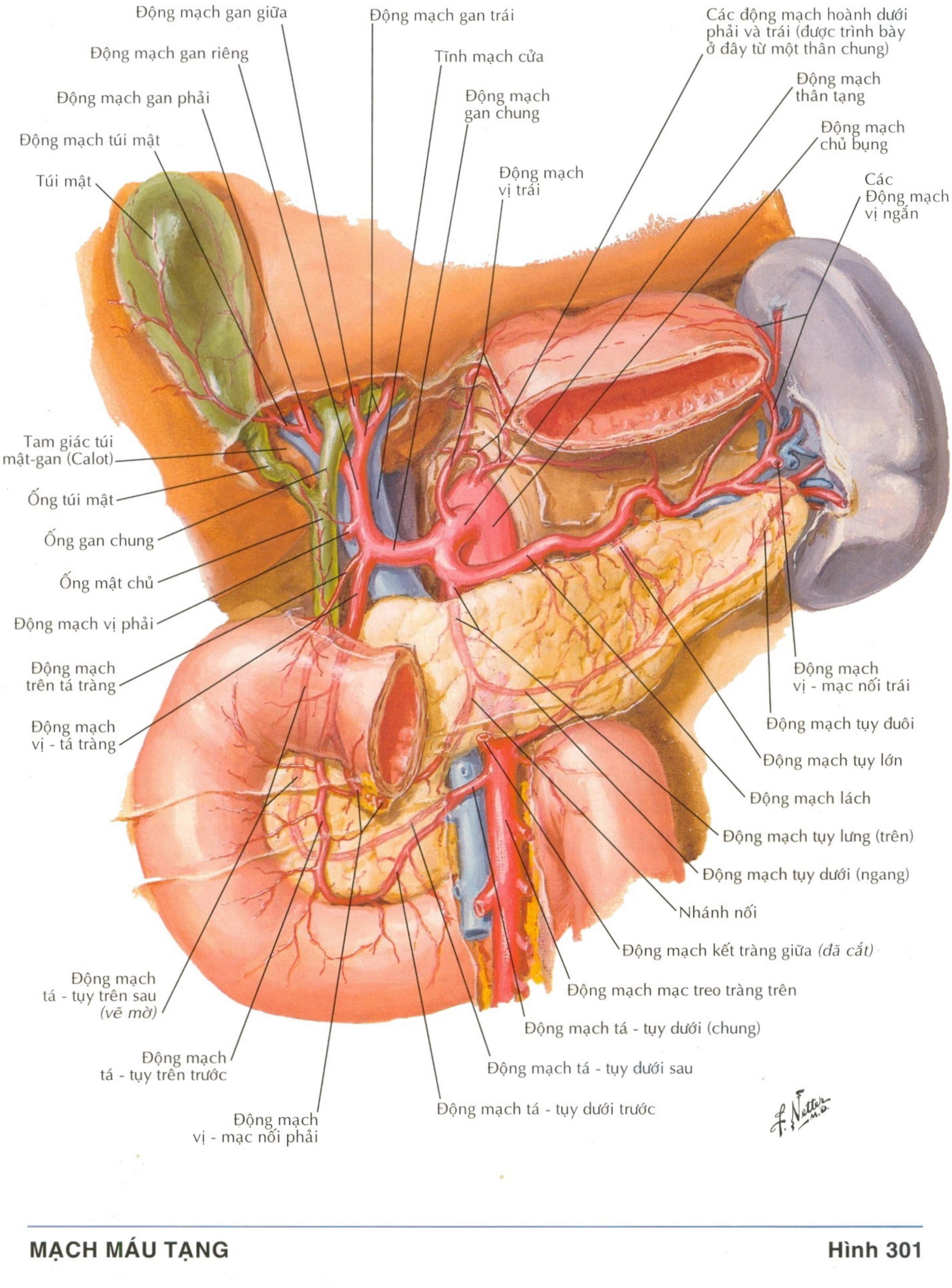
Lách ở tại chỗ

4 Các Động Mạch của Dạ Dày, Gan và Lá Lách



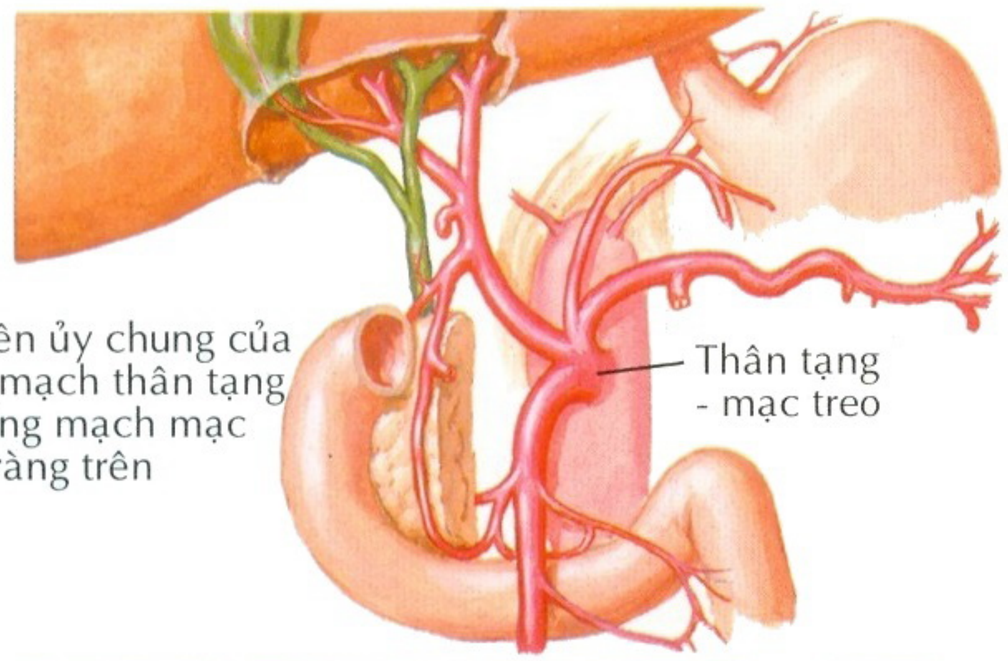
Hình 300 **MẠCH MÁU TẠNG**

Các Động Mạch của Gan, Tụy, Tá Tràng và Lá Lách

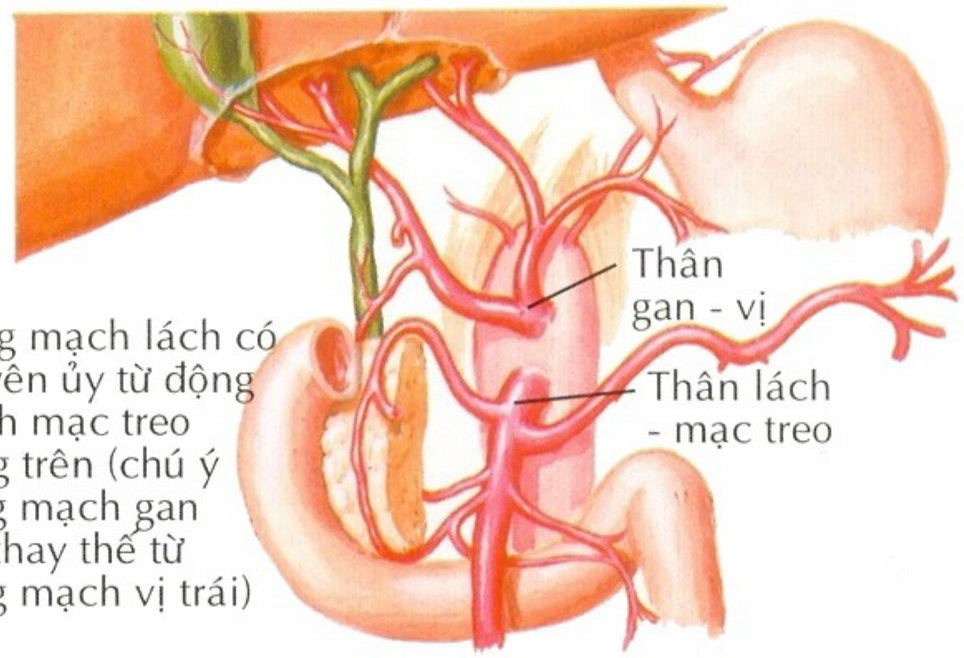


MẠCH MÁU TẠNG **Hình 301**

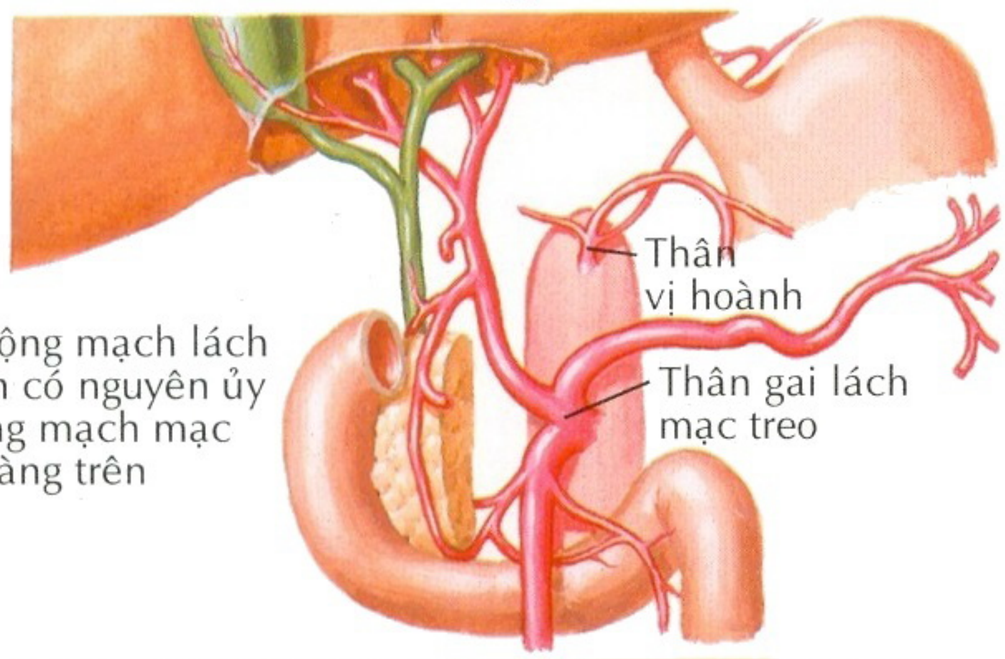
4 Những Dạng Thay Đổi của Thân Động Mạch Tạng



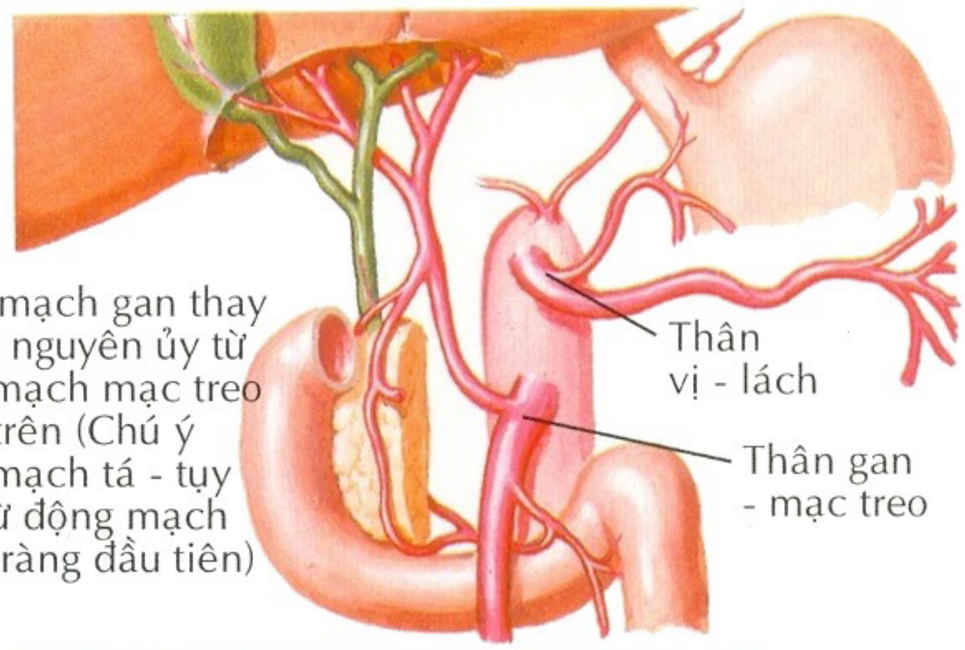
Nguyên ủy chung của động mạch thân tạng và động mạch mạc treo tràng trên



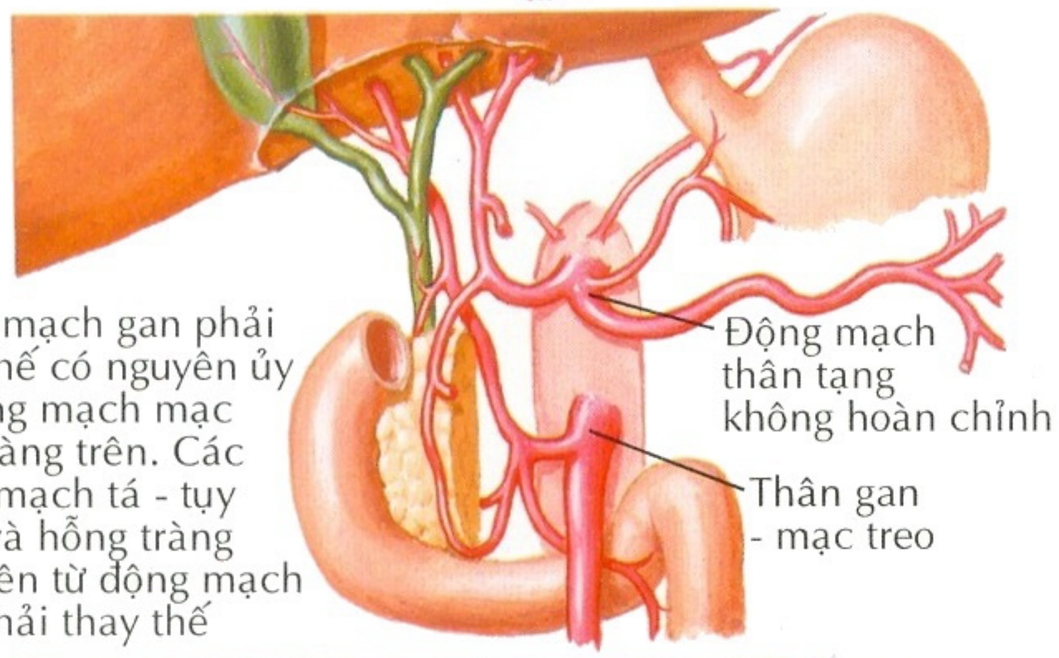
Động mạch lách có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên (chú ý động mạch gan trái thay thế từ động mạch vị trái)



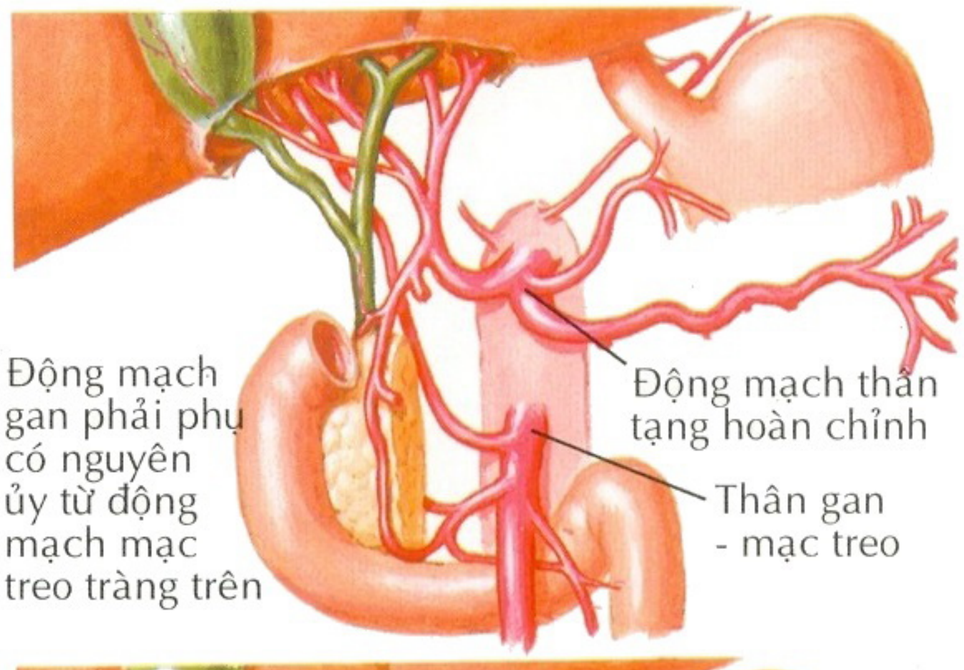
Các động mạch lách và gan có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên



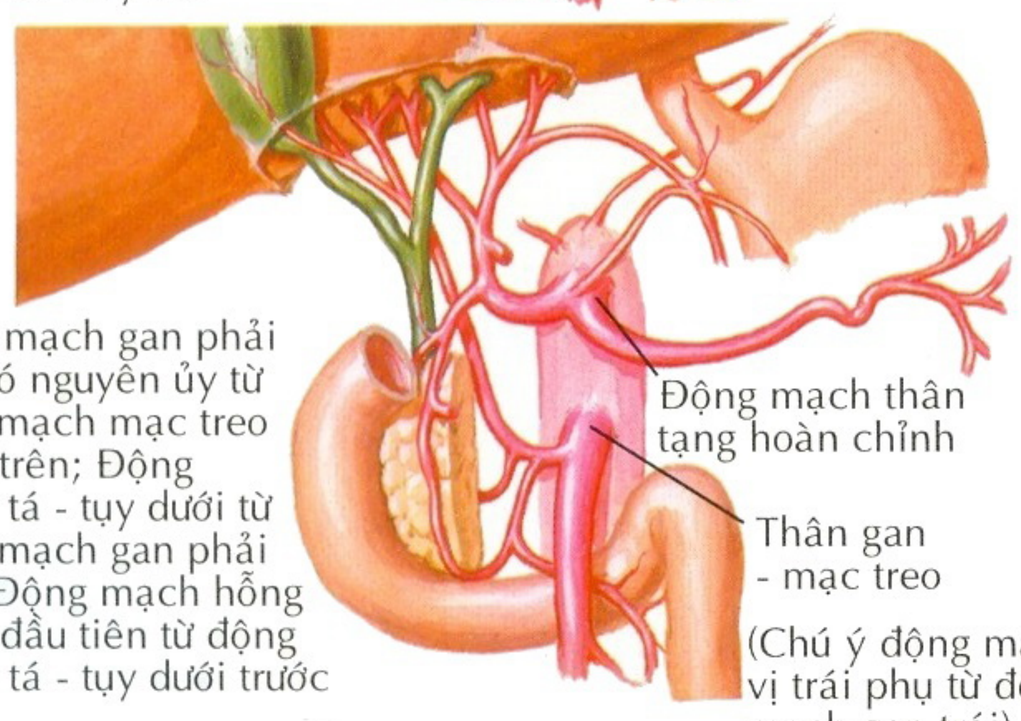
Động mạch gan thay thế có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên (Chú ý động mạch tá - tụy dưới từ động mạch hỗng tràng đầu tiên)



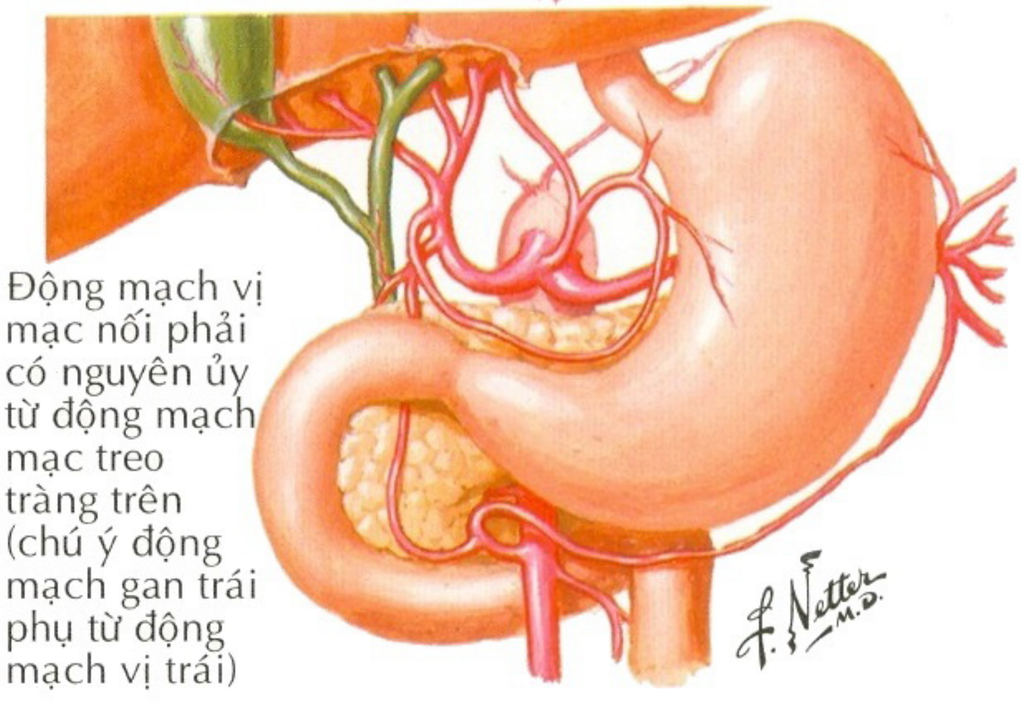
Động mạch gan phải thay thế có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên. Các động mạch tá - tụy dưới và hỗng tràng đầu tiên từ động mạch gan phải thay thế



Động mạch gan phải phụ có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên



Động mạch gan phải phụ có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên; Động mạch tá - tụy dưới từ động mạch gan phải phụ; Động mạch hỗng tràng đầu tiên từ động mạch tá - tụy dưới trước

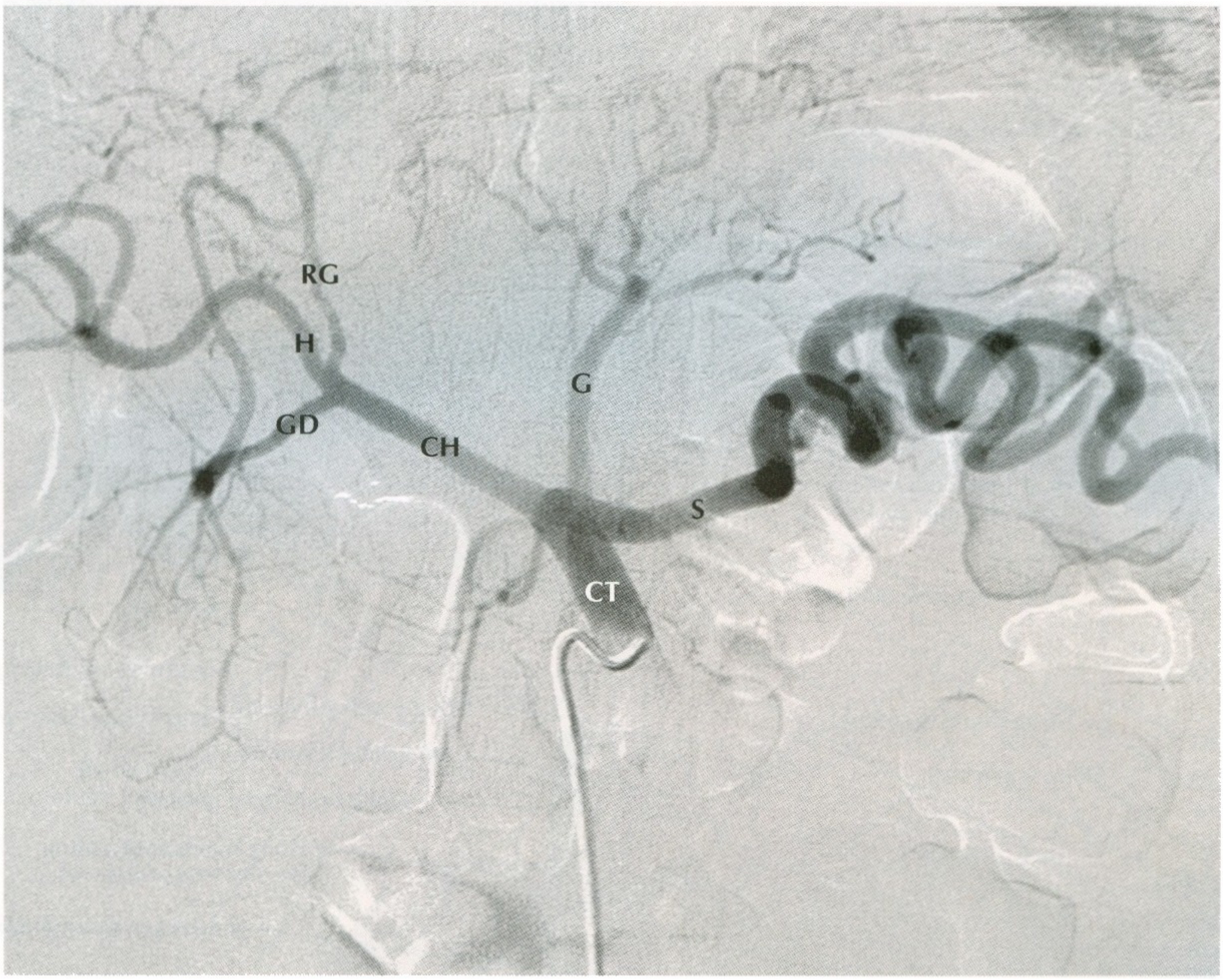


Động mạch vị mạc nối phải có nguyên ủy từ động mạch mạc treo tràng trên (chú ý động mạch gan trái phụ từ động mạch vị trái)

F. Netter M.D.

Phim Chụp Động Mạch Thân Tạng

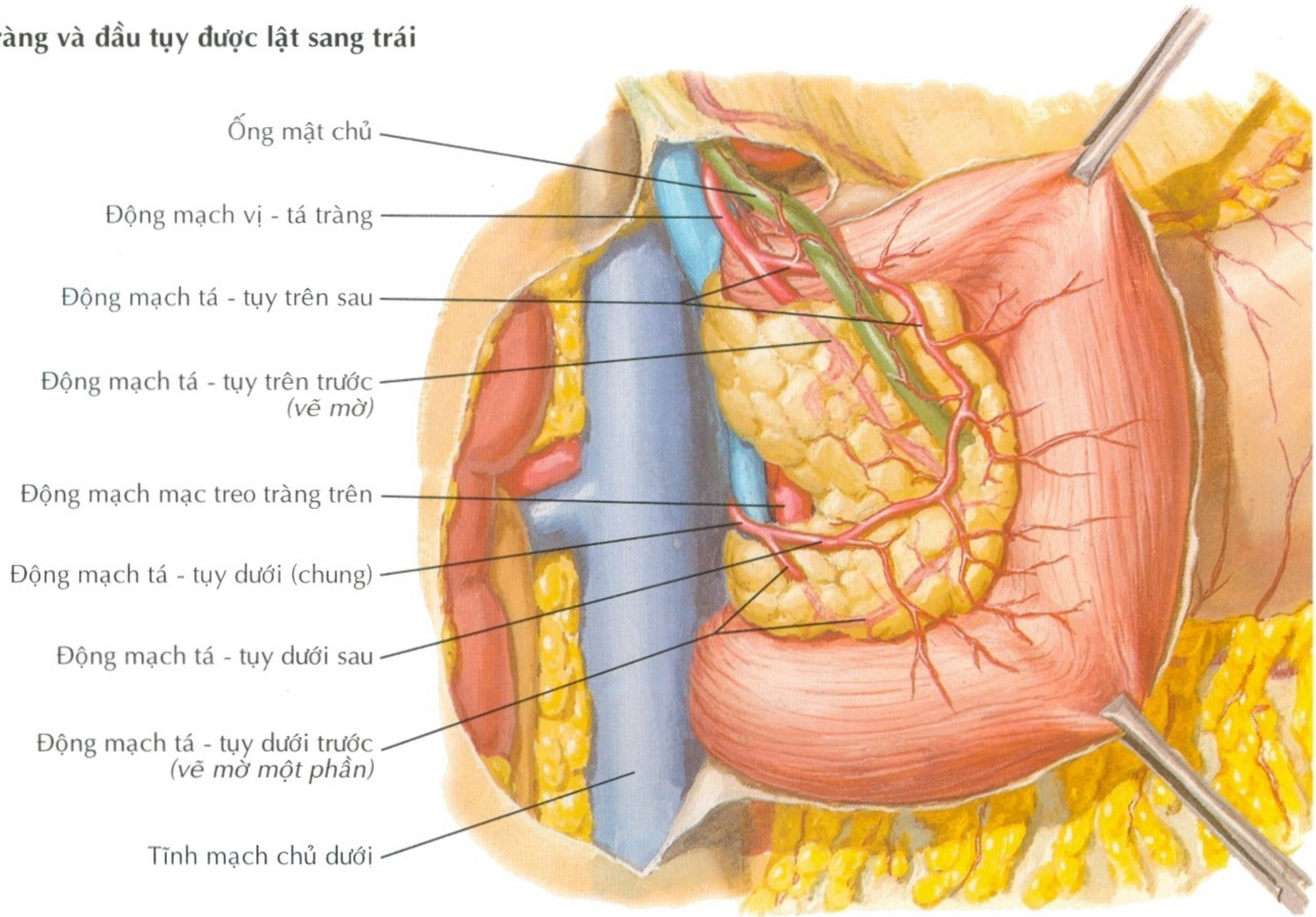
Xem thêm hình: 300, 301

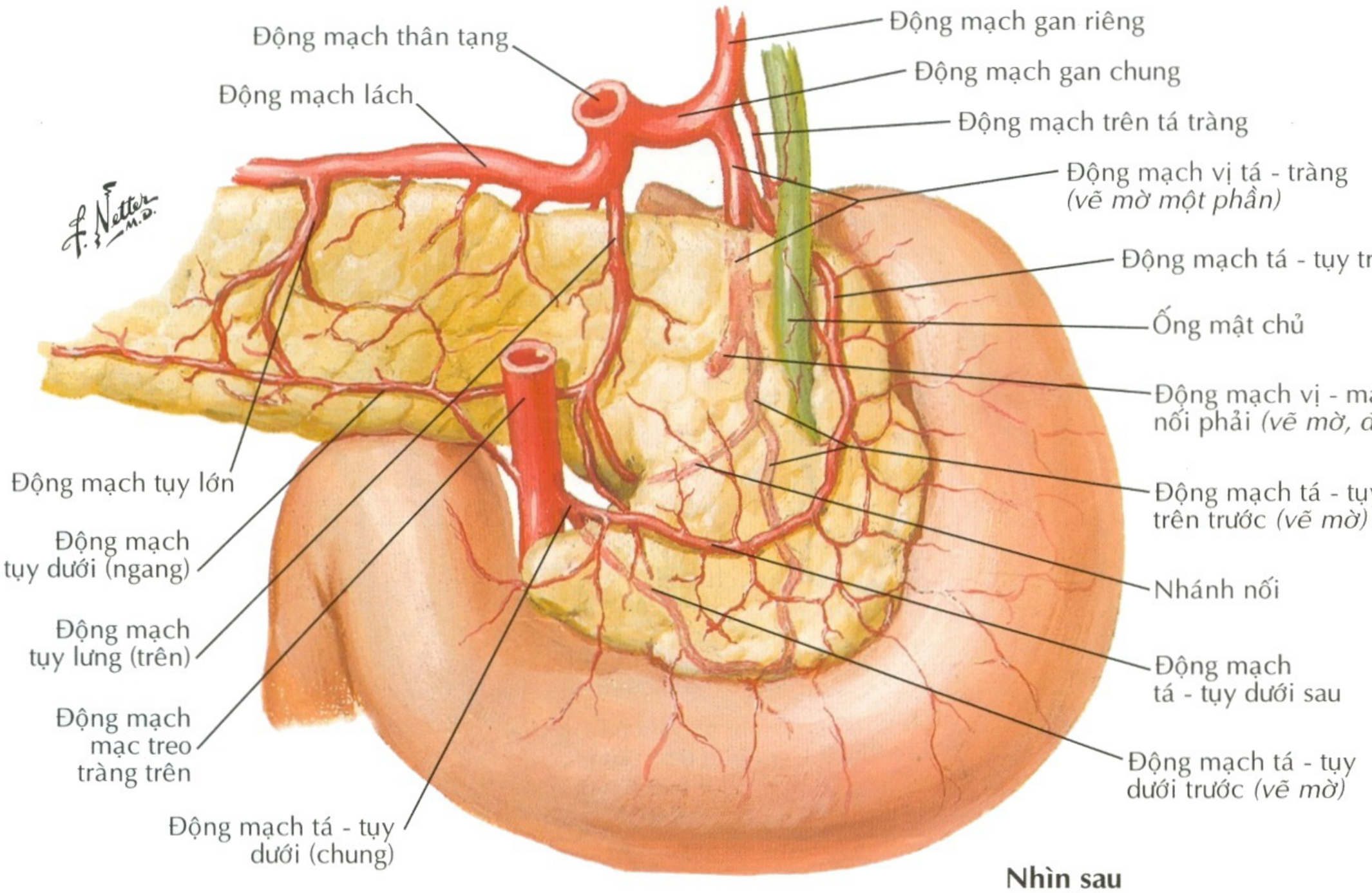


CH Động mạch gan chung
CT Thân tạng
G Động mạch vị trái
GD Động mạch vị tá tràng
H Động mạch gan riêng
RG Động mạch vị phải
S Động mạch lách

4 Các Động Mạch của Tá Tràng và Đầu Tụy

Tá tràng và đầu tụy được lật sang trái

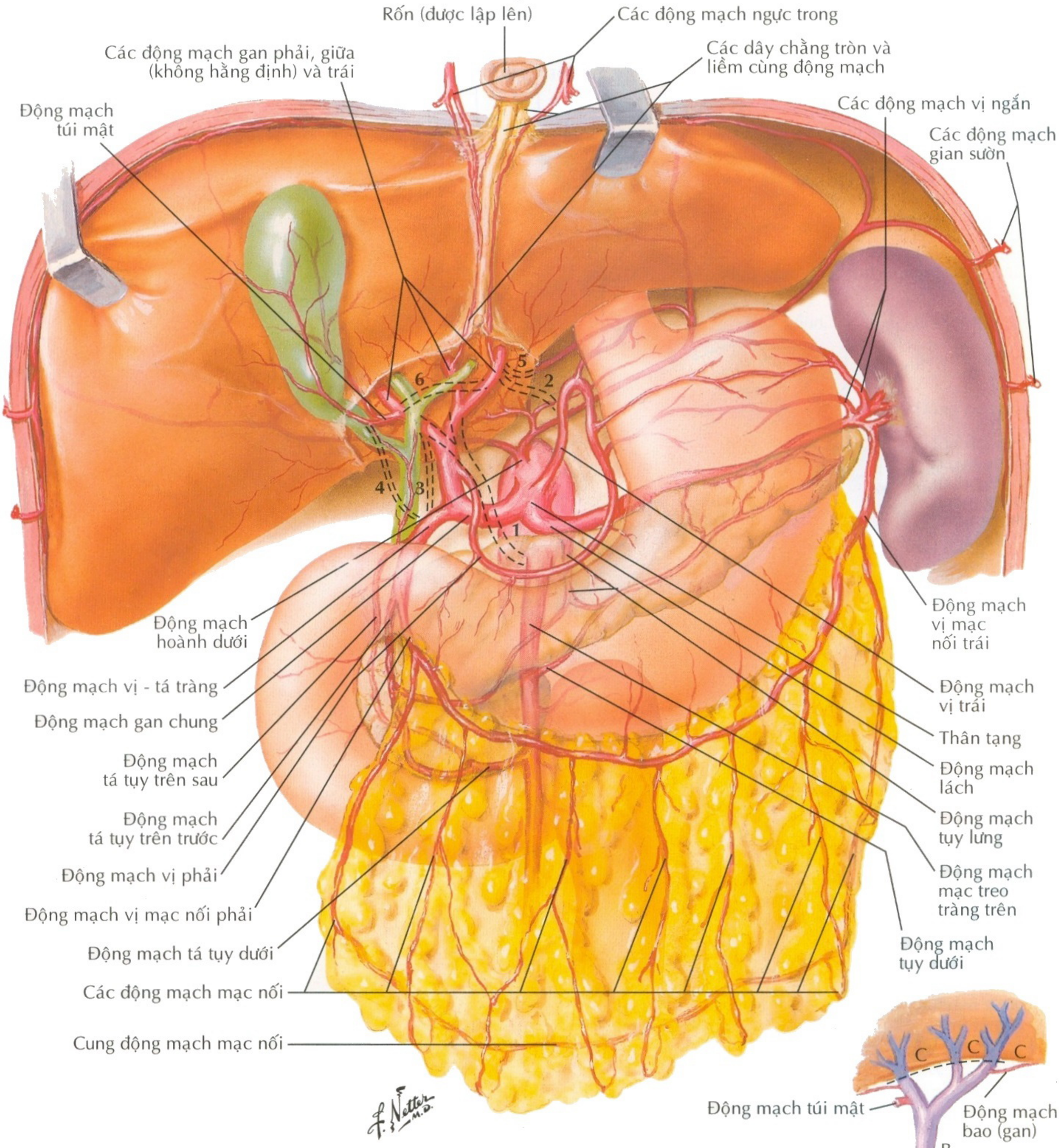




Nhìn sau

Hình 304 **MẠCH MÁU TẠNG**

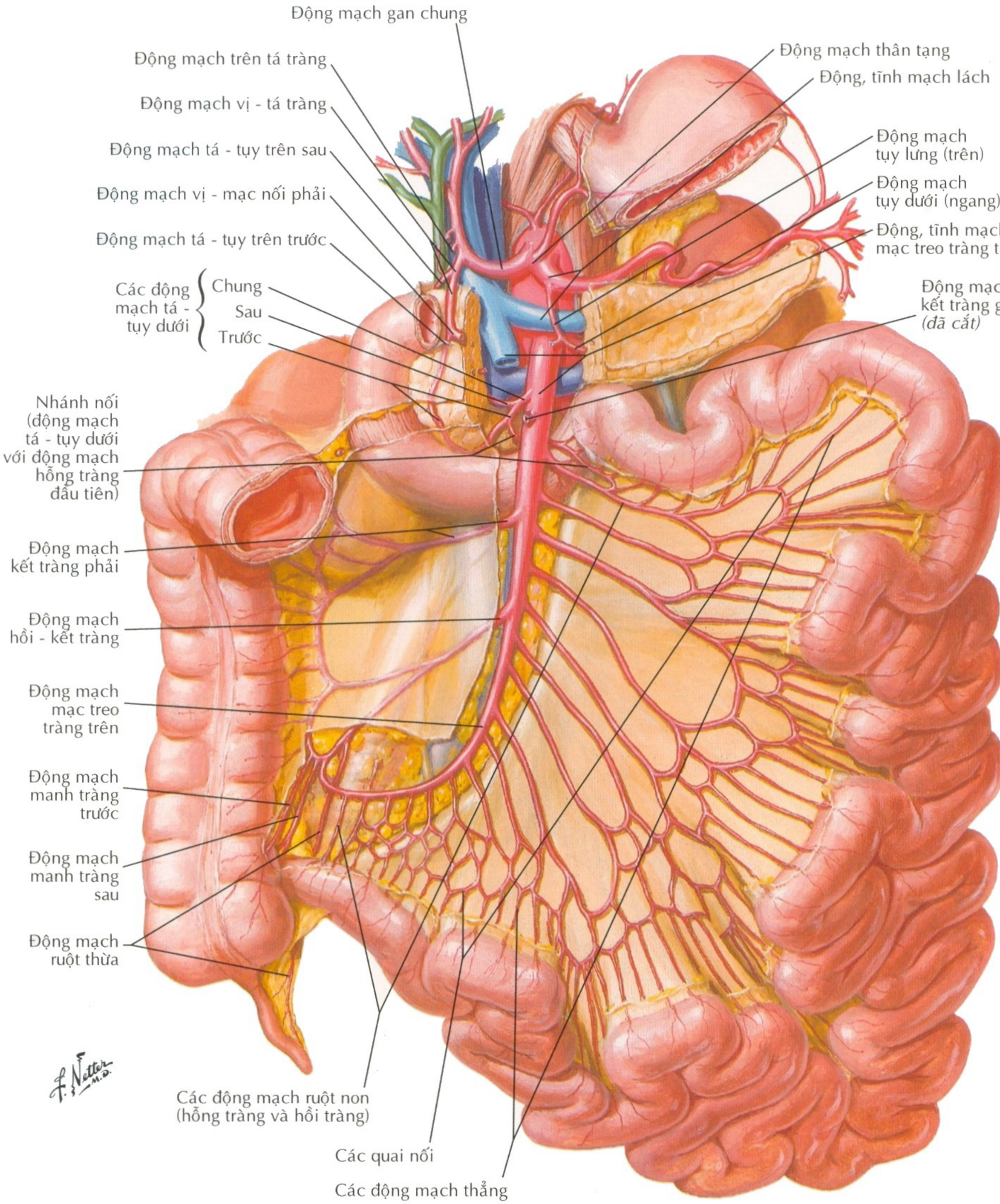
Các Dạng Động Mạch và Tuần Hoàn Phụ Cung Cấp Cho Gan và Túi Mật



Các động mạch phụ hoặc thay thế
1. Động mạch gan phải hay gan chung
2. Động mạch gan trái
3. Động mạch phải
4. Động mạch túi mật
   Nối với những động mạch tương ứng
5. Động mạch dưới / vị trái ⟷ Động mạch gan trái
6. Động mạch gan phải ⟷ Động mạch gan trái

Các ảnh hưởng của tắc động mạch gan
- A. Vùng tương đối an toàn
- B. Vùng ảnh hưởng nghi ngờ
- C. Vùng nhồi máu chắc chắn

4 Các Động Mạch của Ruột Non

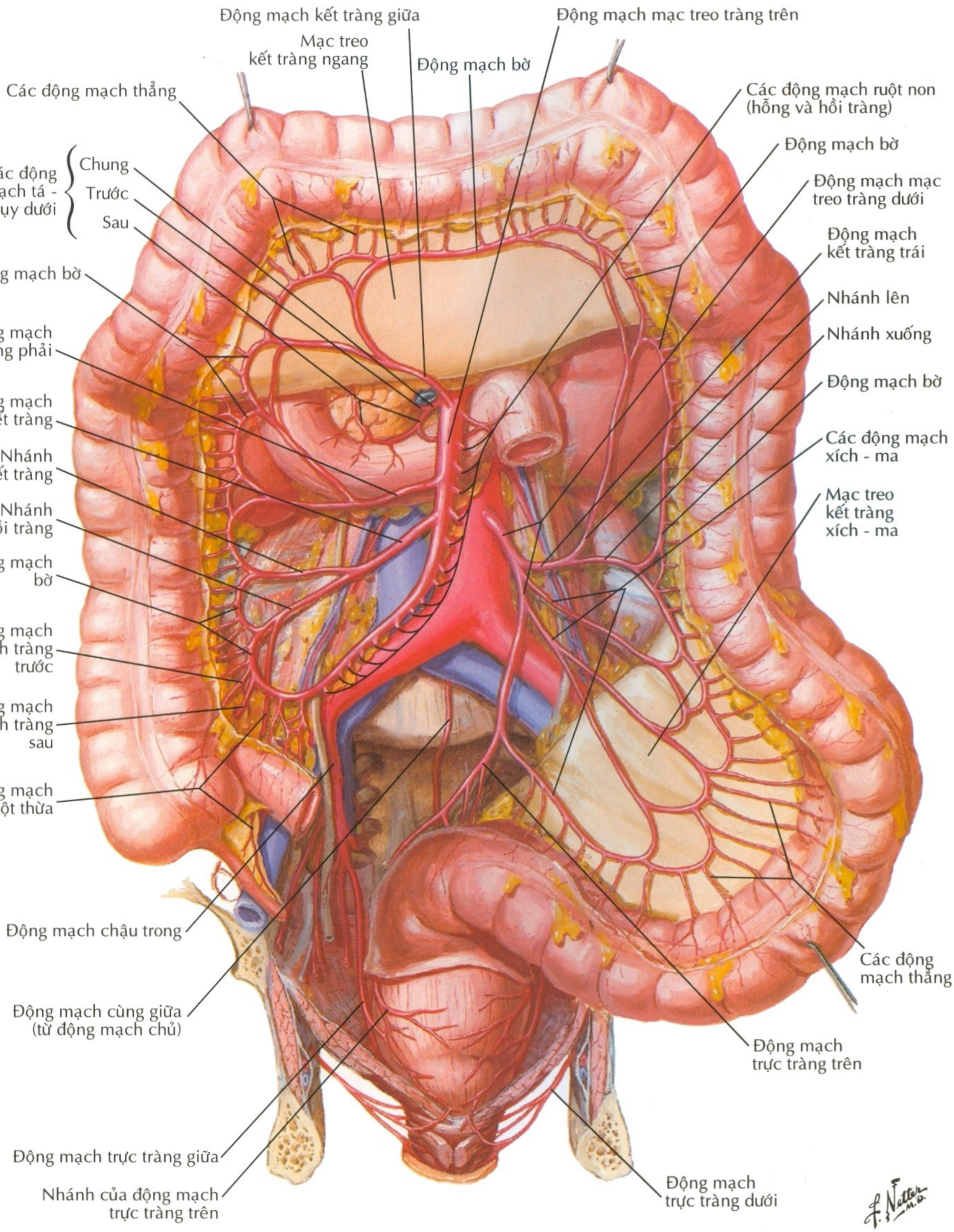


Hình 306 **MẠCH MÁU TẠNG**

Các Động Mạch của Ruột Già

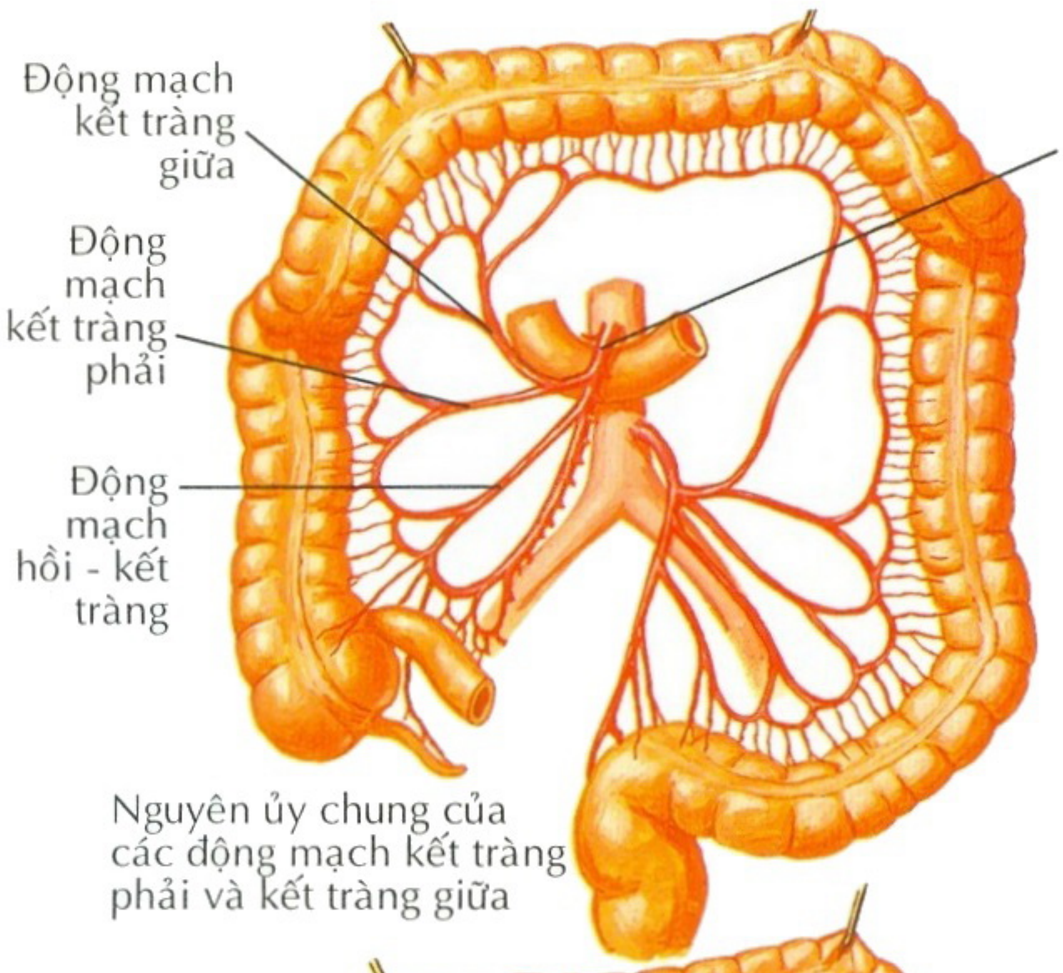
4

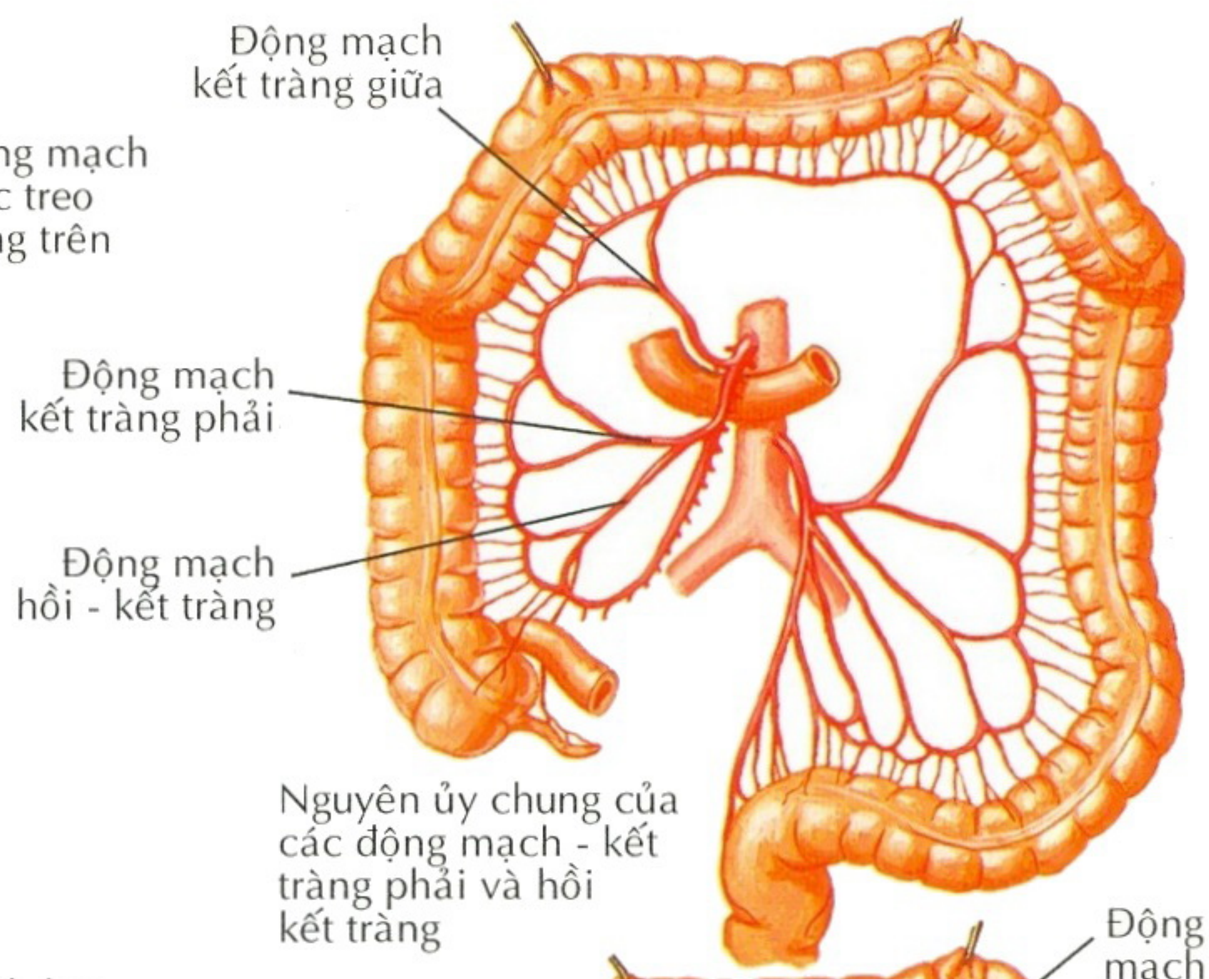
Xem thêm hình 398

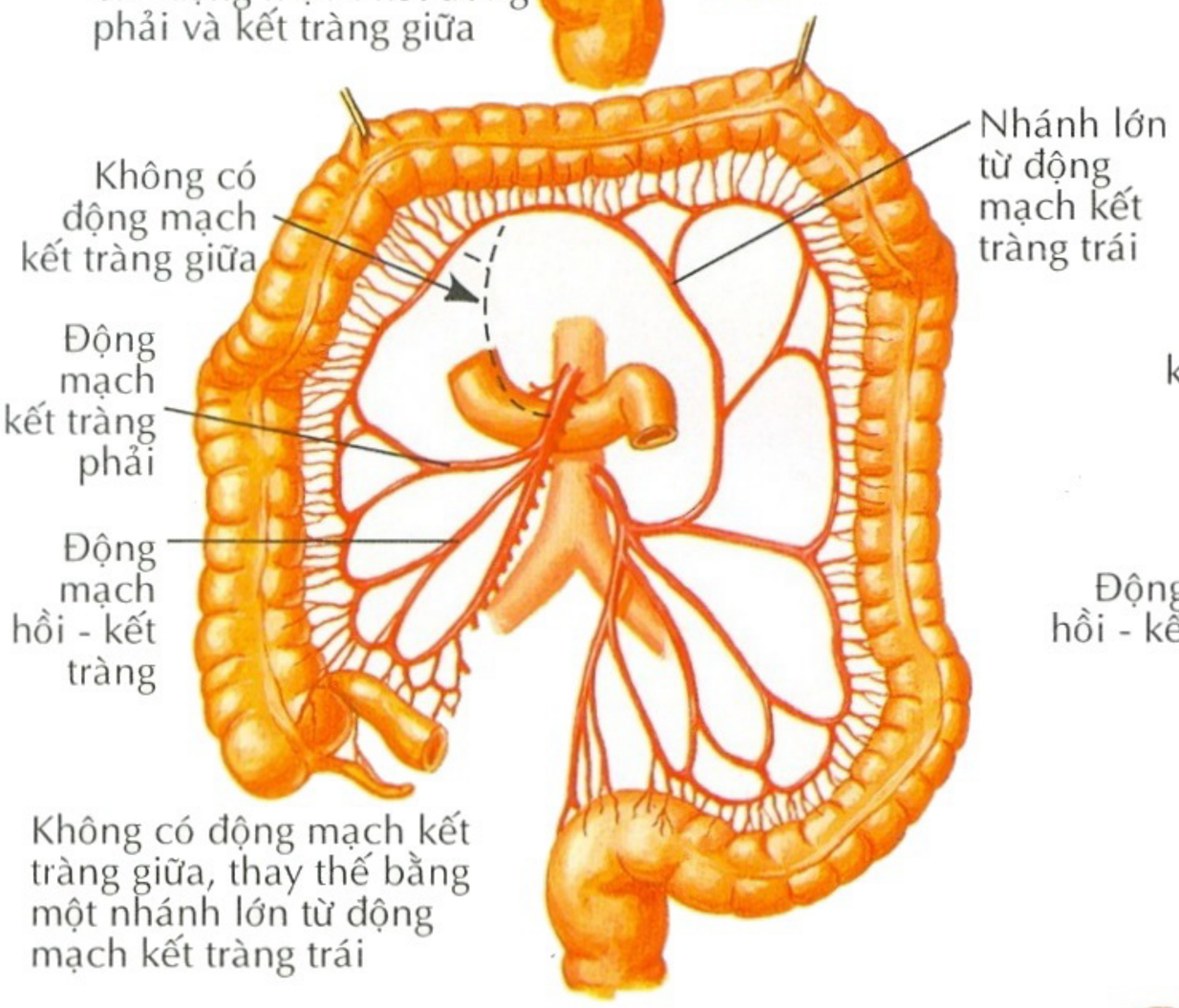


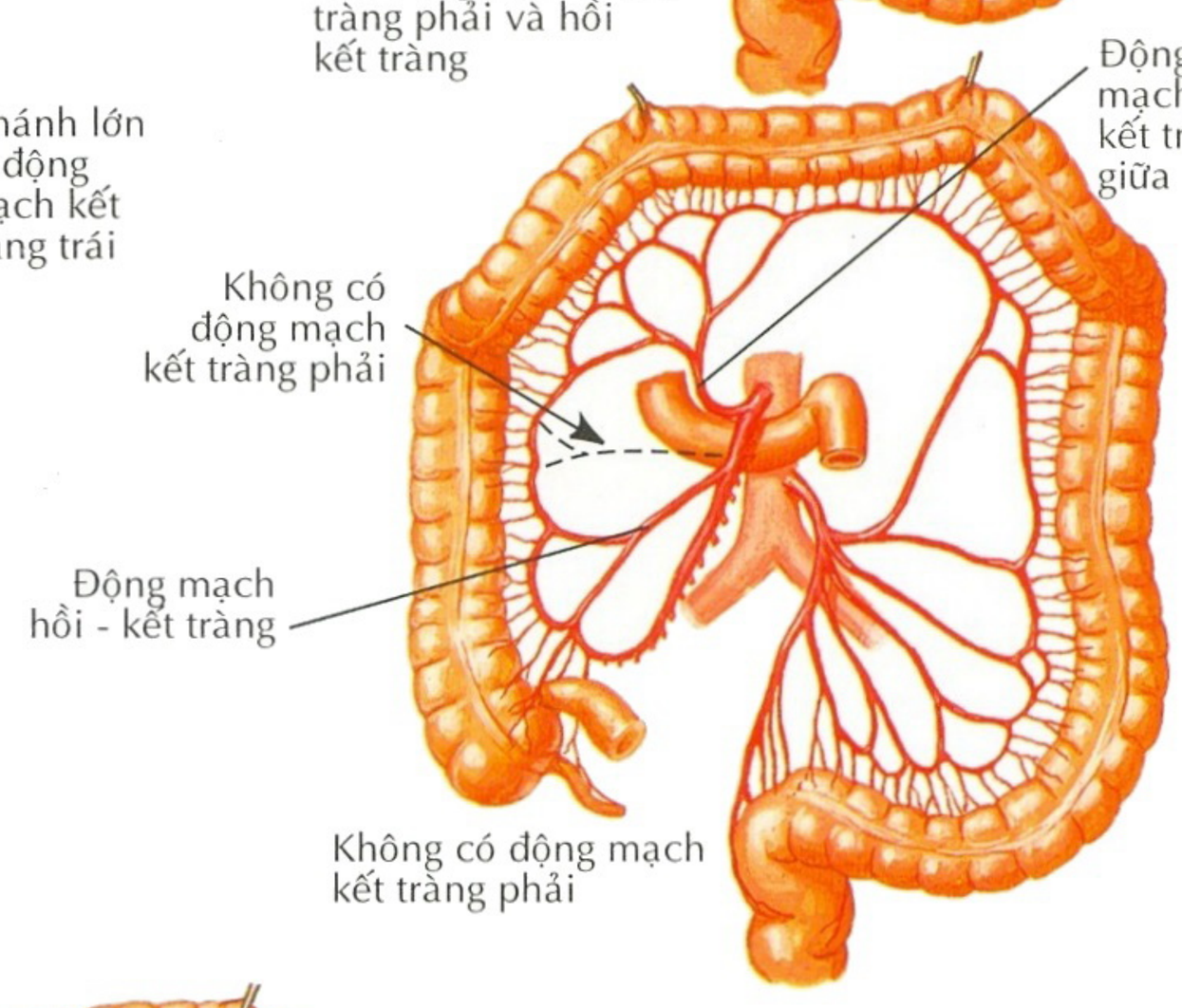
MẠCH MÁU TẠNG **Hình 307**

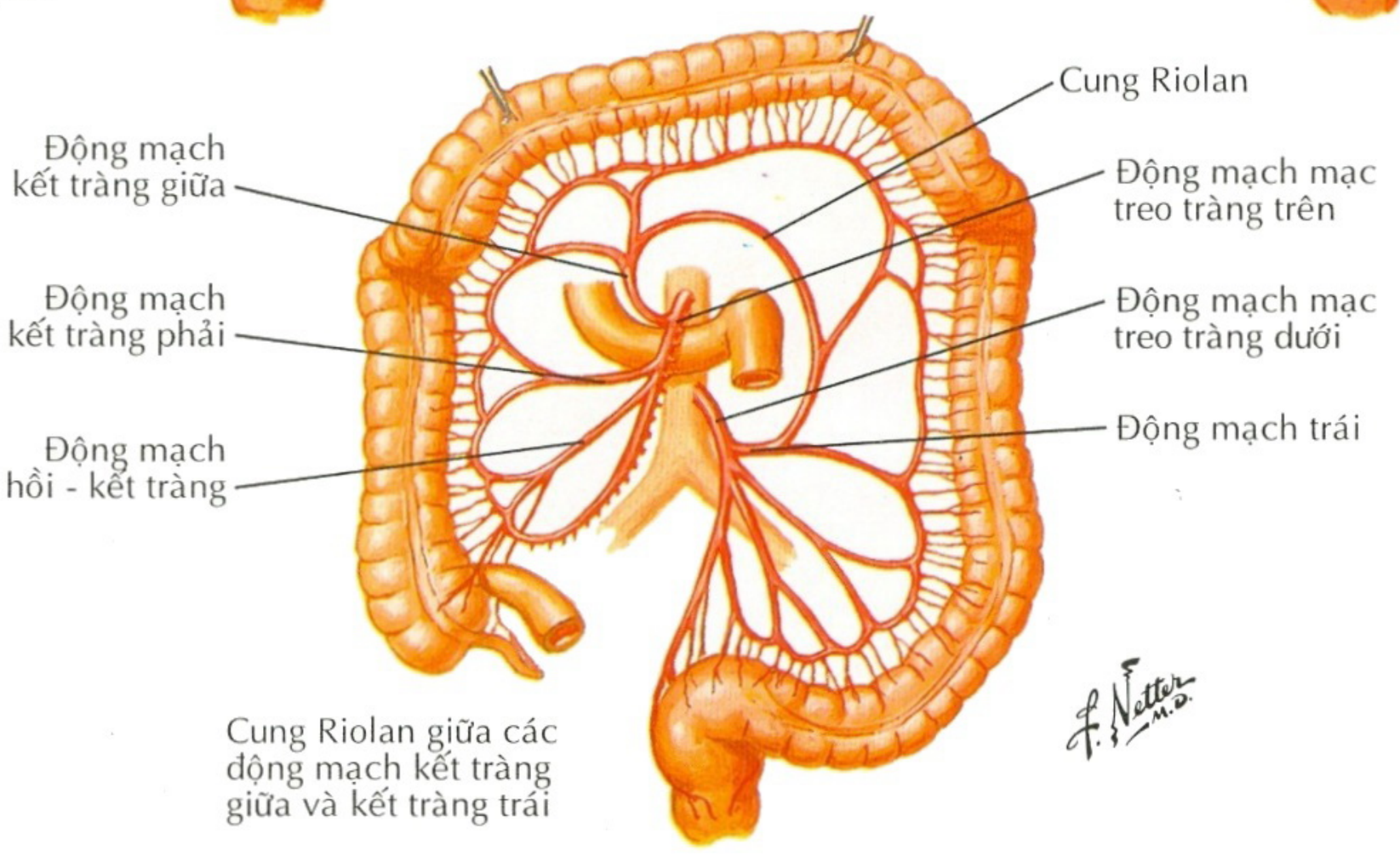
4 Các Dạng Động Mạch của Kết Tràng







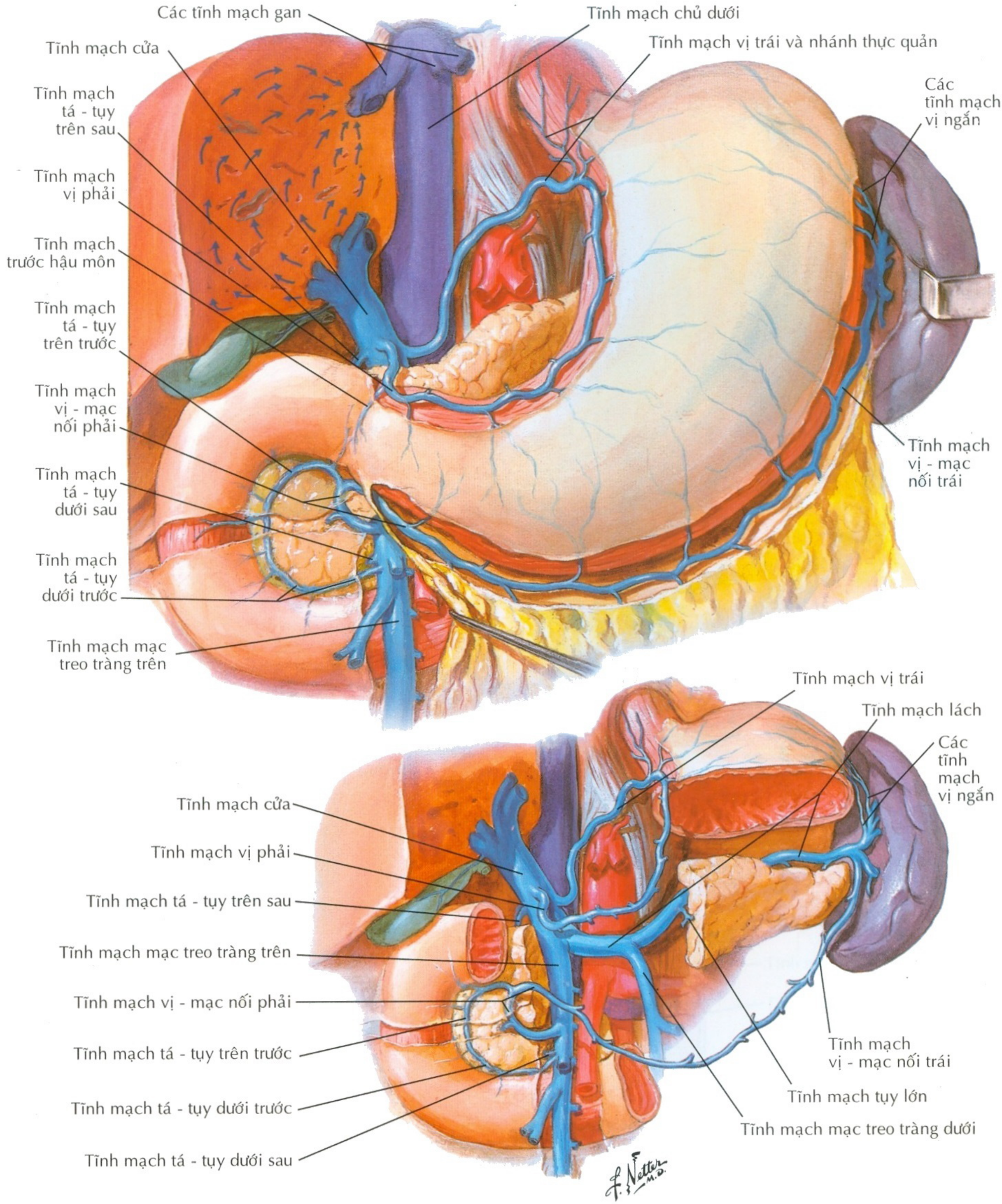




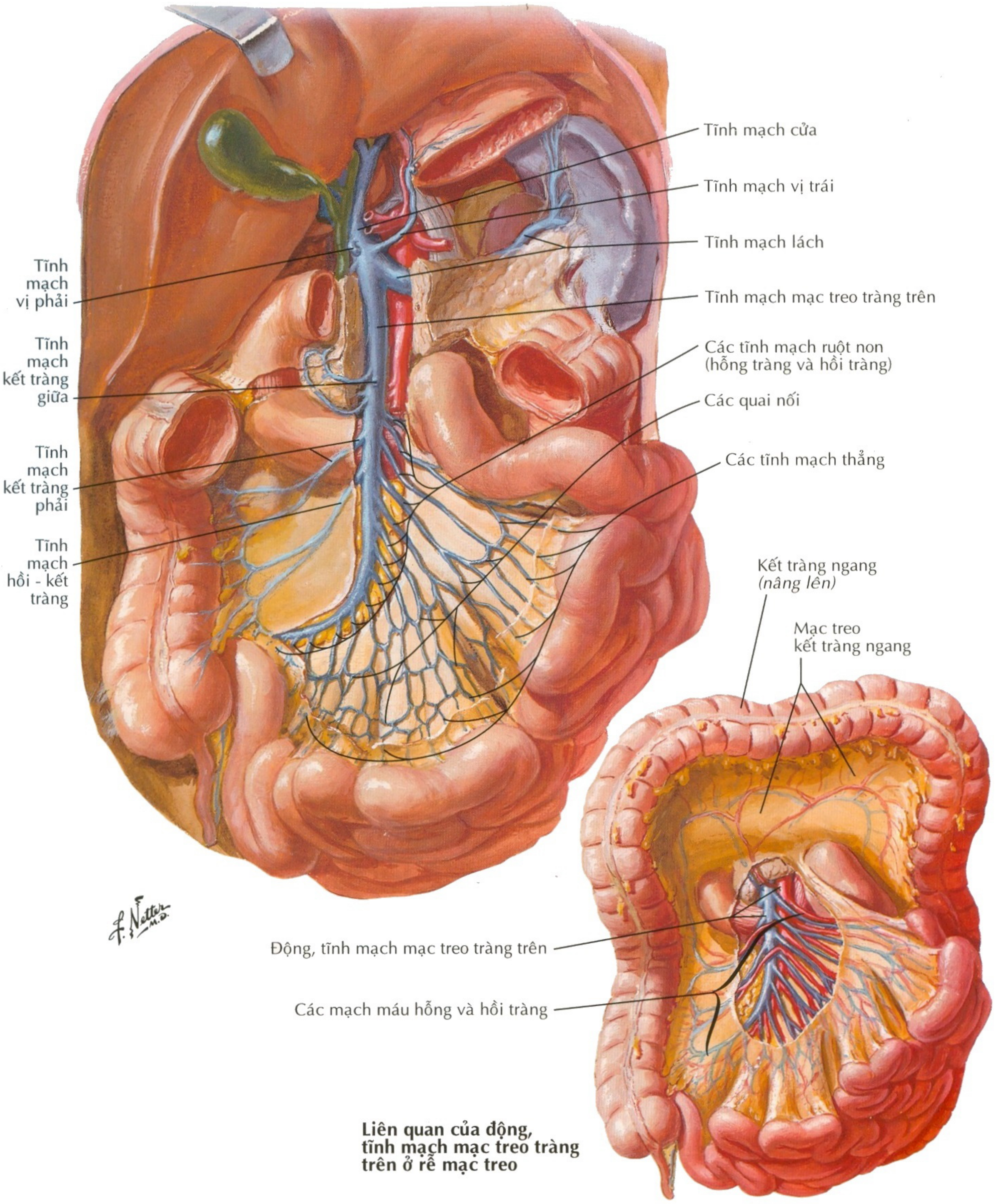
F. Netter M.D.

Hình 308 **MẠCH MÁU TẠNG**

Các Tĩnh Mạch của Dạ Dày, Tụy, Tá Tràng và Lá Lách



4 Các Tĩnh Mạch của Ruột Non

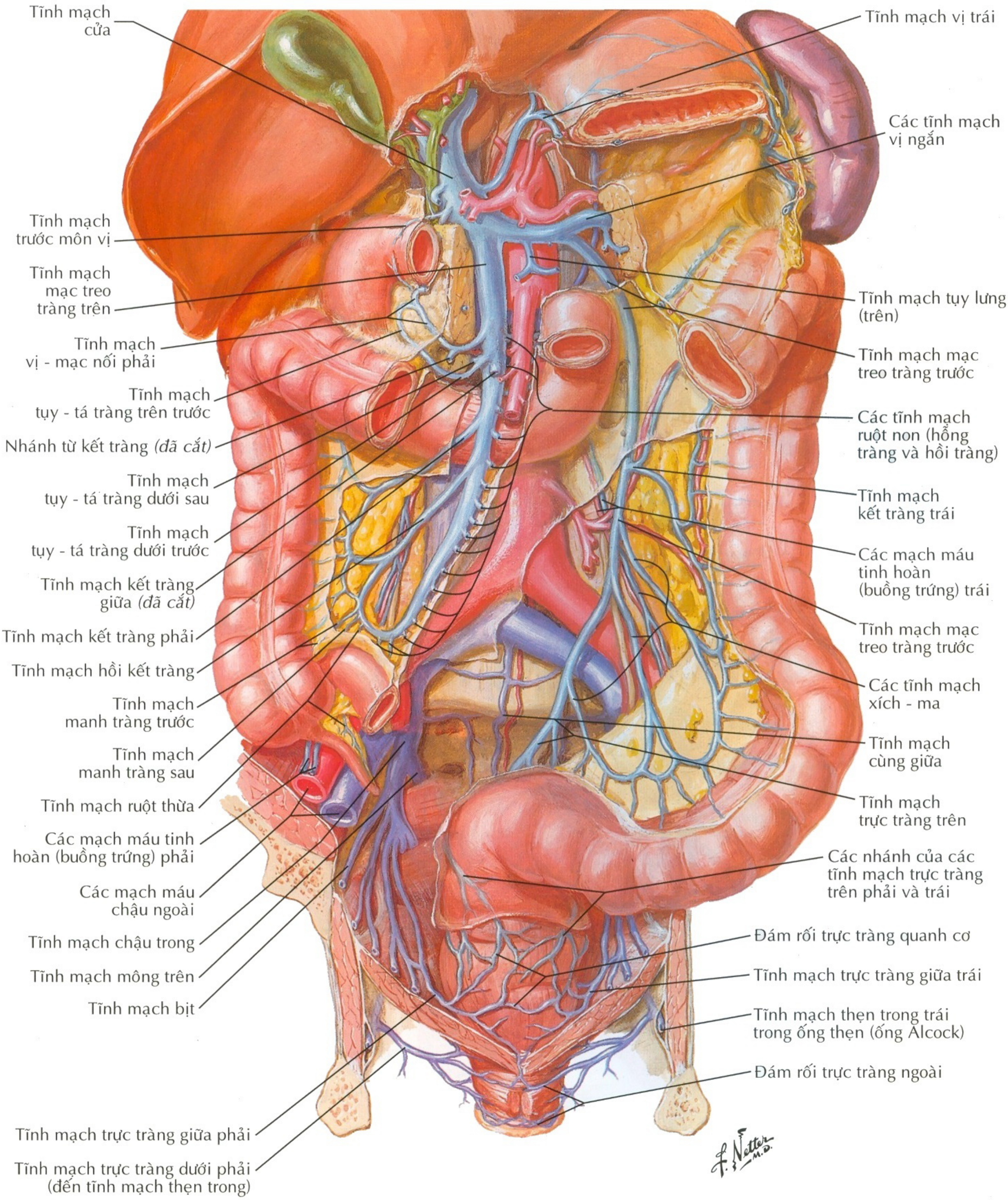


Liên quan của động, tĩnh mạch mạc treo tràng trên ở rễ mạc treo

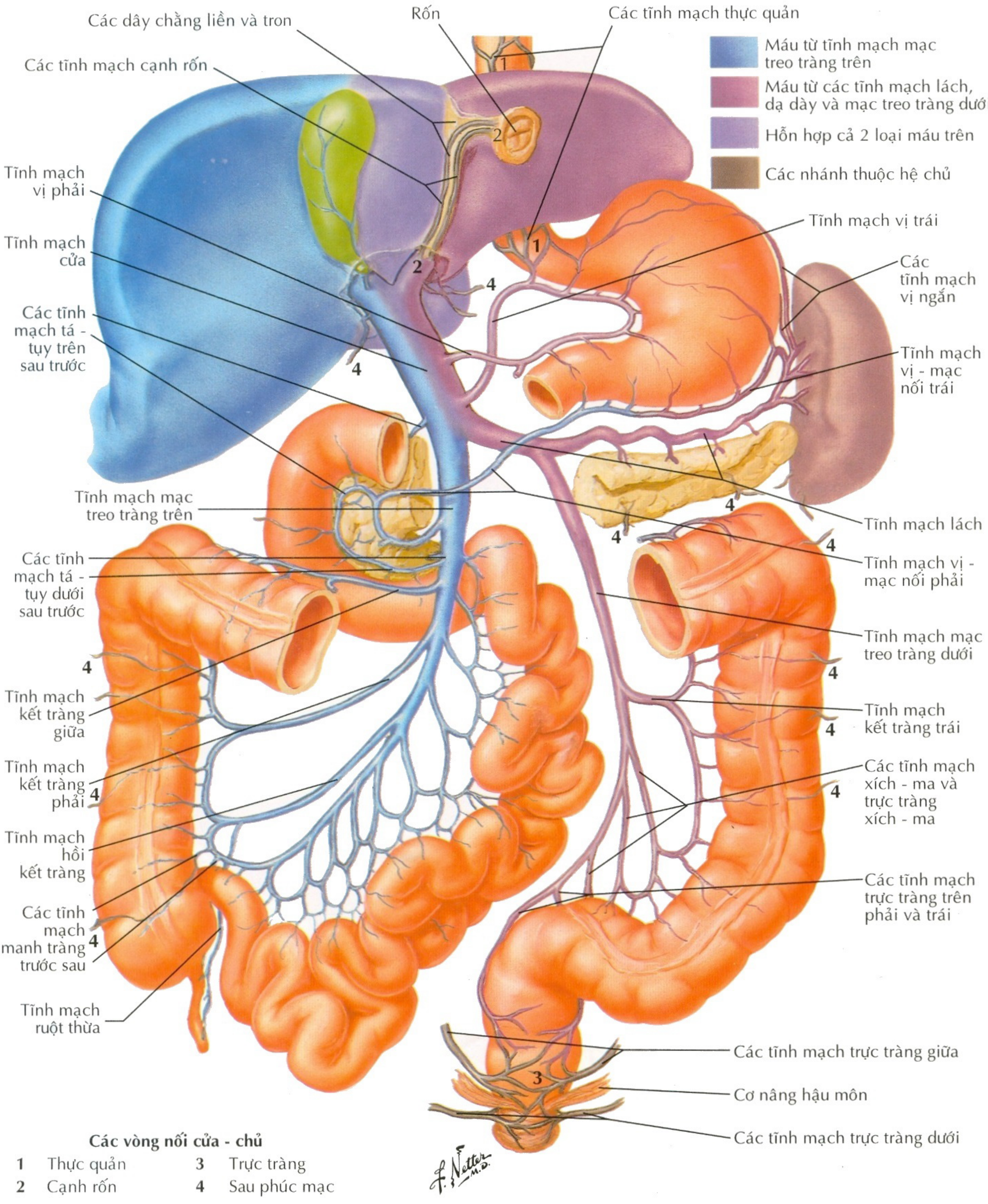
Các Tĩnh Mạch Ruột Già

4

Xem thêm hình 399



4 Các Nhánh Tĩnh Mạch Cửa Gan: Các Vòng Nối Cửa Chủ



Các vòng nối cửa - chủ

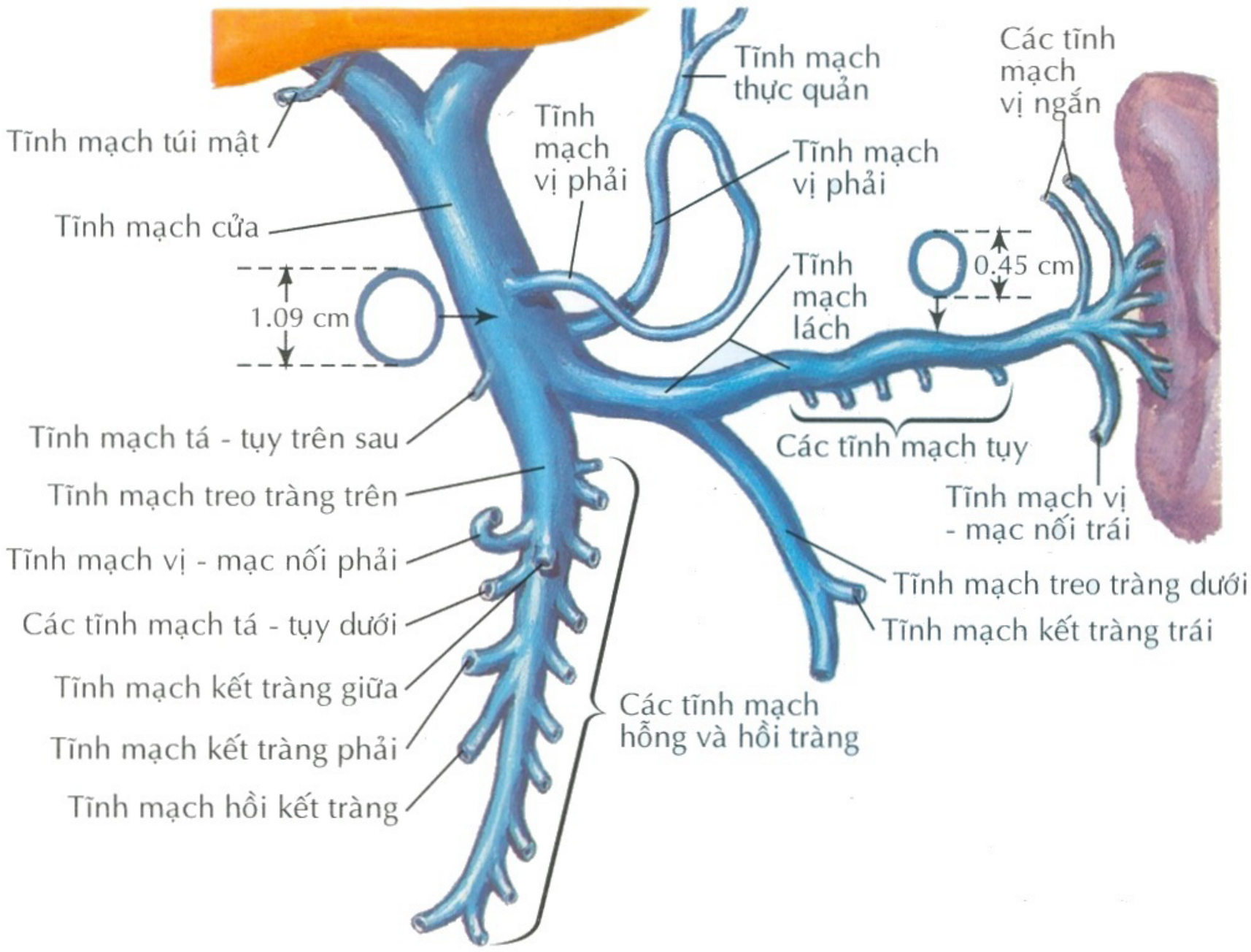
1	Thực quản	**3**	Trực tràng
2	Cạnh rốn	**4**	Sau phúc mạc

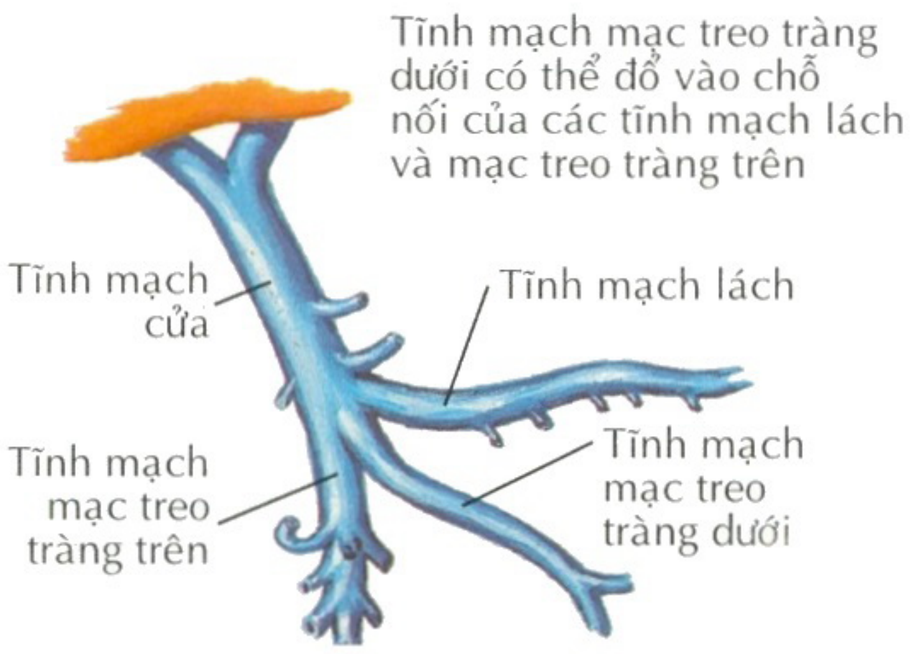
Hình 312 **MẠCH MÁU TẠNG**

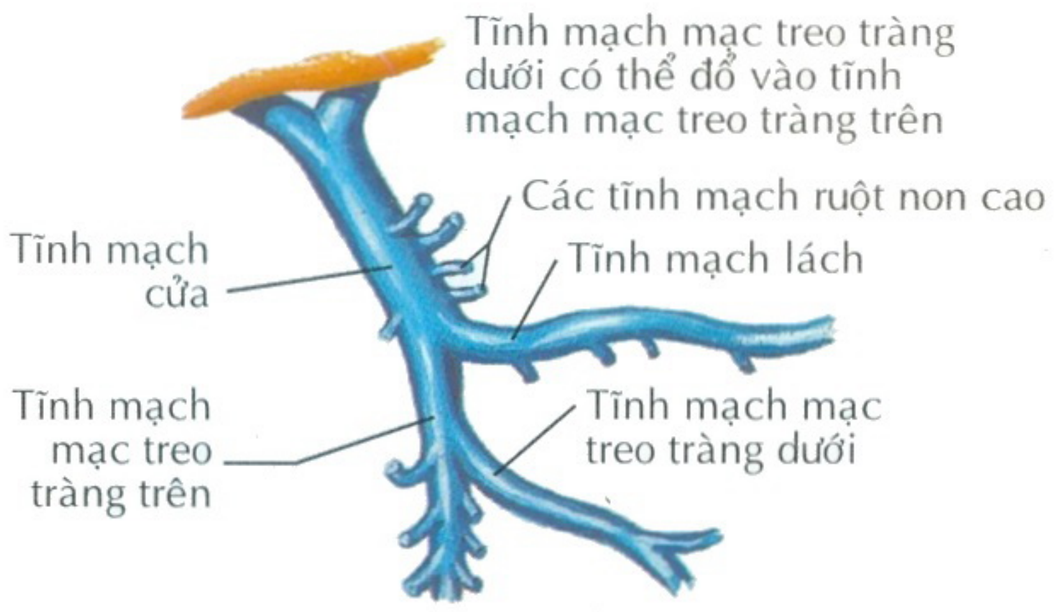
Các Dạng Tĩnh Mạch Cửa Gan

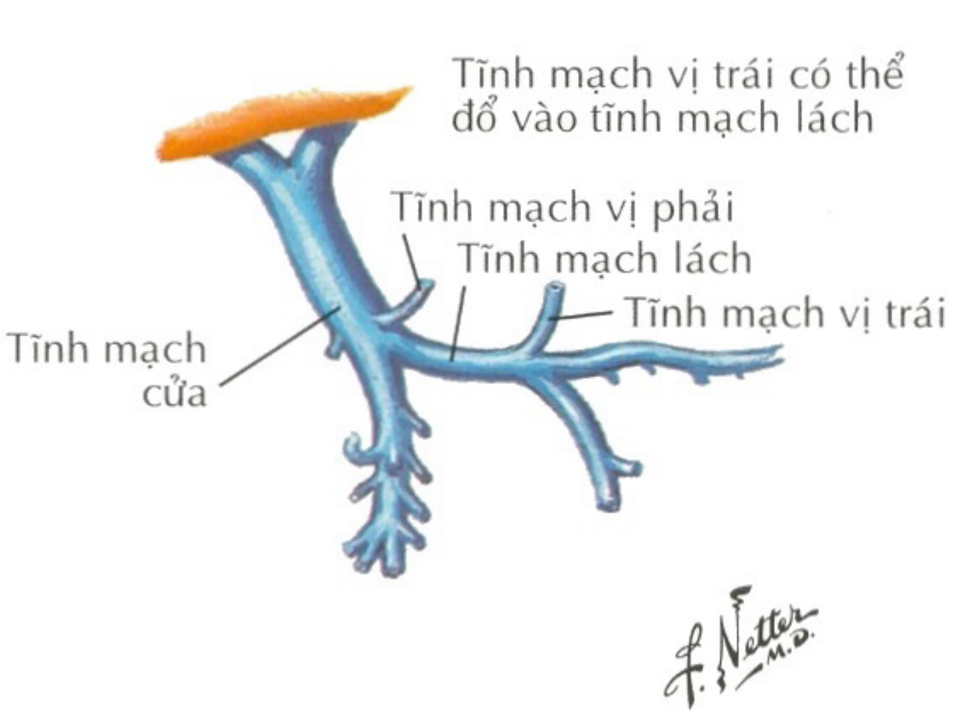
4

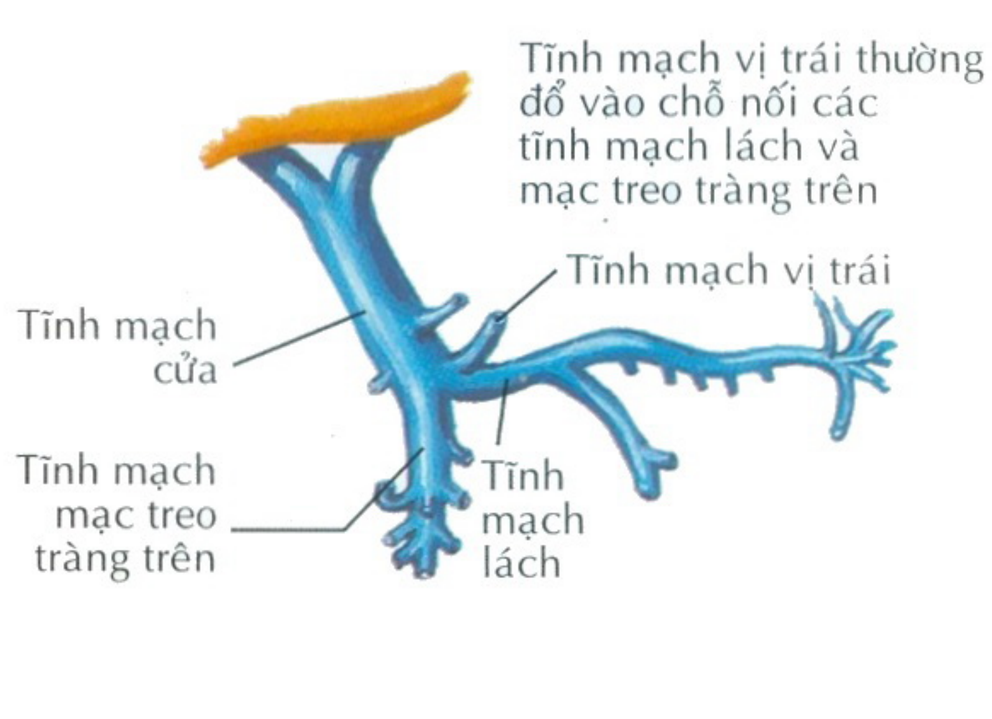
Cách sắp xếp điển hình





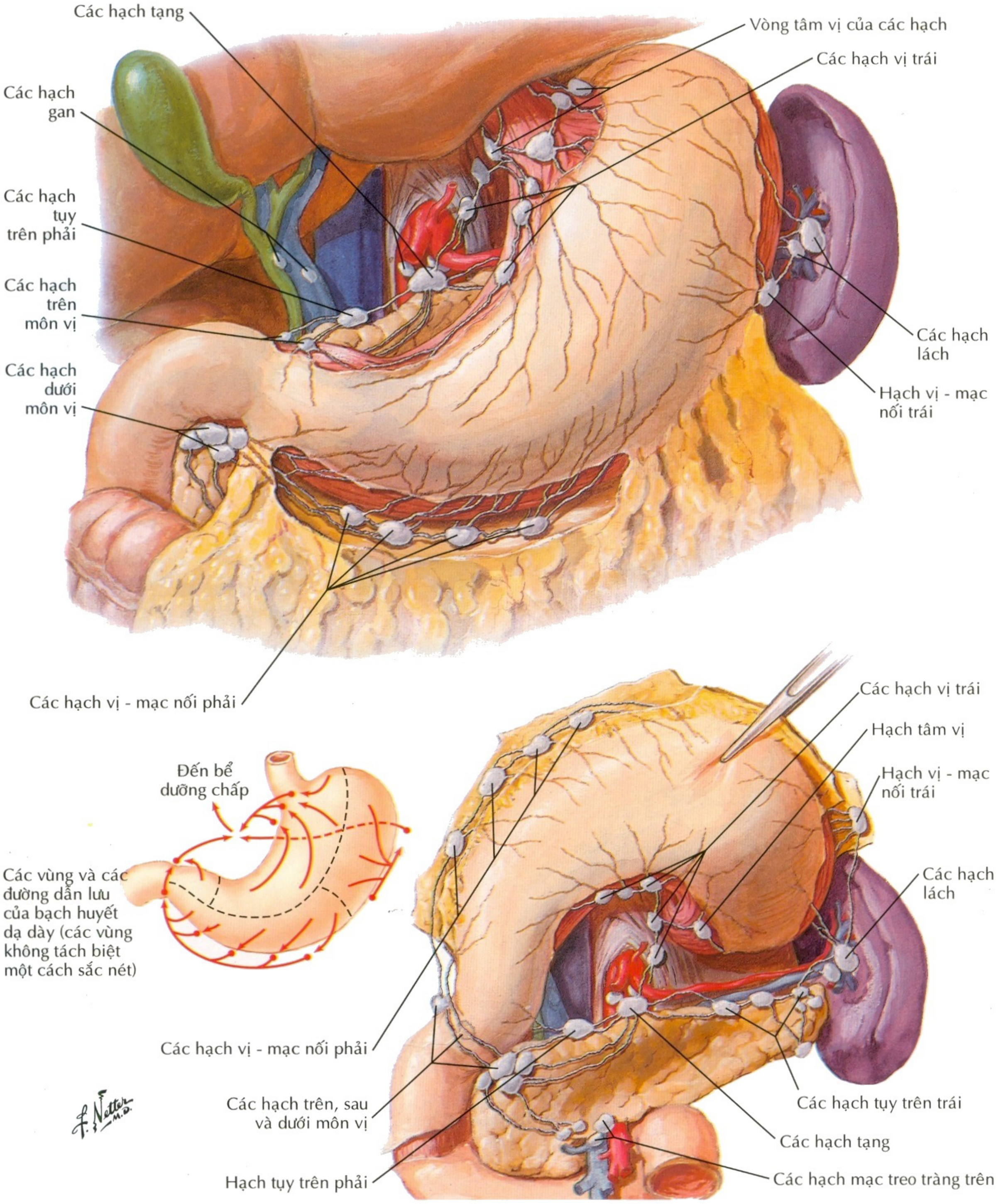






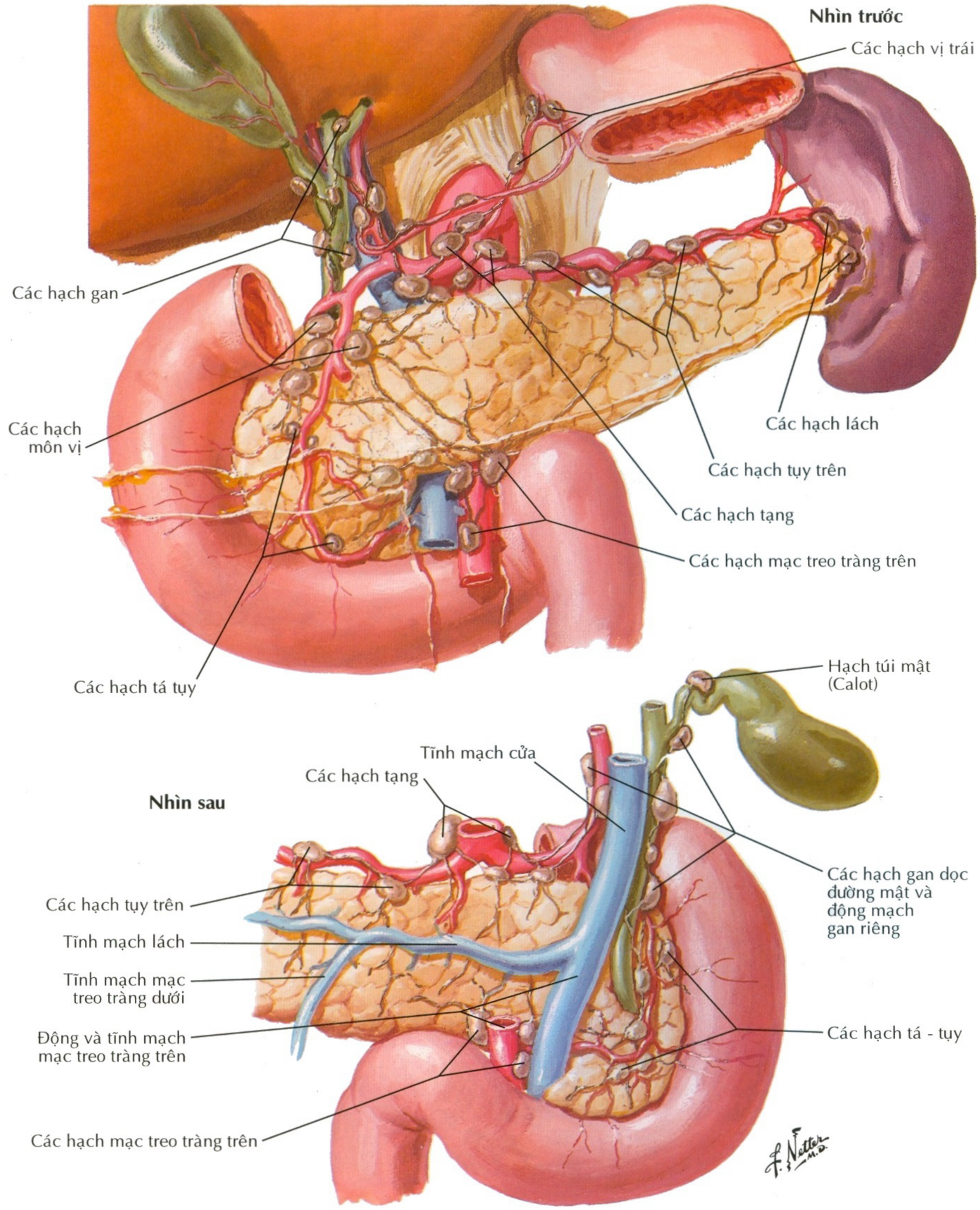
F. Netter M.D.

4 Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Dạ Dày



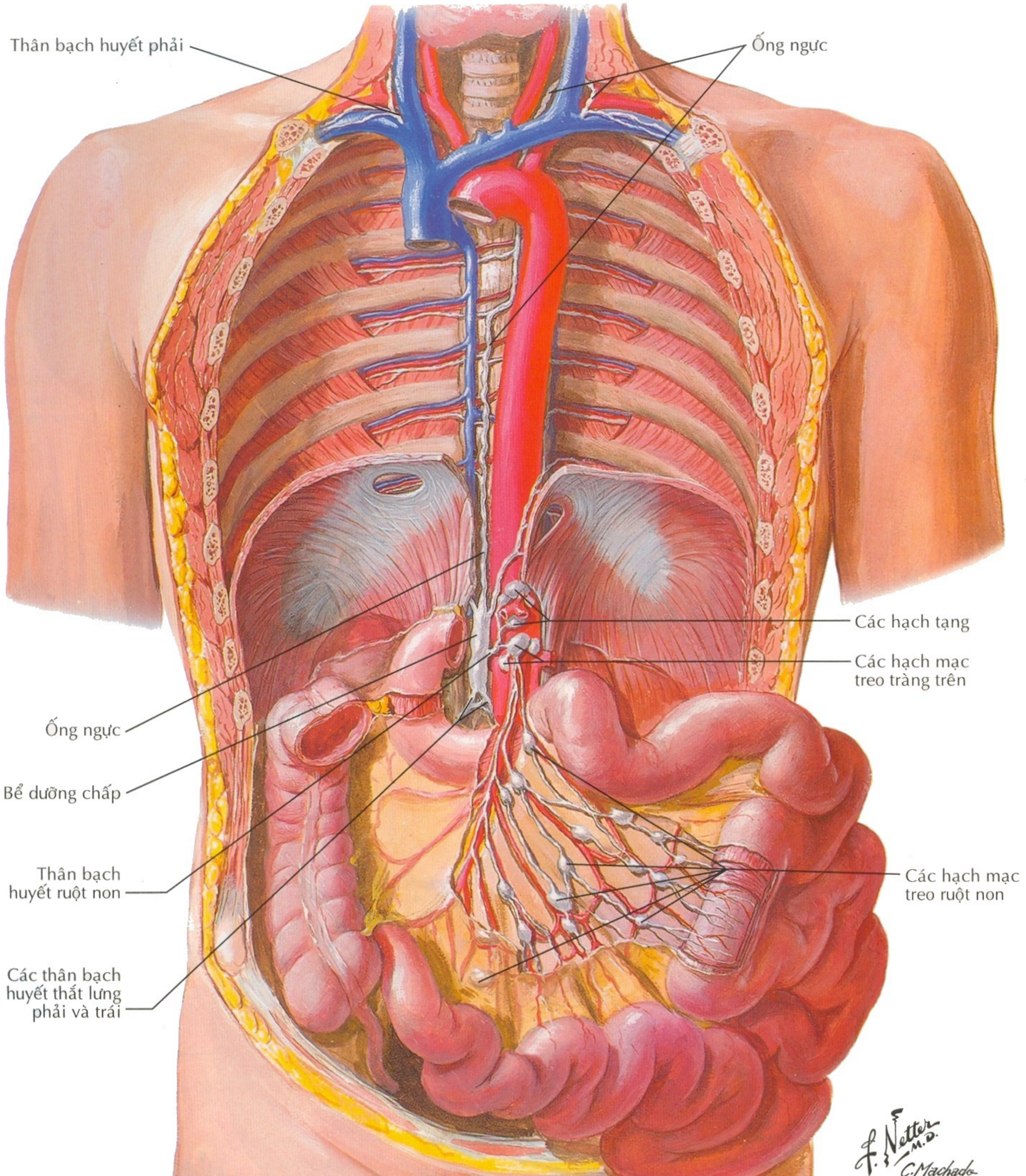
Hình 314 **MẠCH MÁU TẠNG**

Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Tụy



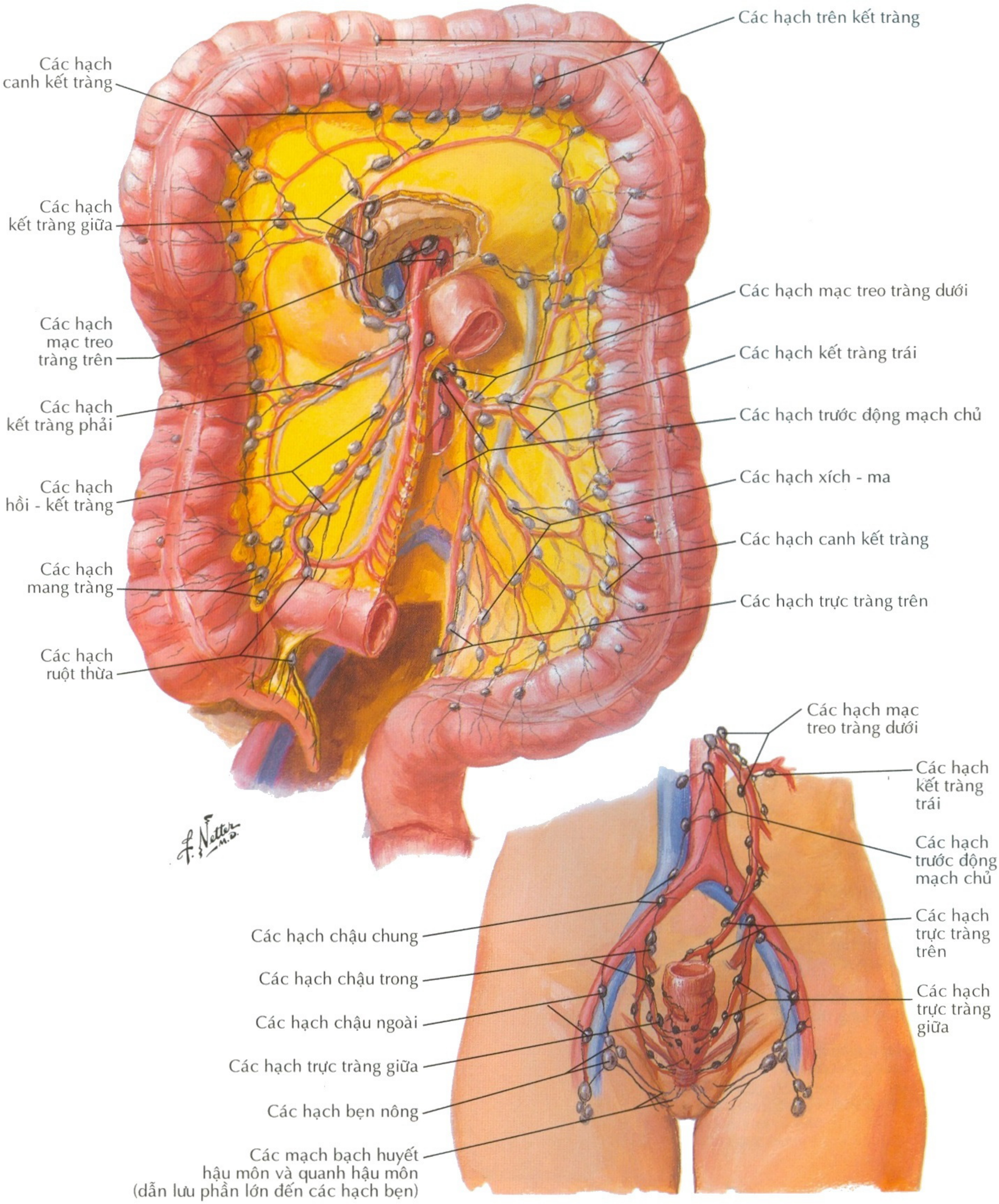
MẠCH MÁU TẠNG **Hình 315**

4 Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Ruột Non



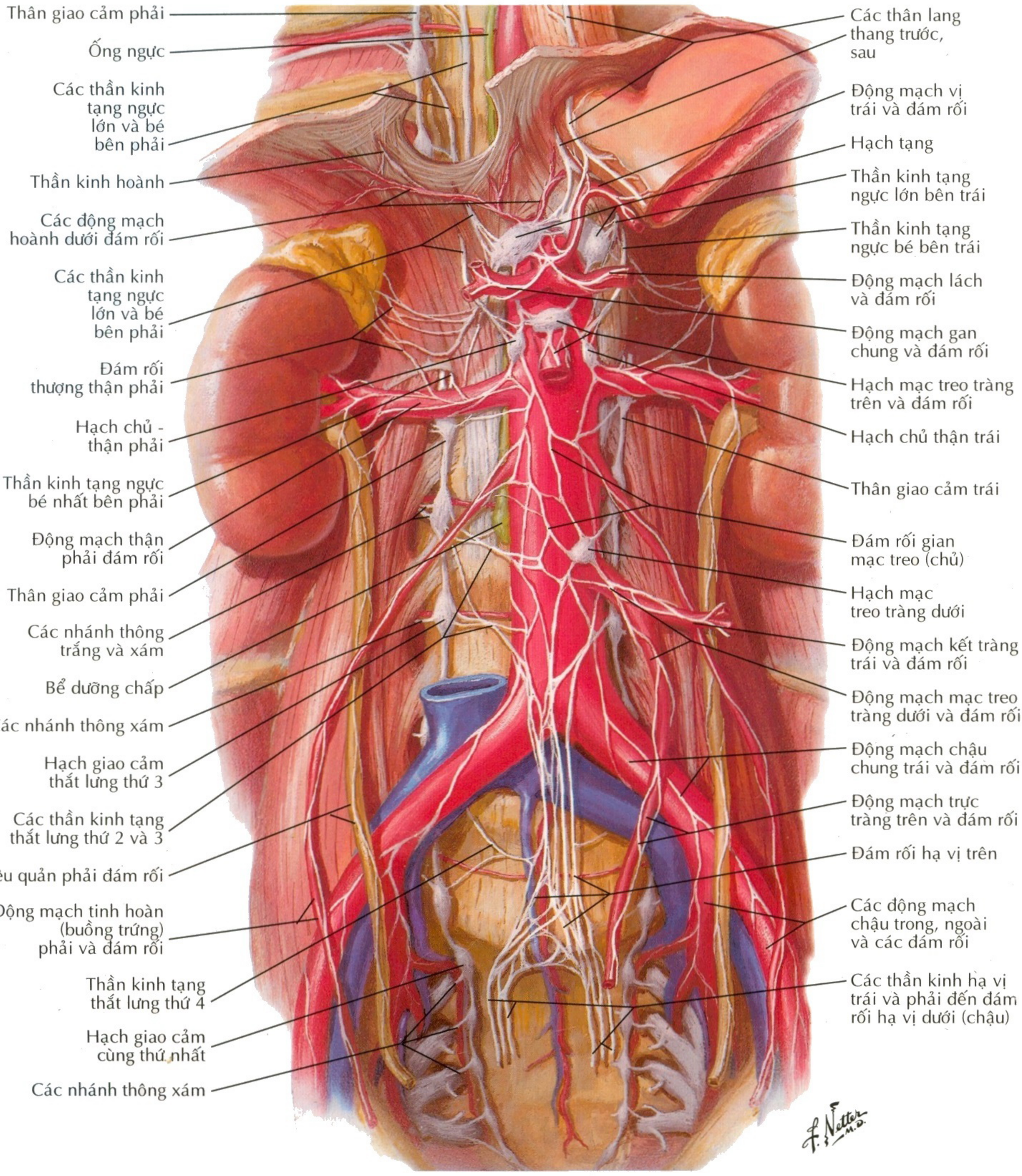
Hình 316 **MẠCH MÁU TẠNG**

Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Ruột Già



Các Thần Kinh và Hạch Tự Chủ của Bụng

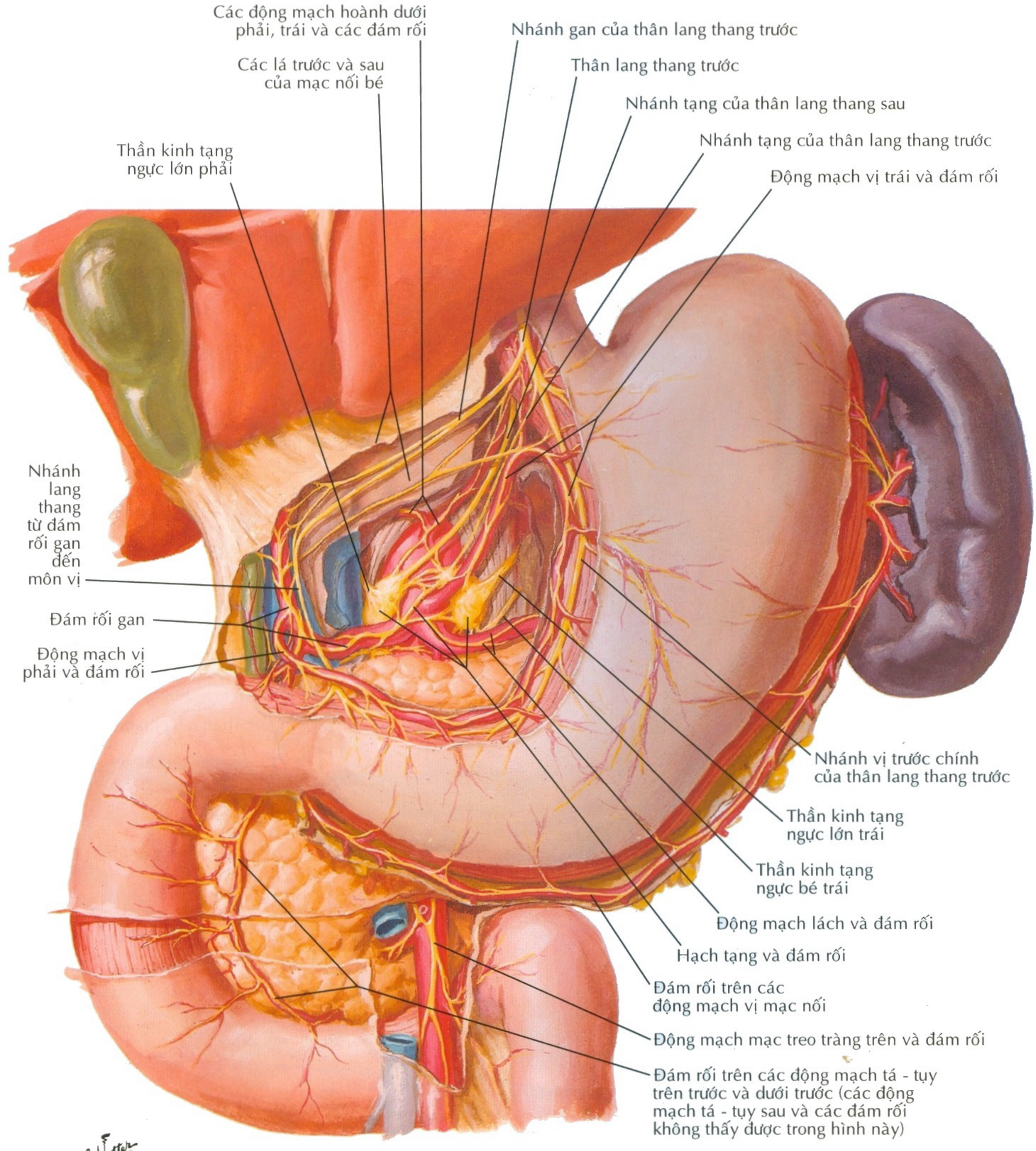
Xem thêm hình 165, 166



Hình 318 **CHI PHỐI THẦN KINH**

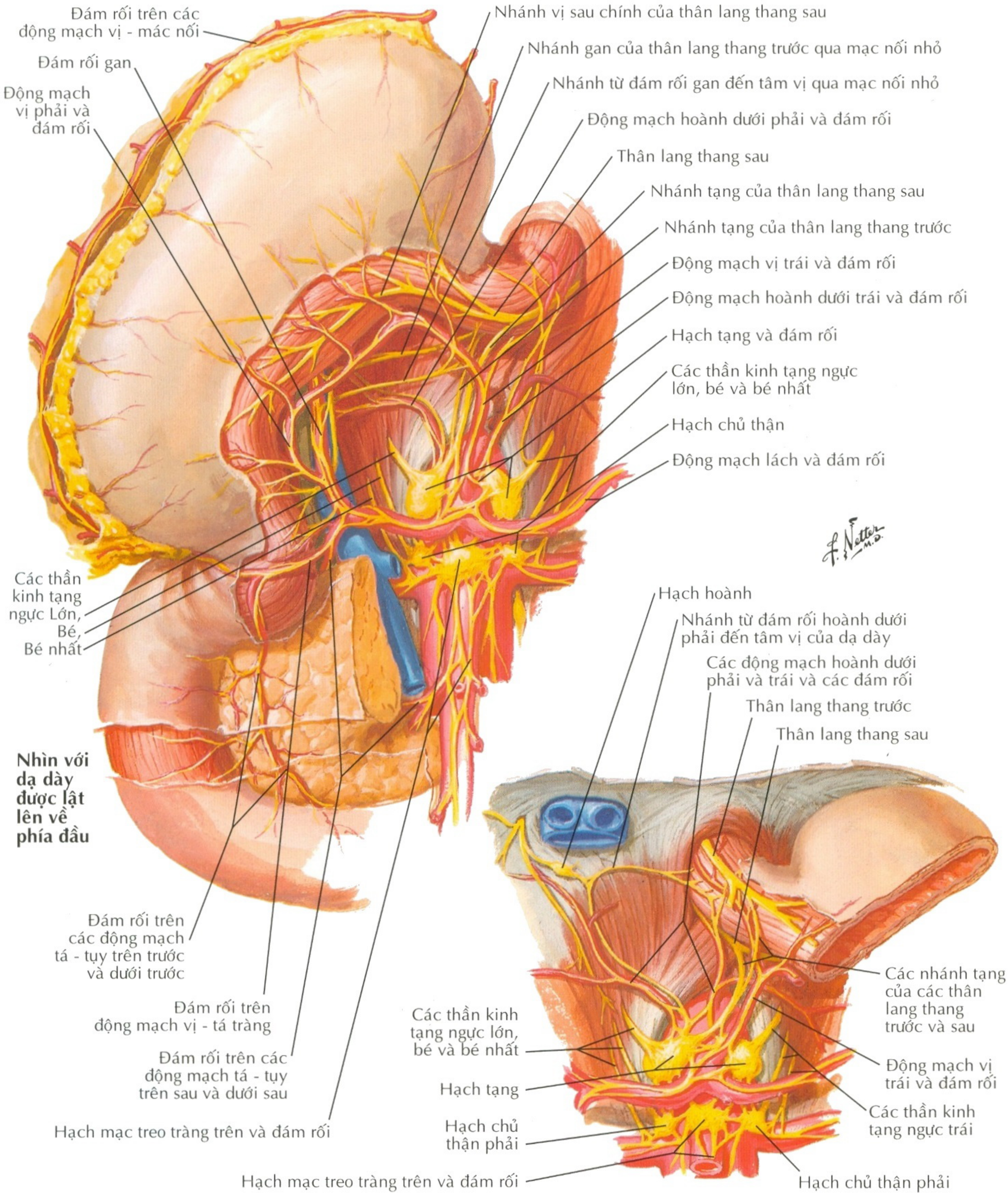
Các Thần Kinh của Dạ Dày và Tá Tràng

Xem thêm hình 165, 166



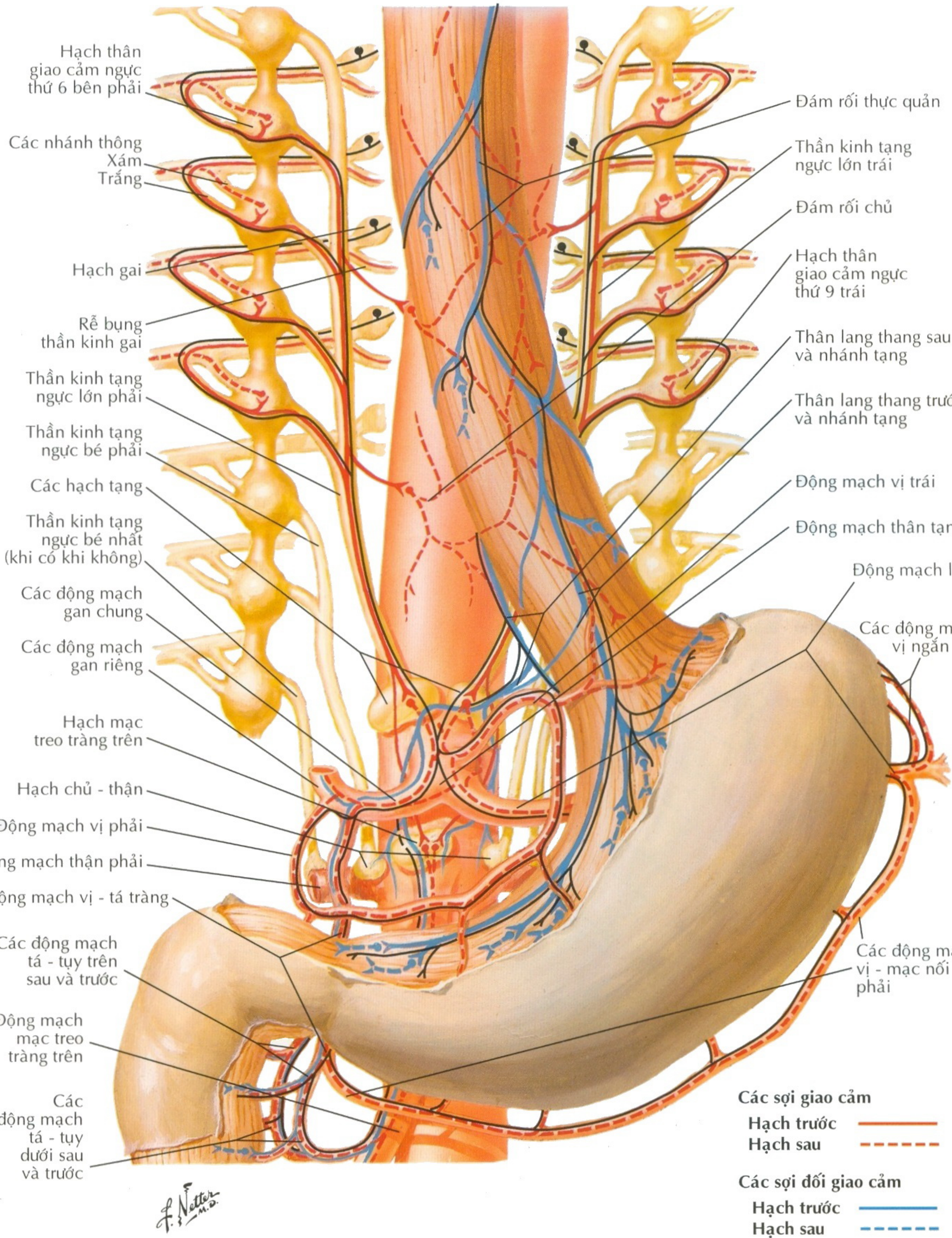
F. Netter M.D.

4 Các Thần Kinh của Dạ Dày và Tá Tràng (tiếp theo)



Hình 320 **CHI PHỐI THẦN KINH**

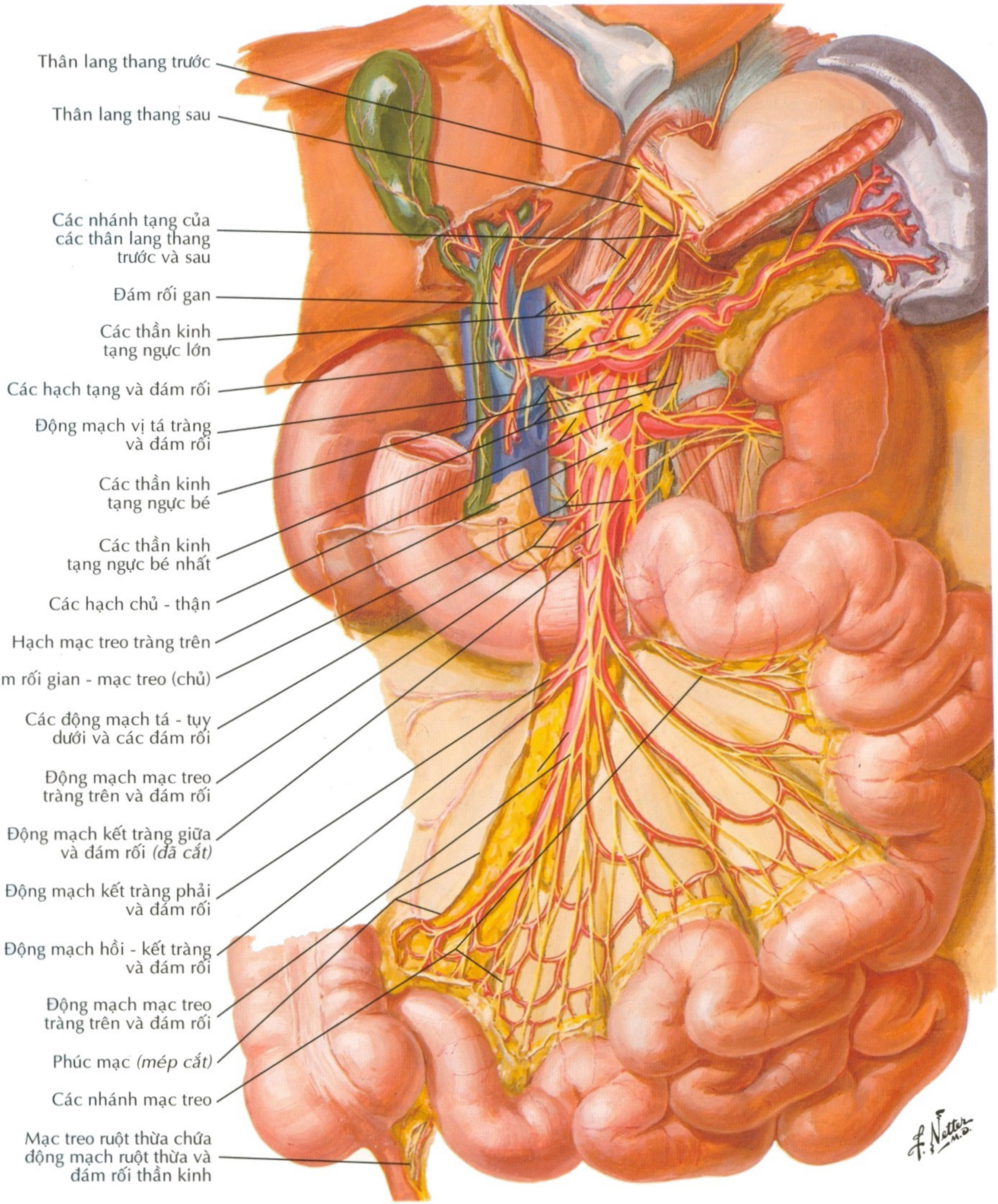
Chi Phối Thần Kinh của Dạ Dày và Tá Tràng: Sơ Đồ



CHI PHỐI THẦN KINH **Hình 321**

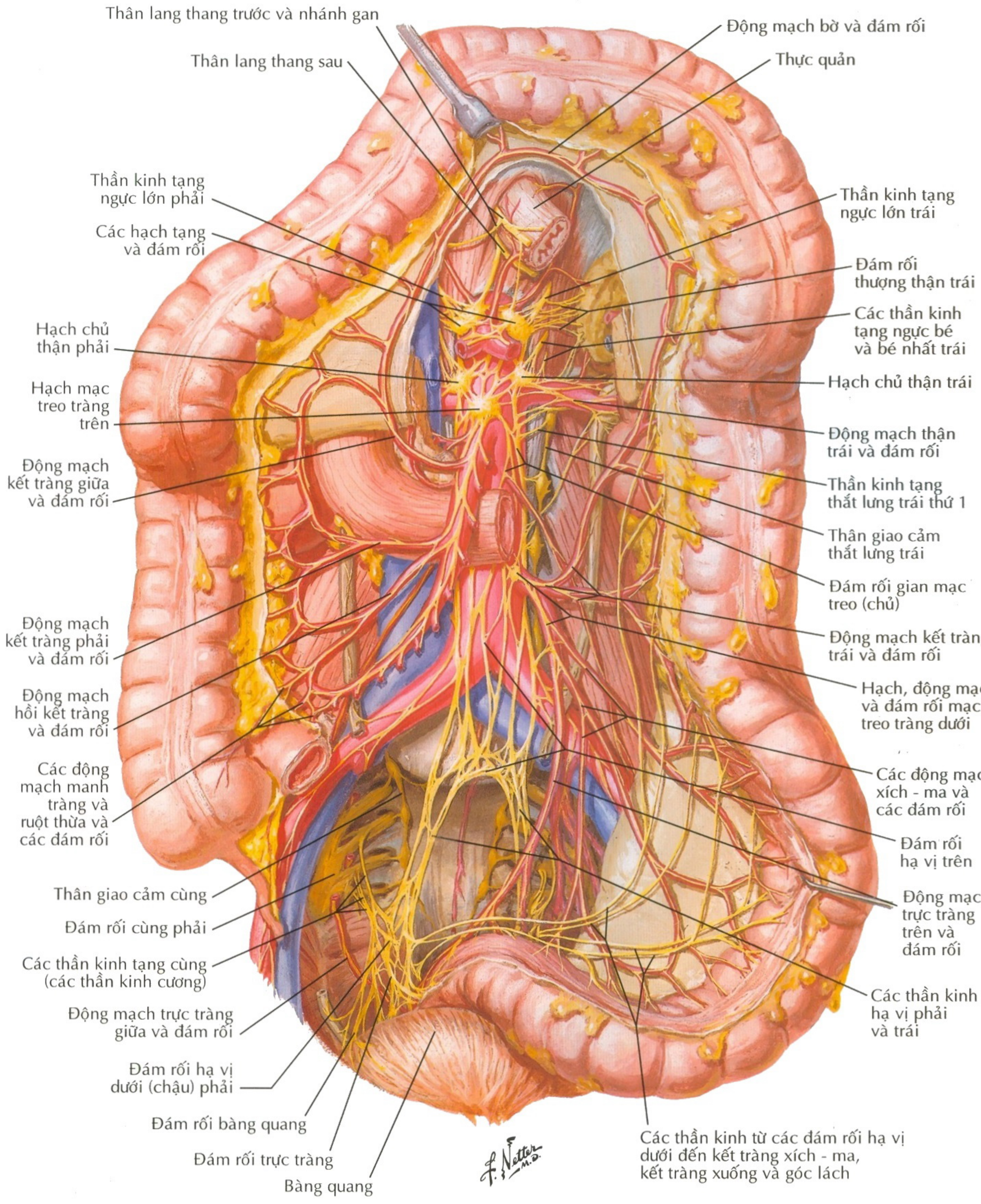
4 Các Thần Kinh của Ruột Non

Xem thêm hình 165, 166



Hình 322 **CHI PHỐI THẦN KINH**

Các Thần Kinh của Ruột Già

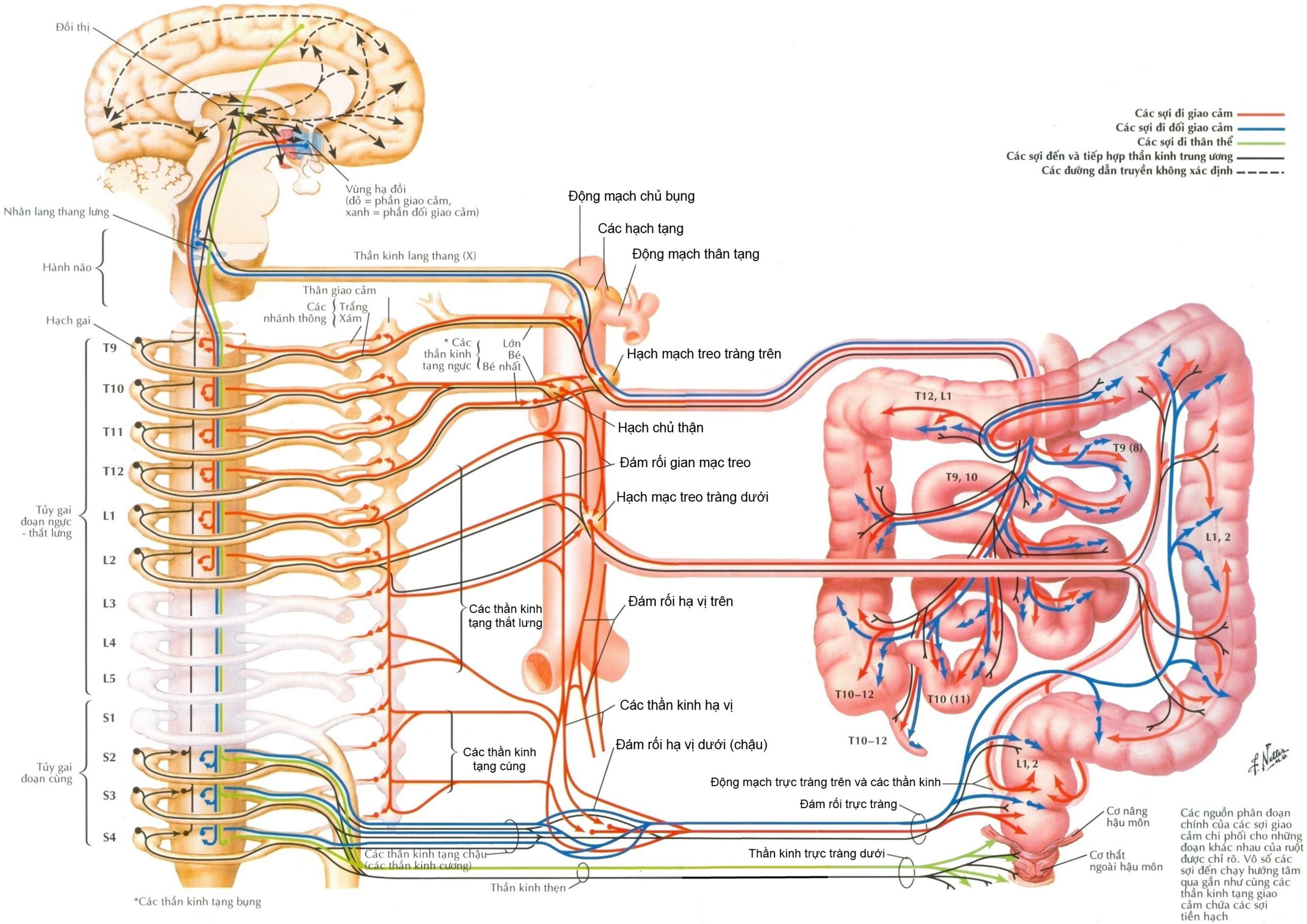


CHI PHỐI THẦN KINH

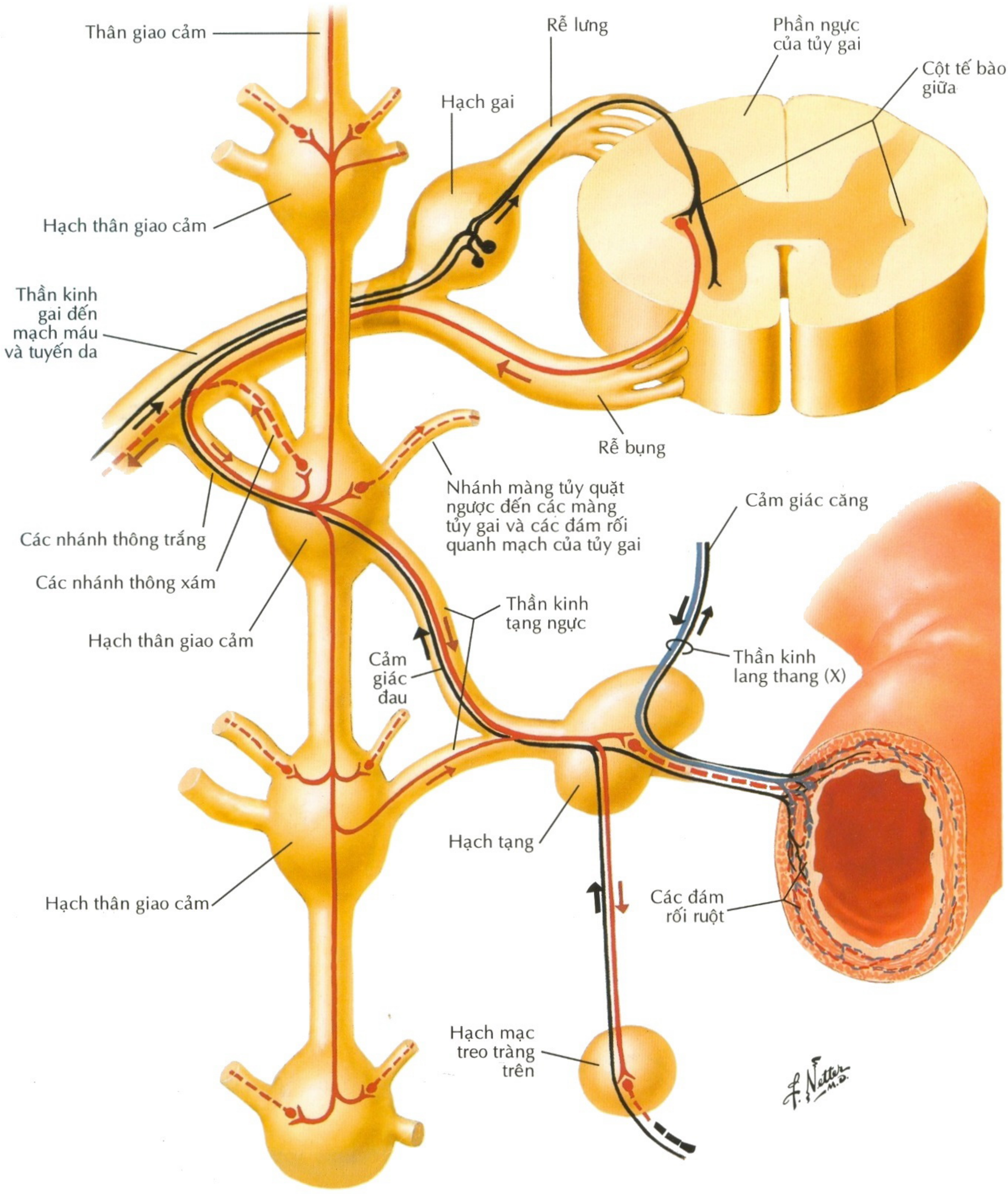
Hình 323

4 Chi Phối Thần Kinh của Ruột Non và Ruột Già: Sơ Đồ

Xem thêm hình 167, 168

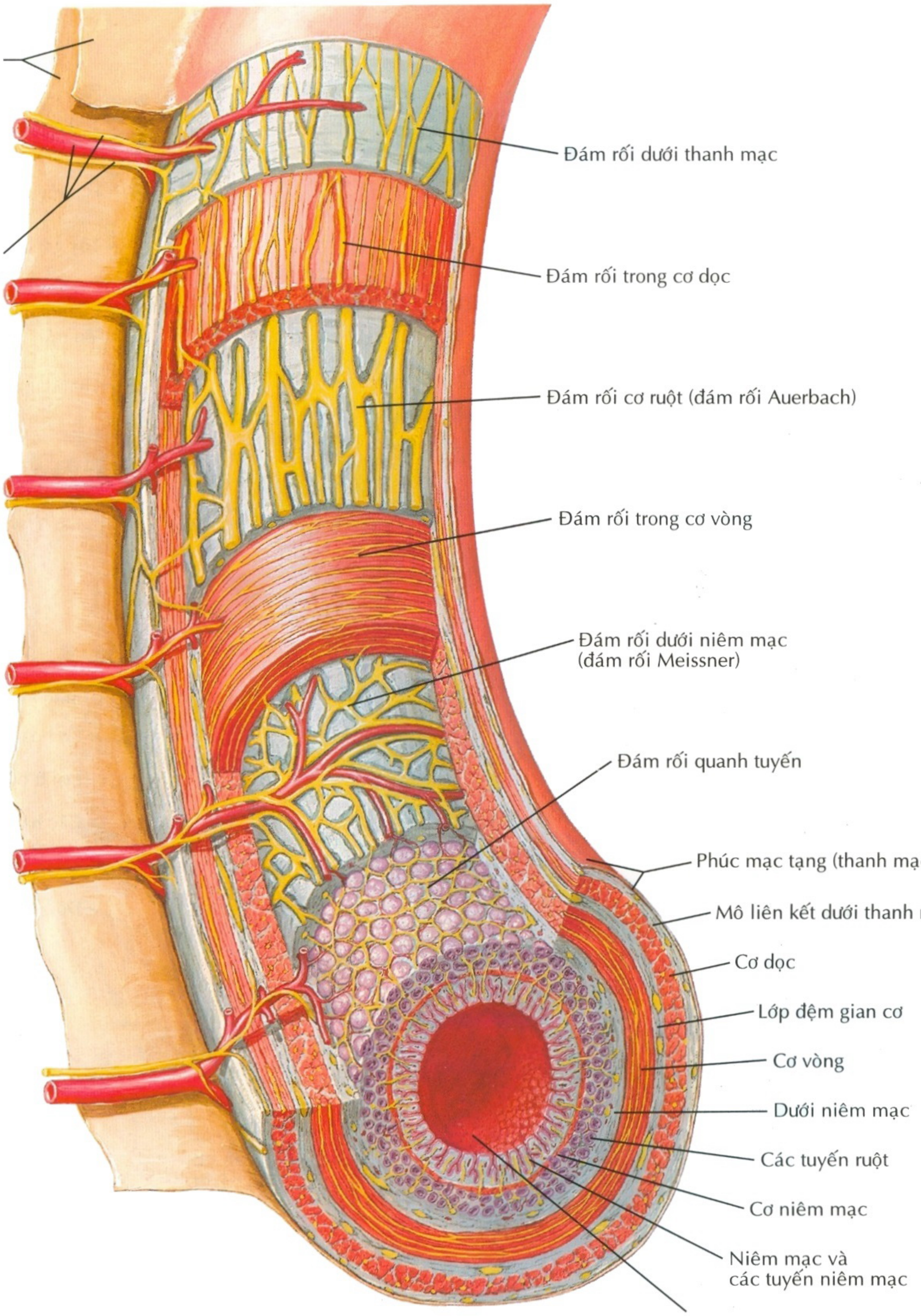


4 Các Đường Phản Xạ Tự Chủ: Sơ Đồ



Hình 325 **CHI PHỐI THẦN KINH**

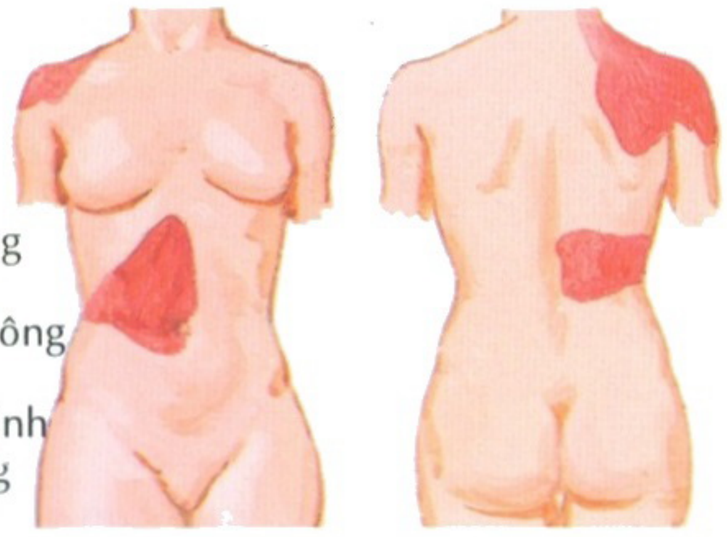
Các Đám Rối Tự Chủ Nội Tại của Ruột: Sơ Đồ



Ghi chú: Thành ruột vẽ trong hình dày hơn nhiều so với thực tế

4 Chi Phối Thần Kinh Gan và Đường Mật: Sơ Đồ

Xem thêm hình 167, 168



Các vùng đau qui chiếu thông thường trong bệnh lý đường mật

Thân giao cảm
Hạch gai
Tủy gai ngực
Thần kinh tạng - ngực lớn trái
Thân lang thang trước
Thần kinh tạng ngực lớn phải
Thân lang thang sau
Thần kinh hoành phải đến cơ hoành và phúc mạc tạng
T7
T8
T9
T10
Nhánh gan của thân lang thang trước
Cơ hoành
Hạch hoành
Các hạch tang
Động mạch gan chung
Động mạch lách
Đán rối gan trước
Đán rối gan sau
Động mạch chủ
Động mạch vị - tá tràng và đám rối
Cơ thắt của bóng gan - tụy

F. Netter M.D.

Các sợi giao cảm
Hạch trước
Hạch sau
Các sợi đối giao cảm
Hạch trước
Hạch sau
Các sợi đến

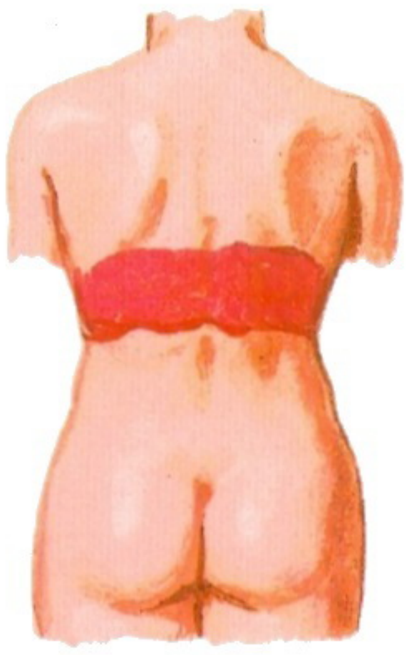


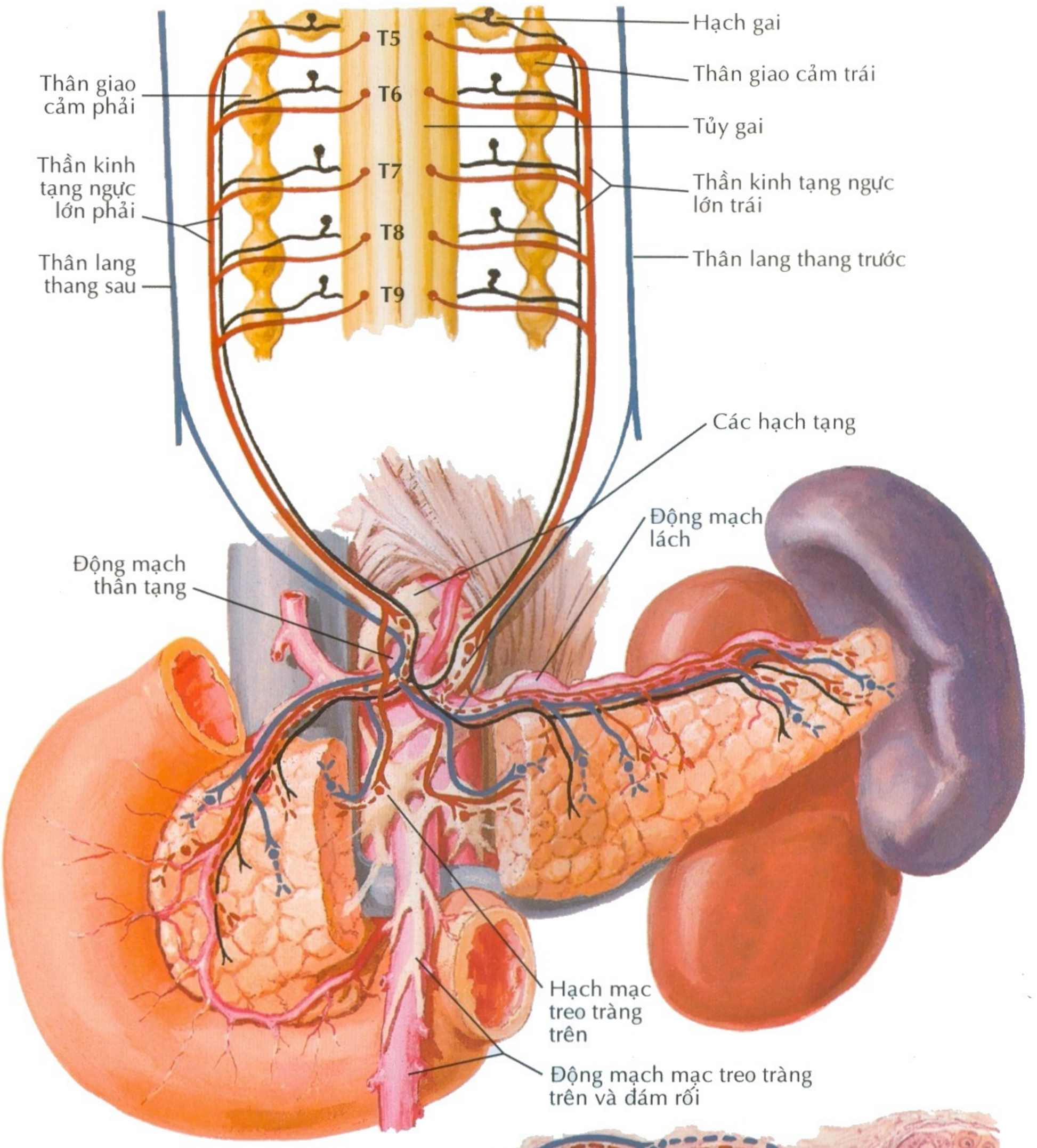
Phân nhánh của các sợi thần kinh chung quanh các nhánh nhỏ của động mạch gan

Chi Phối Thần Kinh Tụy: Sơ Đồ

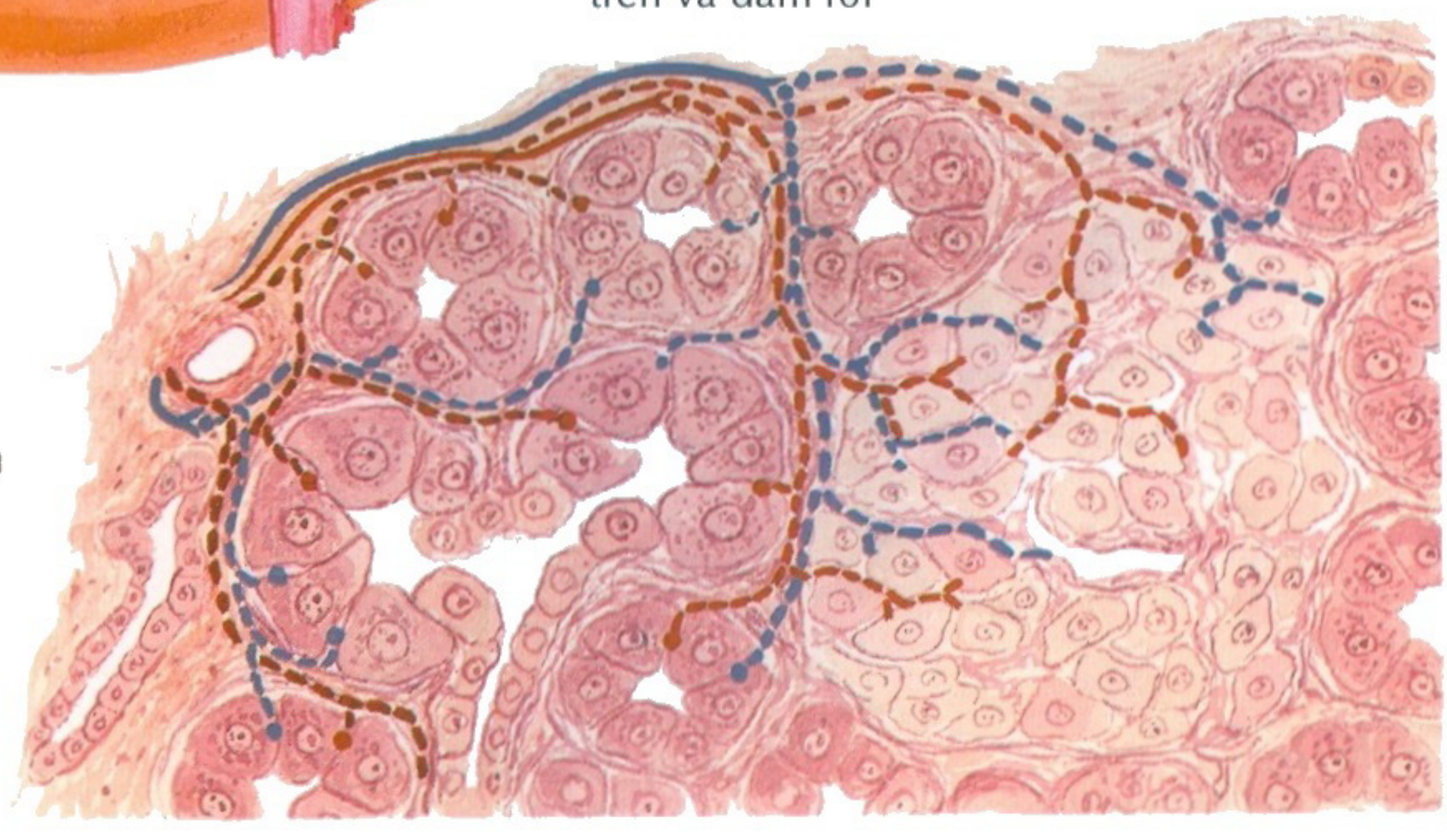


Các vùng thông thường của cảm giác đau tụy





F. Netter M.D.



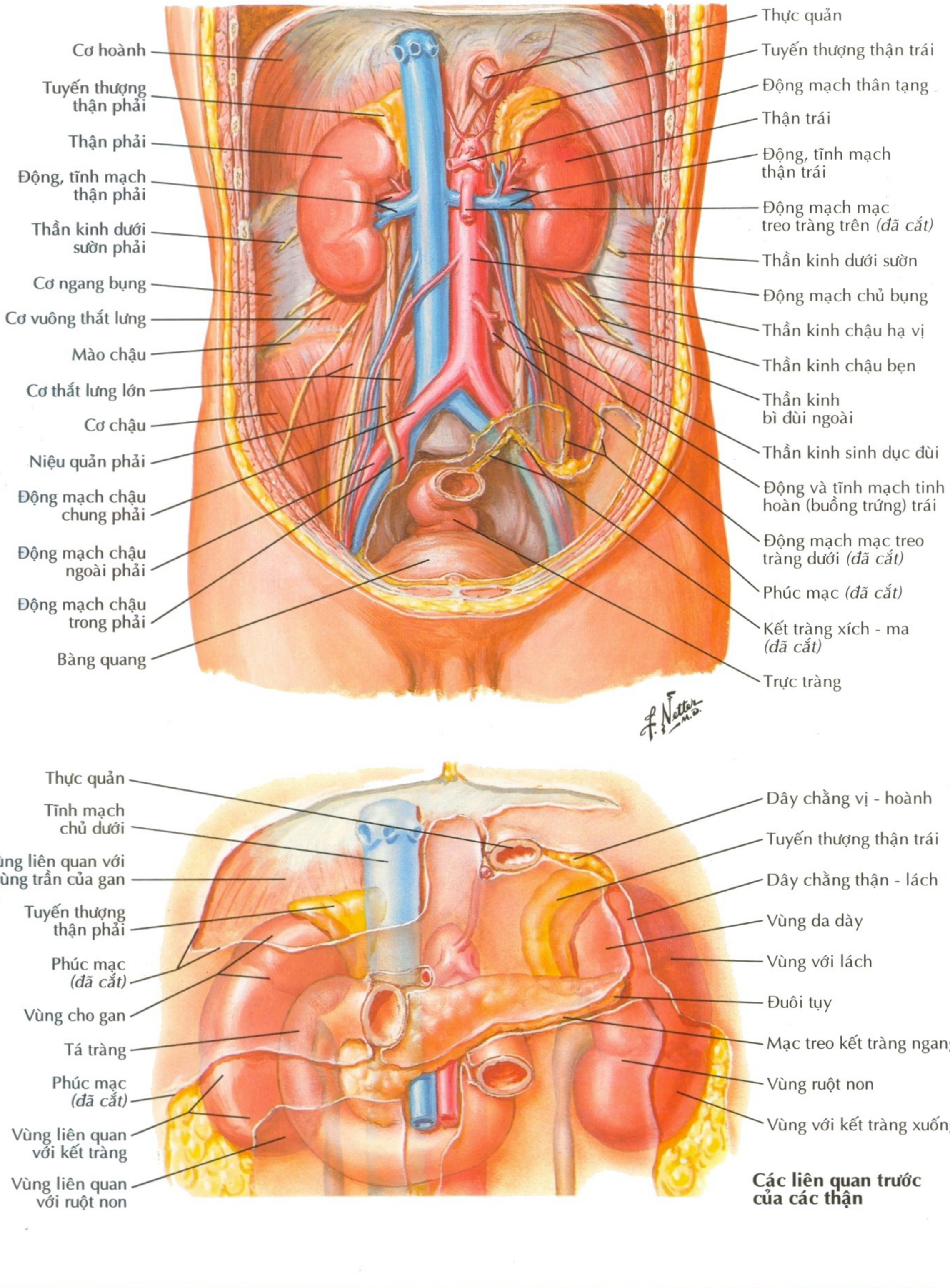
Sơ đồ phân bố thần kinh nội tại

Các sợi giao cảm
- Trước hạch
- Sau hạch

Các sợi đối giao cảm
- Trước hạch
- Sau hạch

Các sợi đến

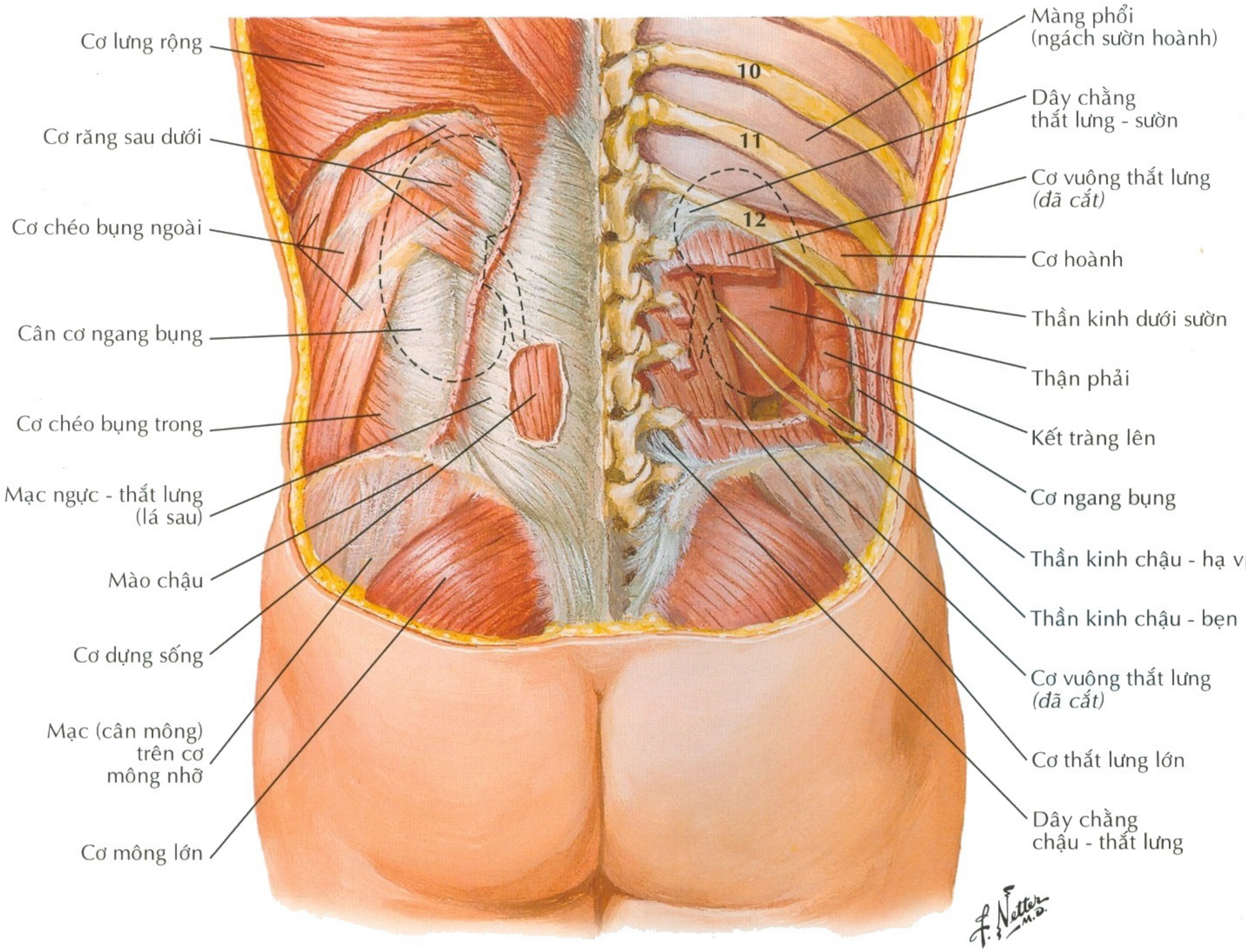
4 Các Thận ở Tại Chổ: Nhìn Trước

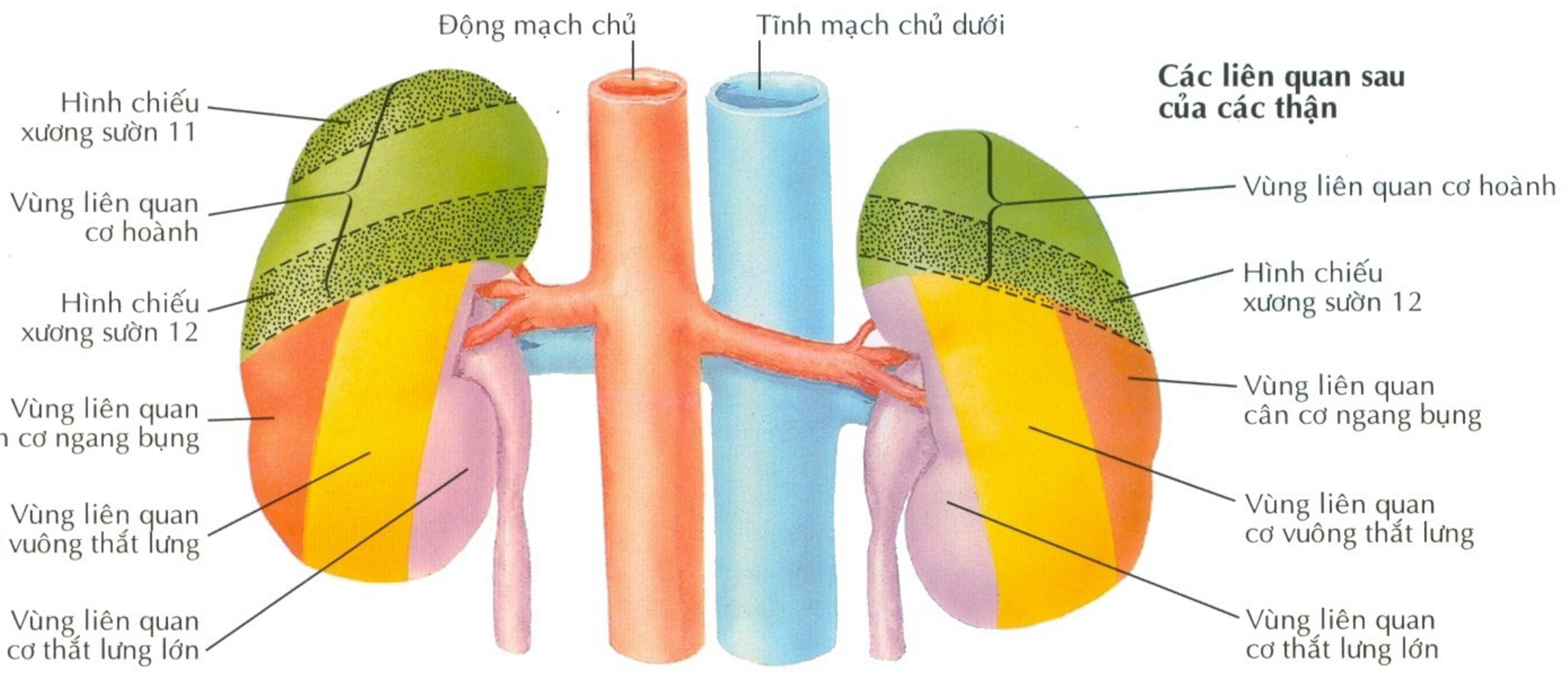


Các liên quan trước của các thận

Hình 329 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**

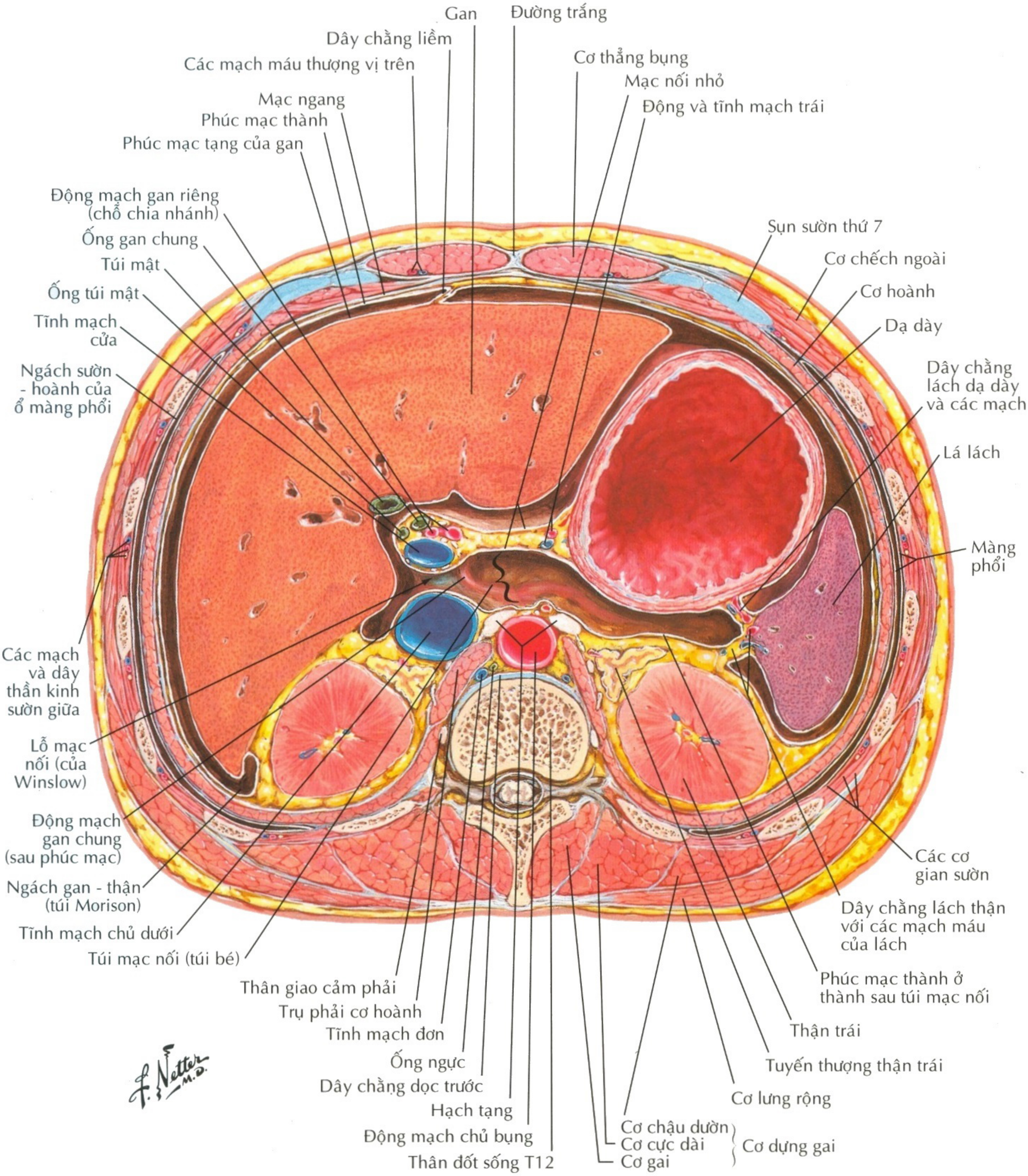
Các Thận ở Tại Chỗ: Nhìn Sau





4 Thiết Đồ Ngang của Bụng ở T12

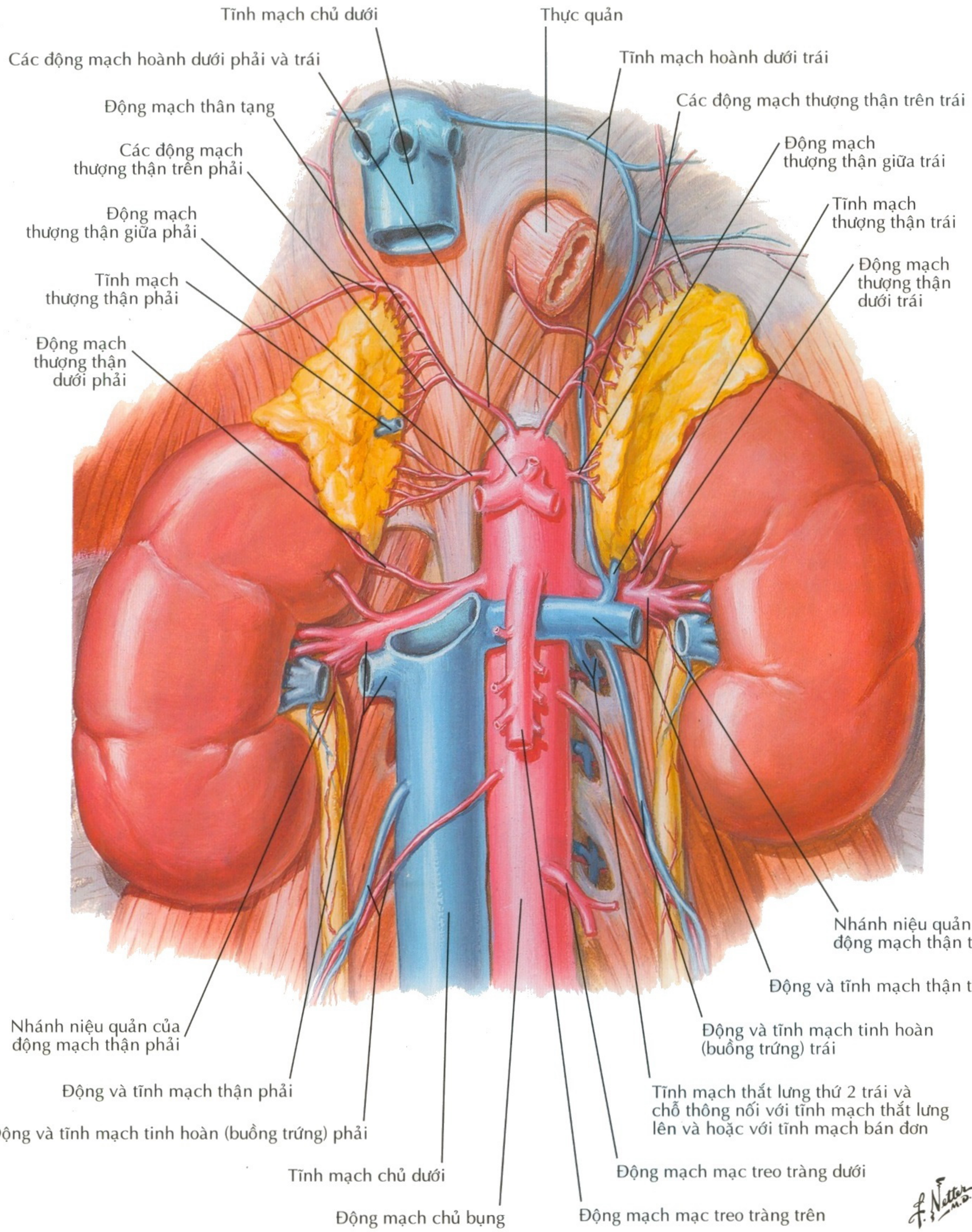
Xem thêm hình 293, 297, 338, 339



F. Netter M.D.

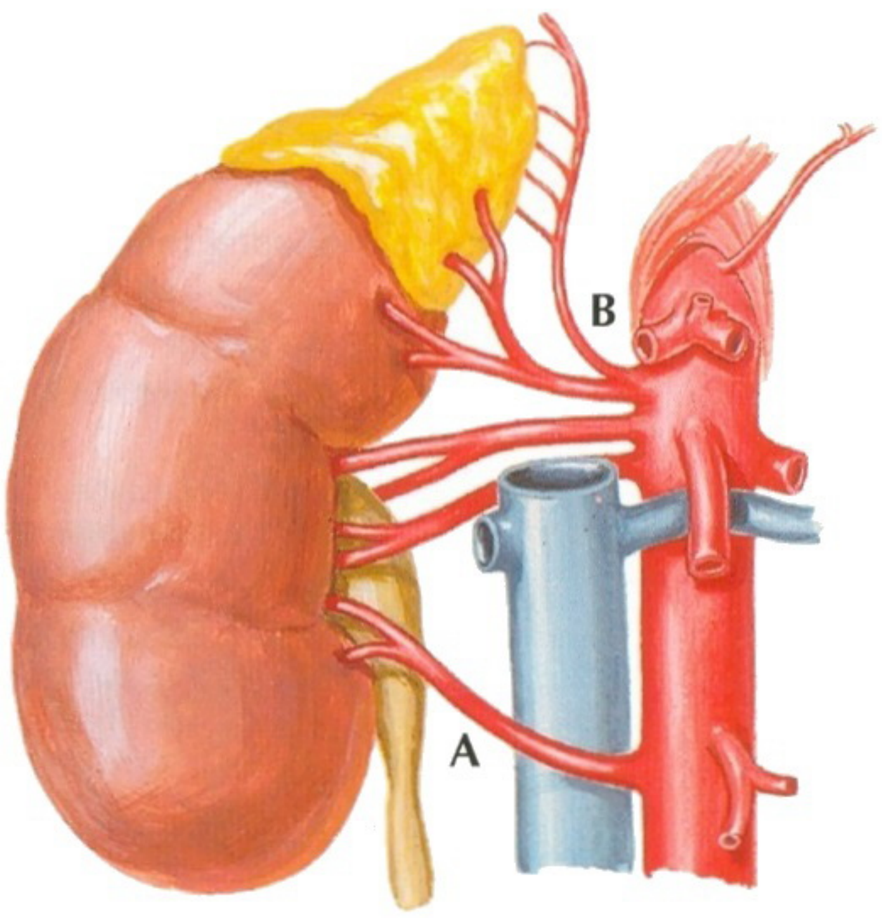
Hình 331 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**

Động Mạch và Tĩnh Mạch Thận ở Tại Chỗ



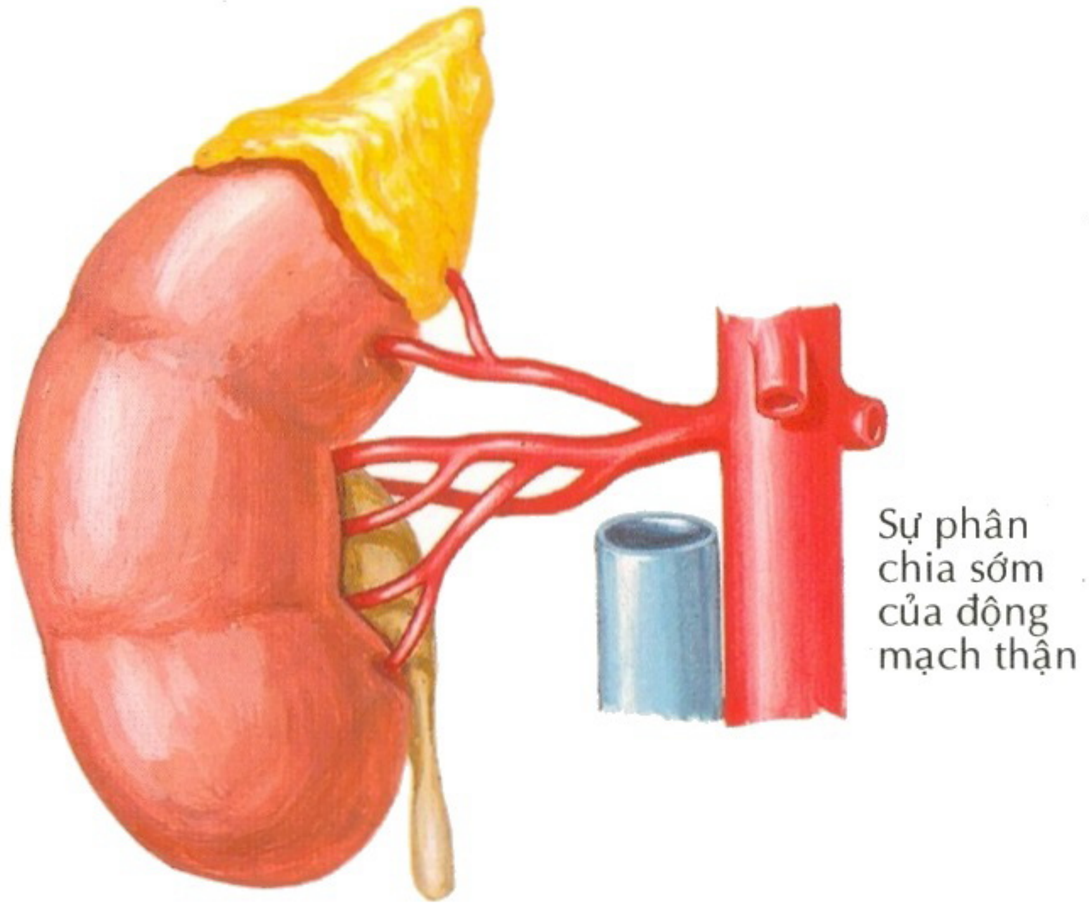
THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN **Hình 332**

4 Các Dạng Động và Tĩnh Mạch Thận

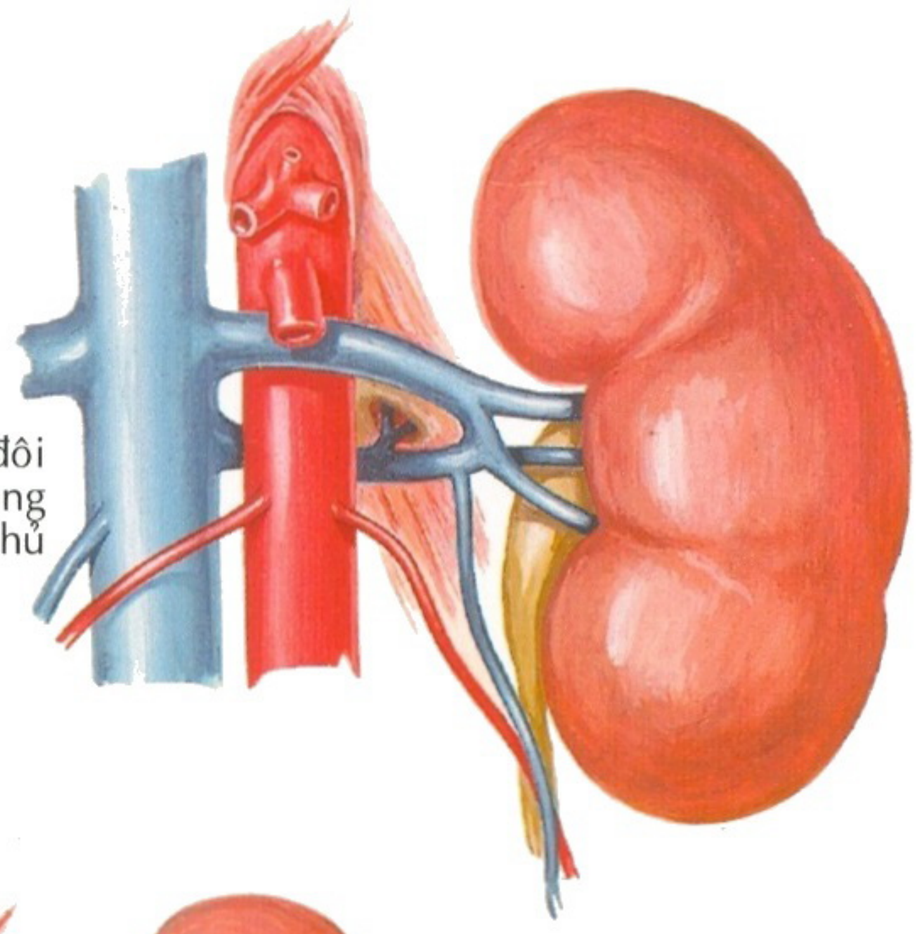


A Động mạch thận phải phụ dưới có thể chạy phía trước tĩnh mạch chủ dưới thay vì sau

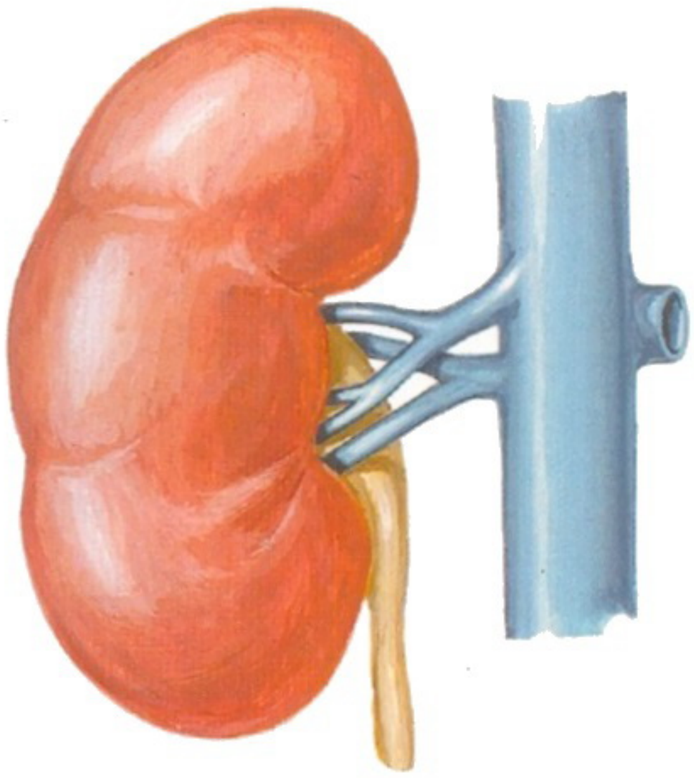
B Động mạch hoành dưới với các động mạch thượng thận có thể xuất phát từ động mạch thận



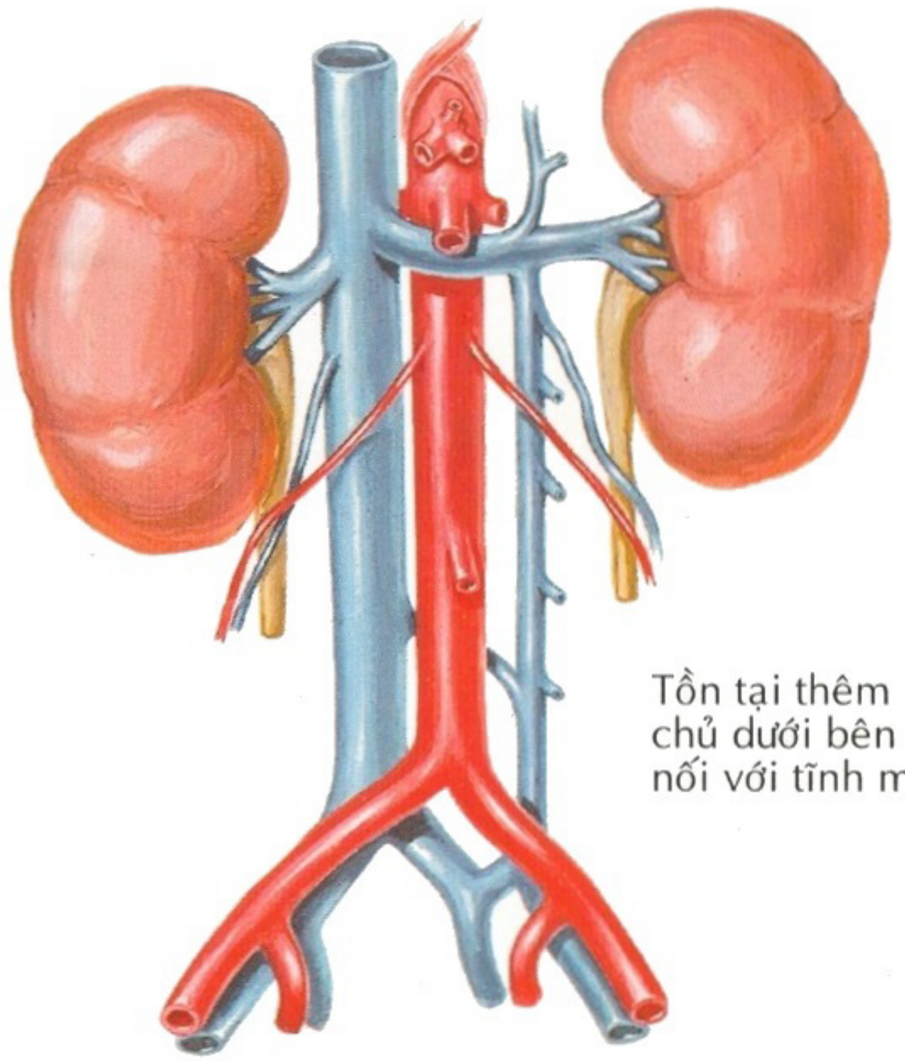
Sự phân chia sớm của động mạch thận



Tĩnh mạch thận đôi có thể tạo thành vòng quanh động mạch chủ



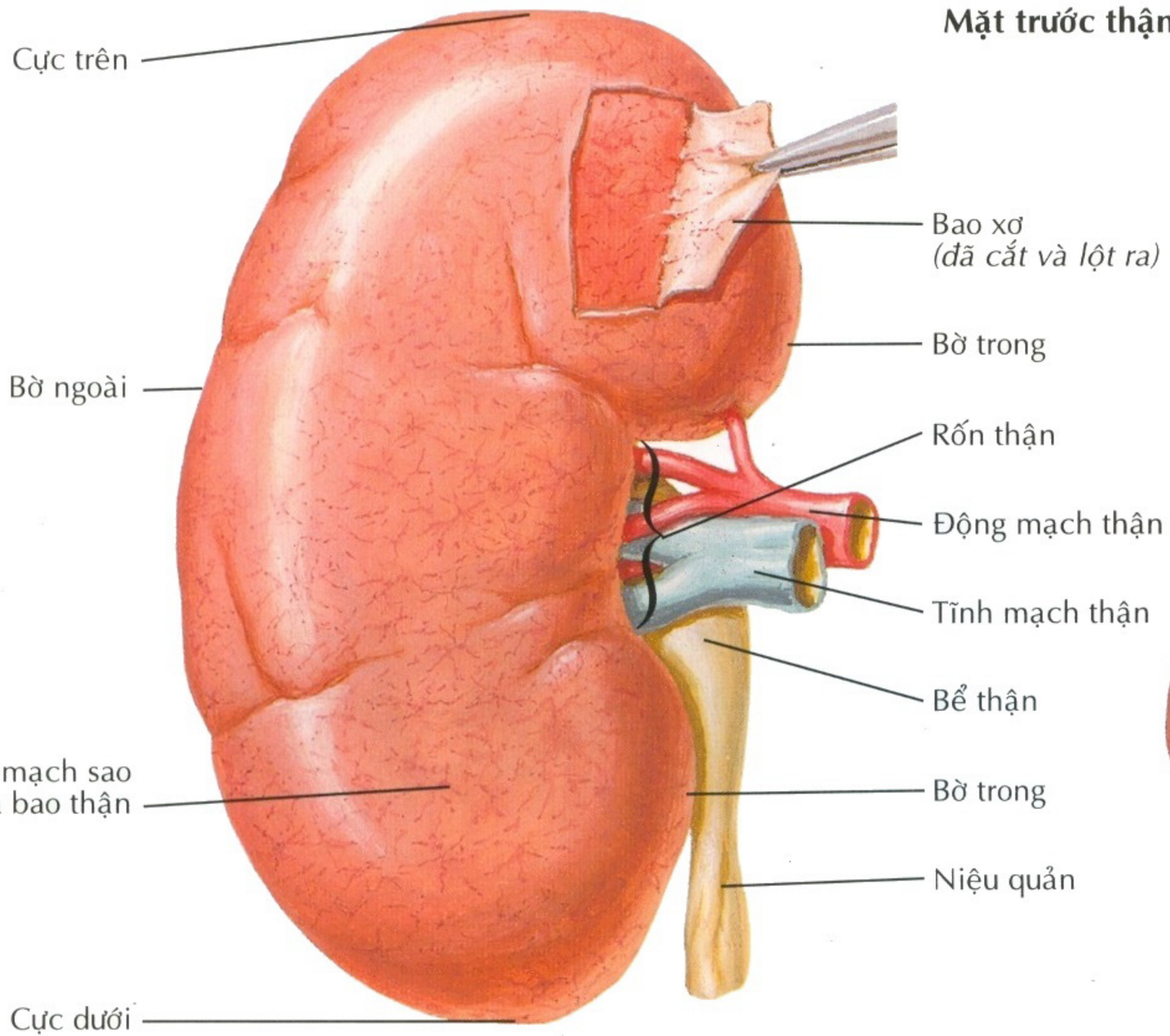
Nhiều tĩnh mạch thận

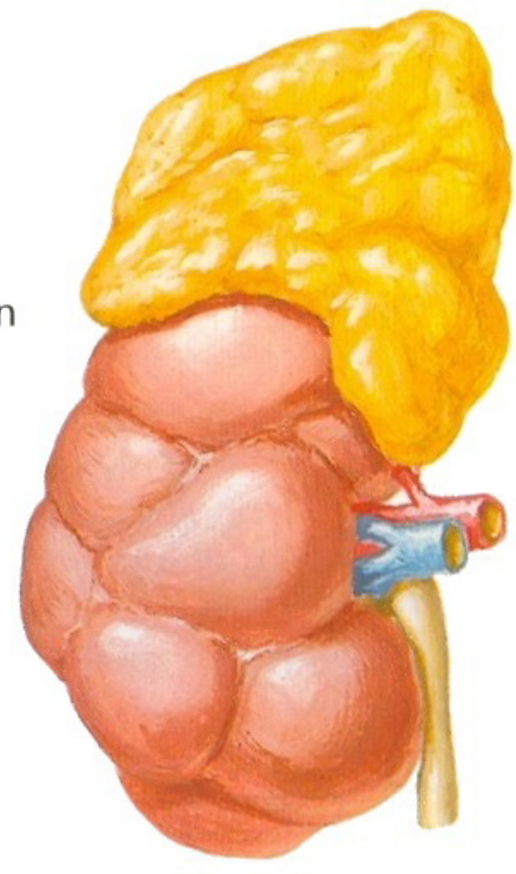


Tồn tại thêm một tĩnh mạch chủ dưới bên trái và có thể nối với tĩnh mạch thận trái

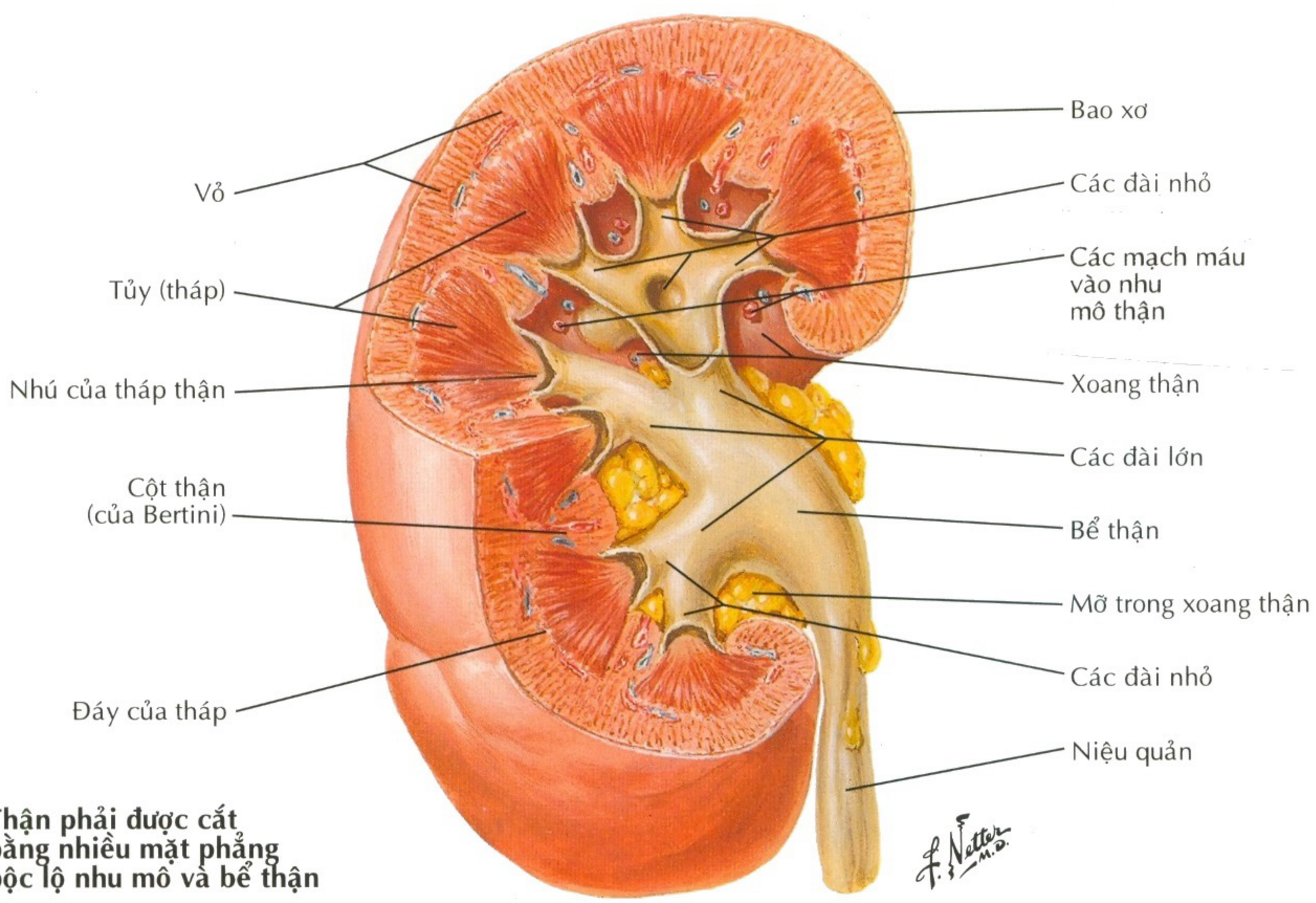
F. Netter M.D.

Mặt trước thận phải





Tuyến thượng thận và thận phân múi ở trẻ em

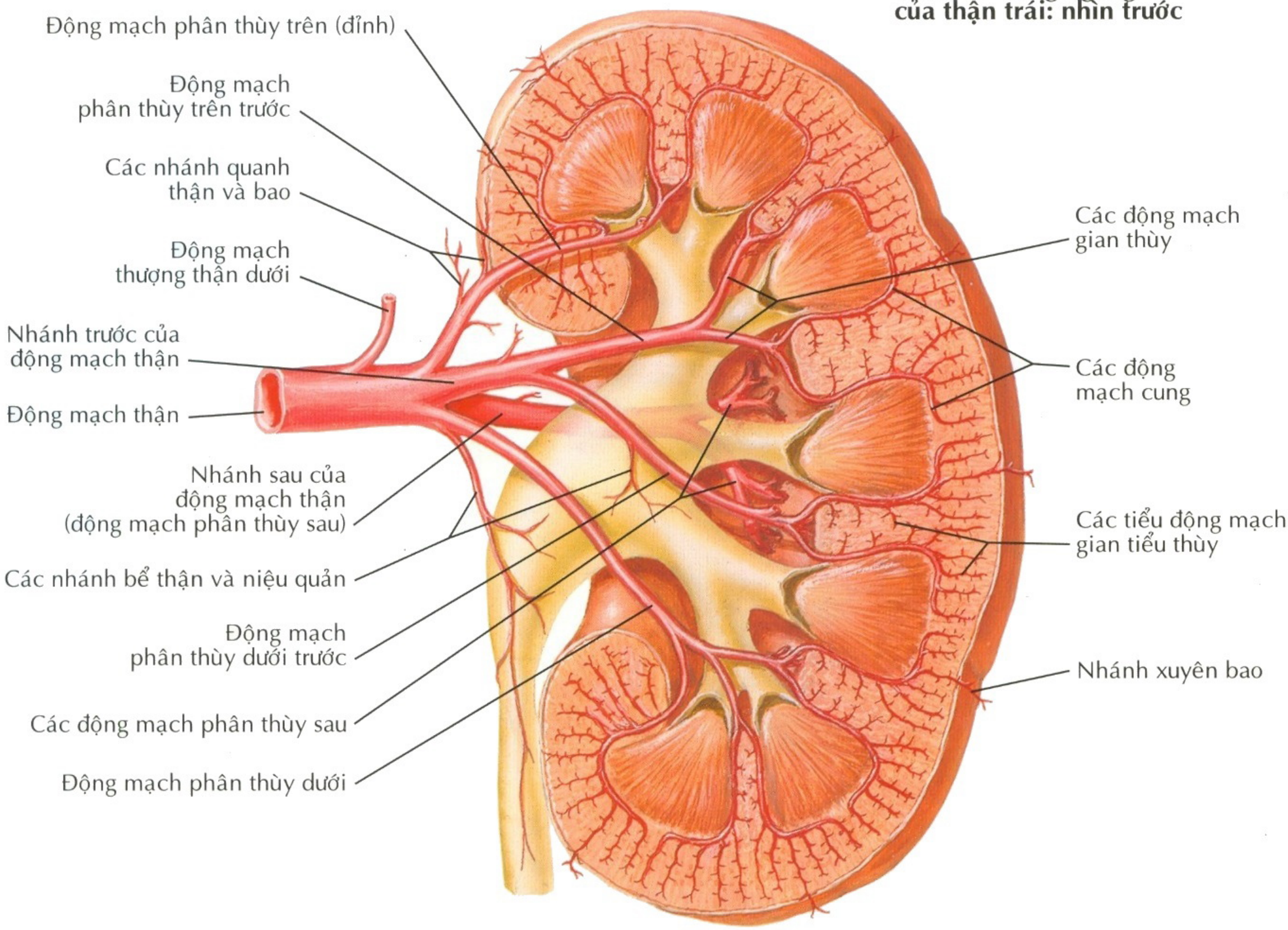


Thận phải được cắt bằng nhiều mặt phẳng bộc lộ nhu mô và bể thận

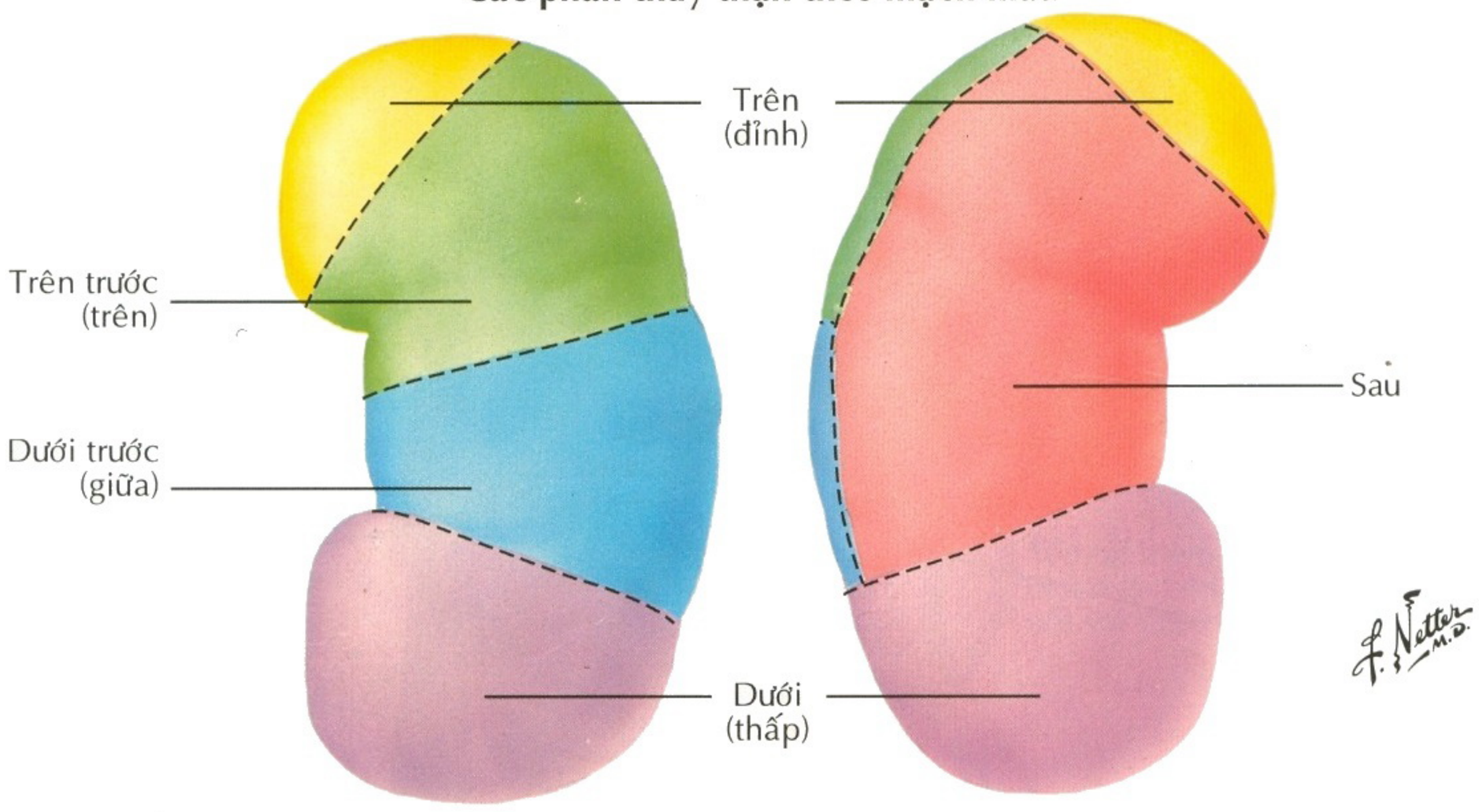
F. Netter M.D.

4 Các Động Mạch Thận và Các Phân Thùy Thận

Thiết đồ đứng ngang của thận trái: nhìn trước



Các phân thùy thận theo mạch máu

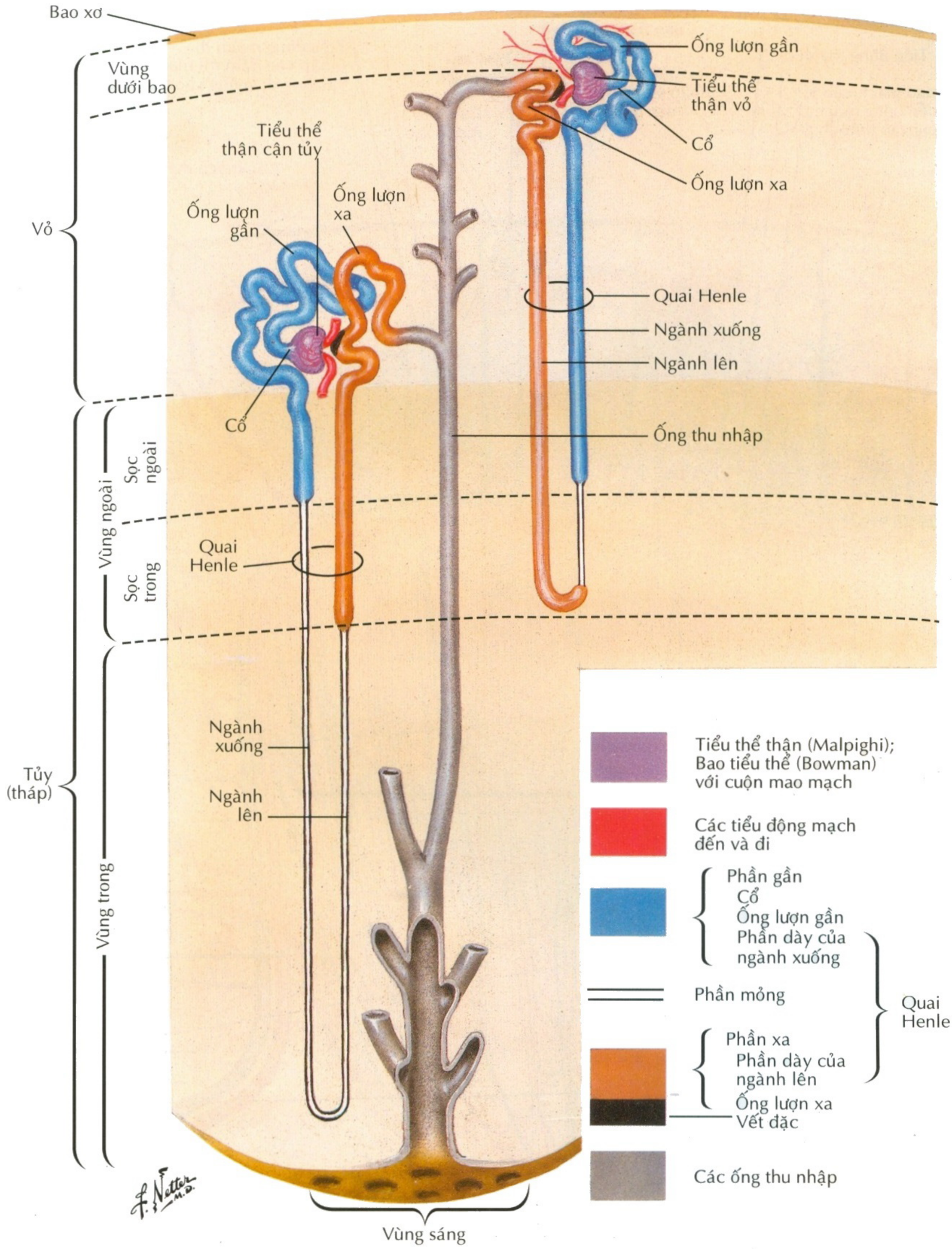


Mặt trước thận trái

Mặt sau thận trái

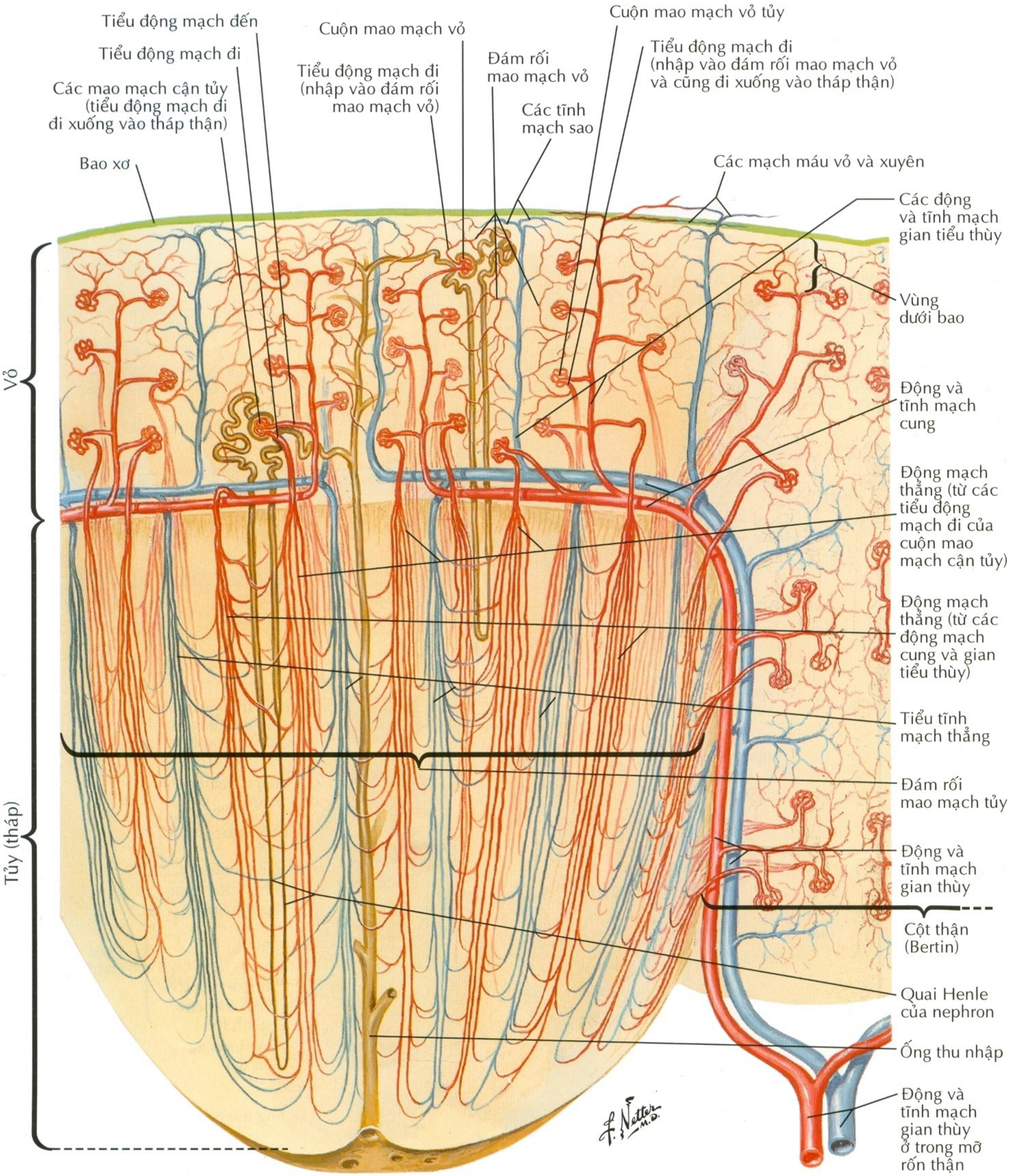
Hình 335 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**

Nephron và Ống Thu Thập: Sơ Đồ

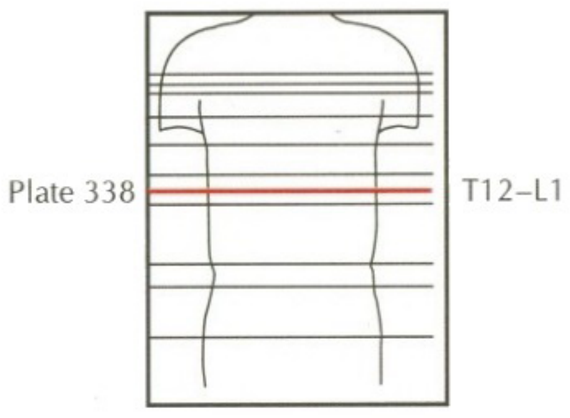


THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN **Hình 336**

4 Các Mạch Máu Trong Nhu Mô Thận: Sơ Đồ



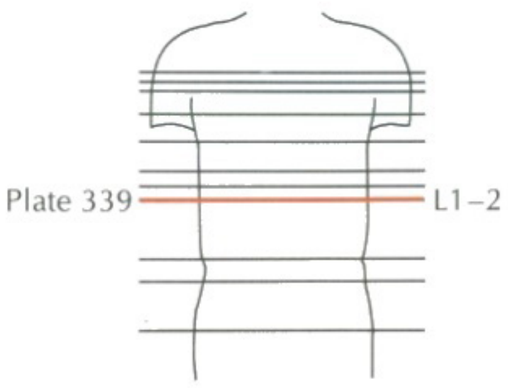
Hình 337 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**



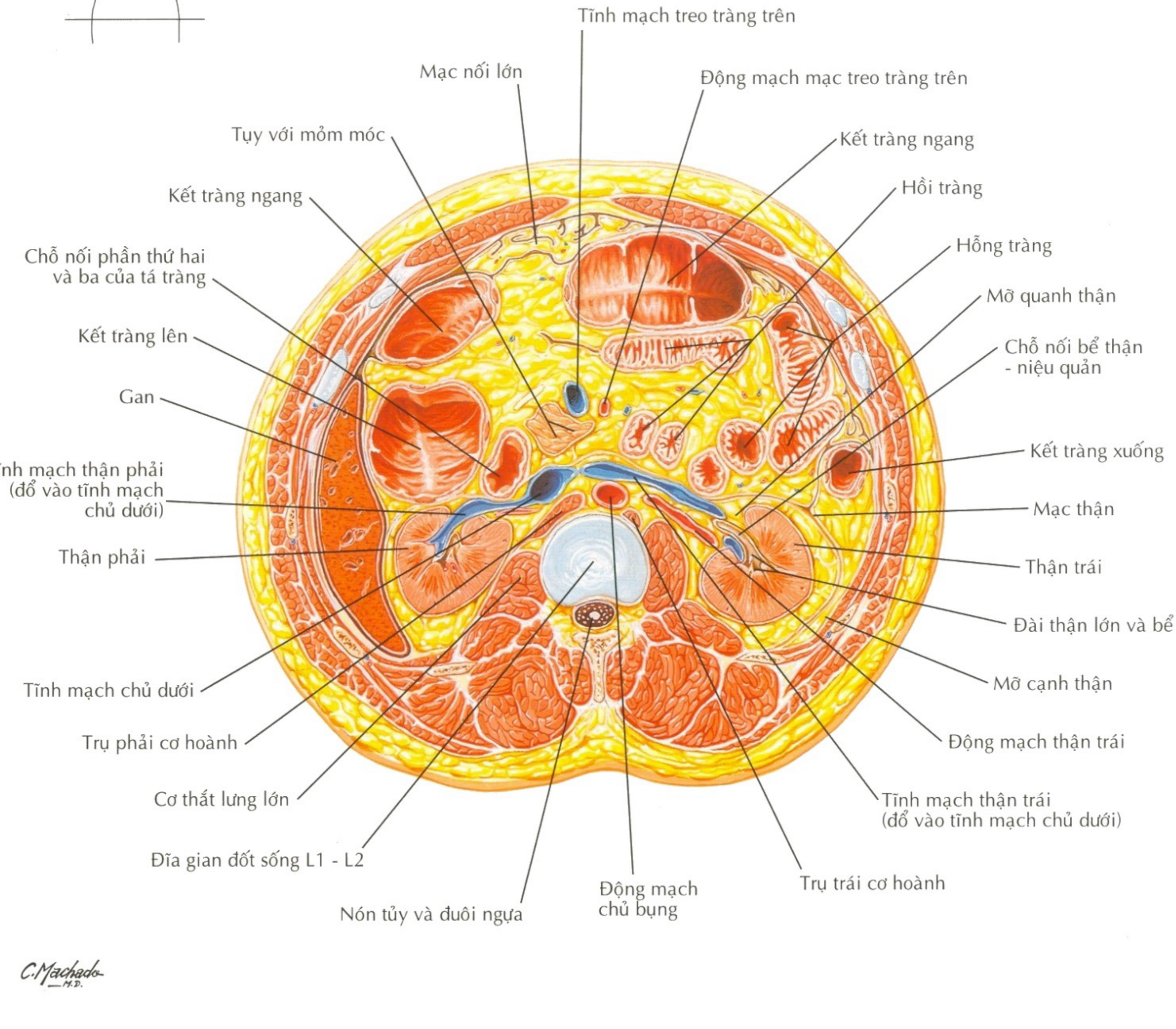
Thiết đồ ngang: Mức đĩa gian đốt sống T12 - L1

Tĩnh mạch mạc treo tràng trên (sẽ thành tĩnh mạch cửa)
Thân tạng
Tụy (đầu)
Tĩnh mạch lách
Kết tràng ngang
Kết tràng ngang
Kết tràng lên (góc kết tràng phải)
Hổng tràng
Cơ chéo bụng ngoài
Ống mật chủ
Kết tràng xuống
Phần xuống (đoạn 2) tá tràng
Tuyến thượng thận trái
Tĩnh mạch chủ dưới
Lách
Tuyến thượng thận phải
Vỏ thận
Thận trái
Cực trên thận phải
Tủy thận
Gan
Trụ phải cơ hoành
Trụ trái cơ hoành
Đĩa gian đốt sống T12 - L1
Động mạch chủ bụng
C. Machado M.D.

Thiết Đồ Ngang Bụng ở L1 - 2



Thiết đồ ngang: Mức đĩa gian đốt sống L1 - L2



Hình 339 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**

Các Niệu Quản

Xem thêm hinh 362, 363, 369

Các niệu quản ở Nam:
Nhìn trước

Thận phải
Tá tràng
Động mạch mạc treo tràng trên
Động mạch kết tràng phải
Niệu quản phải
Động mạch hồi - kết tràng
Động mạch máu tinh hoàn
Động mạch chậu chung
Động mạch chậu trong
Động mạch chậu ngoài
Động mạch trực tràng giữa
Thận trái
Niệu quản trái
Động mạch mạc treo tràng trái
Động mạch kết tràng trái
Các động mạch xích - ma
Động mạch trực tràng trên *(đã cắt)*
Thần kinh sinh dục đùi
Các động mạch bàng quang dưới và ống dẫn tinh
Ống dẫn tinh
Bàng quang

Đường đi chéo của niệu quản xuyên qua thành bàng quang
Màng nhày
Niệu quản

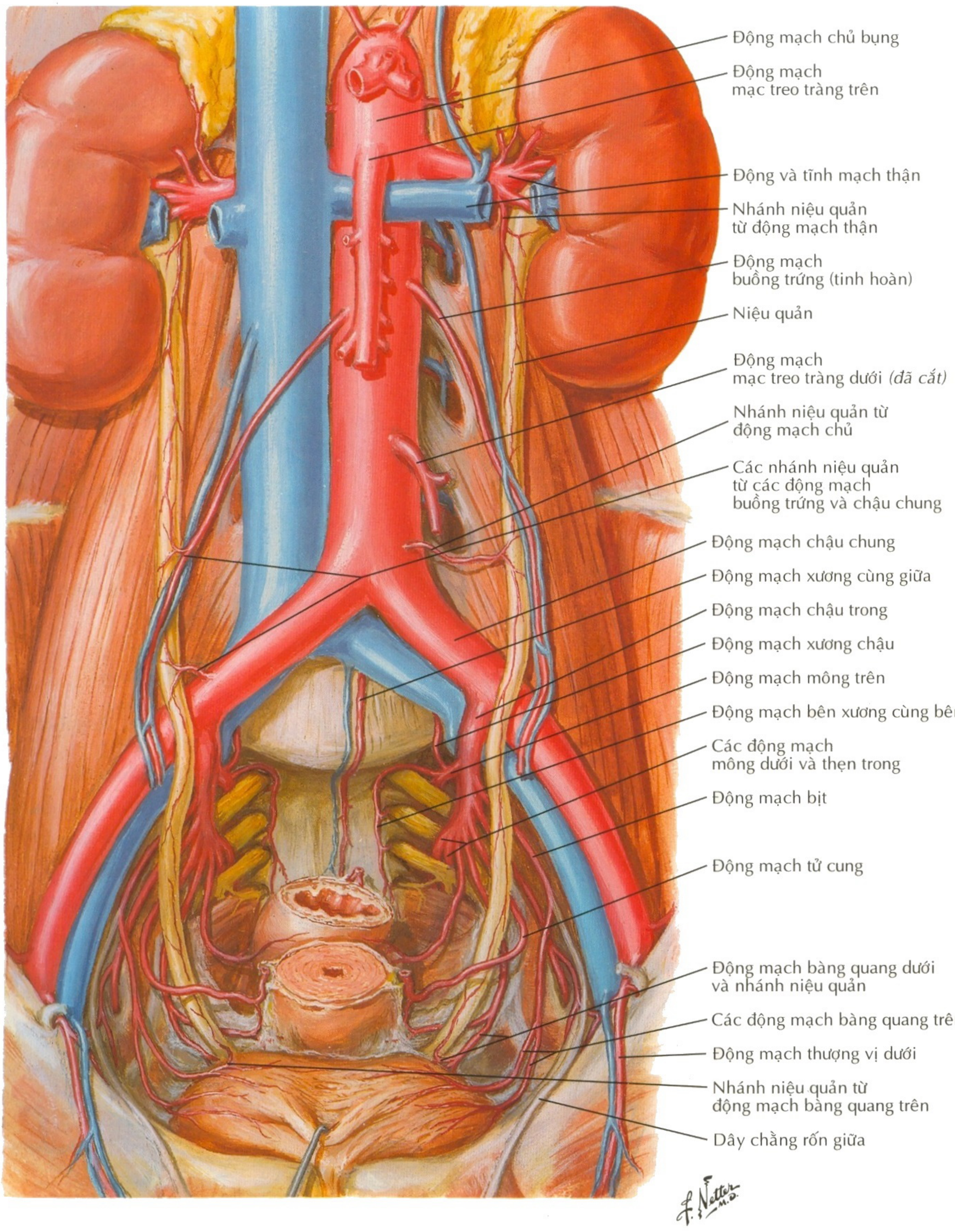
F. Netter M.D.

Bàng quang
Dây chằng rốn trong (động mạch rốn đã bịt)
Dây chằng tròn
Động mạch bàng quang trên
Động mạch tử cung
Động mạch rốn
Động mạch và thần kinh bịt
Niệu quản
Động mạch bàng quang dưới và động mạch âm đạo
Động mạch chậu ngoài
Các mạch máu buồng trứng
Động mạch chậu trong
Động mạch chậu chung
Rễ mạc treo ruột non

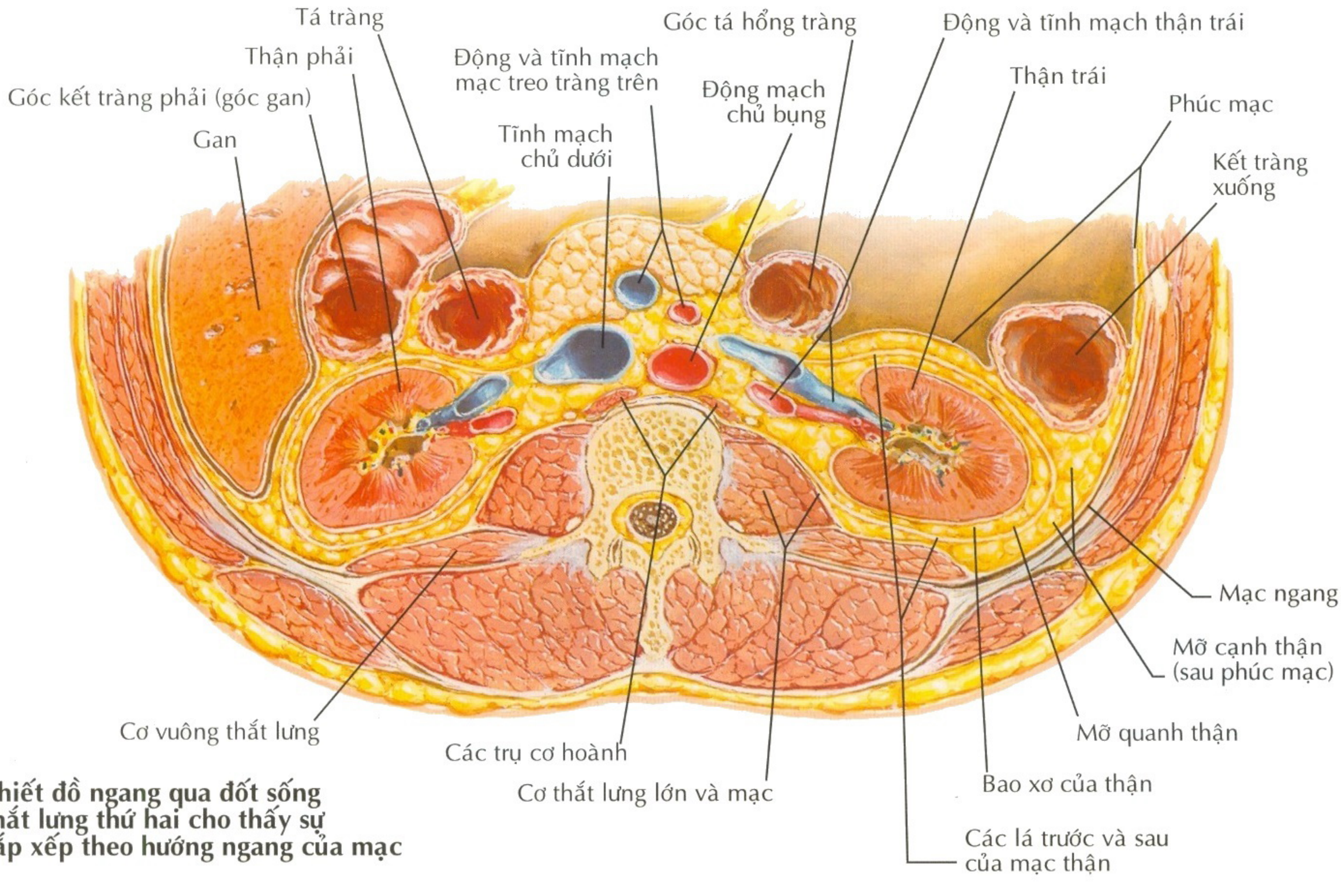
Buồng trứng
Dây chằng rộng
Nếp tử cung cùng (cùng sinh dục)
Niệu quản (sau phúc mạc)
Ngách gian xích - ma
Mạc treo kết tràng xích - ma

Các niệu quản ở nữ:
Nhìn trên

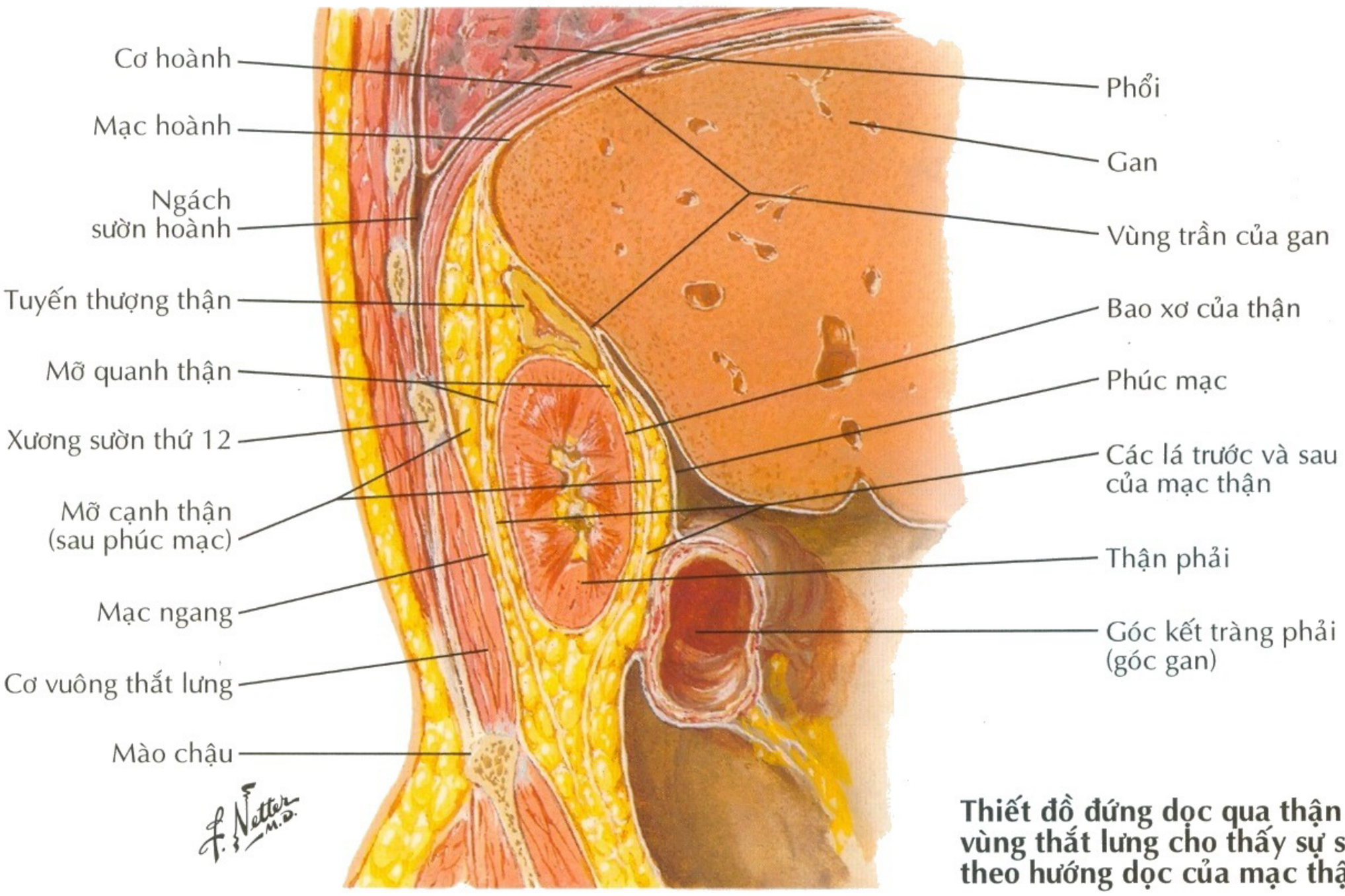
4 Các Động Mạch của Niệu Quản và Bàng Quang



Hình 341 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**



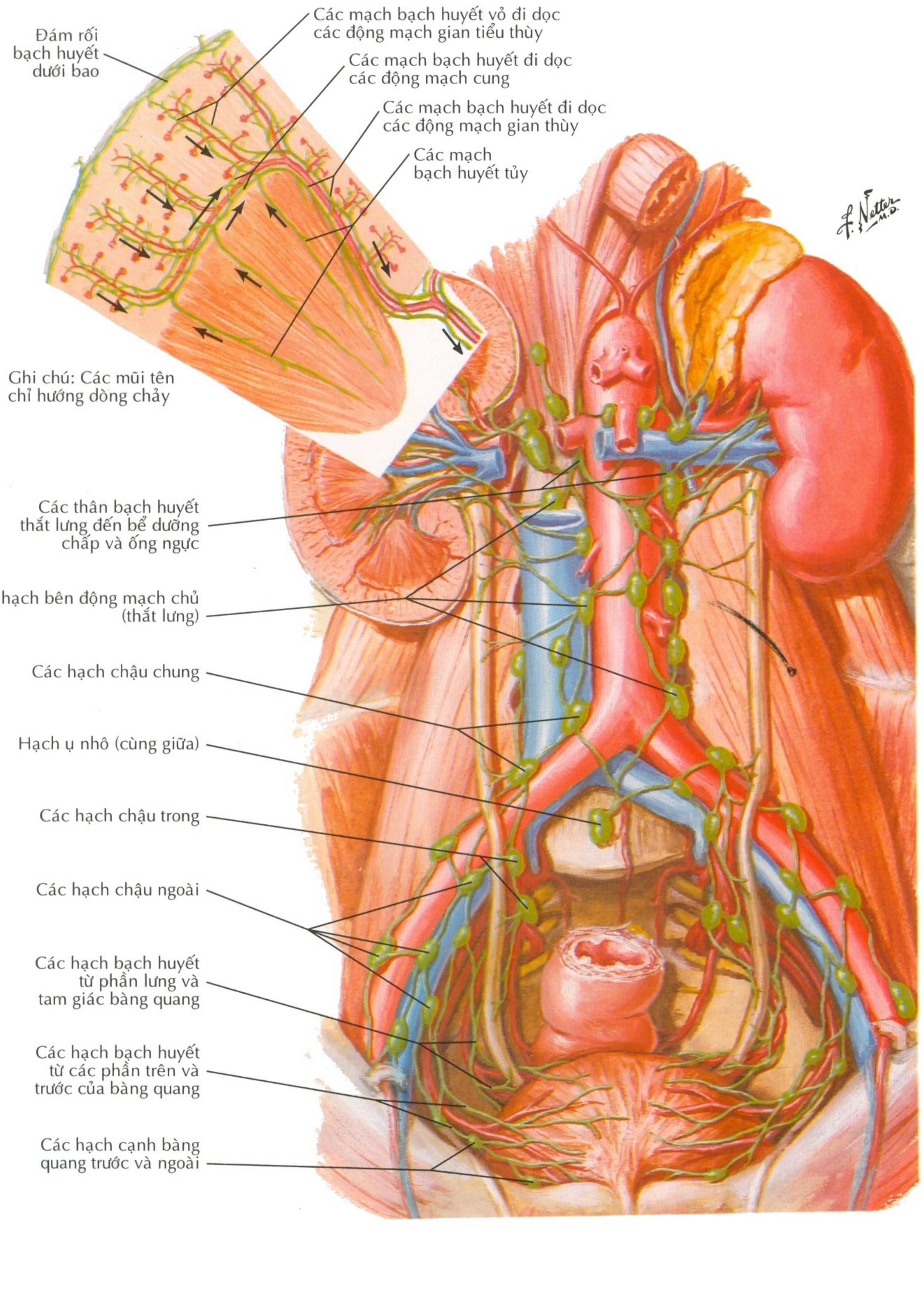
Thiết đồ ngang qua đốt sống thắt lưng thứ hai cho thấy sự sắp xếp theo hướng ngang của mạc



Thiết đồ đứng dọc qua thận phải và vùng thắt lưng cho thấy sự sắp xếp theo hướng dọc của mạc thận

4 Các Mạch và Hạch Bạch Huyết của Thận và Bàng Quang

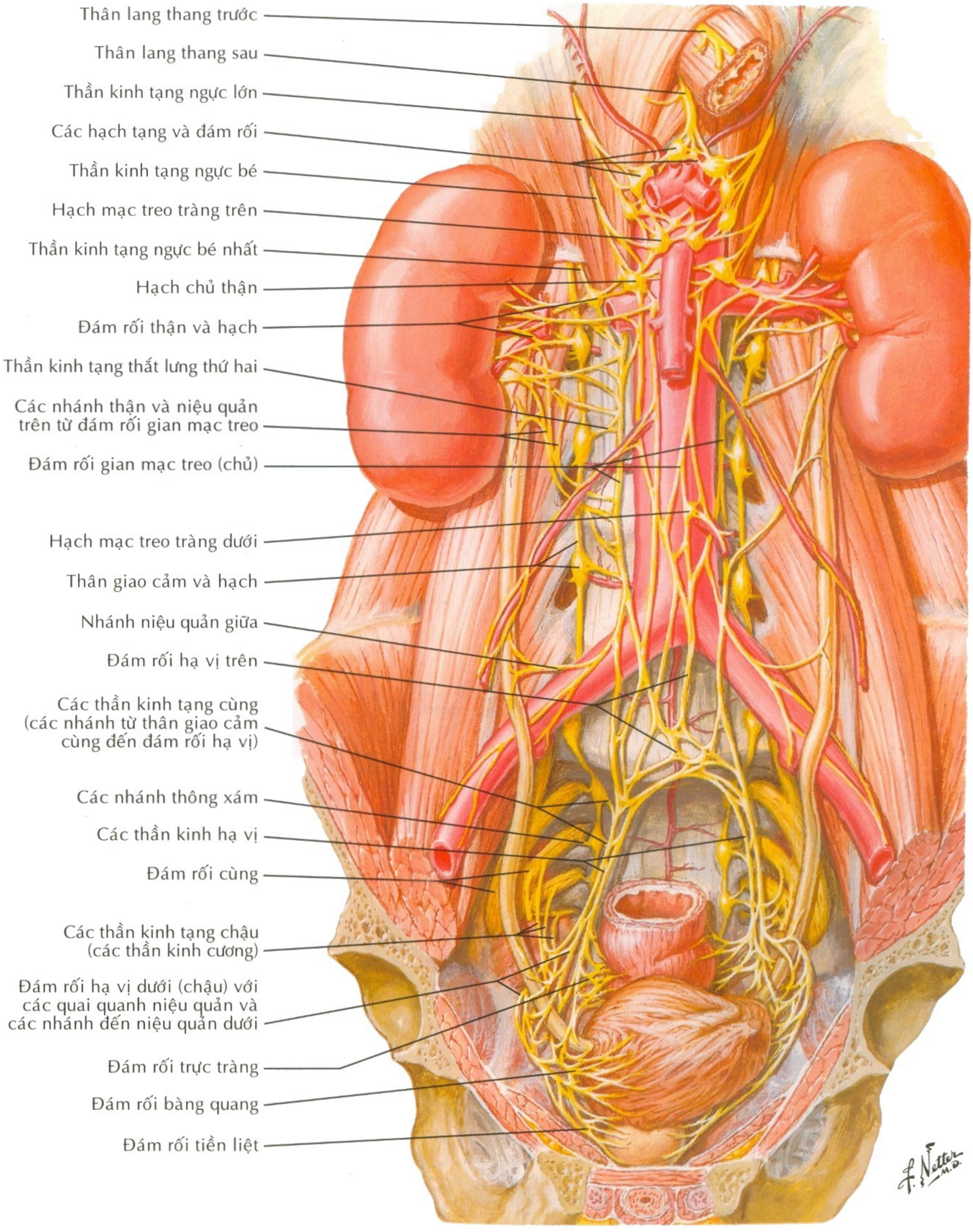
Xem thêm hình 406, 408



Hình 343 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**

Các Thần Kinh của Thận, Niệu Quản và Bàng Quang

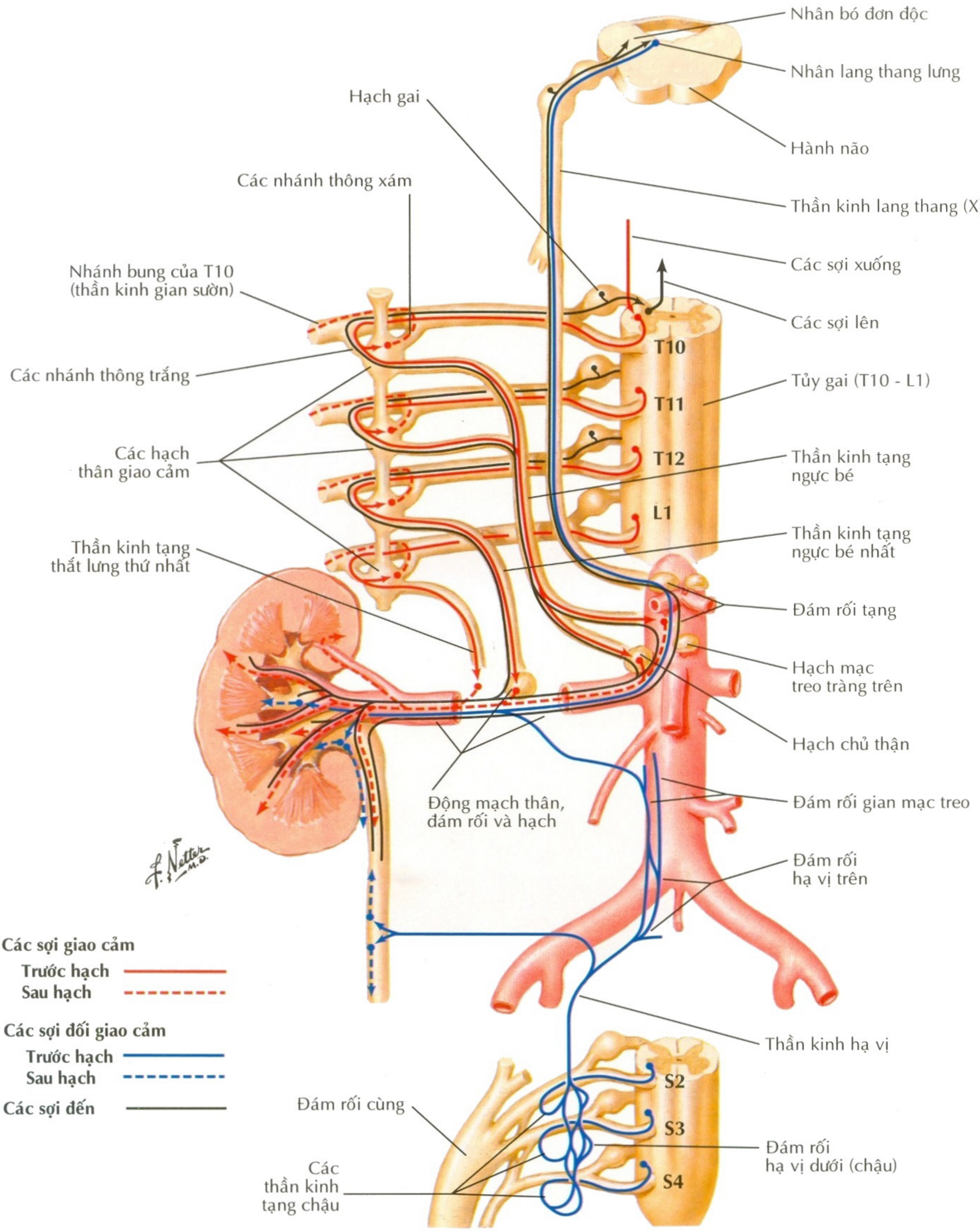
Xem thêm hình 165, 166



THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN **Hình 344**

4 Chi Phối Thần Kinh của Các Thận, Niệu Quản Trên: Sơ Đồ

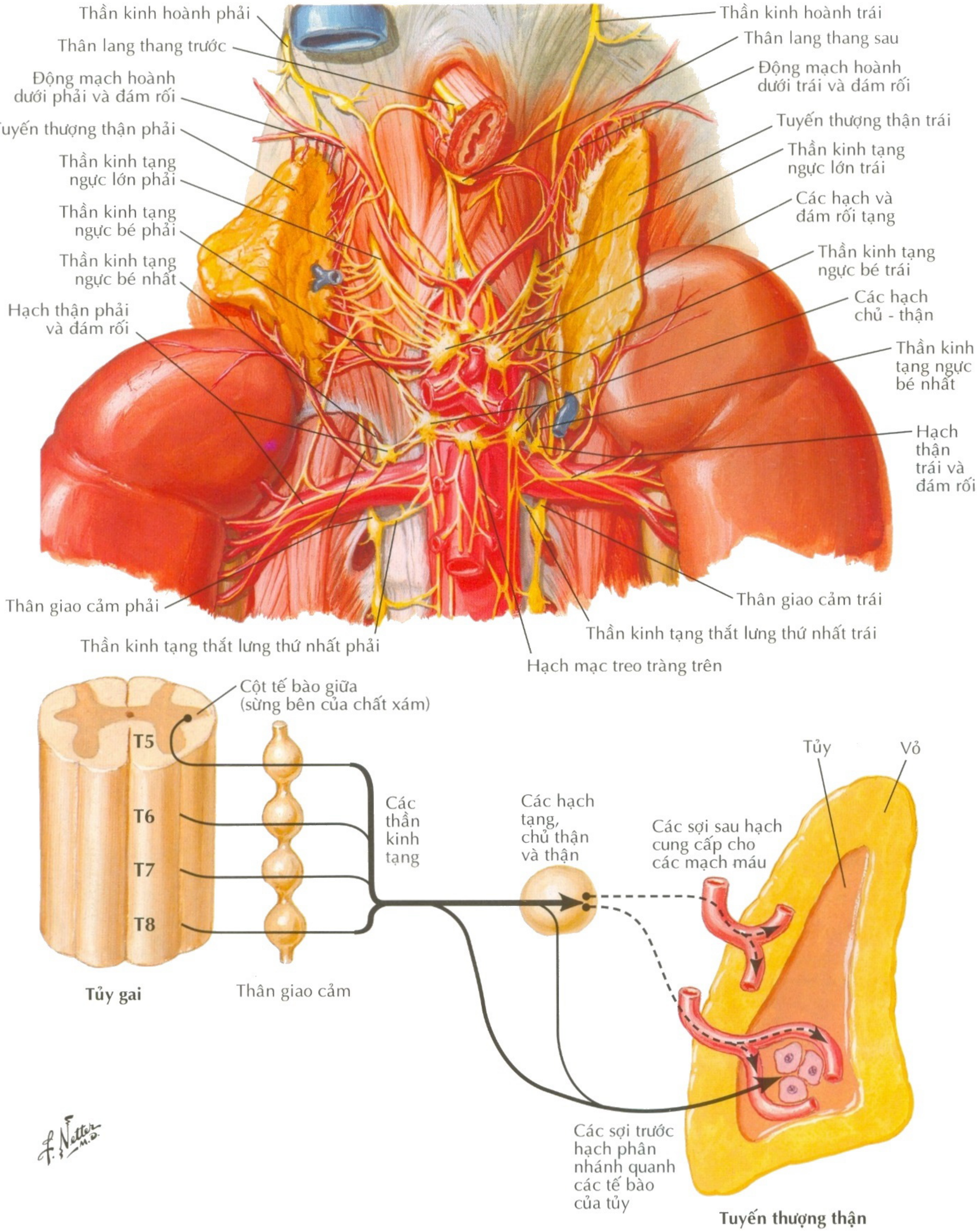
Xem thêm hình 167, 168, 417



Hình 345 **THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN**

Các Thần Kinh của Tuyến Thượng Thận: Phẫu Tích và Sơ Đồ

Xem thêm hình 165 - 168

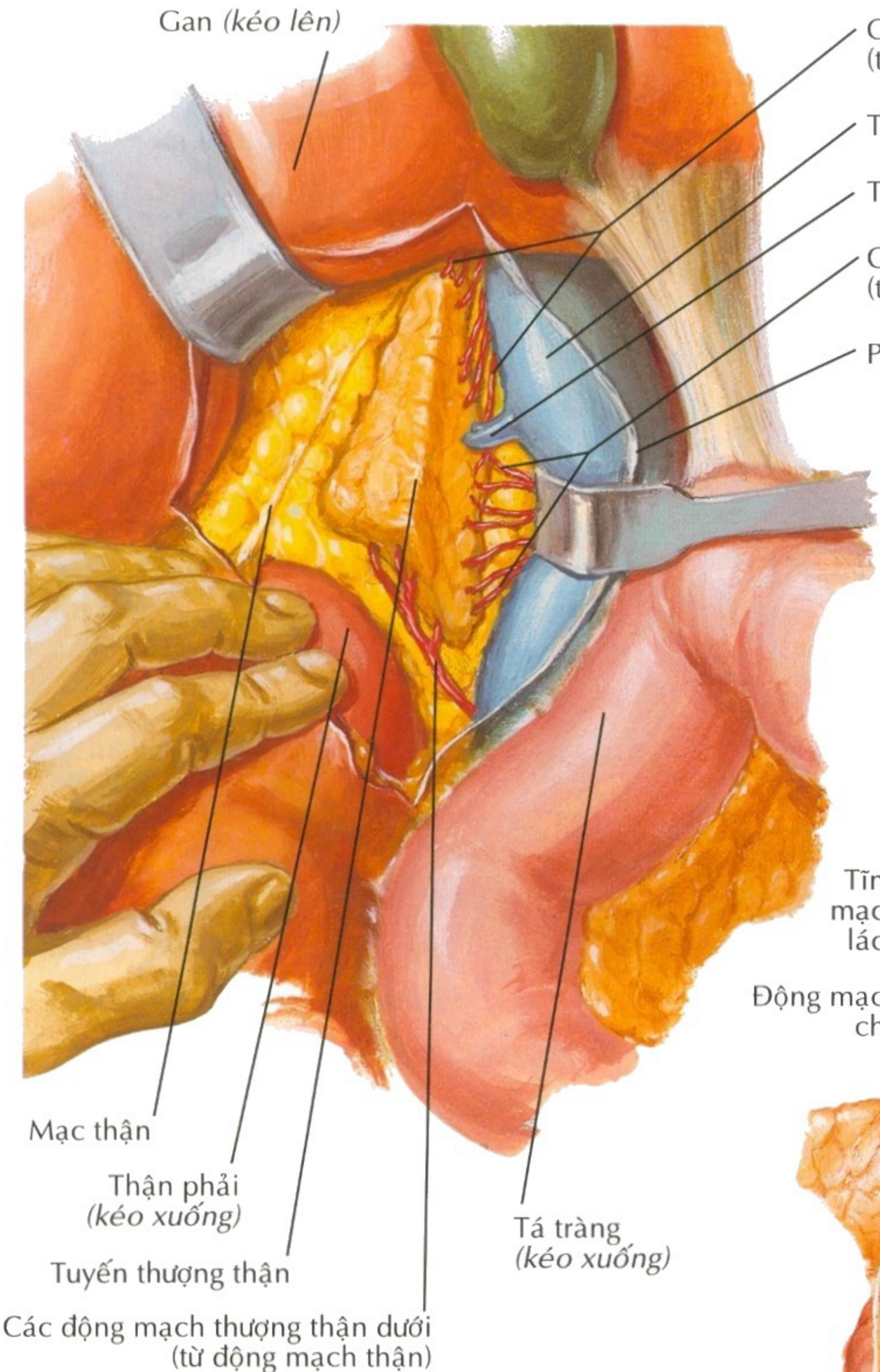


THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN

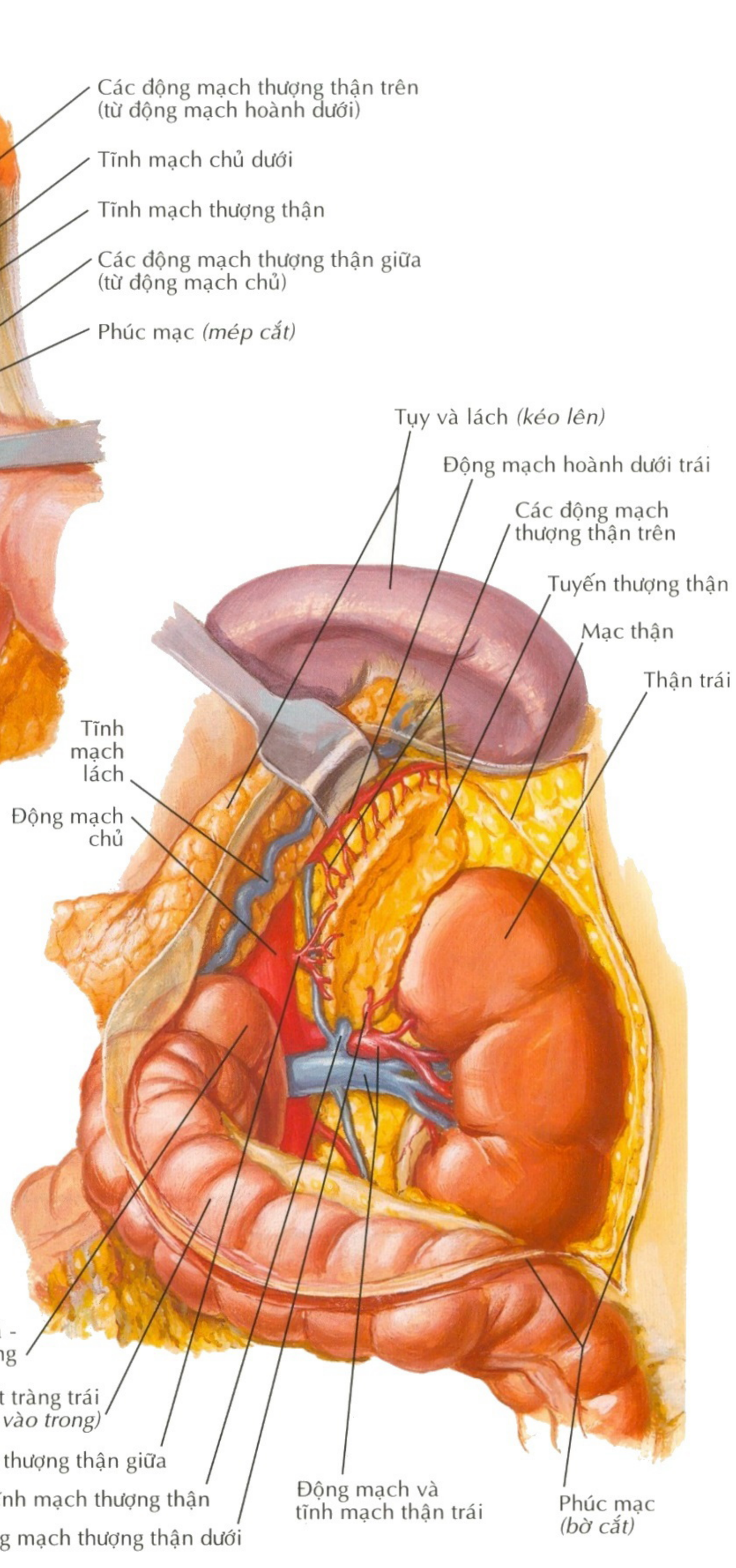
Hình 346

hinhanhykhoa.com

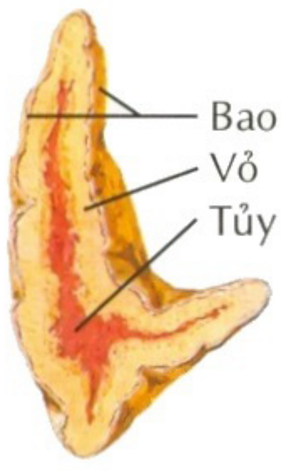
4 Các Động Mạch và Tĩnh Mạch của Tuyến Thượng Thận ở Tại Chỗ



Bộc lộ đường bụng của tuyến thượng thận phải



Bộc lộ đường bụng của tuyến thượng thận trái

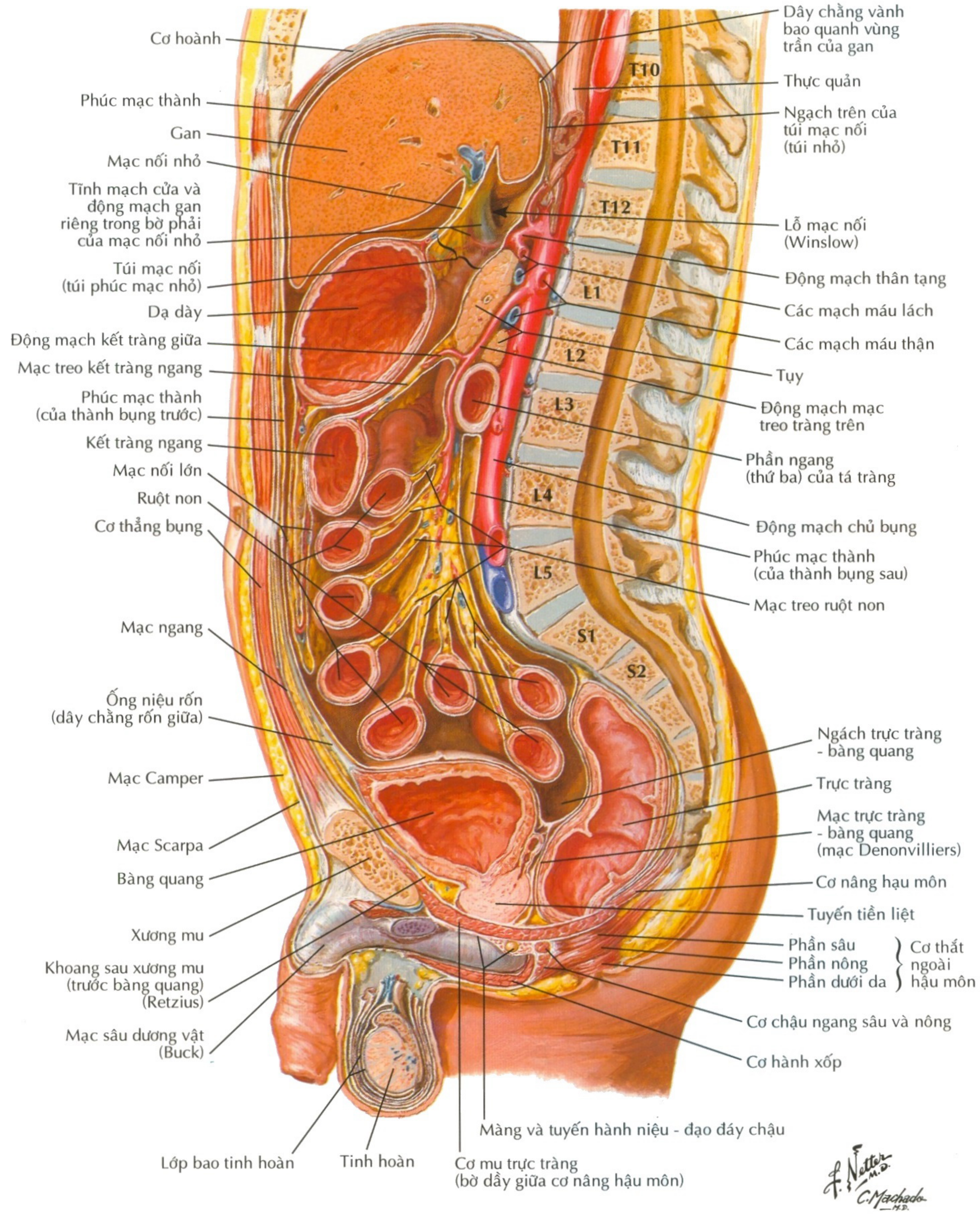


Thiết đồ ngang qua tuyến thượng thận

F. Netter M.D.

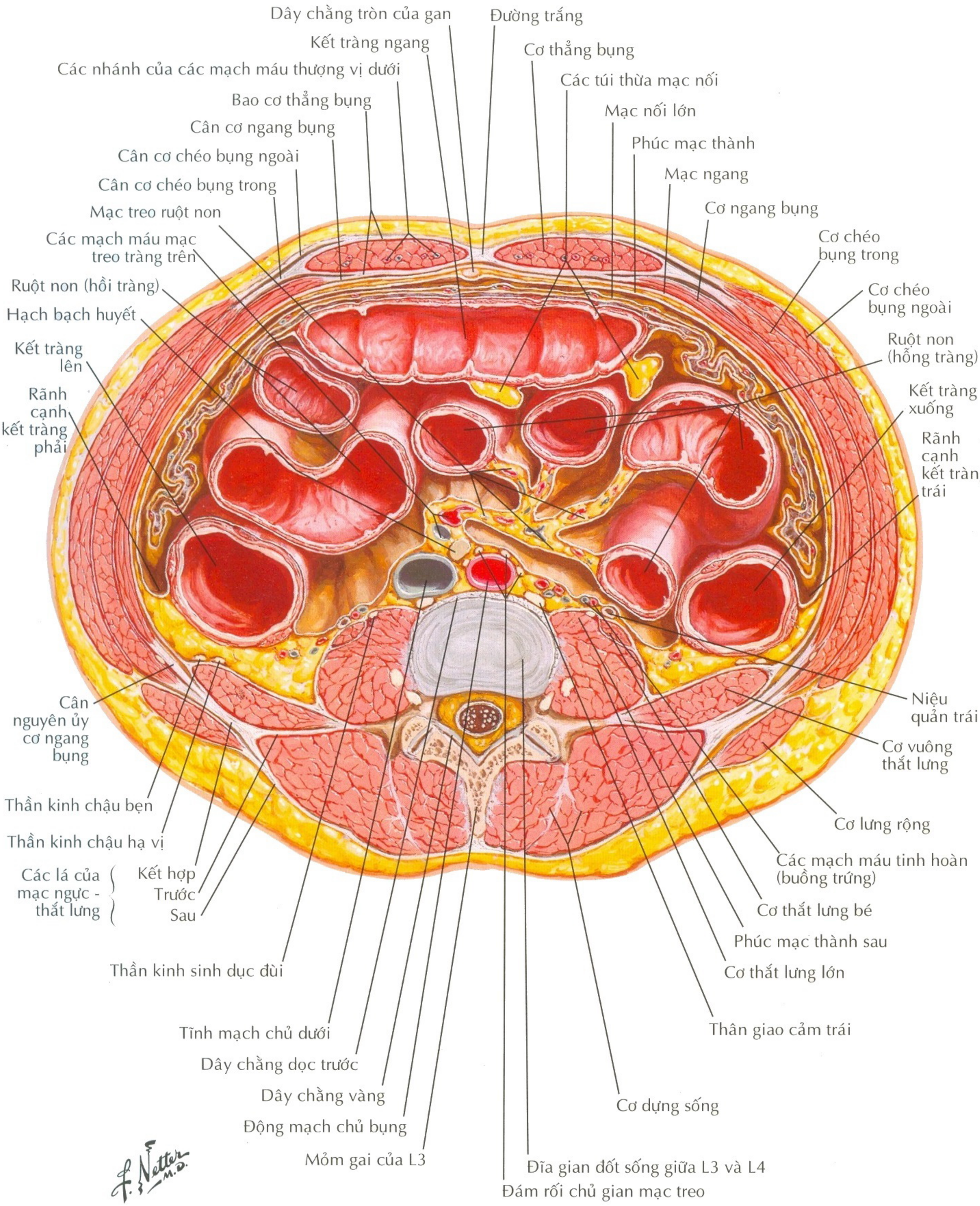
Hình 347 THẬN VÀ TUYẾN THƯỢNG THẬN

Thành Bụng và Tạng: Thiết Đồ Đứng Dọc Giữa



CÁC MẶT CẮT BỤNG **Hình 348**

4 Thiết Đồ Ngang của Bụng ở L3, 4

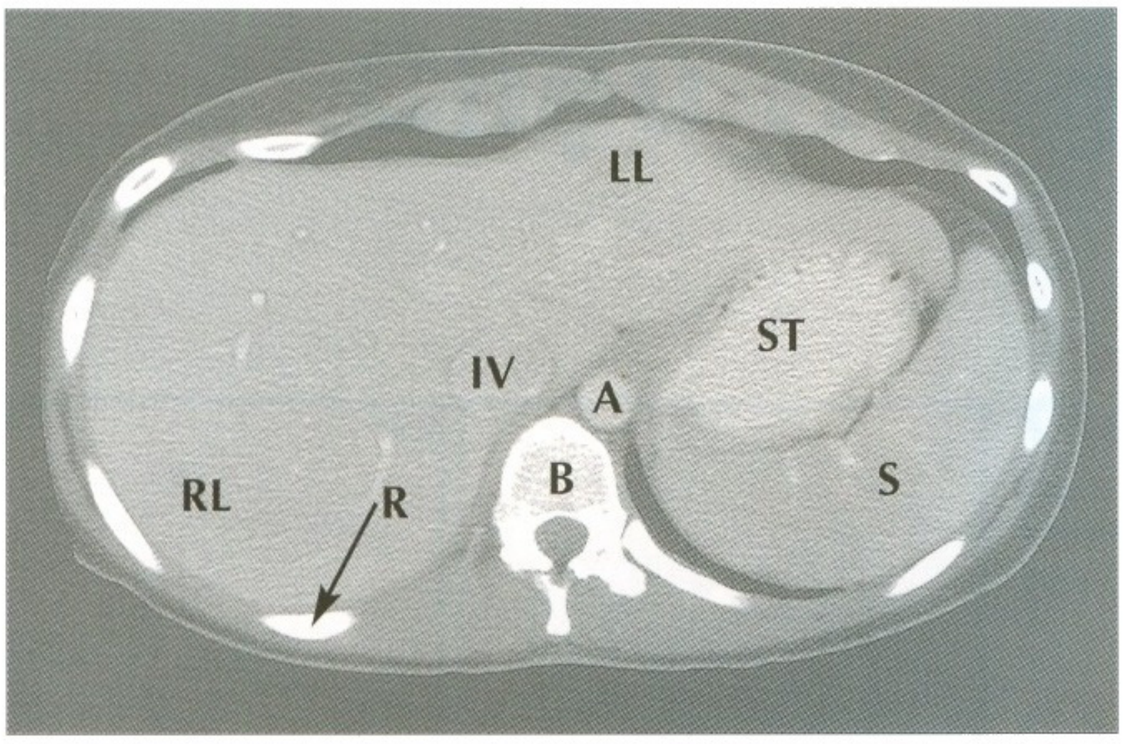


Hình 349 **CÁC MẶT CẮT BỤNG**

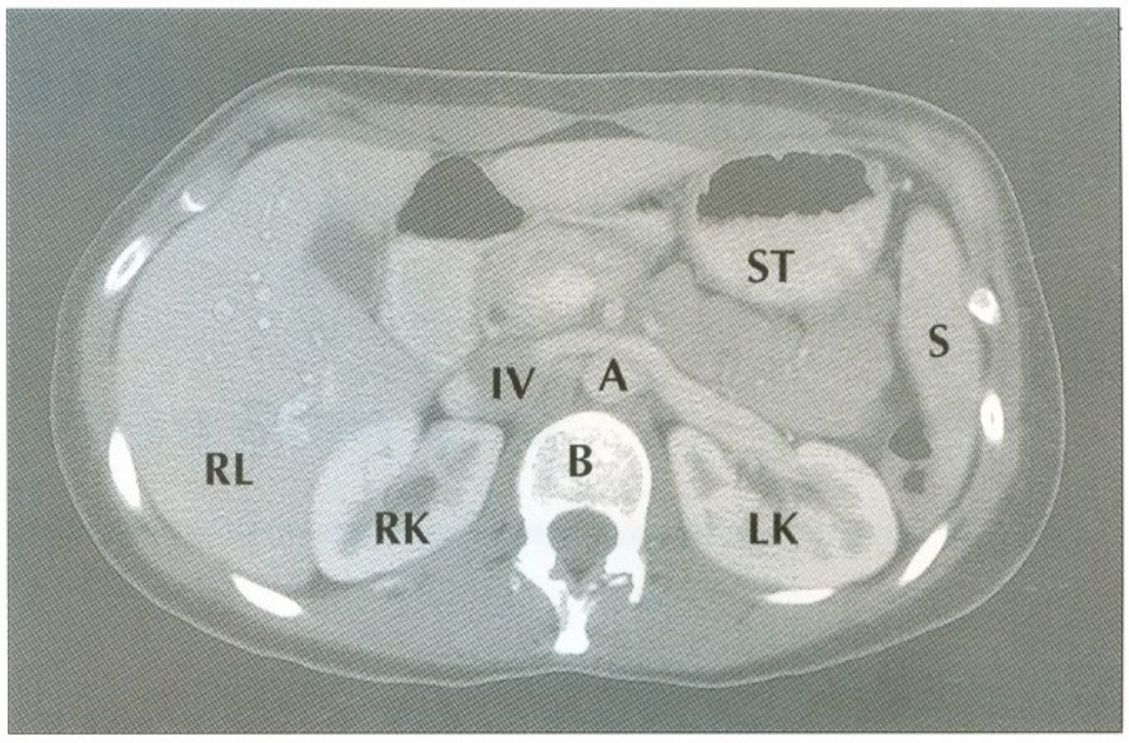
Cắt Lớp Bụng: Các Hình Ảnh Cắt Lớp Điện Toán Theo Mặt Phẳng Ngang

Loạt hình ảnh cắt lớp điện toán theo mặt phẳng ngang từ trên (A) xuống dưới (D)

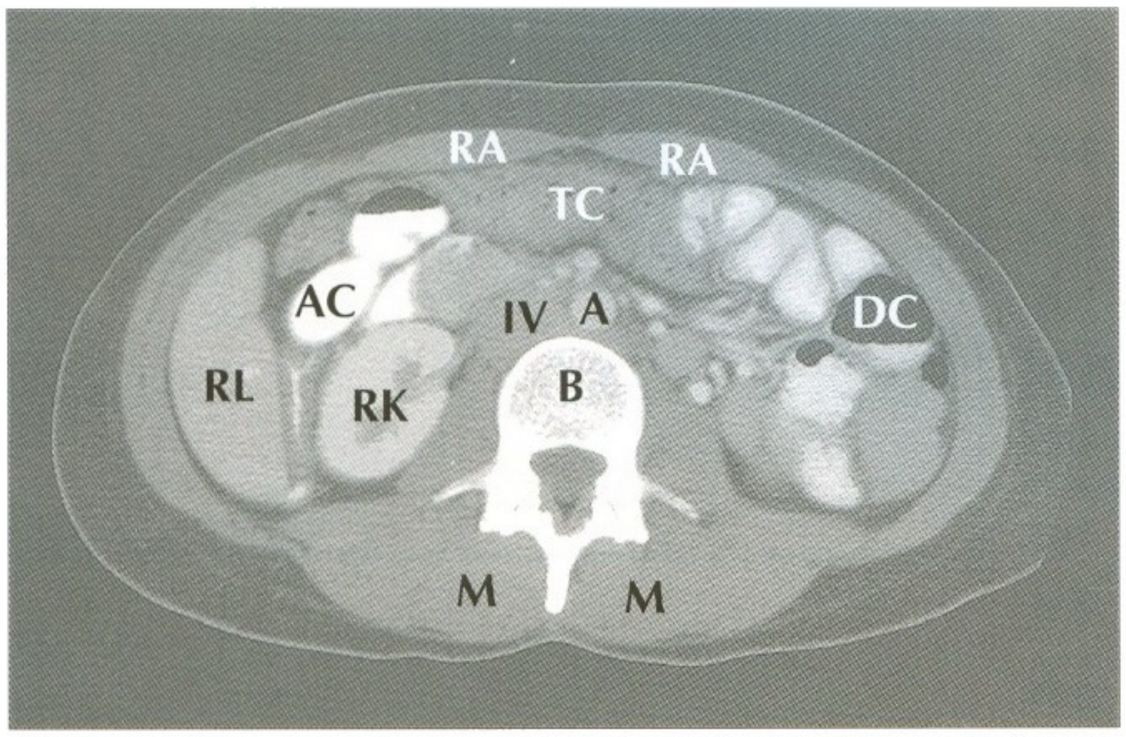
A



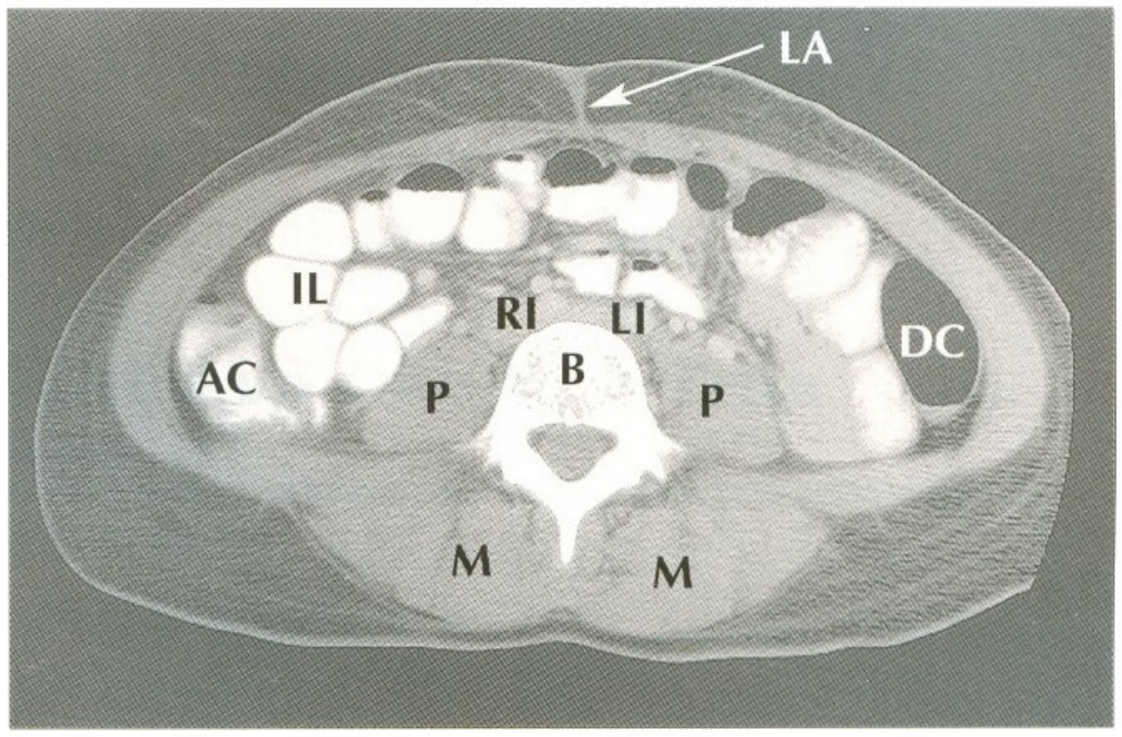
B



C



D



A	Động mạch chủ bụng
AC	Kết tràng lên
B	Thân đốt sống
DC	Kết tràng xuống
IL	Hồi tràng
IV	Tĩnh mạch chủ dưới
LA	Đường trắng
LI	Động mạch chậu chung trái
LK	Thận trái
LL	Thùy gan trái
M	Các cơ lưng sâu
P	Cơ thắt lưng
R	Xương sườn
RA	Cơ thẳng bụng
RI	Động mạch chậu chung phải
RL	Thùy gan phải
S	Lách
ST	Dạ dày
TC	Kết tràng ngang

hinhanhykhoa.com